VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

nhà phê bình đỗ long vân viết về
bà huyện thanh quan, chế lan viên
vũ trọng phụng, nguyên sa, thanh tâm tuyền

viếng mộ nguyễn du
ngụ thuyết
hà lan du ký xe đạp
mai kim ngọc
sân đền
kịch nam dao

văn
hồ đình nghiêm ● hoàng ngọc tuấn ● ấu tím
võ đình ● lâm chương ● trần trị chi

thơ
ngô nguyên dũng ● xuyên trà
khánh hà ● hoàng xuân sơn

tin văn
thế quân

208 & 209

THÁNG 8 & THÁNG 9 2003

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Revesby
NSW 2212, AUSTRALIA
Phone: (02) 9785-0460
Email: phudieuanh@yahoo.com

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2005 West Gray # F
Houston TX 77019
Phone: (713) 942-8777

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 208 & 209 ● tháng 8 &9 2003

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
ĐỖ LONG VÂN	3	thanh quan, ám ảnh hoàng hôn
ĐỖ LONG VÂN	9	bản đồ địa ngục theo chế lan viên
ĐỖ LONG VÂN	33	kỹ thuật tả chân trong số đỏ
ĐỖ LONG VÂN	42	thơ trong cõi người ta
ĐỖ LONG VÂN	44	những đồ bằng chất giẻo
ĐỖ LONG VÂN	47	khuôn mặt hay tâm sự tiểu tư sản trong thanh tâm tuyền
TRẦN VĂN TÍCH	56	chứng mất ngủ của nguyễn du
NGỰ THUYẾT	69	viếng mộ nguyễn du
TRẦN VĂN NAM	83	bố cục tập trung qua thơ n.đ. sơn
NGÔ NGUYÊN DŨNG	88	*địa cầu, những hoang mang...*
NGUYÊN HƯƠNG N.C.	90	nhân đọc nguyễn bá triệu...
MAI KIM NGỌC	95	hà lan du ký xe đạp
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	113	mất đất
HOÀNG NGỌC TUẤN	123	đừng đến sân ga
ẤU TÍM	138	đoạn cuối tình yêu
KHÁNH HÀ	148	*vườn hạ*
VÕ ĐÌNH	149	tìm cháu
XUYÊN TRÀ	151	*mùa thu và em, mộng thu*
LÂM CHƯƠNG	152	những đoản văn rời
HOÀNG XUÂN SƠN	167	*thập thành*
KHÁNH HÀ	167	*chỉ cần*
TRẦN TRỊ CHI	168	con ăn nữa nhé
NAM DAO	178	sân đền (kịch)
HOÀNG XUÂN SƠN	225	*hạ tuyền*
THẾ QUÂN	226	tin văn
VĂN HỌC	244	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2003
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2003

Thư Tòa soạn
Văn Học

Văn Học kỳ này là số đôi 208 & 209, tháng Tám và Chín năm 2003. Nhận được số báo dày dặn này, chắc bạn đọc hơi ngạc nhiên. Chúng tôi xin phép được trình bày nguyên do.

Hằng tháng, việc chuẩn bị bài vở, biên tập, trình bày, in ấn, phát hành tờ Văn Học chỉ do một hai người trong Ban Chủ trương đảm trách. Công việc giống như nuôi con mọn, không cho phép ai được rảnh rỗi trong một thời gian dài quá hai tuần. Năm nay, nhân mùa hè đến, chúng tôi xin được rảnh tay ba tuần để đi lại vài nơi, liên lạc với các văn hữu lâu nay lo việc phát hành, gặp gỡ một số bạn đọc...Vì thế, mới nghĩ tới chuyện ra số đôi để được rảnh trong tháng Tám.

Nguyên do thứ hai là từ lâu, chúng tôi đã có ý định thực hiện một số báo về Giáo sư Đỗ Long Vân, nhà phê bình văn học xuất sắc của Miền Nam (mất năm 1997 tại Sài Gòn). Tác phẩm của Đỗ Long Vân để lại không nhiều. Ngoài hai cuốn *Vô Kỵ Giữa Chúng Ta* và *Hồ Xuân Hương Nguồn Nước Ẩn* do *Trình Bày* xuất bản, Đỗ Long Vân chỉ viết một số bài khác đăng trên *Hành Trình, Đất Nước, Đại Học, Nghiên cứu Văn học, Bản tin Trình Bày*. Nhưng bây giờ đọc lại, mọi người đều công nhận Đỗ Long Vân là một nhà phê bình xuất sắc. Những nhà phê bình mà ngày nay người ta nhắc nhở như những kẻ tiền phong như Roland Barthes, Gaston Bachelard, từ hơn bốn mươi năm trước, Đỗ Long Vân đã tìm hiểu thấu đáo tác phẩm của họ, và áp dụng một cách sáng tạo phương pháp phê bình mới để nhìn vào văn học Việt Nam.

Các tài liệu quí giá về Đỗ Long Vân chúng tôi phổ biến trên số báo này, do Giáo sư Nguyễn văn Trung sưu tầm và có nhã ý dành cho Văn Học đăng tải. Xin thay mặt những sinh viên cũ của Giáo sư Đỗ Long Vân, và thay mặt bạn đọc, cảm ơn Giáo sư Nguyễn văn Trung.

Xin chúc quí bạn một Mùa Hè 2003 vui vẻ, thoải mái!

THANH QUAN HAY LÀ ÁM ẢNH HOÀNG HÔN

Đỗ Long Vân

Có gì giống nhau giữa một người đàn bà phóng túng trong thời Lê mạt và một mệnh phụ phu nhân của triều Nguyễn? Nhưng cứ nói đến Hồ Xuân Hương là người ta nói đến Thanh Quan, như cứ nói đến Racine là người ta nói đến Shakespeare. Văn học sử vẫn thích sự đối xứng và nó vẫn cố tìm những nhà văn để ghép vào những bộ đôi như thế. Hồ Xuân Hương trẻ, Hồ Xuân Hương đa tình, Hồ Xuân Hương cách mạng thì Thanh Quan già, Thanh Quan nghiêm trang, Thanh Quan hoài cổ. Theo cái bảng giá trị của thời đại, người ta hiểu rằng, trong sự so sánh ấy, Hồ Xuân Hương bao giờ cũng giữ phần hơn. Sự vồn vã của mọi người trước Hồ Xuân Hương tuy nhiên vẫn gây cho tôi một ngờ vực. Làm sao người ta có thể yêu dễ dàng như thế những vần thơ ác độc ấy? Người thiếu phụ mặt rỗ và trai lơ đã làm những sĩ phu đương thời cảm phục có lẽ không phải là cô bé nhí nhảnh mà người thời này thường xưng tụng sự hồn nhiên. Cái tài hoa ấy để lấy lẽ một ông Tổng Cóc mà cái chết chỉ làm cho nàng thốt ra một câu "Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi" đầy mai mỉa, nghĩ lại, người ta không thể không thấy kỳ. Và người ta chợt nhớ rằng con người mà ai cũng cho là dễ thương ấy như có cái nhìn của những ả phù thủy hoang đường ở Sicile, làm thiêu đốt lòng mọi vật để chỉ để lại chúng một cái vỏ sặc sỡ, cằn cỗi và méo mó. Thế giới Hồ Xuân Hương là một thế giới đã chết ở trong, và có lẽ người ta không ghét bỏ sự giả tạo ấy. Ấy là một thế giới trông đầy cám dỗ nhưng nhìn lại cho kỹ càng, mới thấy là đã bị rút ruột và rỗng như đồ mã. Thơ Hồ Xuân Hương ác độc. Nhưng sự ác độc ấy cũng không chứng tỏ gì hơn là sự thèm khát một thực chất cho mọi vật và cho chính mình. Và có lẽ tại thế mà, trong ác độc, xã hội vẫn có thể nhìn thấy trong Hồ Xuân

Hương một đứa con yêu dấu. Cho nên càng ác độc, càng thác loạn, càng chửi đời nàng lại càng được đời nuông chiều. Trong khi ấy thì sự lễ độ của Nguyễn Du, ngay đến bây giờ, vẫn còn bị ngờ vực.

*

* *

Có một thời gian để làm việc và một thời gian để nghỉ ngơi. Tiếng hát của Thanh Quan dậy lên ở giao điểm của hai khoảng thời gian ấy. Ấy là một buổi chiều trên một đỉnh đèo. Ngày chưa tắt, đêm chưa sáng, sau lưng là con dốc ngược của ngày qua và trước mặt là cái sườn thả xuống thung lũng của đêm, của thanh bình và của giấc ngủ. Nhưng trong Thanh Quan không có gì giống như tiếng gọi của sự buông thả và sự lãng quên. Họa hoằn người ta mới thấy nàng, như trong một tiếng thở dài: *"lấy ai mà kể nỗi hàn, ôn"* thú nhận sự thèm khát một thân tình. Nhưng ngay khi ấy nàng cũng không nghĩ đến nàng mà đến tất cả những người, trong bóng tối lan dần, còn vội vã trên những nẻo đường gió. Cuộc đời trong thơ nàng cũng chỉ là một hành trình vô tận trong gian khổ. Nàng là con người leo ngược dốc, là cánh chim đang gắng vượt một trời gió cuốn, và tiếng bước dồn của người lữ hành ấy không dẫn đến một nơi yên nghỉ nào. Con người Thanh Quan là con người đang tranh thủ với thời gian, đang muốn kéo dài thêm cái ngày sắp mất, đang cố sức chống trả lại bóng đêm đang cuồn cuộn lên như thủy triều. Lên tới ngọn đèo cao sau một ngày mỏi bước, nếu con người ấy có dừng chân lại, thì cũng không phải để buông mình trong cảnh vật chung quanh, mà để giữ nguyên vẹn, *"một mảnh tình riêng ta với ta"*. Ấy không phải là tiếng than của một tâm sự không có người chia sẻ mà của một cái ta kiêu ngạo đang tự khép lại trước sự đe dọa của một vũ trụ mênh mông mà nó phải đương đầu. Sự thật thì cái mênh mông ấy trong Thanh Quan không có gì đáng sợ: trước vũ trụ, Thanh Quan không hoảng hốt, không đồng lõa, cũng không sừng sộ xâm đoạt như Hồ Xuân Hương. Ấy chỉ là trời, non, nước: tất cả đều có thể đếm được, tất cả đều có thể gọi tên, cái nhìn của Thanh Quan là cái nhìn điềm tĩnh của một người đi kiểm soát một giang sơn không của mình. Không của mình nên mới có thái độ cách biệt ấy, nhưng vẫn do mình đặt danh vị, chế ngự, quản trị, nên mới có cái uy quyền của một sở hữu trừu tượng: cả thế giới sau cùng đều có thể thâu vào trong một cuốn từ điển. Thơ Thanh Quan, như Nguyễn Văn Trung đã nhận xét, làm bằng những danh từ. Cái nên thơ ấy phải chăng diễn tả một phần của ý thức của giai cấp thư lại dưới Triều Nguyễn?

*

* *

Qua thơ nàng, người ta thấy Thanh Quan là một người đi nhiều. Nàng làm thơ trong những giờ dừng bước. Mỗi bài thơ đánh dấu một chặng đường. Nhưng dọc đường có gì đã xảy ra và đã thấy những gì thì nàng không bao giờ nói đến. Hình như những chuyện ấy thuộc một thời gian không của thơ. Chỉ chiều chiều, tới trạm nghỉ, công việc hết, người ta mới thấy nàng thư thả đưa mắt nhìn cảnh vật chung quanh. Cái thời khóa biểu ấy không có gì giống sự phóng túng người ta thường gặp ở các nhà thơ xưa. Thơ Thanh Quan trình bày một thế giới cũng ngăn nắp như đời nàng. Nhưng lạ thay! cái trật tự ấy, mà cái nhìn của nàng duy trì, tiếng nói người ta nghe thấy là tiếng nói của lưu vong. Ấy là nỗi buồn tha hương, sự mệt mỏi sau một ngày đường dài, niềm lo sợ của người du khách chợt gặp hoàng hôn trên một quãng vắng. Tả cảnh Thanh Quan không đùa với sự đa sắc của cảnh. Cái mà trái lại thơ nàng đánh thức dậy trong cảnh tịch mịch của hoàng hôn là dư âm của những cố gắng, nhọc nhằn và gian khổ đã trải qua. Nàng không có gì của người du khách đi kiếm những cái lạ bên đường, cảnh vật trong thơ nàng không phải là một cảnh vật được khám phá dần trong những dị điểm bất ngờ và độc đáo của nó. Thanh Quan không đánh xáp lá cà với cảnh vật như Hồ Xuân Hương. Nàng nhìn từ rất xa và bao quát tất cả trong một cách nhìn trầm mặc. Từ quan điểm ấy, cảnh vật như lắng xuống và cái nhá nhem của chiều, gần như không còn một biệt tính nào. Ấy là những cảnh mà người ta có thể nhắm mắt để nhìn cho rõ hơn. Con sông ấy, ven rừng ấy, khu xóm thưa thớt ấy cũng giống bất cứ con sông nào, ven rừng nào, khu xóm nào, và người ta không tránh khỏi cái cảm tưởng là đã gặp nó ở đâu rồi. Những nhân vật ấy cũng thế.

Họ đã mất tất cả những gì có thể làm người ta nhớ đến họ như những cá nhân. Họ là người Tiều Phu, người Ngư Phủ, người Mục Tử viết hoa. Cử chỉ và dáng điệu của họ, khoan thai cũng như là mệt nhọc, như đã được định sẵn từ nghìn xưa, và trong cái không khí của hoàng hôn, chúng có cái trang nghiêm của những nghi lễ nhắc lại cho người ta biết cái kiên nhẫn muôn thuở của con người trong việc làm. Ngày đã qua, đêm sắp tới, trong một chốc giữa hai vực thẳm ấy, cái nhìn của Thanh Quan như ngưng thời gian lại và cho mọi vật cái mầu của thiên cổ: Tất cả trong thơ nàng như đến từ một đĩ vãng xa xôi, trong tất cả, một trí nhớ như tỉnh dậy và xôn xao tiếng vọng của những ngày đã mất. Cảm dỗ dị thường của Thanh Quan phải chăng là nàng là người thi sĩ vừa của sự trường tồn vừa của sức hủy diệt của thời gian. Nàng biết rằng thời gian sẽ xóa tất cả như trên mặt bể đợt sóng này nhô lên để những đợt sau đánh tan đi, như những tiếng chuông đuổi nhau trong

buổi chiều, như trên sân khấu những vai trò kế nhau xuất hiện, mỗi vai một lát, để rồi vai khác lại thế chân. Ý thức về lẽ biến dịch ấy trước và sau Thanh Quan đã có nhiều người diễn tả. Khác là chưa bao giờ vì thế mà nàng nghĩ rằng thế giới chỉ là một bóng ma. Trước đạo lý của những tu sĩ coi sống là một cuộc trầm luân giữa những ảo tưởng, nàng duy trì thái độ nghiêm khắc của những nhà nho. Không phải rằng nàng là một người lạc quan. Trong tương lai nàng chỉ nhìn thấy một cảnh đêm mịt mù, và có lẽ, ngay trong lúc này, đưa mắt nhìn thế giới chung quanh, nàng đã nghe dậy những đợt sóng ngầm sẽ cuốn nó trôi đi như đã trôi đi những huy hoàng của bao thời đại trước. Nhưng nàng cũng biết là quá khứ chẳng bao giờ mất hẳn và trên mọi vật ấn tích của con người sẽ chẳng có gì có thể xóa nhòa.

Tự nhiên không có trí nhớ. Ở chỗ "*cỏ cây chen đá, lá chen hoa*" người ta chỉ thấy một sự sống ồn ào và xô bồ: Đợt thảo mộc này chưa lên thì một đợt khác đã tiếp theo áp đảo và cứ thế mãi trong một cuộc đổi mới không ngừng. Nhưng ở chỗ nào con người đã qua thì tất cả đều như có một tâm hồn. Cỏ không còn thuần cỏ, trong tiếng xào xạc của nó, người ta nghe như phảng phất tiếng xe ngựa rộn ràng của một thời xa xưa. Nếu biết nói thì phiến đá này sẽ kể cho người ta nghe biết bao nhiêu chuyện? Ấy là thiên cổ thu hình trong một phiến đá, để "*nghìn năm gương cũ soi kim cổ*". Hình như mọi vật trong Thanh Quan đều trở thành nhà bảo tàng , một thư viện, một bộ óc khổng lồ để tích lũy tất cả lịch sử của nhân loại. Cái trí nhớ ấy không những Thanh Quan đã tìm thấy trong những vật mà thể tích giống như một sức chứa đựng, mà ngay trong những gì thoảng qua. Một gợn sóng, và mặt hồ như còn giữ nguyên nếp những đau thương của mấy nghìn năm trước. Trong một mầu nắng nhạt, một thoáng hương đưa, một áng mây vần, Thanh Quan nghe rạo rực cái hồn của quá khứ. Hay đúng hơn thì quá khứ đã cho tất cả một cái hồn. Nắng ngoài trời không giống nắng trên những tảng đá của một tòa thành cổ, cỏ ở Chùa Trấn Bắc không giống cỏ ngoài đồng: lịch sử đã cho nó cái vẻ rãi rầu ấy và lịch sử không phải là sự chuyển vần của tự nhiên. Cho nên Thanh Quan chê sự ngẩn ngơ của người tu sĩ chỉ nhìn thấy trong đời những ảo tưởng. Qua sự biến thiên của các triều đại nàng thấy một sự tồn tục và người ta hiểu tại sao làm quan nhà Nguyễn nàng có thể tưởng nhớ nhà Lê. Tình hoài cổ trong thơ nàng không phải là ý muốn trở về dĩ vãng mà là ý thức về sự có mặt của dĩ vãng trong dòng lưu động của lịch sử. Nàng có thể điềm tĩnh đón tiếp sự biến dịch vì trước hết, nàng tin ở sự trường tồn của truyền thống và biết rằng mọi biến cố sau cùng đều lắng xuống để trở thành:

"Nghìn năm gương cũ soi kim cổ"

*

* *

Nắng trên sườn núi ấy là tiếng vọng của ngày qua. Của ngày Thanh Quan sẽ duy trì cái ảnh hưởng ấy. Nàng không cho người ta thấy cái đang thành. Người Ngư Phủ, người Tiều Phu, người Mục Tử, trong thơ nàng, không xuất hiện đang khi làm việc mà khi, việc đã xong, trên đường về. Hình như khi ấy họ mới thực là người ngư phủ, người mục tử, người tiều phu. Hoàng hôn đã xóa đi trên dáng họ tất cả những dị điểm và không một cử chỉ nào của họ, sau những thất tán và mệt mỏi của ngày, còn là một cử chỉ thừa. Trong một không gian lắng đọng, người ta đạt ngay tới cái thiết yếu, cái căn bản, cái mật độ tối cao của mọi vật. Cho nên thơ Thanh Quan, tuy làm bằng những danh từ, mà vẫn không trừu tượng: trong nó, người ta nhận ra tiếng nói thâm trầm của đêm, của đất, của một truyền thống không có tuổi. Truyền thống ấy là cái cho cử chỉ của người ngư phủ cái nghiêm trang của nó, và người tiều phu, lom khom dưới chân núi, mang trên lưng không phải chỉ một gánh củi mà cả trái núi ấy, cả quả đất và tất cả những gánh củi của những người tiều phu đến giờ. Con người Thanh Quan đến như kẻ thừa kế của tất cả những thương đau, những kiên nhẫn, những yên lặng chồng chất từ muôn thuở. Nhưng nó cũng thừa kế một quả đất mà, từ đời này sang đời khác, sự làm việc miên trường của nhân loại đã biến thành một nguồn sống và một nơi ở. Những triều đại có thể qua, những cung điện có thể sụp đổ, những cá nhân có thể chết nhưng, mỗi khi xuất hiện trên trời của hoàng hôn, cử chỉ của người ngư phủ tung lưới ngoài bãi cát, thì người ta biết rằng sự thắng trận của đêm chỉ có tính cách tạm thời và cái không gian ấy, đã có người khai mạc và tạo lập, sẽ có những người khác đến để duy trì cho con người. Người ta thường vội vã coi Thanh Quan như một nhân vật phong kiến sống trong sự tiếc thương dĩ vãng. Sao người ta không biết rằng nàng cũng là người thi sĩ đầu tiên của sự làm việc.

Mọi vật trong Thanh Quan xuất hiện ở một độ cao nhất của chúng. Nhưng điểm tối cao ấy cũng là khởi điểm của suy vong. Trong cảnh hoàng hôn lang bang, cả không gian như tan rã và để từng mảng đắm vào bóng tối không cùng. Bóng tối càng ngày càng lớn và mọi vật càng ngày càng bị xóa mờ. Cái nhìn của Thanh Quan cố duy trì mọi vật trong những thể minh định. Nhưng sự minh định ấy cũng nhốt chúng trong ly gián và cô độc. Mấy nóc nhà bên sông ấy mới tiêu điều sao! Cái gì chờ người mục tử trên đường về là một cô thôn vắng vẻ, cái gì chờ người ngư phủ là một bến lạnh xa xôi, ở chốn chương đài cũng như trên đường

thiên lý, sự cô độc của con người Thanh Quan cũng lớn như cái thế giới mà nó duy trì. Ấy là một thế giới trật tự. Nhưng cái trật tự ấy sao mà bát ngát, trống trải, tiêu sơ. Mọi vật đều nặng chĩu, trở về mình, khép kín trong cái định nghĩa của chúng, xa cách nhau. Và người ta tự hỏi ấy là sự ly tán của một ngày tàn hay là cái hoang vu của những chiều đầu tiên trên trái đất? Tiếng nói của Thanh Quan đến từ một quá khứ rất xa. Và có lẽ tại thế mà nó làm người ta cảm động như một bất đầu.

Thanh Quan đã làm thơ khi nhà Nguyễn vào giai đoạn cực thịnh, có lẽ đã chớm dậy tiếng vọng của những giao động ngầm sửa soạn đưa lịch sử vào những con đường khác.

ĐỖ LONG VÂN

THỬ PHÁC HỌA MỘT BẢN ĐỒ CỦA ĐỊA NGỤC THEO CHẾ LAN VIÊN

Đỗ Long Vân

A. THỜI GIAN

Thời gian làm ra tất cả. Và tất cả sẽ bị thời gian chôn vùi. Như một dòng nước lũ, nó đã cuốn nước Chàm vào Thiên Cổ, và tiếng vọng của sự sụp đổ lớn ấy còn dội đến bây giờ. Ngay bây giờ, đá vẫn mòn, núi vẫn lở, những gạch chàm vẫn rụng. Âm ỉ hơn, dưới mồ sâu, thịt vẫn nát, xương vẫn rạn, máu vẫn chảy. Từ sự tiêu hao của những cây tháp cổ đến sự sa đọa của những tinh cầu, cả vũ trụ như thong thả đi vào cõi chết:

Ngày mai đây, muôn loài rồi tan rã
Vũ trụ kia rồi biến ra Hư Không

Nhưng giữa Hư Không và Thực Tại có một giới hạn. Và ở bên kia giới hạn là sự diệt vong. Cho nên cái giới hạn ấy, nếu người ta thấy mình không ngừng đi tới thì chẳng bao giờ có thể thấy mình tới nơi, và cái họa của thời gian không phải ở cái giới hạn nó đã xác định cho tất cả, mà ở chỗ là cái vận trình của nó vào giới hạn lại như không có một giới hạn nào. Tất cả xảy ra như giới hạn không thể nào đạt tới:

Ngày cứ xuân, tủy cứ nóng, máu cứ tươi
Biển Trần Gian, thuyền hồn không gặp bến
Mà sầu não, khổ đau nào ngớt đến

Ngọn lửa của sự sống sẽ thiêu đốt mãi, con thuyền đời sẽ theo sóng cồn lên mãi, và chữ "mãi" ấy là sự đau khổ của con người trong thời gian cũng như của những oan hồn mà ngay cái Chết cũng không thừa nhận để muôn thuở phải lưu vong. Thế giới làm bằng sự đau khổ, và sự đau khổ ấy là Thời Gian. Quả đất xoay chuyển. Mọi vật đổi thay. Nhưng suốt bốn mùa không lúc nào Chế Lan Viên thấy mình được yên thân.

Hình như sự tuần hoàn ấy là một âm mưu của tạo vật để trì hoãn ngày tiêu diệt. Sự hồi sinh của tạo vật, mỗi kỳ xuân đến, cũng như tất cả thanh sắc của trần thế, vừa che khuất vừa cản trở sự làm việc không ngừng của hủy lực của Thời Gian. Cho nên thi sĩ sẽ ghét mùa xuân, chàng sẽ tìm mọi cách để chấn nẻo xuân sang và, dòng Thời Gian ấy, như thấy nó đi chậm quá, chàng muốn được chôn ngay xuống một nấm mồ hoang để nơi ấy.

Lấy hơi ma chôn sống tâm hồn mơ
Luyện âm khí chuyển rung bao mạch máu.

Lại có khi chàng muốn thời gian ngừng hẳn lại để, trong một thế giới không còn xoay chuyển nữa, trên một quả đất đã trở thành một tinh cầu giá lạnh, chàng có thể thoát khỏi những đau khổ của kiếp người. Nhưng để ẩn dật trên "một vì sao trơ trọi cuối trời xa" cũng như để được chôn vùi trong một huyệt tối, cái gì Chế Lan Viên theo đuổi trên hai cực ấy của cái Chết, là một giấc mộng tiêu diệt Thời Gian. Ở bên kia Thời Gian là cái Hư Vô trong ấy tất cả đều bị chôn vùi và tiêu diệt. Thời Gian không có nghĩa gì hơn là đạt tới, giữa Hư Vô và Thực Tại, cái giới hạn ở đó, trong "một phút say sưa", thời gian như không còn nữa và người ta có thể, trong một chớp mắt, tìm lại thấy lại những mặt trời đã mất và

... bao nhiêu thế kỷ
Đã trôi trong một phút vội vàng qua

B. TRẦN GIAN

Cái tinh hoa ấy của Dĩ Vãng cũng là cái mà Chế Lan Viên sẽ kiếm ở "những giọt máu đào còn đọng lại" trong một cái sọ người. Nhưng Dĩ Vãng có nghĩa gì hơn là những ảo ảnh? Ấy thế mà những ảo ảnh ấy Chế Lan Viên sẽ yêu hơn là Thực Tại. Cái Thế Giới ma quái ấy, chàng biết rằng nó của chàng tạo lập ra trong một phút sầu bi. Sự giả tạo của nó tuy nhiên lại có sức làm chàng say sưa và, trong một phút hôn mê, đưa hồn chàng "vụt bay lên vời vợi" trên không gian, dù cái không gian ấy chỉ là một không gian "dưới hàng mi", khi chàng nhắm mắt lại để cả bầu bóng tối mênh mang lên xóa nhòa một thực tại mà thanh sắc, nếu không làm chàng chán nản, thì cũng để tâm hồn chàng nguội lạnh. Người đời lấy cái thanh sắc ấy làm một Màn Quên để lấp đi sự đau khổ của họ và tiếng gọi của Thiên Cổ là chỗ tất cả đã mất đi và đang trở về. Sự phù phiếm của nó tuy nhiên làm sao có thể thay đổi cái gì vốn là thực chất của con người?

Tại tất cả sẽ qua đi. Nhưng sự đau khổ ấy sẽ muôn đời còn mãi.

Hình như trong Chế Lan Viên, sự đau khổ là một tuyệt đối. Không biến cố nào giải thích được nó. Cũng không gì có thể làm nó thuyên giảm. Nó là chất của sự sống, và tụ lại thành tim và mạch máu của con người. Quả đất cũng do nó đúc lại. Không gian cũng thấm nhuần cái chất của nó và mỗi cá nhân

... là một lời ta thán
Của Hóa Công reo rắc xuống Trần Ai

Làm bằng sự đau khổ, con người Chế Lan Viên sa đọa giữa đời, lại chịu sự đau khổ của một cuộc sống. Nó thấy mình bị nhốt giữa một không gian đặc và dày:

Trời ơi! Chán Nản đang vây phủ
Ý tưởng hồn tôi giữa cõi Tang

Không phải Trần Gian này thiếu cám dỗ! Nhưng:

Nhạc Trần Gian không vui hồn quạnh quẽ
Rượu Trần Gian gây nhớ vết thương xưa

Tất cả những âm thanh ấy, những mầu sắc ấy, những hương vị ấy không thể làm gì hơn là thức tỉnh những đau khổ chôn vùi dưới đáy lòng thi sĩ. Lẽ dĩ nhiên đôi khi thi sĩ cũng muốn quên mình đi và ca tụng cái rực rỡ của mùa xuân. Nhưng xuân càng rực rỡ thì lòng chàng càng nguội lạnh. Sự thật của thời gian là sự diệt vong và sự rực rỡ chẳng có gì hơn là sự thất bại của con người:

Muốn vui tươi nhắc lại vẻ điêu tàn

Cho nên Nắng trời tươi có thể tung bay một thế giới đã "biến dần ra ánh sáng", cái tinh hoa ấy của Ngày sẽ nhốt chàng vào trong u tối nhất của lòng mình:

Ta vẫn thấy hồn ta buồn ủ rũ
Và cõi lòng dầy đặc bóng đêm mờ

Và cả cái bao la của Trời Xanh cũng trở nên một vùng tù hãm không có lối thoát:

Chim khách trên cành hót líu lo
Gió bay nhộn nhịp không ra lối
Hoa tàn luống cuống chẳng nên thơ

Ở bên kia Trời Xanh là chỗ nước Chàm đã khuất bóng. Và nước Chàm ấy là cái mà sự rực rỡ của mùa Xuân không thể mang lại cho chàng.

Nhưng bạn ơi! Trong bao tia nắng vỡ
Tia nào đâu rơi tự nước Chàm ta

Nắng vỡ và những điểm lập lòe ấy là ngần ấy cái miệng rách mở ra trong cái đơn thuần của Ngày để uống máu của thế giới và biến tất cả ra

ánh sáng. Có thể nói rằng Nắng trong Chế Lan Viên là một thứ Quỷ hút máu, nó đến với chàng như một cưỡng bức, vào kéo hồn chàng.

Đến những chốn êm đềm như hơi thở
Nồng tươi như suối máu lúc ban mai

Hơi thở êm đềm và sặc máu tươi ấy của gì khác hơn là của ma cà rồng? Cho nên cái êm đềm cũng như cái tươi thắm trong Chế Lan Viên sẽ thường có một vẻ khả nghi. Màu môi son ấy tô bằng máu của những tử tù, và như thi sĩ nói:

Ai trần gian không uống máu đào tươi
Không uống tận tủy xương bao kẻ khác

Nhưng tuổi trẻ rồi cũng sẽ bị thời gian uống hết máu và "chuỗi ngày xanh" cũng cứ phai nhạt dần. Nụ cười ấy, tiếng hát ấy, sắc hoa ấy là những ảo ảnh mà thi sĩ muốn xóa rập và chôn vùi, và ngược lại người đời muốn lấy những thanh sắc mượn ấy để tự giải khuây, chàng sẽ tự thiêu đốt trong đau khổ để làm xuất hiện cái vinh quang đích thực:

Vì u buồn là những đóa hoa tươi
Và đau khổ là chiến công rực rỡ

Và chàng sẽ khóc lóc, sẽ thương tiếc, sẽ mơ màng "những cảnh cũ xa xôi" cho đến khi, như một ngọn nến đốt mãi cũng phải cạn, "cả thân ta tàn với hạt châu rơi", giữa chàng và những ảo ảnh chàng theo đuổi, quãng cách thu lại chỉ còn là một giọt lệ nhỏ. Giọt lệ ấy phải chăng là một kết tinh của cái "phút chết say sưa" và tiếng hát của "hồn điên" sẽ dẫn thi sĩ tới để cho chàng "hưởng lấy một giờ không trụy lạc" trước khi "hồn rộng lan vào Dĩ Vãng xa xôi"? Mong manh như treo trên một sợi tơ mành, giữa Hư Không và Thực Tại, giọt lệ ấy, cuối một đời người tụ lại, như đáp lại giọt lệ khác, từ tận cùng của Dĩ Vãng đưa lên, một đêm nào, trong mắt người con gái Chiêm Thành.

B. NHỮNG CHẤT TRONG THÂN THỂ NGƯỜI TA

Nó là cái tinh hoa, đọng lại trong một giây dài bằng thiên cổ, của những ngày đã mất. Cái nên thơ của nó là của cái còn lại. Nhưng cái còn lại ấy có thể là một giọt lệ rơi như châu ngọc thì nó cũng có thể là những cặn bã như: thịt nát, xương khô, máu lan và tủy chảy, và cái gì Chế Lan Viên tìm ở trong chúng cũng vẫn là những "miếng trần gian" của một thời đã qua. Hình như trong những đồ thừa ấy cái tinh của dĩ vãng mới thật là súc tích. Tinh Hoa là cái gì mà cái Chết, cũng không thể nào thắng nổi. Khi trong thân thể người ta tất cả đều mục nát thì Xương là chất cứng nhất vẫn còn lại. Xương là một khoáng chất, và ở một chỗ mà

xu hướng chung là tan rã, là chảy ra và trở nên nhầy thì những mẫu thể chất rắn thành cục ấy có một giá trị lạ thường: Xương là Tinh Tú của thân thể người ta cũng như Tinh Tú là Xương của không gian, và cũng như Tinh Tú, những khúc xương ấy có thể làm thành một kiến trúc: người ta hiểu tại sao Chế Lan Viên đã có thể vũ trụ hóa một cái xương sọ để cho nó kích thước của một trời tinh tú và ngược lại, tưởng tượng cái bao la của một trời tinh tú như một cái "đầu mênh mang". Cái điểm chung giữa Xương và Tinh Tú là cả hai đều là những khoáng chất. Khoáng chất là Thể Chất tuyệt đối: Ở đó ngọn lửa sống đã tắt hẳn. Và thể chất tuyệt đối cũng là tuyệt đối của Hư Không. Cái Hư Không ấy biến khoáng chất ra một chất của Không Giới, và cái gì Chế Lan Viên tìm trong khoáng chất của Xương là cái mà chàng tìm trong những tinh cầu giá lạnh: sự kết băng của thời gian thành thiên cổ. Nhưng chừng nào trên vì sao xa nhất còn một tia sáng nhỏ, thì giữa thiên cổ và con người, sự tương giao vẫn chưa đứt hẳn. Cũng như thế, khi trên miếng xương khô nhất, người ta còn thấy "rợn trắng khí tinh anh", thì có thể nói rằng cái men của những ngày đã mất vẫn còn nguyên vẹn.

Trong Xương có Tủy. Tủy là tinh hoa của Máu, là chất sâu nhất trong thân thể người ta và nó chứa ngọn lửa sống nguyên thủy. Ngọn lửa ấy thiêu đốt người ta trong những ngày xuân, bùng lên trong những vọt máu tươi và trong mắt và làm rợn khí tinh anh trên những miếng xương khô. Sự sa đọa củaTủy là Não. Tủy được giữ kín trong xương, trong khi não là một thứ tủy ở ngoài sẵn sàng trào ra và hư thối; tủy ăn được, não là bùn và công dụng duy nhất của cái chất nhầy ấy là làm nhơ những cánh hoa tươi. Không phải ngẫu nhiên mà cái chất mà người đời thường coi là cái gốc của tinh thần, trong Chế Lan Viên, lại trở nên cái chất ô uế nhất. Não so với Tủy thì cũng như cái "sọ tràn ý thịt" so với cái "đầu mênh mang" mà đã có lần thi sĩ muốn lấp vào để thưởng thức cả một trời tinh tú.

Thịt là thể chất sống. Hay nói đúng hơn thì nó là ngọn lửa sống sa đọa trong thể chất. Nhưng nếu Chế Lan Viên ghê tởm cái thịt sống ấy thì trái lại chàng cũng ăn thịt nát một cách ngon lành. Nát nghĩa là đã chết, đã nguội, đã lỏng ra, nói tóm lại, đã trở nên hư, và hư tính ấy (mà có lẽ Chế Lan Viên sẽ gọi là âm tính) – ở đó ngọn lửa sống như tự phủ định để trở thành một mãnh lực của cái chết – là cái mà thi sĩ sẽ kiếm trong những thây ma, như một món ăn tinh thần, để "nuôi sống tâm hồn mơ": Ấy sẽ là những chất "dầm hơi ướt" và "đẫm khí tanh hôi" nghĩa là đang ở thời kỳ tan rã. Những chữ : "dầm" và "đẫm" mô tả một thể chất bị xâm nhập tới độ no và đã lỏng ra cũng như chữ "thấm nhuần" là của

một sự xâm nhập làm cho thể chất như sắt lại. Nhưng trong Chế Lan Viên, giá trị của thể chất sẽ tùy cái độ Chết của nó. Cho nên cái đặc của Xương sẽ gần cái mênh mông của những đêm sao sáng hơn là cái thịt u mê của dục vọng gần cái thịt nát của những thây ma và ngược lại sự chôn vùi trong một tối có thể giải thoát người ta một cách chắn chắn hơn là cái bát ngát của trời xanh. Mầu xanh của trời thì trong và liền. Trong và liền là những đức tính làm nên sức uy hiếp của mọi vật: ánh sáng trong và liền, nên nó cưỡng bức người ta; tiếng hát của người Chiêm Nữ trong và liền, nên nó làm cho hồn thi sĩ tê liệt khó bay cao; cũng tại trong và liền mà, giữa đêm khuya, dòng âm thanh uyển chuyển của tiếng sáo sẽ có sức giao động của những hồn ma. Nói tóm lại trong Chế Lan Viên như có một sự đảo lộn của những giá trị: cái Tinh Hoa sẽ là áp lực và hấp lực, và ngược lại, sự giải thoát, người ta sẽ tìm trong những thể chất hư.

Nhưng thể chất cũng cần được giải thoát trước đã. Và thơ Chế Lan Viên sẽ cho người ta thấy những đồ vật ghẻ lở và bị đục khoét: công việc là đập vỡ nát cái vỏ đang giam hãm chúng trong một diện tích liền. Cho nên nếu chúng có thét lên đòi người ta "cởi truồng ra" thì hẳn không phải là để ca tụng cái mỹ miều của thân thể, mà trái lại, cái gì làm nên cái mỹ miều ấy là bộ da của người ta, chàng cũng muốn lột đi nốt. Và cả phần thịt ở dưới chàng cũng muốn nó nứt ra để ánh sáng ngấm vào. Cái kín đáo của thân thể, dưới những đường cong nhịp nhàng, chàng sẽ đập nó vỡ và, như trong một cuộc giải phẫu, chàng sẽ phơi cái bên trong của nó ra. Và người ta sẽ thấy nào xương, nào máu, nào thịt, nào não đang vào thời kỳ tan rã. Sự tan rã ấy, người ta sẽ coi nó như một cách giải mê và tinh thần hóa thể chất. Và sẽ không có gì lạ nếu những thứ đáng lẽ phải làm cho người đời ghê rợn ấy, trong Chế Lan Viên sẽ là nguồn của ảo mộng, của nhịp điệu và của thơ.

D. THI HỨNG VÀ NHỮNG BIẾN HÓA CỦA TÍNH NĂNG

1. Ăn uống và khóc lóc:

Một giọt lệ nhỏ ra để tới ngưỡng cửa dĩ vãng. Một giọt máu uống vào để tìm thấy những ngày qua, để nhảy múa, để theo hồn tuôn chảy những lời thơ, và, thi sĩ không cần thúc giục:

Ta muốn thấy mi kêu gào, mi than thở
Ta muốn nghe mi khóc lóc, mi van lơn!
Ta muốn trông từ mặt mi, máu đỏ
Từ đầu mi não trắng rủ nhau tuôn

Cái oan hồn ấy, sau khi đã nếm "những miếng trần gian trong tủy cạn" sẽ theo cả một trời mưa như trút để trở thành một ngọn suối dục vọng đang trào. Ăn uống và khóc lóc, người ta thấy , là những cách làm tình với những ảo ảnh. Nhưng Lệ thì trong như ngọc mà Tủy thì tanh hôi. Mùi tanh hôi ấy cho sự ăn uống trong Chế Lan Viên cái thú ghê rợn của nó, và nếu sự ghê rợn ấy không phải là cái mà thi sĩ tìm kiếm, thì người ta có thể nói rằng chàng bị những thức ăn của mình cưỡng bức. Ăn uống trở thành "cắn", "nhai", đớp", nghĩa là một sa đọa trong thú tính. Nhưng thú tính ấy có diễn tả gì hơn là một sự thiếu rất sâu trong tâm hồn thi sĩ? Nếu lòng chàng là "huyệt hổ" thì hồn chàng là "mồ không". Cái vực thẳm hung hãn và có nhiều răng nhọn ấy, người ta sẽ gọi một cách nôm na là sự tham ăn, và ý nghĩa của sự tham ăn ấy lại càng rõ, khi người ta nghĩ đến khúc xương tàn mà một cô hồn đã lấy ra để "nút bao dòng huyết đẫm khí tanh hôi" và đến những "nguồn thơ rồ dại" mà thi sĩ giục người ta rót trong tâm hồn tê liệt của chàng. Những "nguồn thơ rồ dại" ấy Chế Lan Viên đã uống chúng trong một cái sọ dừa ứ huyết, và cái sọ ấy và khúc xương ấy và những thức ăn ấy đều có năng chức của một cơ quan tình dục. Cũng như thế, khi dưới một tháp Chàm ủ rũ, thi sĩ nằm há miệng đớp sao rơi và khi dưới những "suối trăng vàng", chàng thúc giục: "múc ào đi, trút cả xuống hầu tôi", thì cái hầu ấy, ngược lại mất là nguồn của "bể sống của nhãn quang", sẽ mở ra như một âm cung. Xa hơn nữa, thi sĩ sẽ tự coi mình như một cái mồ không thèm được ấp ủ những thây người chết và được tiêu thụ những "tủy nồng, não trắng với xương tàn". Và dưới đáy cái mồ sâu ấy đôi khi người ta thấy rụng xuống một vì sao.

2. Cái thối và cái thơm:

Nhưng nếu con người Chế Lan Viên đã có thể tự mở ra để ôm lấy những xác chết thì nó cũng có thể mở ra để

Không gian lùa vào ta chẳng rứt
Những hương thơm say đắm mộng ngông cuồng

Sự xâm nhập của ngoại giới sẽ trắng trợn hơn nữa khi bóng đêm kinh khủng chạy vào người thi sĩ như một đầu nhọn. Có vào tuy nhiên thì có ra. Ăn những xác chết làm tâm hồn thi sĩ trào ra như một nguồn thơ, thì ngược lại giữa lúc không gian lùa vào người chàng những hương thơm:

Hồn, máu, óc, tim, trong suối mực
Đua nhau trào lên giấy khúc buồn thương

Cái dòng thơ ấy sặc mùi thể chất và làm bằng những gì sâu xa nhất

trong một người cũng sẽ là một dòng thơ "đầy những điệu sầu bi, đầy hơi thịt, ý ma cùng sắc chết" và sự trào ra của nó, từ cán bút, lên mặt giấy trắng làm người ta nghĩ đến chất "não bùn nhơ lẫy lụa cả hoa tươi" nhỏ xuống từ một cái đầu mới chặt. Nếu ăn xác chết là một cách tìm lại nguồn thơ thì sự làm thơ cũng là một cuộc bạo hành. Cán bút ấy xuất hiện trên tờ giấy trắng như sự đe dọa của một cưỡng bức, tiếng bút ấy reo lên như tiếng kiếm trên đầu người tử tội và mỗi câu thơ viết ra là một nhát chém trên "Hư Vô muôn nghĩa với muôn tên". Vẫn sự làm tình ấy với Hư Vô và những ảo ảnh của nó, và

Tiếng bút đưa rợn mình như tiếng kiếm
Nạo những thành sọ trắng của ma thiêng.

tóm tắt, trong một âm thanh ghê rợn, mối tương quan mật thiết, trong Chế Lan Viên, giữa Tình Dục, thi ca và án mạng.

3. Nhạc và thép:

Giữa tiếng ngân dài của "điệu nhạc vang trong tiếng kiếm" và mũi nhọn đâm mau của "tiếng gươm đưa thấu não cân ta", cái âm thanh ghê rợn ấy xuyên vào thính giác như một con dao trở mình trong vết thương. Nó trái tai và nghịch tự nhiên như "những điệu cười như tiếng khóc" của một cái sọ người thành tinh, của đứa trẻ thơ không biết khóc, của cái đầu lâu dưới đáy mồ và có lẽ, trong sự dở dang ấy, nó làm chứng cho sự thất bại của những năng lực bị chôn vùi trong sự đi tìm một cách diễn giải nhịp nhàng.

Ngày cứ Xuân, tủy cứ nóng, máu cứ tươi
Bể trần gian thuyền hồn không gặp bến
Mà sầu não khổ đau nào ngớt đến

Ngọn lửa Xuân ấy đập trong tim như muốn vỡ, bùng lên trong mắt và đôi khi, trong một tiếng than, làm nổ hầu thi sĩ. Cũng như thế, con voi Chàm, tù hãm trong một không gian sầu muộn, muốn, trong một tiếng thét, "làm muôn tinh cầu toang vỡ dưới trời thanh". Tham vọng của Chế Lan Viên, tuy nhiên, là biến cái năng lực phá hoại ấy thành âm nhạc. Ngọn lửa sống trong hầu có thể trở thành tiếng hát, cũng như trong mắt nó có thể kết tinh thành một giọt lệ nhỏ[1]. Sức mạnh thực thường nhịp nhàng. Yên thì nó tụ lại trong những bước "oai hùng, lặng lẽ, nặng nề" của đoàn voi trận, trong "những chiến thuyền nằm mơ bên sông vắng", trong "những lâu đài lặng ngủ dưới sương mờ". Và còn gì đẹp hơn là giấc ngủ của sức mạnh? Không phải cuộc sống ngừng trệ của những trưa đơn giản trong ấy, sau này, có lẽ thi sĩ sẽ tìm thấy một kiểu của hạnh phúc, nhưng sự tương thuận ấy giữa sức nặng và chiều cao, giữa

vật lực và ý chí của con người, giữa chân trời và cái ở đây. Sức mạnh ấy, khi nó vùng lên, thì máu gào, loa vang, ngựa hí, chuông rền: thoạt tiên là những âm thanh xô xát của chiến trường, nhưng trong tiếng chuông rền ngân dài, cảnh loạn âm ấy sẽ chuyển mình dần sang cái tưng bừng của một khúc đồng ca: cái nhiều trở thành cái một, cái đoạn trở thành cái tục, sự hung hãn trở thành âm nhạc và thành Đồ Bàn trở thành "nơi vang lừng tiếng hát vạn quân Chiêm". Cái rực rỡ của những thể tương nghịch trở thành sự thống nhất trong Vinh Quang. Nhưng cái Vinh Quang ấy, Chế Lan Viên đặt nó trong một dĩ vãng không thể vãn hồi và giờ duy tiếng sóng réo là đôi khi còn nhắc lại cho người ta nghe cái nhịp trầm hùng của nó.

Giờ thì những cuộc chinh yên đã nhường chỗ cho "cảnh pháp trường u uất khí tanh hôi". Sự say sưa của tranh đấu nhường chỗ, dưới tiếng gươm đưa, cho cảm giác ghê rợn của cái chết gần kề. Máu vẫn chảy, đầu vẫn rơi, gươm vẫn réo. Nhưng tiếng gươm thấu não ấy cưỡng bức người ta đến tận cuối tâm hồn, dòng máu ấy "làm ghê tởm cả muôn loài" cái đầu ấy là một cái đầu ứ thịt, và nó nhỏ xuống những giọt "não bùn nhơ lầy lụa cả hoa tươi". Trong cái chất nhầy ấy lẽ dĩ nhiên sẽ không còn gì của cái rực rỡ của dòng máu anh hùng, và cái gì mà tấn tuồng của tội ác trong ấy thi sĩ giữ vai vừa của tên đao phủ vừa của người tử tù và đôi khi vừa của khán giả, như một đêm mưa nào, để mua một phút rởn kinh hồn, chàng gọi một hồn ma về để xem nó quằn quại van lơn.

4. Ma lực của cái lạnh:

Như người ta thấy, Chế Lan Viên không phải là thi sĩ của cái ghê rợn, mà cái ghê rợn ấy, chàng còn tìm cho chàng nữa. Nếu con mắt chàng là nguồn của "bể sống của nhãn quang" thì, như một cơ quan lưỡng năng, nó cũng là chỗ để cái ghê rợn ấy xâm nhập và truyền vào hồn thi sĩ những "phút mộng kinh hồn, mơ dữ dội". Hình như những ảo mộng ấy, ngọn lửa sống trong người chàng, tự nó, không thể nào tạo ra, và nếu chàng đã từng

... áp sọ người vào ngực nóng
Truyền những nguồn sinh khí của thân ta

để làm một cỗ xương khô sống lại và gào thét, và quay cuồng thì để:

... cho hồn ta đỡ được phút u sầu
Cũng quay cuồng, múa may và nghiêng ngả

cái năng lực cần thiết, chàng lại cho những điệu múa ghê rợn của cái sọ người điên loạn truyền lại cho. Ngọn lửa sống có thể truyền lại sự

sống, nhưng nguồn của ảo mộng, của nhạc điệu và của thơ, như người ta thấy, lại là cái ghê rợn và cái ghê rợn, trong những thức ăn của cái chết cũng như trong cái sọ người vừa được tiếp sinh lực, trước hết bắt nguồn từ sự sa đọa của ngọn lửa sống nguyên thủy. Cho nên thế giới Chế Lan Viên sẽ là một thế giới của cái lạnh nghĩa là đã thuộc âm. Âm tính tự nó không có và cái gì làm nên âm tính trong những chất còn lại của những thây ma, là ở đó ngọn lửa sống, tuy đã sa đọa tới cùng cực, vẫn còn có ở mức độ tối thiểu, và mãnh lực của âm tính sẽ tùy theo độ suy giảm của sinh lực. Khi sinh lực đã tắt hẳn thì người ta có đá, có bùn, có rãi, có hư không. Nhưng nếu cái sinh lực ấy chỉ nguội đi thì cái lạnh ấy sẽ làm ra cái ghê rợn của cái sọ người múa may theo một năng lực mượn của cũng như của trăng mà ánh sáng là một ánh sáng mượn của mặt trời.

5. Trời ở dưới:

Nhưng tới một độ nào thì cái năng lực mượn ấy không thể đồng hóa được nữa, và đáng lẽ theo hồn ta tuôn chảy những lời thơ, nguồn cảm hứng nó mang lại sẽ đột khởi như một sức mạnh xa lạ:

Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng
Lạnh như Hồn u tối vạn yêu ma
Hồn của ai trú ẩn trong đầu ta
Ý của ai trào lên trong đáy óc

Cũng như Rimbaud, Chế Lan Viên chợt khám phá rằng "Tôi là ai khác" và "Người ta nghĩ ra tôi". Nhưng nếu trên trực giác ấy, Rimbaud đã muốn lập ra một thuyết mới về thi hứng thì Chế Lan Viên lại sợ hãi như trước một sự tước đoạt âm hồn. Ai cười trong tiếng cười của thi sĩ và ai khóc, khi chàng khóc? Nếu chàng đã ăn xương và uống máu của người khác để tìm ra âm điệu, thì giờ, như một kẻ đang bị trục xuất ra khỏi mình, chàng thảng thốt kêu:

Biết làm sao giữ mãi được ta đây

và cũng không còn biết rằng cái mãnh lực đang muốn bùng lên, phá thân thể chàng, nhảy ra ngoài, thúc giục chàng gào thét, lăn lộn, quay cuồng có phải là của chàng không; tại Ta đâu còn là Ta, khi "máu vẫn chảy theo nhịp cuồng kẻ khác". Trong con người chàng, cái phi ngã đã hoàn toàn làm chủ, để:

Thịt cứ chiều theo thú dục chua cay
Mắt theo rõi tinh hoa bao mầu sắc

Và cả Linh Hồn chàng, trước sự thôi miên ấy của ngoại giới, cũng chỉ biết đi tìm Chán Nản với U Buồn, nghĩa là tự buông xuôi:

Để đỉnh sọ trơ vơ tràn ý thịt

Cả không gian đã bị xâm đoạt tới góc cuối cùng của nó, cái ý tưởng cuối cùng cũng đã bị chôn vùi và người ta hiểu rằng cái không gian thịt ấy chẳng có gì giống cái không gian êm đềm và sặc máu tươi mà đã có lần nắng, một tia nắng trong kẽ lá, đã dẫn thi sĩ trở vào. Nắng là một hấp lực, cái lạnh trái lại như có sức xâm nhập, nhưng ánh sáng vẫn là một ánh sáng cưỡng bức: nó xuất hiện như cái thể không làm sao đồng hóa được của cái phi ngã, và, ngược lại cái lạnh của thịt nát mà thi sĩ vẫn lấy ăn để "nuôi dưỡng tâm hồn mơ", ngôi sao ấy – như một tụ điểm ở đó mọi năng lực của cái Ta đều bị hút đi để biến thành tia sáng cô độc của cái chết – sẽ xâm đoạt tâm hồn người ta, làm nó tối lại và chôn vùi nó trong hôn me. Ấy là một sự chôn vùi từ trong ra và cái đầu ứ thịt ấy, sinh ra từ một ngôi sao cô độc mọc lên từ đáy giếng, như từ một trời ở phía dưới, sẽ đáp lại sự vũ trụ hóa theo chiều cao của cái đầu bát ngát tựa không gian mà thi sĩ muốn lấp vào để cướp lấy cả một trời đầy trăng, đầy sao, đầy hương và đầy mộng – như một cảnh cưỡng bức đáp lại một sự giải thoát.

Một ngôi sao ở dưới lên, thì một cái đầu bị chôn vùi từ trong ra. Một ngôi sao rụng xuống, thì trong đầu thi sĩ, như trong một đáy mồ, rộn lên tiếng thay đổi đầu lâu. Và sự thức tỉnh ấy dưới địa tầng như đáp lại sự chôn vùi trên không giới của mặt trăng làm cả một trời đêm cũng như bị chôn vùi từ trong ra bởi một ánh sáng mờ. Ánh sáng mờ ấy của một không gian tê dại phải chăng là một thể nhẹ hơn của cái không gian hôn mê của thịt đã có lần xâm chiếm đầu thi sĩ? Cái đầu ấy là một huyệt tối ở đó có sao lên và có sao rụng. Khi sao lên, tất cả như ứ lại, và sao rụng, cũng cuốn theo một sự tan rã dưới địa tầng:

Có ai rên rỉ ngoài thôn lạnh
Như tiếng xương người rên rỉ

(Mơ trăng)

Cái gì người ta thấy là nếu có một trời ở trên cao thì có một trời ở dưới sâu. Thế giới Chế Lan Viên là một thế giới lưỡng cực hóa, và sự lưỡng cực hóa ấy của thế giới sẽ cuốn theo luôn một sự tương biến giữa những giá trị đối lập nhau: Không và Có, Hư và Thực, Sống và Chết, Não và Bùn, Tinh Thần và Thể Chất, Dĩ Vãng và Hiện Thời, Ánh Sáng và Bóng Tối, Đau Khổ và Vinh Quang, sẽ thường xuyên trao đổi những đặc tính. Ăn cái Thơm sẽ nhả ra cái Thối, ăn cái Thối lại nhả ra cái Thơm, cây Tháp dựng ngược dưới trời cao sẽ có cái hoang vu của một Huyệt trống, và cái Mồ không sẽ hung dữ như một con Hổ đói mồi; cũng như thế, cái ở Trên sẽ là cái ở Dưới, cái ở Dưới sẽ là cái ở Trên, và khi thi sĩ nói đến cái Đầy, thì người ta sẽ hiểu là cái Cuối và ngược lại.

Nói tóm lại, con người Chế Lan Viên là một kẻ đi ngược đời và một con người lưỡng năng sống trên những vùng giới tuyến ở đó những đối cực xung đột và gặp nhau. Một ngọn lửa đang bùng lên trong Hầu thi sĩ. Nhưng cái Hầu ấy cũng là ống dẫn những thức uống và cũng là xuất xứ của tiếng hát mê ly, thân thể ấy vừa là lửa vừa là bùn.

Và đáp lại sự lưỡng cực hóa ấy của thế giới là sự ly gián trong tâm thức giữa Xác và Hồn. Sự ly gián ấy tới một độ nào sẽ đi tới chỗ phân thân: thi sĩ có thể nhìn một đám ma mà tưởng rằng người ta đang mang mình đi chôn:

Mảnh hồn ta tiêu diệt tự bao giờ,
Mà trong chiếc hòm con u tối
Có phải chăng thi thể của người ta?

Có Hồn, có Xác và lại có cái Ta ấy đang nhìn và đang hỏi. Hồn thì muốn "vụt đến xứ trăng mây", xác là trọng lực và vừa nối liền Xác và Hồn lại vừa ngăn cách chúng là cái mà Chế Lan Viên gọi là "cõi ta" của chàng, vừa mênh mang lại vừa bé nhỏ: Bé nhỏ tại nó không là gì cả, và cũng tại không là gì cả mà nó "khó dò, khó biết, khó suy lường" như cái vô cùng của một đêm sâu. Ở đấy những đau khổ được chôn vùi và cũng ở đấy, những mầm điên nẩy nở. Sự trỗi dậy này sẽ đáp lại sự chôn vùi kia. Một tâm thức bị đàn áp sẽ nuôi sống một sự hung hãn ngấm ngầm. Hay nói theo thi sĩ, thì lòng chàng vừa là huyệt hổ vừa là mồ không, và đôi khi, nhìn xuống cái vực sâu ấy, chàng thú nhận:

Ta nhìn xuống cõi ta không hiểu thấu
Như không sao hiểu được nghĩa thời gian

Thời gian là cái mà thi sĩ không bao giờ đạt tới giới hạn, cũng như "cõi ta" là cái không thể nào biết được mà chàng sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi và làm chàng không bao giờ gặp được mình. Trong cái huyệt của thời gian, chàng bị chôn vùi từng phút một, và từng phút một, trong "cõi ta" của mình, chàng thấy mình bị "ngập chìm trong bóng tối", và người ta hiểu rằng tất cả cố gắng của thi sĩ là để thoát khỏi cõi ta ấy:

Cho Hồn ta vụt đến xứ trăng mây
Cho ta là không phải của ta đây
Mà sát nhập vào tuổi tên cây cỏ

Sự diệt vong phải chăng là con đường giải thoát duy nhất có thể có? Cái vô danh của thể chất cũng như cái thanh thoát của trời cao mà chàng muốn Hồn vụt lên tới vẫn đang chờ thi sĩ.

Sự vụt lên ấy mở màn cho sự giá trị hóa không giới: thoạt tiên trọng lực như không còn nữa và tất cả đều bay: chim bay, bướm bay, mây bay, nắng bay và người ta có tất cả những tĩnh từ của sự đùa rỡn trên không

như "tha thướt", "chập chờn", "phất phới", lơi lả". Xa hơn nữa thể chất sẽ bị tiêu đi, và nếu đêm làm cho ánh sáng như chảy ra, thì ngược lại, khi ngày đến, "nước sông Linh hòa lẫn nắng trời tươi" và "cả vũ trụ biến dần ra ánh sáng". Nhưng ánh sáng thuần túy ấy, người ta biết sẽ uống hết năng lực trong tâm hồn thi sĩ và chỉ để lại giá lạnh và cái mờ của bóng đêm. Cả một trời xanh bao la sẽ trở nên một giới hạn mà chàng không thể nào vượt qua:

Trời xanh, ơi hỡi! Xanh không nói!
Hồn tôi muốn hiểu chẳng cùng cho.

Ở bên kia trời xanh là cái Hư Không trong ấy Dĩ Vãng đã bị chôn vùi, ở bên kia trời xanh là chỗ, năm nào trước, một cánh chim thu đã mất hút: trong một thoáng, cánh chim ấy đã xuất hiện như một điểm nối giữa Thực Tại và Hư Vô, và cái giới điểm ấy là cái thi sĩ muốn tìm thấy lại, mỗi khi chàng ngóng về phía chân trời:

Chao ôi! Mong nhớ! Ôi! mong nhớ!
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

Cả một không gian trước khi chìm vào bóng tối chợt bừng sáng. Ấy là ngọn lửa hồng thầm kín của mùa thu, mùa thu tuy nhiên chỉ là mùa của sự đi qua và cánh chim thu ấy cho thấy người ta đi từ Thực Tại qua Hư Không như thế nào. Sự đi qua ấy sẽ là nghi vấn thiết yếu mà Chế Lan Viên đặt ra cho người ta, mỗi lần mà trong một lay động của không khí, trong một ngôi sao rụng, trong một giọt lệ rơi, chàng cho người ta thấy một linh hồn vụt biến sang thế giới bên kia. Trong một giây, trên ngưỡng cửa Hư Không, cả Thực Tại, trước khi mất hẳn, như chợt dừng lại và sáng lên cái ánh sáng mê hồn của những ảo ảnh, và thơ Chế Lan Viên sẽ là một cố gắng để ghi lại và kéo dài ra cái phút nhiệm mầu của sự tan biến chậm ấy mà "cả thân ta dần tan trong hơi thở", mà "bóng Chiêm Nương dần khuất dưới sương sa", mà "sông chiều phơn phớt ánh sương hồng" cuốn những tia nắng cuối cùng vào chân trời vô tận của đêm sâu.

Nhưng chân trời trong Chế Lan Viên là chỗ từ đó không có gì có thể trở lại cũng như thế giới của thơ chàng là một thế giới không có chiều của tương lai, và sự tuyệt vọng ấy mà người ta gặp trong mắt người Chiêm Nữ:

Nhìn chi em, chân trời xa vòi vọi
Nhớ chi em sầu hận nước Chàm ta

cũng là sự tuyệt vọng của những oan hồn mỗi nửa đêm, khi nhóm dậy ra khỏi mồ, chúng đăm chiêu "lặng ngắm cõi Hư Vô" để sợ hãi làm cả không gian như chết đứng. Không phải từ Hư Vô thi sĩ không nghe

thấy như có người đang réo gọi, mà có lẽ tiếng gọi ấy là âm thanh duy nhất mà, từ bài này sang bài khác, trong cái tưng bừng của nắng sớm cũng như trong cái tịch mịch của đêm bao la, người ta không bao giờ ngớt nghe trong thế giới Chế Lan Viên. Và đôi khi tiếng gọi nhức nhối ấy có thể trở thành câu trả lời của

Một vì sao êm gieo lời đáp lại.

Ngôi sao êm đềm ấy, người ta sẽ đón tiếp như một sứ điệp của thế giới bên kia đến với thi sĩ cũng như giọt lệ nhỏ, một đêm nào, trong mắt người con gái Chiêm Thành. Nhưng cái phút mộng ấy sẽ dài được bao lâu? Mộng chưa tới thì mộng đã tàn rồi, "tình chưa nồng đã sắp phải phôi pha", tiếng hát của Chiêm Nương vừa "gờn gợn sóng cung Hằng", thì "bóng Chiêm Nương dần khuất dưới sương sa", và khi thò đầu ra ngoài cửa Tháp để lặng lẽ nhìn "không khí bâng khuâng", thì con ma của Chế Lan Viên sẽ chẳng thấy gì ngoài

Ngàn lau vàng Hoa trắng ngập bao la

Ánh sáng não nùng ấy của thảo mộc lan đến tận cuối chân trời! Và cả thế giới, trong một tiếng sọ vỡ, như chìm dưới cái phù phiếm của bọt bể: còn lại là cái man mác của một trời buồn, và cái buồn sau mộng ấy thật giống cái buồn sau tình ái. Cũng như thế, đôi khi, trong một phút say sưa, người ta có thể "tưởng chừng như dĩ vãng tới gần đây", nhưng tỉnh giấc, thì lại thấy "cả không gian nhuần đượm vẻ sầu bi": cái sầu bi đã trở thành một chất của thế giới và, để thoát vòng tù hãm của nó, đôi khi có lẽ thi sĩ cũng muốn, như con voi Chàm, trong một tiếng thét lớn, "làm muôn tinh cầu toang vỡ dưới trời thanh".

Cái gì Chế Lan Viên theo đuổi trong sự vỡ toang ấy là Hư Không. Nhưng nếu Hư Không đã có thể xuất hiện như một giải thoát thì cũng tại Chế Lan Viên thiết yếu đã sống như một kẻ bị chôn vùi. Có lẽ không đâu cái họa của sự chôn vùi ấy lại thống thiết như trong tiếng cười ngu muội của một "đứa trẻ thơ không biết khóc". Nhưng tâm hồn giá băng ấy, cõi lòng đầy đặc ấy, cái Hầu câm ấy cũng là ngần ấy cái mồ sâu để thi sĩ chôn vùi những đau khổ của chàng. Mà đâu chỉ có những đau khổ! Nụ cười, tiếng hát, giọng chim ca, mầu hoa thắm, tất cả những dấu hiệu của "vui tươi" chàng cũng muốn bóp chết ngạt. Vừa là kẻ bị chôn vùi, vừa là kẻ chôn vùi, chàng cũng vừa là cái huyệt chôn vùi tất cả, và cử chỉ đàn áp của chàng đáp lại sự vỡ toang mà chàng ao ước như là cái cực khác của một giấc mộng tự thủ tiêu.

Nhưng sự chôn vùi cũng có cái thể mềm mại của nó là sự ngập chìm. Trong sự ngập chìm người ta tự buông xuôi như trong sự tuyệt vọng dịu dàng của đôi nhân tình "chìm đắm" trong cái bể u sầu của

đêm, và sự thật thì người ta chỉ có thể ngập chìm trong một môi trường đồng lõa và sẵn sàng đón tiếp: có sự ngập chìm từ dưới lên như của nhạc và của bóng tối (và sự ngập chìm ấy sửa soạn cho sự tan dần trong Hư Không) thì cũng có sự ngập chìm từ trên xuống như khi trăng đổ và tràn lên tất cả. Trăng trong Chế Lan Viên có một áp lực khác thường. Nó đè lên bóng tối, nó bóp ngạt những điệu nhạc mềm, nó quấn vào người ta và siết chặt lấy. Và đôi khi thi sĩ cũng muốn "ngôi trăng cứ đè tôi xuống" và chàng ngụp lặn ở trong như để tự chôn vùi. Sự tự chôn vùi trong trăng ấy – cho trăng ngấm vào người thi sĩ và chàng trở thành "kết tinh của ánh trăng trong" – sẽ đáp lại sự tự chôn vùi trong "nấm mộ hoang tàn" – là nơi chàng sẽ "lấy hơi ma nuôi sống tâm hồn mơ" – như cái lạnh của trăng sẽ đáp lại cái tanh hôi của âm khí. Nói tóm lại, thì sự chôn vùi cũng là một cách để vào trong mộng, và cái thể cực đoan của sự chôn vùi ấy sẽ là sự hôn mê, khi thi sĩ nhắm mắt lại, thả mình trong bóng tối để ma quái hiện lên gào thét lăn chàng vào một thế giới ảo huyền.

Nhưng nếu Chế Lan Viên đã phải tìm một cách tự giải thoát trong sự chôn vùi, thì trước hết là tại trong Ngày chàng chỉ thấy một sức mạnh cưỡng bức. Ánh sáng ấy uống hết tâm hồn chàng, cưỡng bức chàng, và cái gì nó để lại, trong lòng chàng, là một không gian tê dại bị chôn vùi từ trong ra bởi một ánh sáng mờ cũng như, ngoài tha ma, một "khí u buồn" đặc và dầy đã chôn vùi cả một trời đêm từ trong ra. Trong ánh sáng ấy, mầu trời xanh trở nên một vòng tù hãm, và địa ngục bắt đầu ở trần gian: thế giới bị cắt đôi, có cái bên này và cái bên kia, sự tương giao với mộng bị đứt, và sự đoạn tuyệt ấy biến tiếng gọi của Hư Không thành cái nhìn của cái chết. Cho nên một không gian thiếu mộng sẽ giống như một không gian mà cái chết đe dọa. Tất cả đều như bị thôi miên, nghĩa là trở nên ngưng đọng và rã rời. Sự im lặng của "dẫy cây vàng đợi mộng" sẽ đáp lại sự im lặng của "hàng cây kinh khủng bặt hơi cười" và nếu, trong sợ hãi, người ta như nghe thấy tiếng "rừng xanh lăn nhẹ khói u sầu" thì, giữa lúc cái nhấp nháy càng ngày càng yếu dần của "vài ngôi sao lẻ loi hồi hộp thở" như báo hiệu sự xa dần của mộng, thi sĩ cũng nghe thấy "cả thân ta tan dần trong hơi thở" để

... bay trong một làn khói tỏa
Chẳng biết rồi lưu lạc đến nơi nào

Sự thất tán chậm của "ngọn khói u sầu" ở trên cao và sự bò sát của "im lặng chuyển mình trên máu đỏ" ở dưới thấp là hai mặt của sự sợ hãi trong rừng sâu. Ngược lại thì ngọn khói lưu lạc ấy của tâm hồn sẽ đáp lại "dòng tư tưởng dần trôi trong lầm lạc" mà thi sĩ đã bắt gặp trong

mình một đêm nào trên bờ bể. Khác là nếu đêm ấy thi sĩ tưởng nghe như có "ai réo gọi trong muôn sao chới với" chứ giờ thì chàng biết rằng "nàng không lại! và nàng không lại nữa". Xưa sự "lầm lạc" dẫn "hồn say sưa vào khắp cõi trời mơ", thì giờ, người ta "tan dần trong hơi thở" để sẽ lưu vong mãi theo một làn khói tỏa. Giữa thi sĩ và cái trời mơ của chàng, giờ, thiếu một môi giới. Cái môi giới ấy, trong những giấc mơ đêm, chàng từng thấy trong những hồn Chiêm Nữ từ Dĩ Vãng trở về, thì, trong những giấc mộng ngày, khi tiếng hát của người Chiêm Nữ làm hồn chàng tê liệt, nó sẽ là "một mặt trời giả dáng một vì sao" mà tiếng gọi sẽ dẫn chàng vào cái êm đềm của một không gian sặc máu tươi. Nhưng khi nắng tắt và Hồn Chiêm Nương không trở lại, thì cái gì còn lại là một trời uất khí: Những con sông không dám chảy. Hay có chảy thì cũng để lê mình trong bóng tối và quằn quại trôi như một con vật bị thương và sự sống bò sát ấy, như của "Im lặng chuyển mình trong máu đỏ", sẽ diễn tả bằng nhịp điệu cái gì mà tiếng rên rỉ diễn tả bằng âm thanh: một sự sống dưới cái nhìn của cái chết. Ấy là cái địa ngục mà Chế Lan Viên gọi là Âm giới.

Âm giới ở chỗ nào? Nếu cần cho nó một tên trong địa lý thì Chế Lan Viên sẽ bảo nó là nước Chàm. Lẽ dĩ nhiên không phải nước Chàm của Dĩ Vãng mà thời gian đã chôn vùi cũng như không phải nước Chàm của những Điêu Tàn còn lại mà sự đau khổ như một tuyệt đối của một dân tộc bị diệt vong. Nhưng nước Chàm ấy mà Chế Lan Viên biết rằng "tháng ngày qua vẫn sống dưới đêm mờ" trong tiếng than thở của những oan hồn chỉ là một cách để gọi, giữa Hư Không và Thực Tại, cái vùng của sự lưu vong không có chỗ nghỉ, của những uất hận không thể nào nguôi, của những trông chờ tuyệt vọng. Con ma ấy ở dưới đất lên để ngóng Hư Không như ngóng một quê hương mà nó không thể nào trở lại. Người con gái Chàm ấy từ Hư Không lại và biết rằng nàng thoáng đi như một giấc mơ. Oan Hồn chỉ là ảo ảnh, ảo ảnh không có thực mà cũng không phải không có, nhưng là sự nhức nhối của những gì không thể tiêu tan mà cũng không thể nào tự thực hiện như dục vọng trong một cơ thể suy tàn, khi

Thịt bại rồi, Nhãn quang đà lả mặt
Thú điên cuồng ao ước vẫn khôn ngăn

Khi ấy dục vọng thức tỉnh những oan hồn. Và Âm giới và Địa Ngục và nước Chàm không ở đâu xa ngoài tâm hồn của mỗi người. Tại cái gọi là Âm giới có nghĩa gì hơn là nơi của cái chết không thể nào tới và không thể nào ngừng? Và nếu Thiên Cổ có thể thu vào giọt lệ nhỏ của một "phút chết say sưa", thì nó cũng là tiếng rên rỉ miên trường ấy của

một thế giới đang bị cái Chết thôi miên.

Thế giới Chế Lan Viên là một thế giới không ngừng đi tới diệt vong. Ở đó những nguồn năng lực cứ tiêu thất dần: thoạt tiên là những cái đầu rơi, rồi thì trăng, sao, mặt trời, những lá cờ đào và những gạch chàm ghẻ lở cũng thi nhau rụng xuống. Và đáp lại sự sa đọa từng khúc một ấy của mọi vật là những tiếng động khô và ngắn của mõ cầm canh, của chó sủa, của trẻ khóc trong đêm khuya. Những âm thanh đứt quãng ấy cũng như những đóm lửa thấp thoáng trong cái mênh mông của bóng tối là của một đời sống nhân gian đang tan rã, và chúng làm cho "hồn yêu tinh chợt thấy động tơ lòng" cũng như sự thức tỉnh trong huyệt tối của cái "đầu lâu reo dưới khớp xương tàn" làm xao xuyến người dương thế.

Ta sẽ nhịp khớp xương trên đỉnh sọ
Ta sẽ ca những giọng của Hồn điên
Để máu cạn, hồn ta, tim rạn vỡ
Để trôi đi ngày tháng nặng ưu phiền

Cái nhịp khắc khoải ấy của Xương trên Sọ, sẽ khơi dậy trong lòng thi sĩ một nguồn âm thanh điên dại, mà nó sẽ đánh nhịp cho sự chảy ra, để sau cùng, khi cả người chàng đã cạn, dẫn chàng vào "một phút chết say sưa". Nhưng trong những gạch chàm rơi lác đác, "tiếng màu chàm rỉ rỉ chảy không thôi" sẽ kéo dài trong thiên cổ cái chết của dân Chàm. Tại nếu có sự sa đọa, từng khúc một, và từ trên xuống, của mọi vật, thì cũng có một sự tiêu hao dần và âm ỉ của mọi vật từ trong ra: nó làm những cây tháp Chàm cứ gầy đi, những tượng Chàm cứ ghẻ lở, những máu Chàm cứ chảy. Và đáp lại cái Chết của mặt trời sẽ là những dòng sông máu đang bò vào vô tận.

Máu là nguồn của sự sống. Nhưng sự xuất hiện của máu lại báo hiệu cái chết. Khi đầu rơi máu vọt, khi "trên đồi loáng ánh tà dương rực rỡ", thì "quằn quại trôi dòng máu thắm sông Linh", khi mặt trời lặn, thì máu xuất hiện: máu là một phản mặt trời. Mặt trời là thái Dương, thì máu là cực Âm. Mặt trời chỉ có một, máu là cái Nhiều: trong máu người ta nghe tiếng oan hồn eo óc và ồ ạt tiếng quân hò. Sự di chuyển của mặt trời đánh nhịp cho thời gian. Nhưng tiếng máu kêu, như sự oán hận của dân Chàm, sẽ muôn đời không rứt. Chậm thì máu rỉ, nhanh thì máu trôi cuồn cuộn, nhưng sự băng huyết ấy sẽ kéo dài cho đến ngày tận thế. Cũng có khi máu đọng lại thành một trời huyết. Và trong sự bất động ấy, người ta thấy như sự đột nhập của Thiên Cổ của cái Chết và cái gì nó nhốt người ta vào sẽ không phải là cái không gian êm đềm của máu tươi mà cái địa ngục của Máu đen, khi máu đã sánh lại và trở nên nhầy như

cái rãi máu đang cuốn hồn thi sĩ trôi giạt không bến bờ. Rãi máu đen ấy ở đó ngọn lửa sống như đã tắt, sẽ là một trong những giới hạn cuối cùng của thế giới Chế Lan Viên.

Ấy là một thế giới đang trở về cực Âm. Tất cả đều nguội dần, tối dần, tan rã dần. Và nếu ở đó mặt trời có xuất hiện thì cũng là để "giả dáng một vì sao". Cái mặt trời rất đàn bà ấy là một mặt trời cuối thu. Nếu Chế Lan Viên yêu mùa thu thì có lẽ tại nó là mùa của Nắng nguội. Và có lẽ tại đã nguội mà cái nắng ấy, nhạt mầu như không phải là nắng mà chỉ là kỷ niệm của nó, giữa cái rực rỡ của ngọn lửa Xuân và cái lạnh của Âm giới, có một giá trị gợi tình đặt biệt và đã biến mùa thu ra một mùa của ái ân. Cái nắng ấy mà Chế Lan Viên muốn tìm lại thấy dư ảnh, trên môi người quả phụ, trên những tờ thơ lá võ vàng, trên những cánh hoa đang úa – đôi khi, trong một cử chỉ như của tình yêu, ôm choàng lấy những gốc bàng cao, và người ta có cảm tưởng là có một ngọn lửa hồng thầm kín từ trong thân cây tỏa ra. Trong Chế Lan Viên có một thứ ánh sáng của thảo mộc. Khi thu đến, nghĩa là khi tất cả đã nguội thì một sự trở về của sinh lực làm những cây lau bừng sáng như những ngọn nến của dục vọng, và dục vọng ấy cũng là cái gì, trong những đêm tàn mộng, làm sáng lên "ngàn lau vàng hoa trắng ngập bao la". Cái Ánh Sáng ấy của thảo mộc tuy nhiên có một cái gì khả nghi. Hình như nó chỉ là một ảo ảnh của ánh sáng, và cả thế giới trong cái ánh sáng ấy cũng như mất trọng lực để trở nên nhẹ như một ảo ảnh. Phải chăng tại thảo mộc, nhất là trong những ngày sang thu, đã mang sẵn cái chết trong định mệnh của chúng, mà ánh sáng chúng mang lại có cái vô thực của một ánh sáng đến từ thế giới bên kia? Thảo mộc cũng là một thứ ma cà rồng: cũng những ngọn cỏ non ấy chờ nắng rụng và cũng chúng lớn lên trong tiếng máu kêu.

Thảo mộc vừa thuộc chiều cao lại vừa thuộc chiều sâu. Và có lẽ tại thế mà chúng thực hiện được sự tương giao giữa những năng lực tương nghịch ấy của đất và trời và nếu hấp lực ma quái của chúng như làm thế giới trở nên nhẹ đi thì cũng vì thế mà đối với con người Chế Lan Viên, chúng trở nên một vùng ân ái: vừa mang lại ánh sáng chúng vừa mang lại bóng mát: ánh sáng ấy có cái cám dỗ của cái chết và bóng mát thì đầy ảo mộng. Cái gì làm cho mặt trời, từ một tinh cầu lửa, trở nên một vì sao dẫn mộng, là một khóm lá xanh. Cũng dưới một lùm cây xanh mà "người con gái ngồi đợi giấc mơ nồng". Và đôi nhân tình, trước sự đe dọa của ly gián, cũng không biết làm gì hơn là "nép mình vào bóng lá" xanh. Nhưng nếu có một ánh sáng của thảo mộc, thì cũng có một âm nhạc của thảo mộc nữa. Không phải dòng âm thanh tinh túy làm tê dại

hồn người của tiếng hát, mà cũng không phải điệu nhạc điên cuồng có thể tràn ngập tất cả như một bể bóng tối mà, trong cái liền của một vuốt ve, sự xôn xao của muôn âm thanh giao động nhịp nhàng. Ấy là điệu nhạc người ta nghe trong tiếng "gió vàng êm ru lá dưới mây sầu" cũng như trong những buổi, "bóng chiều lan hỗn độn":

Lừng hương đưa rộn rã tiếng từ quy.

Sự êm đềm ấy của tiếng lá khua, tuy nhiên, nghe như một lời than não nùng, và trong tiếng hót của chim chiều, cái gì ngân lên là sự phức tạp của muôn hương tan rã trong rừng thẳm. Tiếng gió trong Chế Lan Viên có cái cám dỗ khả nghi của một ly tán dịu dàng và người ta đã xa sự thống nhất trong khúc đồng ca của đoàn quân Chiêm thắng trận trở về. Nhưng nếu cái Vinh Quang là thắng sự hỗn loạn để thu muôn binh vào một mối, thì công việc của Chế Lan Viên, trong lúc này, là giải hòa cái uất khí dưới trời sầu cũng như trong rừng thẳm đang làm tê dại cả muôn cây. Cả không gian như muốn tiêu đi trong một tiếng thở dài. Và âm nhạc ấy của thảo mộc, trên một điệu nhẹ nhàng, sẽ giống cái âm nhạc của ánh sáng về đêm, ở trên cao:

Sao tán loạn đua bay trên mặt nước
Tiếng lao xao dội thấu đến cung Hằng

Cái gì thoạt tiên người ta có cảm tưởng là thấy trong ánh sáng về đêm là một tổng hợp giữa những mãnh lực tương nghịch của Tinh Hoa và Thể Chất. Tinh Hoa là nắng: trong Nắng tất cả đều tiêu tan và bốc lên cao, và ngược lại nắng, là cái tối tăm của đất, của thịt và của màu đen. Ấy là hai đối cực của thế giới Chế Lan Viên, và không cực nào là ở được. Nắng sẽ uống hết tâm hồn thi sĩ và để lại trong chàng cái không gian tê dại của một "cõi lòng dầy đặc bóng đêm mờ". Nhưng trong cái địa ngục của thể chất thì cũng chẳng có tia lửa sống nào có thể nhóm lên.

Ánh sáng về đêm sẽ có những đặc tính đảo ngược lại: Ở đó, cái nhẹ, cái cao, cái sâu, cái vô hạn sẽ là bóng tối mà người ta không thể thấy, nhưng mà như có mặt ở trong mỗi cái rùng mình của ánh sáng, và ánh sáng sẽ trở nên như sờ thấy được. Hình như ánh sáng và bóng tối đã kết hợp với nhau để trở thành một chất mới: cả không gian như nguội đi, mềm lại, nặng ra và chảy.

Nặng nhất là ánh sáng trăng. Nó đổ xuống trần, và nó tràn trề và nó chan chứa như nước lũ. Tràn trề, chan chứa, hả hê là những tĩnh từ của một thể chất đã no và cái gì nó gợi lên cho người ta sự thỏa mãn của thịt hơn là sự say sưa của mộng. Cho nên cũng không có gì lạ nếu, trong Chế Lan Viên, trăng nặng, trăng đè, trăng liền như Thịt, và nếu sau khi

đã vo lụa trong Trăng cho đến khi mệt lả, chàng có thể thốt lên rằng:

Chừ biết đâu là lụa, biết đâu trăng
Ôi! Hồn cô và hồn ta muôn thuở
Lẫn vào nhau riết chặt mối tình xuân

Cái đêm vo lụa ấy là một đêm tình ái. Nhưng khi trăng đã trở nên như lụa rồi, thì cái gì còn lại là cái mặt u mê và nhẫn thín của thể chất. Và cái không gian trăng ấy làm người ta nghĩ đến cái không gian thịt, mà đã có lần, thi sĩ dẫn người ta vào. Khác là cái không gian thịt ấy đã xâm nhập con người thi sĩ đến tận đỉnh sọ, trong khi chàng ngụp lặn trong trăng như trong một chất mà cái Nhiều không thể nào làm chàng thỏa lòng thèm khát. Tại ngay khi trăng đã ngấm vào người và biến chàng thành "kết tinh của ánh trăng trong", thi sĩ vẫn còn cho là "chưa uống hết hương hoa" và thúc giục:

Khát lắm rồi! Hãy mau cho tôi uống
Cho nguôi đi nhớ tiếc với trông mong

Ánh sáng trăng cũng không làm thi sĩ no hơn là Hư Không, và sự tổng hợp đã không xảy ra. Cái gì người ta thấy không phải là một chất mới ở đó Tinh Hoa và Thể Chất tương giao những đặc tính mà một sự vô thực hóa của cả hai thế giới bị vô thực hóa để biến ra ánh sáng, rồi thì đến lượt nó, ánh sáng lại bị bóng tối vô thực hóa: cái chất lạnh, sáng và chảy đó tưởng là sờ thấy được, nhưng sờ đến nó, người ta chỉ thấy có Hư Không. Bằng cách cho ánh sáng ảo tưởng của một thể chất, Chế Lan Viên đã biến nó ra một ảo tưởng. Sự thể chất hóa ấy là một sự vô thực hóa ở bậc hai. Ánh sáng trăng là một ánh sáng đã mất thực tính của nó để chỉ còn là một ánh sáng ma, thế giới trong ánh sáng trăng cũng trở nên một thế giới ma, vì thi sĩ thấy mình là "kết tinh của ánh trăng trong", nghĩa là một mặt trăng ở dưới trần, thì chàng đã rơi vào cái hoa của những oan hồn là trở nên một khối dục vọng không thể nào thực hiện và không thể nào tiêu tan.

Cho nên Trăng có thể trút cả ánh sáng xuống trần, để sau cùng "rơi xuống đáy hố sâu", thi sĩ biết rằng nó không rơi xuống đáy hồn chàng, và giữa chàng và cái thênh thang của Cung Quảng sẽ có sự ngăn cách của một vầng mây bạc. Vầng mây bạc ấy là cái bến gọi con thuyền Trăng đến và cũng là cái mồ để nuốt trăng vào, và sự chôn vùi ấy của Trăng trên trời cao, mà ánh sáng mờ như chôn vùi cả một không gian tê dại từ trong ra, sẽ thức tỉnh tất cả những sức mạnh của chiều sâu để làm cho sao rụng và đầu lâu khua trong mồ. Ít nhất thì một cái gì giống như dục vọng cũng được gọi dậy: rượu yêu đương bừng nóng và những oan hồn chợt động lòng thương nhớ một thời xưa:

Phải chăng đêm qua khi thuyền mộng
Của nàng Trăng vào đến bến mây xa
Một cô hồn về đây theo gió lộng
Trên mộ tàn tìm lại dấu ngày qua.

Sự lướt đi ấy của cuộc thủy du trên không gian như đáp lại sự lê mình của những con sông ấy trong bóng tối. Con thuyền mộng ấy sắp tan ra thành một ánh sáng mờ cũng như những con sông ấy đang cuốn cả thế giới vào một địa ngục máu. Nhưng trong chuyến đi nhẹ nhàng của nó, con thuyền mộng ấy lại càng khác xa sự khắc khoải của chiếc thuyền hồn không gặp bến ở trên biển Trần gian. Cái gì không gian Đêm mang lại cho Chế Lan Viên là ảo tưởng của một môi trường bạn ở đó tiếng gọi của chiều cao và trọng lực như được dung hòa: sự chôn vùi trở nên một sự cập bến và sự trôi nổi, một cuộc thủy du thuận dòng. Cái đêm mênh mông ấy giải ra như một con sông êm đềm ở đó trăng là thuyền, và thuyền Trăng cũng như Điện Ngọc trong Cung Quảng trước hết là một kiến trúc. Ấy tuy nhiên chỉ là những kiến trúc của ánh sáng nghĩa là những ảo ảnh. Và cái gì đúng với trăng cũng đúng với những tinh cầu khác. Những tinh cầu thoạt tiên là một cách vô thực hóa cái mênh mông của thế giới về đêm; ánh sáng của chúng vô thực hóa đêm như là cái vô minh, trật tự của chúng vô thực hóa đêm như là cái vô minh, trật tự của chúng vô thực hóa đêm như là cái vô thể, và sự chuyển vần của chúng vô thực hóa đêm như là cái vô thực, bằng cách cho nó ảo tưởng là một môi trường thể chất có sức chuyên chở – thì đến lượt chúng, những tinh cầu ấy cũng bị vô thực hóa để trở thành những lâu đài ánh sáng nổi nghĩa là những cơ cấu sẵn sàng tan đi trong đêm sâu. Sự kiến trúc hóa là một cách thủ tiêu thực chất của thế giới để biến thế giới ra mộng. Cho nên khi Chế Lan Viên du ngoạn trên không trung như trong nhà mình và nghênh ngang vỗ lên đầu sao Ngưu, sao Đẩu, sao Khuê thì không phải để tự thổi phồng mình lên mà để mừng một thế giới đã trở nên nhẹ như là những ảo ảnh. Cái trời ánh sáng ấy không ca tụng gì hơn là cái Vinh Quang của bóng tối mà nó chỉ còn là giấc mộng thoáng qua, cũng như cả vũ trụ chỉ còn là một giấc mộng của Hư Không. Ấy có lẽ là tin vui cuối cùng mà, giữa không giới bao la, đôi khi, con người Chế Lan Viên đã tìm để nghe thấy trong một vì sao đang nhỏ lệ cuối chân trời. Nhưng cái tin vui vô phúc ấy, người ta biết, đã ra đời trên cái chết của mặt trời và sự tan rã của thể chất. Mặt trời uống tâm hồn chàng và nhốt chàng vào cái địa ngục của thể chất. Và con người Chế Lan Viên, để tìm thấy mình, đã thực hiện một vụ án mạng đôi; chàng sẽ làm thối thể chất và giết mặt trời. Cái gì chàng theo đuổi từ dòng máu rỉ của những tượng

Chàm đến cái ảo ảnh của ánh sáng trong những trời tinh tú vẫn là cái giới hạn ở đó những đối cực của thế giới tự xóa bỏ để thực và mộng chan hòa. Cho nên tất cả những gì duy trì thế giới trong thực tại của nó chàng đều tìm cách thủ tiêu. Và người ta hiểu tại sao dòng Ngân Hà lòa chói ánh hào quang ấy chàng sẽ nhẩy xuống để nó vỡ ra làm muôn mảnh vụn.

Ánh sáng của Ngân Hà nhẹ hơn ánh sáng trăng: Trăng chảy xuống trong khi Ngân Hà là một dòng ánh sáng trôi trên không trung; Trăng chỉ có một và ánh sáng trăng thì liền, trong khi Ngân Hà là do vô số những vì sao làm thành. Yên, thì Ngân Hà là một dòng ánh sáng chảy đều, nhưng động một chút, là:

Sao tán loạn đua bay trên mặt nước
Tiếng lao xao dội thấu đến cung Hằng.

Vừa chảy lại vừa biết bay, vừa trầm lại vừa nhẹ, vừa hỗn độn lại vừa lan theo một dòng, cái gì người ta thấy phác họa trong ánh sáng của Ngân Hà là sự giải hòa ấy giữa trọng lực và chiều cao, giữa tinh hoa và thể chất, giữa cái Đoạn và cái Tục, giữa cái Một và cái Nhiều. Thế Giới lưỡng cực hóa của Chế Lan Viên chỉ còn là một bầy âm nhạc. Và âm nhạc có nghĩa gì hơn là sự thắng trận ấy trên sa đọa, trên ly tán và trên thời gian? Lẽ dĩ nhiên người ta đã, xa tiếng hát vang lừng của đoàn người vừa chinh phục lại Định Mệnh, và cái già đang reo lên trong cái xôn xao như kim khí của Ngân Hà là âm nhạc mong manh của mộng. Ít nhất thì trong một giây, giới hạn giữa Mộng và Thực được thủ tiêu: tiếng nhạc ấy của những mảnh vụn dội lên tận trăng cao và, trong một giây, nó làm được cái gì mà trời Trăng sáng không làm được, là đưa thi sĩ vào Điện Ngọc của Cung Hằng [2], và ở đó, giữa cái kiến trúc nhịp nhàng của những tinh cầu mà thi sĩ sẽ tìm thấy lại như những đồ dùng quen thuộc, chàng cũng tìm thấy lại và nước Chàm và người con gái mà giọt nước mắt, như một vì sao nhỏ, đã bao năm gọi chàng. Nhưng tất cả những giấc mộng đều mau tan:

Phút hỗn độn qua rồi. Trời! Đau Khổ!
Bóng Chiêm Nương dần khuất dưới sương sa

và cái gì Chế Lan Viên tìm thấy lại, khi tỉnh giấc, là một thực tại đang tan rã khô:

Xạc xào chỉ có lá vàng rơi
Quanh mình bóng tối mênh mang
Thấp thoáng đôi hồi lửa đóm

Như người ta thấy, chẳng làm sao thoát khỏi thời gian. Nhưng ở bên kia thời gian, "nơi xa xăm trong cõi chết", Chế Lan Viên biết rằng:

Nước non Chàm chẳng bao giờ tiêu diệt
Tháng ngày qua vẫn sống dưới đêm mờ

Nước Chàm ấy là cái oán hận không thể nào nguôi của một dân tộc bị chôn vùi. Và giữa thế kỷ 20, Chế Lan Viên đã làm sống lại trong thơ chàng như một lời ta thán miên trường chống lại cái bất công mà con người phải chịu đựng. Con người làm lịch sử để chống lại thời gian. Ấy thế mà sau cùng công nghiệp của họ lại bị thời gian tiêu diệt. Tham vọng của Chế Lan Viên, để cướp lại cái gì thời gian đã tiêu diệt, là tiêu diệt ngay cả thời gian. Nhưng làm sao tiêu diệt được thời gian? Những con ma của Chế Lan Viên so với Thiên Cổ thì cũng như những cảnh Điêu Tàn của nước Chàm so với Lịch sử đích thực, và nếu chúng làm chứng cho công nghiệp của con người thì những điêu tàn ấy cũng làm chứng cho sự thất bại của nó. Cái gì còn lại trong tiếng ta thán của những tượng Chàm ghẻ lở là một đối thoại miên trường giữa Thiên Cổ của cái Chết và sử tính của con người như cuộc đối thoại giữa mẫu quốc và người dân thuộc địa. Nhưng phải chăng vì thuộc vào một thế hệ mà quyền sống của người dân đã bị tước đoạt đến cùng độ mà Chế Lan Viên đã có thể khám phá ra vừa sử tính của mình vừa tiếng nói của Thiên Cổ? Ở trong người thi sĩ ấy có một Michelet nhỡ tầu của một dân tộc đã đánh mất vinh quang. Và người ta hiểu rằng cái thảm kịch của tính năng mà người ta đoán thấy trong thơ chàng chỉ là một cách để sống cái thảm kịch lớn hơn của một thời đại. Cũng như những cảnh pháp trường ấy, người ta biết không phải chỉ có một ý nghĩa tình dục. Không thể công nhận thời đại ấy mà có lẽ cũng chẳng biết làm gì để thay đổi nó, con người Chế Lan Viên đã sống thời gian như một sa đọa lần hồi, lịch sử như lịch sử của một thất bại và Thời Đại mình như một cuộc chôn vùi. Rất có thể chàng là oan hồn cuối cùng của một dân tộc đã bị tru di. Con người ấy mang một tên ma và chọn ma làm bạn có lẽ cũng là một con ma – nghĩa là một người giả tạo. Nhưng làm sao biết được sự thật của những người đã bị cướp mất sự thật của mình? Họ chỉ có thể tự giối mình, nhìn thế giới như một lời nói giối khổng lồ và mượn cái giối làm một thú say sưa. Nói đúng hơn thì xã hội không để cho họ một thoả mãn nào ngoài những ảo tưởng.

Trong thế giới Chế Lan Viên mà bóng tối xóa nhòa mọi dị biệt, người ta thấy một đồ vật thường trở lại như một ám ảnh: ấy là cây tháp Chàm đổ nát. Nó xuất hiện trong những đêm mờ u uất như di tích của một thất bại không biết đã xảy ra từ thời nào, và giữa cái hoang vu của cảnh vật, trông nó như một đồ thừa. Ngay những con ma Hời cũng không buồn trở lại cây tháp cổ ấy nữa. Và như đáp lại nỗi buồn của người thi sĩ

"nằm há miệng đớp sao rơi", cái bóng ủ rũ của nó đứng ở giữa trời như một trông chờ tuyệt vọng. Như cái trung tâm xao lãng của một thế giới mà sự thật đã bị nhốt ở những vùng giới tuyến. Không có nó tuy nhiên thì còn ai để nhớ là đã có một nước Chàm? Và cái công của Chế Lan Viên là đã thức tỉnh lại những đau khổ chôn vùi trong lòng cây tháp ấy. Người thi sĩ có việc nào xứng đáng hơn là khai quật lại cái nguồn của ngôn ngữ ở chỗ như không một ngôn ngữ nào có thể có là trong sự thất bại? Cho nên cái ngôn ngữ ấy, dù nó chỉ là một tiếng cười ghê rợn dưới đáy mồ, người ta cũng sẽ đón nó, giữa tất cả những điêu tàn, như sự bắt đầu của Hy Vọng. Và cũng vì Chế Lan Viên đã biết duy trì cái Hy Vọng ấy mà ở một vùng của sự sống không thể nào có, một thi sĩ đã ra đời. Thơ là sự thật tìm thấy lại. Người thi sĩ là một kẻ từ chối làm ma để làm người. Chưa đầy mười năm sau là Cách Mạng Tháng Tám.

ĐỖ LONG VÂN

(Nghiên Cứu Văn Học (Sài Gòn) số 6 & 7 - Tháng 6 & &-1968)

(1) Giá trị tính năng của lệ và của tiếng hát.

(2) Cũng như ngày xưa, những lâu đài của thành Đồ Bàn đã mở cửa đón đoàn quân Chiêm thắng trận trở về. Sự đối lập giữa cái một và cái nhiều, cũng như ngày xưa, tự giải quyết trong kiến trúc. Cái một đối với cái nhiều, nhưng cũng như cái nhiều, nó chỉ là một tình trạng vô cơ. Kiến trúc là cái một cơ cấu hóa và cái nhiều đã trở thành tổ chức. Cung Hằng là một kiến trúc mộng trong hiện tại và thành Đồ Bàn một kiến trúc thực trong quá khứ mà Chế Lan Viên muốn tìm thấy lại trong mộng. Và đòi lại cái thế giới của Kiến trúc ấy là cái vùng thể chất đang tan rã ở dưới trần. Ở dưới trần những kiến trúc của dĩ vãng tan rã để trở thành chất chảy của máu đen cũng như trên thượng giới chất chảy của dòng sông Ngân lòa chói ánh hào quang tan rã để dẫn vào Cung Hằng, trước khi, đến lượt chúng, những Kiến trúc ấy cũng tan rã, để tỉnh giấc, thi sĩ lại thấy mình ở dưới trần. Sự tan rã trong mọi trường hợp, đều có một giá trị chuyển tiếp, và trong chừng nào những điện ngọc của Cung Hằng là một tượng thể của nữ tính, thì nữ tính, nước Chàm và Kiến trúc, đều diễn tả, trong Chế Lan Viên, sự thương nhớ của tổ quốc đã mất. Kiến trúc là mộng của con người, và thể chất đang tan rã là cái thực tại quản thúc bởi cái chết. Ở trong sự đối lập ấy có lẽ không phải ngẫu nhiên mà người ta đã nhận ra sự đối lập giữa Nhân giới và Nhiên giới mà cơ cấu luận muốn tìm thấy ở gốc của mọi huyền thoại. Nhưng cũng không phải ngẫu nhiên mà Nhân giới – cái tổ quốc của con người ấy ở thời đại mình, Chế Lan Viên đã đặt nó trong Dĩ vãng và trong mộng.

THẢO LUẬN VỀ KỸ THUẬT TẢ CHÂN CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG TRONG "*SỐ ĐỎ*"

Đỗ Long Vân

Mới đọc qua thì người ta có cảm tưởng rằng *"Số Đỏ"* chỉ là một chuyện nhằm đả kích cái mốt Âu hóa của xã hội ta trong một giai đoạn nhất định của thời Pháp thuộc. Cái mốt ấy lẽ dĩ nhiên tự nó vẫn tưởng nó là hay. Và những nhân vật trong *"Số Đỏ"*, nếu người ta thấy họ rởm, thì họ vẫn rởm trong ảo tưởng của văn minh, của tân thời, của cải cách xã hội. Họ cổ động cho thể thao, đòi giải phóng phụ nữ, chống lại sự phân chia giai cấp. Tưởng họ cũng tiến bộ lắm chứ! Sao V.T.P lại mang họ ra nhạo báng? Và đã có lần người ta ngờ rằng V.T.P đã chống lại cái một Âu hóa của thời đại ông để trở lại những tập quán đã lỗi thời. Nhất là khi những nhân vật duy nhất có thể gọi là tích cực trong truyện ông là một bà già (vợ cụ Hồng) chẳng sợ gì hơn là sự sứt mẻ của gia phong và một ông nhà quê (ông Hai, em cụ Hồng) chỉ biết có một lòng phụng dưỡng cha già thì sự nghi ngờ ấy lại càng có phần có lý. V.T.P đã nhìn những nhân vật ấy mốt cách có cảm tình. Cảm tình ấy là một "hommage" cho một truyền thống đã có giai đoạn sáng lạn của nó. Nhưng hơn ai hết V.T.P cũng biết rằng nó đã thuộc vào quá khứ, và những người tượng trưng cho nó, như vụ cãi lộn giữa hai cụ lang già cho người ta thấy, chỉ là những người đã bị lịch sử đào thải. Ông không chờ gì ở họ, và sự đả kích cái mốt Âu hóa của ông, không để gọi sự trở về một truyền thống đã cáo chung, mà có lẽ còn đi xa hơn là sự nhạo báng những cái rởm nhất thời.

I. TỪ NHỮNG CÁI RỞM ĐẾN NHỮNG CON NGƯỜI RỞM:

Nhạo báng những cái rởm ấy trên nguyên tắc, không có gì là khó.

1. V.T.P chỉ việc thâu giảm cái mốt Âu hóa ấy vào một vài góc cạnh lố bịch và người ta có thể cười. Chẳng hạn ông sẽ mô tả những sân quần như chỗ phô trương những cặp đùi trắng nỏn, giản lược sự cải tạo đời sống phụ nữ trong cách ăn mặc những quần áo khiêu dâm, tóm tắt việc thăng tiến bình dân trong sự tung hô Xuân Tóc Đỏ làm vỹ nhân của xã hội, và sự ghi chép những tiếng chửi đổng của nó (mẹ kiếp v.v...) trong cuốn Tự điển đang soạn của những bậc thượng lưu trí thức trong Hội Khai Trí Tiến Đức.

2. V.T.P đi xa hơn một bước khi lấy ngay cả tư cách của những người chủ trương Âu hóa ấy ra làm trò khôi hài. Ấy là một "me tây" già dâm đãng và mê tín, một du học sinh về nước không được một mảnh bằng và chỉ biết có chơi bời, một ông già nghiện ngập và sẵn sàng, nếu thấy có thể, kiếm lời, giết cả bố và bán con gái mình cho bất cứ ai, nói tóm lại, một lũ người ô trọc, tham lam; giả dối đã quên tất cả để chạy theo xác thịt, tiền tài và danh giá hão.

3. Nhưng tới đây, V.T.P vẫn ở trong giới hạn của văn trào phúng và tả chân cổ điển. Xa hơn nữa, ông cho người ta thấy, dưới những chiêu bài tiến bộ của cái mốt Âu hóa, tinh thần bảo thủ của những người chủ trương nó. Nhà họa sĩ ấy đã tung ra những kiểu áo khiêu dâm và hễ mở miệng là chửi dân An nam ngu dốt không hiểu được những sáng chế tân kỳ của mình. Nhưng nếu vợ ông mang những kiểu áo ấy ra mặc thì ông sẽ là người đầu tiên la trời là đã vô phúc lấy phải một thứ người mà cái ngôn ngữ của những người lương thiện như ông chỉ có thể gọi là con đĩ. Ông Văn Minh không coi bằng cấp ra gì, nhưng các bạn ông lẽ dĩ nhiên phải là tiến sĩ, đốc tờ, giáo sư, và tuy ông thường tuyên bố là những người của giới bình dân là những người duy nhất có một giá trị đích thực, nhưng nếu bị tình thế bắt buộc phải gả em gái mình cho Xuân Tóc Đỏ thì ông cho là không có cái họa nào lớn hơn và vội vàng dùng mọi cách để chôn vùi cái dĩ vãng ma cà bông của thằng em rể trời giáng ấy đi và sắm cho nó cái danh giá mới toanh của một giáo sư quần vợt. Còn cô Tuyết, em gái ông, thì cả phố biết rằng cô là một thiếu nữ tân thời, tự do và phóng túng. Nhưng ai ở trong cuộc, như Xuân Tóc Đỏ, cũng biết rằng đến lúc phải ban cái "ân huệ cuối cùng" thì cô lại tỏ rằng cái tự do của cô là một tự do có giới hạn, và cô quả không uổng là con nhà gia giáo. Nói tóm lại, cái gì V.T.P đả kích trong những con người Âu Hóa ấy, không phải là sự Âu hóa mà là tinh thần bảo thủ của họ. Cái phong trào Âu hóa của họ chỉ là một cái mốt nghĩa là một vở tuồng nhất thời. Và họ chỉ là những tên hề đang đóng trò trên sân khấu xã hội.

II. MỘT THẾ GIỚI PHƯỜNG CHÈO:

Nhưng họ như đã sắp quên là họ đang đóng trò, và cái tinh vi của V.T.P là cho người ta thấy họ cũng thành thực trong những luận điệu tiến bộ như trong những lập trường bảo thủ nghĩa là trong họ vai trò mà họ phải đóng đã gần trở thành con người thứ hai. Cho nên tuy vẫn biết là họ giả dối mà người ta không thể bảo họ là những người lường đảo, và như V.T.P nói "Ông Văn Minh cũng không biết là cứ lừa dối mãi người khác thì cuối cùng mình lừa dối đến cả mình mà không biết; cũng như Xuân Tóc Đỏ cũng quên mất rằng nó chỉ là một ông Đốc giả hiệu, một ân nhân giả hiệu của nhà cụ Hồng, một vỹ nhân giả hiệu của xã hội. Sự giả dối dần dần được tự nhiên hóa và "Số Đỏ" cho người ta thấy lịch trình của sự biến hóa ấy nó như thế nào. Nó mô tả một xã hội trong ấy mọi người cố gắng mê hoặc lẫn nhau để rốt cuộc lại trở thành nạn nhân của cái công mê hoặc của mình. Và khi truyện chấm hết thì người ta thấy họ sắp sửa bắt tay nhau và rối rít khen nhau một cách rất thành thực là cấp tiến, là bình dân, là thượng lưu trí thức v.v... Nhưng V.T.P đã cho người ta biết rằng họ chỉ là những tên hề. Không những ông đã tố giác những cái rởm của họ mà, xa hơn nữa, sự giả dối căn bản của vở tuồng xã hội mà họ đang diễn ra. Cho nên người ta không ngạc nhiên thấy lần này ông bỏ cái lối tả chân "tô đậm nét chì" đã làm ông nổi tiếng trong những truyện trước để chọn cái trào phúng hợp với chủ đích mới của ông hơn. Tại công việc giờ phải là tố giác cái thối nát của xã hội để thúc đẩy sự cải cách mà chính cái ảo tưởng của những người có chủ trương cải cách nó. Cái trào phúng ở đây là một yêu sách của chủ đề. Và cái xã hội trong "Số Đỏ" xuất hiện như một xã hội phường chèo. Hay đúng hơn thì V.T.P đã phường chèo hóa xã hội để nó có thể tự nhận ra mình một cách dễ dàng hơn.

1. Sự phường chèo hóa ấy bắt đầu ngay trong cách trình bày truyện. Truyện, như người ta biết, chia ra làm nhiều chương. Và nội dung mỗi chương được tóm tắt trong vài câu khôi hài để lên đầu. Cái lối trình bày rất cổ và ước lệ ấy, như thể câu truyện sắp kể là truyện của một thời đại khác, ngược lại những kỹ thuật tả chân mới mà mục đích là đột ngột ném độc giả vào giữa truyện không để cho người ta kịp thở, tố giác tính cách xếp đặt trước của tuyện và là một cách kêu gọi trong người đọc cái tự do và óc phê bình.

2. Những cái được đặt ở đầu mỗi chương ấy cũng có một tác dụng khác là tách hẳn chương này với chương khác. Mỗi chương đánh dấu một giai đoạn của truyện. Nhưng những cái tựa ấy lại giới thiệu mỗi

chương như một cảnh độc lập. Và thật ra thì không những trong "Số Đỏ" sự chuyển tiếp giữa những chương gần như không có mà giữa những chương người ta cũng không thấy có một quan hệ cần thiết nào. Người ta nhảy từ chương này sang chương khác. Ở mỗi chương người ta lại gặp nhân vật ở một hoàn cảnh mới. Sự đứt quãng ấy giữa những chương gián đoạn cái đà của chuyện, làm nó mất cái liên tục tự nhiên mà những kỹ thuật tả chân cổ điển cố cho người ta ảo tưởng, và từ chối lôi cuốn độc giả để duy trì nó trong một sự ngạc nhiên thường trực. Nhưng trước hết nó có sự tiến triển của tuyện cái nhịp "nhảy chân sáo" của những vở hề. Xuân Tóc Đỏ ở mỗi chương làm thêm một việc giả dối và sau mỗi việc giả dối lại tiến thêm một bực trên cái thang xã hội và, cứ thế mãi, một cách máy móc cho đến bậc thang cuối cùng. Con người khi ấy thật là tổng số của những giả dối của nó. Nhưng người ta đã bảo rằng ấy là một thế giới phường chèo.

3. Tính cách phường chèo ấy không chỉ có trong cốt truyện. Nó xâm nhập mọi sự kiện và ngay cả ngôn ngữ của nhân vật. Ấy là một ngôn ngữ nghèo nàn và máy móc và những nhân vật trong truyện như chỉ biết nói như vẹt một vài câu nhất định. Không kể đến những "em chả", "biết rồi, khổ lắm, nói mãi",, "ngài là một người chồng mọc sừng", "chúng tôi rất hân hạnh", "làm hại một đời con gái" lúc nào cũng có thể đột ngột xuất hiện giữa truyện một cách vô lý và khôi hài thì từ những mẩu đối thoại giữa cô hàng mía và Xuân Tóc Đỏ (pha lẫn cải lương và hát trống quân) đến những danh từ cấp tiến và hùng hồn của ông Văn Minh và đồng bọn có chỗ nào là người ta gặp một ngôn ngữ tự nhiên? Nhất là cái ngôn ngữ của Xuân Tóc Đỏ thì ai cũng biết rằng nó hoàn toàn là một ngôn ngữ mượn và chắp nối bằng tất cả những câu vụn vặt nó đã nghe lỏm và học được từ thời vác loa rao hàng cho ông vua thuốc lậu cho đến ngày nó gia nhập nhóm ông Văn Minh. Và người ta cũng không quên rằng cái việc đầu tiên của nó, trước khi gia nhập phong trào cải cách xã hội của mấy ông thượng lưu trí thức là phải học thuộc lòng những câu như "thất đáy, nở ngực, nở đít là lời hứa", "hở tay, hở ngực, hở đùi là chinh phục", v.v... Nhưng bài học tiến bộ ấy của Xuân Tóc Đỏ làm người ta nghi ngờ cái ngôn ngữ tiến bộ ấy của ông Văn Minh và đồng bọn. Họ cũng chỉ là những con vẹt như Xuân Tóc Đỏ và Xuân Tóc Đỏ, một khi đã thành thuộc cái ngôn ngữ ấy rồi, thì cũng sẽ chẳng khác gì họ.

4. Cử chỉ của nhân vật, trong *"Số Đỏ"* lại càng máy móc nữa và đều như rập theo một khuôn mẫu đã định sẵn. Khi truyện bắt đầu thì người ta đã thấy ngay, trên sân quần, mấy nhà thể thao chơi quần vợt "một cách uể oải như những nhà thể thao khác". Sự so sánh lạ lùng ấy chợt

biến cái sân quần ra một sân khấu và cái gì người ta thấy là các nhân vật đang chẳng làm gì hơn là đóng vai trò của những nhà thể thao. Và suốt cuốn truyện sự so sánh ấy sẽ trở lại với mỗi nhân vật. Chẳng hạn cơn thịnh nộ của bà Phó Đoan phải là cơn thịnh nộ của một me tây chân chính, ông Phán giây thép phải tháo lui một cách bí mật như những người chồng mọc sừng khác, và cụ Hồng có ngồi xuống thì cũng phải lật đật như một cụ cố chính hiệu. Con người xã hội xâm lấn và ám ảnh con người thực của mỗi nhân vật và cái gì V.T.P tố giác trong cử chỉ và ngôn ngữ của họ là cái vai trò mà mỗi người đang đóng cho chính mình và cho nhau coi.

5. Tính cách phường chèo, như ta thấy, ở ngay tận gốc của đời sống trong thế giới ấy. Nó làm cho xảy ra những sự kiện khó tin nhất. Chỉ trong thế giới ấy thì các ông thầy bói mới đoán trúng, chỉ trong thế giới ấy thì thuốc thánh đền Ba Đanh mới có công hiệu và chữa được người ốm sắp chết, chỉ trong thế giới ấy thì các ông cảnh sát mới cả ngày không biết làm gì hơn là bắt phạt lẫn nhau và lo việc tranh giải đua xe đạp. Xa hơn những tập quán của thời đại ông, tác phẩm của V.T.P nhằm một cuộc phê bình chính trị, và cái gì ông tố giác là Nhà nước Bảo hộ thời bấy giờ.

III. MỘT PHÊ BÌNH CHÍNH TRỊ:

Ở đây người ta có thể đặt một nghi vấn là cái trào phúng có phải là phương tiện công hiệu nhất trong việc tố giác ấy không? Cái trào phúng có thể dùng để tố giác những cái rởm xã hội. Nhưng để chống một chế độ thì người ta có thể nghĩ rằng công việc duy nhất phải làm là công bố những tội ác của nó. Đằng này cái gì người ta thấy là một thế giới trong ấy những ông cảnh sát chỉ để làm cảnh và cả ngày chỉ có một việc là cưỡi xe đạp lượn phố, trong ấy nhà nước không có việc trọng đại nào hơn là tổ chức những đại hội thể thao và phát những bội tinh, trong ấy nếu có ai bị bắt thì không phải là cộng sản và quốc gia, mà là những người thân Tây, muốn làm như những người Tây ở bên Tây, nghĩa là gặp ai cũng dơ tay như muốn đấm người ta và tung hô nước Pháp dân chủ vạn tuế! Nếu chế độ Pháp thuộc quả thật như V.T.P kể thì ai còn muốn chống lại nó nữa? Và cái trào phúng của V.T.P, trong một việc quan trọng như vậy, thoạt tiên có thể coi là khả nghi. Nhưng người ta có thể nghĩ ngược lại rằng những tội ác của kẻ cai trị không phải là điều đáng quan tâm nhất. Nếu không ác thì làm sao họ lại có thể cai trị? Và càng ác thì họ lại càng tự cô lập và càng thúc đẩy sự sụp đổ của họ. Nhưng họ

trở nên nguy hiểm hơn khi họ ẩn lấp sự cai trị của họ dưới những danh từ cấp tiến. Cái trào phúng khi ấy lại cần thiết. Nhạo báng những danh từ cấp tiến ấy là đánh ngay vào căn bản nghĩa là những minh chứng ý thức hệ của chế độ, và một mặt khác, thức tỉnh những người có thể bị những minh chứng ấy cám dỗ. Sự tố giác những tội ác của một chế độ thật ra thường bao hàm một ý chí đối thoại và cải tạo. Cái trào phúng trái lại, là một phủ nhận căn bản. Muốn hiểu ý nghĩa của cái trào phúng trong *"Số Đỏ"* thì người ta phải đặt tác phẩm ấy trong bối cảnh lịch sử của nó.

Ấy là thời ở bên Pháp Mặt Trận Bình Dân lên cầm quyền. Nhà nước Bảo hộ dưới áp lực của những phong trào khuynh tả, bắt buộc phải đưa ra những chủ trương rộng rãi và cởi mở. Và lẽ dĩ nhiên có những người VN nghĩ rằng có thể có một chính sách thuộc địa tiến bộ hơn. Cho nên ở VN khi ấy người ta cũng đua nhau Âu hóa, cải tạo xã hội; ca tụng bình dân. Tưởng cái thời Pháp – Việt đề huề trong tinh thần khuynh tả sắp đến nơi! Khi đọc *"Số Đỏ"*, người ta phải công nhận rằng V.T.P đã sáng suốt hơn rất nhiều người đương thời. Cái gì ông đã cho người ta thấy là cái phong trào cấp tiến ở VN chỉ là một trò hề. Nhà nước Bảo hộ có thể dung túng những người cấp tiến theo kiểu ôngVăn Minh, cấp tiến như một cái mốt, trong sự tôn trọng dư luận và trật tự xã hội. Nhưng nếu bọn khỉ bản xứ ấy, không ý thức được sự thấp kém của mình, lại muốn cấp tiến thực sự, muốn làm như một người Tây ở bên Tây, thì nhà nước sẽ cho vào tù. Và lẽ dĩ nhiên thế là để bảo vệ truyền thống dân tộc, và 4.000 ngàn năm văn hiến của người An Nam chống lại cái bọn vong bản, vọng ngoại, nô dịch văn hóa mang những tư tưởng ngoại lai về thực dân xứ sở của mình. Cái gì người ta tưởng là một trò hề thật ra là kết quả một mưu toan kỹ lưỡng. Và trong những trang cuối cùng của *"Số Đỏ"*, tố giác một cách người ta không thể rõ ràng hơn sự lường đảo của nhà nước bảo hộ. Và người ta hiểu rằng V.T.P đã viết cuốn truyện ấy, không để yêu cầu một cuộc cải tạo xã hội, mà để cải tạo ngay những người, còn giữ ảo tưởng là dưới chế độ thuộc địa, có thể có một sự cải tạo thật sự nào. Những người ấy, nếu không bị tù, thì rốt cuộc cũng chỉ như ông Văn Minh nghĩa là vừa là nạn nhân vừa là đồng lõa của những mê hoặc của chế độ. Họ làm người ta nghĩ đến Xuân Tóc Đỏ khi bị nhốt trong một sở cẩm hạng bét, nó chê nhặng lên là nhà giam lụp xụp và tiếc rẻ những ngày nó bị nhốt ở cẩm quận nhất to hơn và oai vệ hơn...

IV. MỘT BÀI HỌC TẢ CHÂN CÒN CÓ GIÁ TRỊ:

Trong *"Số Đỏ"*, V.T.P đã đi từ một phê bình phong tục đến một phê

bình chính trị. Và chính sự phê bình chính trị sau cùng lại là nền móng của sự phê bình phong tục và giải thích nó. Qua cuộc phiêu lưu của Xuân Tóc Đỏ, V.T.P dẫn người ta từ nhà giam của một sở cẩm hạng bét đến những chỗ thâm nghiêm của Hội Khai Trí Tiến Đức, từ những chuyện nguyệt hoa trên hè phố đến những mưu toan bí mật của nhà nước, nói tóm lại, từ nấc thang chót của xã hội đến cái chóp bu của nó. Cái nhìn tổng quát ấy không thể không là một cái nhìn giản lược. Nhưng quan trọng trong việc tả chân không phải là cho người ta thấy những bức họa thực hơn là sự thực của những "miệng đời" nóng hổi mà là làm nổi bật lên những động cơ đích thực đang chi phối một xã hội và những người của xã hội ấy. Và người ta có thể nói rằng V.T.P đã thành công, trong chừng nào, ở trên những ích kỷ, những tham lam, những giả dối của những cá nhân, ông cho người ta thấy cái guồng máy chính trị đang bao trùm lên cả xã hội ta thời bấy giờ. Lúc Xuân Tóc Đỏ bước lên cái nấc cuối cùng của cái thang xã hội cũng là lúc những mưu toan của nhà nước được chỉ tên và truyện chấm dứt. Kiến trúc của truyện thật là tài tình. Nhưng nó không chỉ có một giá trị thẩm mỹ mà còn chứng tỏ một quan niệm tả chân mới trong ấy đối tượng không phải là vận mạng của một cá nhân cũng như không phải là xã hội mà là sự tương biến giữa cả hai.

2. Xã hội tạo ra những ông Văn Minh, những Xuân Tóc Đỏ, những cụ Hồng những cô Tuyết. Nhưng cái mới của V.T.P là cho người ta thấy những người ấy đã làm ra một xã hội như thế nào, khi họ nhận đóng những vai trò mà xã hội đề nghị cho họ trong vở tuồng của nó. Cô Tuyết không phải là một thiếu nữ tự do. Nhưng cô công khai đi "xăm" với trai để cả thành phố có thể tưởng cô là một "bán xử nữ". Cụ Hồng còn mạnh, nhưng lúc nào cũng mặc áo bông, đi đứng run rẩy, ôm ngực ho sù sụ, đếm tiền khi thừa khi thiếu để người ta tưởng cụ đã lẩm cẩm và coi cụ là một cụ cố chính hiệu. Và ngay cái bệnh nghiện của cụ cũng không phải là một bệnh. Cụ hút thuốc phiện thoại tiên chỉ để tỏ cho thiên hạ biết rằng cụ đã làm xong phận sự ở đời và giờ, con cháu cụ đã thành đạt, cụ chỉ còn có một việc là yên hưởng tuổi già! Ngay Xuân Tóc Đỏ thì vốn nó cũng không phải là một thằng bất lương. Nhưng như rất nhiều người, nó sẵn sàng đồng lõa với bất cứ một sự giả dối nào, nếu nó không thể tránh được và nếu, sự đồng lõa ấy có lợi cho nó. Không phải không có lúc nó ngần ngại và bị lương tâm cắn rứt. Nhưng sau cùng sự sợ cảnh sát, sợ thất nghiệp và nghèo đói đã làm nó ưng thuận tất cả. Cuộc phiêu lưu của Xuân Tóc Đỏ đáng cho người ta trình bày ở một mục riêng. Nhưng cái gì tôi muốn nhấn mạnh ở đây là cái nghệ thuật tả

chân mới của V.T.P. Ngay trong lúc nó tố giác những áp lực của xã hội trên cá nhân thì nó cũng tố giác sự đồng lõa với xã hội. Cá nhân làm nên xã hội và vận mạng của nó trong mỗi cử chỉ của nó. Và những cơn ho sù sụ của cụ cố Hồng cũng có ý nghĩa chẳng kém gì những câu tung hô "nước Pháp dân chủ muôn năm" của mấy chàng thanh niên nhẹ dạ.

3. Những nhân vật của V.T.P có giá trị của những type nghĩa là của những vai trò xã hội nhất định. Nhưng nếu họ chỉ là những type một cách tự nhiên, nghĩa là nếu họ đã thực đồng hóa với những vai trò của họ; như bà Phó Đoan chỉ là một người đàn bà đang độ hồi xuân, thì truyện của V.T.P đã chỉ là một bức họa khách quan nào đó của một xã hội nào đó. Nhưng cái tài và cái mới của V.T.P là cho người ta thấy những type ấy đã được cấu tạo như thế nào trong những cử chỉ của mỗi nhân vật, nghĩa là ông đã bắt gặp nhân vật vào lúc nó chưa tin hẳn vào vai trò của mình nghĩa là vẫn còn chưa quên hẳn là mình đang đóng trò. Ấy là lúc người ta có thể thấy một cách rõ ràng nhất tác động hổ tương giữa áp lực của xã hội, qua những vai trò nó đề nghị, và cái tự do của mỗi người. Cụ cố Hồng ngồi "lật đật như một cụ cố chính hiệu", chữ "như" ấy có nghĩa là cái vở tuồng xã hội mà người ta đang chứng kiến không phải là kết quả của một định mệnh éo le mà chỉ có thể tiếp diễn với sự ưng thuận của mỗi người chúng ta. Sự ưng thuận ấy biến vở tuồng thành sự thực và sự thực thành một vở tuồng, biến mỗi người chúng ta thành cái tổng số của những giả dối của mình và xã hội thành tổng số của những giả dối của mỗi chúng ta. Nhưng nếu thế, nếu những giả dối sau cùng cũng có thể cấu tạo thành một định mệnh thì có định mệnh nào không thể trả về cái hư vô của nó? Cái thế giới phường chèo ấy cho ta một bài học về tự do.

4. Lẽ dĩ nhiên V.T.P không phủ nhận áp lực của hoàn cảnh, môi trường và những sức mạnh tự nhiên. Cái đặc biệt trong *"Số đỏ"*, như người ta đã biết, là sau vai trò của những nhân vật, người ta không ngừng thấy sự có mặt thường trực của cái xã hội chung quanh. Và người ta cũng không thể chối rằng trường hợp của bà Phó Đoan, con người của những nhu cầu sinh lý thuần túy, đã đặt cho ông một nghi vấn rắc rối. Ở đây ông công nhận là hoàn cảnh và những qui luật sinh lý có tính cách quyết định. Nhưng sự trình bày, một cách khôi hài, của những giải thích khoa học ấy, tỏ rằng trong *"Số Đỏ"*, ông không còn ở trong một lập trường duy tự nhiên thuần túy nữa. Và khi ông cho người ta thấy bà Phó Đoan, sau bài diễn văn hùng hồn của Bác sĩ Trực Ngôn, sung sướng là từ giờ Bà "có thể dâm đãng một cách khoa học" thì người ta hiểu rằng, đối với ông ngay những qui luật sinh lý cũng cần có sự cộng tác của con

người. Thì mới có một hiệu lực trọn vẹn. Hoàn cảnh và môi trường không phải là kết quả của những mãnh lực vô danh của tự nhiên mà, như tính cách chính trị của truyện ông cho người ta thấy, cũng do những con người tạo ra. Và giờ người ta hiểu ý nghĩa sâu xa của cái cơ cấu gián đoạn của *"Số Đỏ"*. Cái gì V.T.P muốn, khi ông cắt đứt cái đà của truyện, và từ chối cho sự diễn biến của truyện cái liên tục của tự nhiên, là để giữ nguyên vẹn trong mỗi chương những có thể của nhân vật Xuân Tóc Đỏ không hề bị cái đà của truyện lôi cuốn và thúc đẩy. Ở mỗi chương người ta gặp nó ở một hoàn cảnh khác, ở mỗi chương nó lại có thể từ chối sự giả dối mà người ta đề nghị cho nó để trở lại bắt đầu từ số không nhưng ở mỗi chương, nó lại chọn một lần nữa sự giả dối. Và người ta không thể bảo rằng nó cứ ngáp ruồi mà trở nên một vĩ nhân của xã hội.

Người ta thường kêu rằng V.T.P tàn nhẫn. Cái tàn nhẫn ấy tuy nhiên không ở những bức tranh tô đậm nét chì như trong *"Giông Tố"* chẳng hạn mà ở *"Số Đỏ"* khi ở mỗi hoàn cảnh và mỗi cử chỉ của nhân vật ông tố giác sự đồng lõa của cá nhân với định mạng của mình. Và trong chừng ấy sự tàn nhẫn của ông dựa trên một lạc quan căn bản. Ấy là sự tin tưởng rằng định mệnh của con người ở trong tay nó và không định mệnh nào nó không gỡ nổi nếu ý thức rõ ràng những áp lực và những cám dỗ đang chi phối cuộc đời nó, trong mỗi hoàn cảnh, nó biết từ bỏ những ảo tưởng để chọn những có thể cụ thể.

ĐỖ LONG VÂN

(Bản tin Văn học Nghệ thuật do Nhóm Trình Bày (Sài Gòn) chủ trương - Bộ 1 Số 5 ra ngày 9 tháng 12 năm 1966 và được đăng lại trong Nghiên cứu Văn học số 1, tháng 11-1967)

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị Lương Thư Trung báo tin lễ thành hôn và vu quy của Trưởng nữ

Lương Huỳnh Phương Thảo

kết duyên cùng *Trần Anh Khoa*

Thứ nam của Ông Bà Trần Hữu Châu

Hôn lễ cử hành tại tư gia, thành phố Randolph tiểu bang Massachusetts Hoa Kỳ ngày 6 tháng Chín 2003

Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học xin chúc mừng Anh Chị Lương Thư Trung, cùng cầu chúc đôi bạn trẻ Phương Thảo-Anh Khoa trăm năm hạnh phúc.

THƠ TRONG "CÕI NGƯỜI TA"

Đỗ Long Vân

Cũng một chữ. Mà bao nhiêu người ngần ấy nghĩa. Ai cũng có một tự điển riêng. Hẳn có một lần anh cũng như tôi đã tính làm một cuốn tự điển riêng cho mình. Và định nghĩa những chữ của mình là một cách tự định nghĩa. Nhưng đâu chỉ có nghĩa không thôi! Còn tiếng thì thào ấy nữa, không như một tiếng nào; và có một anh nghe thấy. Ai nói được tất cả những gì thấy trong một chữ? Một chữ là một phần đời mà một đời có chẳng mấy chư. Vẫn có chữ chẳng bao giờ anh biết mặt và chữ anh ghét và chữ anh yêu. Ấy cũng tùy màu trời. Như chữ "*giới hạn*" [1] thì sao giời làm cho tôi nghĩ đến cái chật trong tù? Nó bảo tôi là một thế giới người mới dựng. Không hẳn là một thế giới có người ở. Một ngôi nhà chung giờ chỉ có thể là nơi của tất cả những hiểu lầm. Ai cũng biết rằng, để tránh những hiểu lầm ấy, có người đã nhận sống ngoài tất cả. Họ đổi ngôn ngữ làm một nơi tự đầy ải. Và thế, giờ gọi là thơ.

Thơ cũng là một cách dùng ngôn ngữ. Có ngôn ngữ mới có hiểu nhau. Nhưng sự thật ai chẳng biết ấy là một sự thật giở mặt. Vừa là một môi trường ngôn ngữ vừa là một quãng cách. Người và ta cách nhau một lời. Không nói thì không hiểu nhau. *Nói là đổi ta ra ngôn ngữ.* Chẳng của ta mà cũng chẳng của người thì ngôn ngữ chẳng là ai. Nó là cái "người ta" trong ấy cả người lẫn ta đều mất. Có hiểu nhau chăng nữa thì như thế cũng chỉ là hiểu lầm. Càng nói thì cái lầm ấy càng to. Người và ta càng xa nhau. Và càng sâu, giữa người và ta, cái hố nguyên thủy mà ngôn ngữ vừa dấu vừa đào. Như thế thì nói làm gì? Nói chỉ là nói dối. Là tự phản, là đeo mặt nạ, là đóng kịch, và đối thoại là một canh bạc bịp chỉ có người thua. Và thơ bắt đầu khi tất cả những chữ đều thừa.

Chưa có thơ. Mới có một con người thơ có một ý thức và một thái độ thơ. Nó từ chối cái địa ngục "người ta" của ngôn ngữ và, nhận quãng

cách nguyên thủy giữa người và ta, nó lùi trong cô độc và yên lặng. Rồi thì ra sao thì ra. "Làm thế nào được", như Nguyên Sa nói, và nếu không thích, *"thì người ta không thích một mình"* [2]. Nó đành chịu. Gì cũng chịu cũng là chẳng chịu gì. Và ngôn ngữ là cái nợ đời nó không trả. Cuộc đời là một vụ án trong ấy ai cũng muốn nói cho được. Nó là cãi cho ta một lý sống trong cõi người ta nầy. Là bảo ta cũng như người và, như người, ta cũng đáng sống. Yên lặng đổi con người thơ ra một kẻ sống thừa. Nó không có lý. Và cái tội sống của nó là cái tội đại toàn. Nó chịu thua án. Tại nó biết rằng tất những lý viện ra đều là những lý giả hiệu. Chịu thua không cãi, trong vụ án trá tác ấy; là cách độc nhất để kêu oan và đổi cái tội đại toàn ra ngây thơ tuyệt đối.

Ai muốn tin nó thì tin cả. Nó không có chứng và số ra, vô tội vạ, như đá và những cơn giông. Yên lặng của nó là bạo động. Là thách là rỗi, là ăn vạ và gào lên rằng tôi như thế thì ai muốn làm gì thì làm. Một mất một còn, nó không biết điều và, như người chơi bạc – nếu văn xuôi đẹp như một ván cờ – nó giao đời mình chờ lòng người sấp ngửa. Vẫn biết nó chỉ tự trói làm nạn nhân cho người để không ai làm gì được nó nữa và giữ vẹn tự do và cô độc. Nhưng khi nó cô độc nhất và kín như đa và xa anh nhất cũng có khi nó gần anh nhất và, chẳng giữ mình, để tất cả tùy anh. Nó chỉ yên lặng chờ. Và xin anh đừng hỏi. Sao cứ phải hỏi và trả lời? Ngôn ngữ làm xa nhau. Ấy là *"những đường tàu vướng víu như chỉ tay"* trong ấy lạc những mặt người đi tìm nhau không thấy. Nó không nói để có lại thì tự nhiên anh lại:

"... bằng một lối rõ thật gần
bằng một lối gần hơn con đường cong
bằng một lối gần hơn con đường thẳng".

Con đường gần nhất ấy, con đường mà Nguyên Sa không dám gọi tên như e không thể có, con đường sét đánh ấy là con đường của thơ. Và của tình yêu.

Đỗ Long Vân

(Trích Tạp chí Đại Học (Huế) số 2 tháng 4-1961 năm thứ 4)

[1] "Giới hạn" cũng là tập thơ đầu của Nhất Lễ

[2] Thơ Nguyên Sa.

NHỮNG ĐỒ BẰNG CHẤT GIẺO

Đỗ Long Vân

Ít lâu nay người ta thấy những cửa hàng tạp hóa tràn ngập những đồ bằng chất giẻo. Người ta bán chúng khắp nơi: trên những vỉa hè, đầu đường và xó chợ. Thôi thì từng đống đủ các màu: xanh, đỏ, trắng, tím, vàng. Sự sặc sỡ ấy như nói lên một sự phong phú. Nhưng những đồ bằng chất giẻo lại là những đồ rẻ tiền. Giá rẻ, và có lẽ tại thế mà trong bản chất cũng rẻ nữa. Và lạ thay! dấu hiệu của sự rẻ tiền ấy lại chính là sự sặc sỡ của chúng: màu nào cũng rúc lên như tiếng còi.

Ở một đồ dùng thường người ta chờ một cái gì khiêm tốn hơn: khi cần thì sẵn sàng có đó, nếu không thì cũng ở đó, nhưng kín đáo và như lẩn vào cảnh trí xung quanh. Sự sặc sỡ của những đồ bằng chất giẻo đi ngược lại tất cả những ước lệ ấy. Nó cho chúng một sự có mặt inh ỏi. Thật là mất dạy và, như người ta nói, thật là quê. Quê, theo nghĩa của người ta lẽ dĩ nhiên, là cái tính phô trương của những người không có, cho nên có gì là mang tất cả ra khoe. Ngược lại cái gì nó thường gợi cho người ta, chữ "quê" ấy trong miệng của dân trưởng giả, lại chỉ định cái nông cạn, cái vay mượn, cái giả tạo của những kẻ học làm sang. Nhưng người sang thực, giàu thực, giỏi thực sẽ kín đáo hơn. Càng tự phô trương, những đồ bằng chất giẻo càng chứng tỏ sự nghèo nàn của chúng. Ấy là những đồ sản xuất đặc biệt cho những người nghèo mà sự nghèo, người ta nghĩ, sẽ xô họ theo cái sặc sỡ bề ngoài ấy.

Một đặc tính của chất giẻo là chúng có thể mượn những thể rất khác nhau. Nhưng nhìn vào những cửa hàng bán những đồ bằng chất giẻo thì người ta thấy rằng sức biến hóa ấy đến giờ vẫn chưa có ai nghĩ cách lợi dụng để sáng tạo ra những thể méo mó, mà theo những tiêu chuẩn của thời đại, người ta cho là nên thơ và mỹ thuật. Ấy cũng là một ân huệ hiếm hoi mà người ta thừa hưởng được ở trí tưởng tượng nhàn hạ

và có tiết kiệm của các nhà sản xuất. Nhờ những đức tính ấy, công dụng của chất giẻo vẫn không ra ngoài cái việc thay thế những nguyên liệu cổ điển, nhưng đắt tiền hơn, trong sự sản xuất những đồ dùng cũng cổ điển như thế và những đồ chơi. Ngay trong lãnh vực đồ chơi là chỗ có thể phóng túng hơn thì người ta cũng chỉ quanh quẩn trong sự tái bản với một kích thước thu nhỏ, những thể của những đồ và những vật sẵn có: và người ta có nào lợn nào súng nào mã tấu bằng chất giẻo.

Một khẩu súng bằng chất giẻo, trông cái thể của nó cũng giống một khẩu súng thật. Nhưng một khẩu súng thật là một vật gồm nhiều bộ phận lắp vào nhau. Ấy là một cơ quan như đa số những đồ dùng và đồ chơi. Những đồ bằng chất giẻo trái lại thường là những đồ đúc liền một tấm: không có chỗ nào lắp, chắp, nối và cũng không có chỗ nào để tháo ra. Sự thiếu những ấn tích nhân văn ấy cho chúng cái vẻ mầu nhiệm của những sản phẩm tự nhiên và của phép lạ. Nhưng ấy chỉ là một giả tự nhiên, tại những đồ ấy chỉ là những cái vỏ bắt chước, nhẹ bỗng và rỗng không. Cái phép lạ cũng chỉ là phép lạ của hóa học và của cơ khí. Cho nên cái vẻ nhiệm mầu ấy lại có một cái gì khả nghi và làm người ta khó ở: ngược lại cái cảm giác người ta có khi một vật nào tình cờ lại có thể dùng trong một việc khác hẳn cái việc người ta vẫn chờ ở nó. Khi ấy người ta có cái cảm tưởng lạ lời là chính tự nhiên đã làm sẵn những dụng cụ cho con người.

Những đồ bằng chất giẻo trong cái giả tự nhiên của chúng, trái lại, có thể gọi là những phản dụng cụ. Một dụng cụ cũng như bất cứ một đồ vật nào xứng với tên gọi, người ta muốn nó cưỡng lại người ta. Ít nhất thì nó cũng phải có một trọng lực nào để người ta tin rằng nó có thực là một đồ chắc chắn. Nhưng những đồ bằng chất giẻo thì nhẹ không. Cầm lên, người ta có một cảm giác thiếu hụt như hớp phải không khí, bước hụt vào một khoảng trống. Ấy không phải là những đồ vật bướng đầu mà, khả nghi hơn, những đồ vật phản trắc. Không biết ai đã tinh quái nghĩ ra làm những quả tạ bằng chất giẻo cho trẻ con chơi! Nhưng việc gì phải đi xa như thế? Người ta chỉ cần nghĩ đến những thanh gươm, những khẩu súng, những cái ly ọp ẹp và ỉu sìu ở trong tay. Người ta muốn một đồ vật phải cưỡng lại người ta để sự thuần thục đến sau sẽ đến như kết quả của một công trình uốn nắn và làm thân dần dần. Nếu nó lại có vẻ thô kệch thì càng tốt hơn nữa! Người ta sẽ có ảo tưởng là được tiếp thông với một cái gì nguyên thủy, chất phác, chân thực. Nhưng làm sao làm thân và uốn nắn được những đồ vật mà yếu tính là sự lẩn tránh và sự thoái thác? Chúng lại thường có vẻ đều đặn và nhẵn và bóng, không phải cái bóng của những đồ dùng lâu ngày lên nước, mà của những đồ mới ở xưởng

mang ra. Tất cả những đặc tính ấy cho chúng một cái vẻ tự túc, ngăn cách, xa lạ. Ấy là những vật lúc nào cũng như mới, không sợ bị vỡ, sứt, mẻ, bẩn thế nào cũng chùi được, và bóp méo bao nhiêu sau cùng cũng trở về thể cũ. Thời gian trôi trên chúng như nước đổ đầu vịt, và sự thật, thì chúng không thấm nước. Nói tóm lại, ấy là những đồ mất dậy, không phải những đồ để dùng mà, như sự sặc sỡ của chúng cho người ta thấy, những đồ để nhìn. Văn minh của con mắt, của sự trình bày, của bề mặt? Một mẩu là một nhãn hiệu, cái bình xanh đựng muối và cái bình đỏ đựng đường, ít nhất thì những màu khác nhau cũng cho phép người ta phân biệt giữa những đồ dùng cùng một loại, nhưng dùng trong những việc khác nhau. Nhưng những thanh gươm, những khẩu súng, những con mã tấu xanh, đỏ, trắng, tím, vàng ấy để làm gì? Người ta có cảm tưởng là đi xem một cuộc triển lãm siêu thực chống chiến tranh. Sự mai mỉa tuy nhiên là để chống lại chiến tranh người ta chỉ có những khí giới tô màu ấy. Những người làm chiến tranh và sống bằng chiến tranh vẫn có những khí giới thực.

Hơn bất cứ một đặc tính nào khác, cái sặc sỡ của những đồ bằng chất giẻo đã tố giác ngay sự giả tạo của chúng. Hình như chúng được làm ra không để tái bản mà để nhạo lại những đồ dùng thực mà chúng đã lấy làm mẫu. Ấy là những sản phẩm đặc biệt của một nền văn minh tự hào là sản xuất cho quần chúng. Nó sản xuất những đồ dùng thực cho những con người thực nghĩa là những ông chủ. Cho quần chúng; nó có những đồ bằng chất giẻo sặc sỡ. Quần chúng cũng tham dự vào sự thịnh vượng chung, nhưng sự tham dự ấy chỉ là một sự tham dự bằng con mắt, như khi đi xem ciné, người ta tham dự vào những thế giới những cô gái tóc vàng, những *téléphone* trắng và những xe thể thao. Cho nên nếu sự sặc sỡ có thể là tiêu ký của sự thịnh vượng thì những con người thực vẫn cười chúng ta tại họ biết rằng nó chỉ là dấu hiệu của sự rẻ tiền.

ĐỖ LONG VÂN

Tạp chí Đất Nước (Sài Gòn) số 2, tháng 12/1967, Mục Thế Đó

Nhà xuất bản **Văn Mới** vừa phát hành năm tác phẩm mới:
Tìm trăng đáy nước, tập truyện của Phạm Hải Anh
Made in Vietnam, truyện của Thuận
Ở một nơi khác, tập truyện của Hàn Song Tường
Thương nhớ hoàng lan, tập truyện của Trần Thùy Mai
Bên lưng những con chử, tập truyện của Song THao

Điểm sách:

"KHUÔN MẶT" HAY LÀ TÂM SỰ TIỂU TƯ SẢN TRONG THANH TÂM TUYỀN

Sáng tạo xuất bản – 1964

Đỗ Long Vân

1. LÀM VĂN NHƯ MỘT SỰ PHẢN BỘI.-

Người đàn bà ấy đã viết mấy cuốn sách. Các báo đã phỏng vấn mụ. Và vinh dự to lớn ở xứ này, người ta đã sánh mụ với một văn sĩ ngoại quốc. Nói tóm lại mụ đã được xã hội công nhận là văn sĩ. Xã hội gán cho mụ một nhãn hiệu. Ấy là cách công hiệu nhất để nhốt mụ trong một vai trò. Nhưng mụ lấy vài trò ấy làm thực. Và sự ghê tởm bắt đầu. Mụ đi như một văn sĩ, mụ đứng như một văn sĩ, mụ ngồi như một văn sĩ. Hơi thở, tình cảm, ý tưởng ngôn ngữ của mụ cũng của một văn sĩ. Và tấm ảnh của mụ "bộ mặt thò lên sau một cái bàn giấy sau lưng là tủ sách đóng gáy da, tay đang cầm bút đặt ngòi trên một thiếp giấy nhìn thẳng vào ống ảnh, thì thật là văn sĩ từ đầu đến móng chân. Nhưng mụ đã đóng kịch mà mụ không biết. Mụ đã bị văn sĩ hóa trong khi mụ nghĩ rằng mụ là một văn sĩ thật. Ảo tưởng ấy tuy nhiên trả mụ cho thế giới của những người lương thiện. Nếu mụ là văn sĩ thì, quả vậy, sự làm văn của mụ không còn là một tuyển định tự do nữa để cũng vô tội vạ như một sản xuất của thiên nhiên. Mụ làm văn như cây táo ra quả táo. Và được sự công nhận của xã hội, mụ lại có thể nghĩ rằng văn của mụ thực là văn nghĩa là có mang thực chất văn, cái văn muôn thuở mà chỉ những người, như mụ, vốn là văn sĩ, mới có đặc quyền mang lại cho thế gian. Nếu có một thứ văn muôn thuở thì sự làm văn là một việc thiêng liêng và đương nhiên đáng làm, và mụ, người làm văn, xứng đáng được tiếp

đón như sứ giả của một trời chân lý. Lẽ dĩ nhiên thế chỉ là một ảo tưởng nữa. Nhưng có những ảo tưởng ấy mụ có thể yên tâm viết mà nghĩ rằng việc của mụ làm là thuận đạo trời và lẽ của tự nhiên. Mụ có thể đẹp. Ấy là cái đẹp no và tốt lành của những người suốt đời cảm thấy mình lương thiện.

Nhưng làm văn đâu có phải là một công việc lương thiện. Cạnh người nữ văn sĩ đẹp, Thành Tâm Tuyền, trong tập *Khuôn Mặt*, cho người ta thấy một người nữ văn sĩ xấu. Mặt nàng gồm những nét gảy và góc nhọn". Sự xương xẩu ấy có một cái gì nghịch tự nhiên. Nó của một người đã chọn làm văn như một việc không tự nhiên đáng làm. Mà thật thế. Làm văn là từ chối sống, ngoảnh mặt đi trước tiếng gọi của thực tại và thiêu hủy mình cho những từ ngữ nghĩa là gió và chân không. Cho đến khi chỉ còn là một tấm thân khô sác. Không có công việc nào tiêu cực hơn. Và người làm văn xuất hiện như một người phản bội. Không những hắn đã phản bội những yêu sách ích lợi của xã hội mà, sâu xa hơn nữa, hắn còn phản bội sự tốt lành của những gì có thực. Hắn biến thế giới ra từ ngữ, ra ý nghĩa, nói tóm lại, ra những sự trừu tượng và không có. Ấy là chỗ người làm văn giống người cách mạng. Và không phải ngẫu nhiên mà yên, người nữ cán bộ ngực lép, cũng xương xẩu như người nữ văn sĩ xấu mới rồi. Cả hai đều từ chối sống cho thực tại. Khác là chỗ sự từ chối của người cách mạng để xây dựng một thực tại mới đẹp hơn, trong khi người làm văn, từ chối thực tại, chỉ đi tới chân không. Làm văn làm gì, khi ăn một bát cháo nóng còn thiết thực hơn? Suốt tập *Khuôn Mặt*, Thanh Tâm Tuyền đã lên án tính cách vô dụng của sự làm văn. Anh không phải là người đầu tiên. Nhưng có lẽ người đầu tiên anh thấy rằng cái phần chân thực nhất của sự làm văn là ở sự vô dụng ấy. Xưa những người chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật cũng nghĩ rằng cái cao quý của văn, cũng như của tất cả những nghệ thuật khác, là nó không có một ích lợi nào. Nhưng họ còn có ảo tưởng rằng họ phụng sự một cái đẹp muôn đời. Và thế thừa đủ để minh chứng cho việc làm của họ.

Sự chân thực của người nữ văn sĩ xấu trong T.T.T. trái lại, là ý thức được rằng làm văn không có gì minh chứng được cả, là từ chối tất cả những minh chứng, và đảm nhiệm hoàn toàn sự phản bội của mình. Ác nghiệp ấy của sự làm văn mấy người dám nhìn thẳng? Nhưng người làm văn, để mang ác nghiệp ấy đến cùng, có thể còn đi xa hơn nữa: là phản bội ngay sự làm văn. Là trở thành một thứ văn sĩ. Chọn thất bại chẳng phải là chọn sự phản bội tuyệt đối sao? Cái chân không tuyệt đối. Sự không có lý tuyệt đối. Ở một thế giới ai cũng thấy mình có lý hơn kẻ

khác thì cám dỗ của Lưu, trong chuyện Isabelle, là trở nên một người tuyệt đối không có lý. Nhưng sự tuyệt đối không có lý ở đâu nếu không ở trong sự yên lặng của những đồ vật? Và trước sự yên lặng ấy thì tất cả những lý của người ta thật là nhẹ như chẳng là gì. Hóa ra ở chỗ tuyệt đối không có lý lưu lại khám phá ra cái chân không của tất cả những lý, và cái chân không tuyệt đối mà sự phản bội dẫn anh tới trả anh cho sự yên lặng rất đầy của thế giới cụ thể. Anh bỏ cách mạng, bỏ sự làm ăn, bỏ những ảo ảnh của sân khấu. Tất cả những cách ý nghĩa hóa cuộc đời để trở về với "cô Ba hiền khô", với con chó già nằm phục bên cối đá, với khoảng đất sũng nước, con kinh đầy..."

2. Ý NGHĨA VÀ THỰC THỂ.-

Tất cả những thứ ấy đều yên lặng. Tất cả những thứ ấy không có nghĩa. Nhưng tất cả những thứ ấy đều có thực. Và tập *Khuôn Mặt* dựng trên sự ly gián ấy giữa ý nghĩa và thực thể. Không phải ngẫu nhiên mà chuyện Đại Lộ đã mở đầu cho cả tập trong cái tĩnh của một viên gạch lát hè. Ấy là chuyện một nhóm người trẻ tuổi ở Hà Nội thời tạm chiếm. Cái đề tài đã cũ. Mà Thanh Tâm Tuyền cũng không mang lại một chi tiết nào mới. Tệ hơn nữa, những nhân vật lễ phép, kiểu cách và rất tương đắc ấy có một vẻ gì tiền chiến quá và như đã lỗi thời. Họ là bạn nhau. Nhưng trong giai đoạn ấy của lịch sử, mỗi người đã chọn một con đường, người thì xuất ngoại, người thì kháng chiến, người thì làm thơ, nhưng mặc dầu có những bất đồng ý như thế, người ta thấy họ vẫn tôn trọng lẫn nhau và giữ nguyên tình bạn. Một tình bạn không cần ngôn ngữ. Họ nói với nhau rất ít. Hay có thì cũng chỉ là những mẫu đối thoại rất tế nhị. Chẳng hạn, trong một buổi đi chơi trên đại lộ vắng vẻ, Châu hỏi Vĩnh: "Anh Tâm nói ít nhỉ". Vĩnh hơi suy nghĩ "Vì anh ấy làm thơ" "Ồ: thi sĩ nghĩa là làm thơ. Vậy chắc anh đương làm thơ, anh đọc cho Châu nghe xem nào". Cả Vĩnh và Châu đều quay về tôi. Tôi bước thêm vài bước. Đến một chỗ ánh sáng rõ tôi nhìn xuống hè đường. Một giòng số ghi trên viên gạch lát: 1934. Suốt trong buổi ấy tôi chỉ nói được một lời như thế này: "Viên gạch của bờ hè Đại Lộ này hôm nay được 18 tuổi khi chúng tôi đi qua. Tôi tưởng sẽ nghe tiếng Châu cười, nhưng không, trong luồng gió lạnh chỉ có một tiếng Vĩnh. Châu yên lặng lạ lùng. Tôi rất hối hận vì câu nói vô nghĩa của tôi... "Thật là tế nhị, thật là kiểu cách, thật là khó hiểu. Nhưng người ta hiểu rằng cuộc sống thực ở trong yên lặng và thơ là một cố gắng để trở về cái yên lặng nguyên ủy của mọi vật. Viên gạch ấy chẳng hạn có nói gì đâu? Nhưng nó vẫn sống. Và

sự sống ấy thực hơn tất cả những gì người ta có thể nói về nó. Tâm ít nói tại anh là thi sĩ. Châu yên lặng tại Châu đã bắt đầu yêu Tâm. Và khi 2 năm sau, cũng trên mặt gạch ấy, 2 người gặp nhau lần thứ nhì mà cũng là lần cuối cùng, để từ biệt và yên lặng thú nhận rằng họ đã yêu nhau tuy một người sẽ ở lại Hà Nội và một người sẽ di cư, người ta chợt hiểu rằng thế giới của Đại lộ, trong cái không khí lỗi thời của nó, là thiên đường cuối cùng trong ấy những ý tưởng không làm người ta quên con người thực của nhau và, trong sự tịch mịch của một viên đá lát hè, còn có thể có sự tương đồng giữa con người thực ấy, con người cách mạng và con người làm thơ.

Nhưng chuyện Isabelle, tiếp theo, chấm dứt ảo tưởng ấy. Yến người cách mạng, và Lưu không thể chung sống. Và khi quay về cuộc sống cụ thể ở bên con kinh đầy, Lưu lên án tham vọng của Yến và của mình như những cố gắng để tiểu thuyết hóa cuộc đời. Người thì làm văn, người thì làm cách mạng, mỗi người một cách, họ đã muốn cho đời mình một ý nghĩa. Nhưng tại sao lại sống theo một ý nghĩa? Ý nghĩa là tiểu thuyết, là ảo tưởng, là chân không, là sự phản bội cuộc đời. Chẳng hạn, trên một chuyến xe buýt đông người, một người đàn bà thò tay lấy cái bút máy của người bên cạnh. Cử chỉ ấy trước mắt mọi người đều có một ý nghĩa hiển nhiên: ấy là một cử chỉ ăn cắp. Nhưng nếu mọi người đều tin ở sự ăn cắp ấy như một sự kiện khoa học thì Nghệ có cảm tưởng là chỉ "thấy những bóng ma"? Ăn cắp đâu có phải là cái nghĩa tự nhiên của cử chỉ ấy? Nó chỉ có cái nghĩa ấy trong một thế giới của tư hữu. Tự nó thì nó cũng chẳng có gì lạ hơn bất cứ một cử chỉ nào khác. Và người ta hiểu tại sao, tuy đã chứng kiến cử chỉ ấy, Nghệ vẫn không dám tin là đã thấy nó. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền cũng như chàng Meursault trong L'Etranger tuyệt đối sống ngoài ngôn ngữ của giống người. Và không phải ngẫu nhiên mà Thanh Tâm Tuyền đã là người khai mạc sự khủng hoảng ngôn ngữ ở xứ này và người đầu tiên đã dùng thơ làm một công trình phá hủy ngôn ngữ để đạt tới, trong mọi vật, sự vô nghĩa nguyên ủy của chúng.

Tất cả tập *Khuôn Mặt* cũng gọi người ta trở về sự vô nghĩa ấy. Xã hội lên án người này là ăn cắp, người kia là gái điếm, người kia nữa là phản quốc. Nhưng tất cả những danh từ ấy có gì là thực đâu? Thực là con người xương máu của mỗi người. Và trước cái thây cháu còng queo của Quang, một anh chàng làm công an cho Tây, thì cái chữ phản quốc có nghĩa gì? Con người bày ra những ý nghĩa, những giá trị, những lý tưởng để sống theo. Nhưng tất cả những thứ ấy, trong sự trừu tượng của chúng, là những mãnh lực của cái chết. Chúng đốt khô thân thể của Yến,

người nữ cán bộ, cũng như của người nữ văn sĩ xấu. Trong chuyện *Khuôn Mặt*, chúng ly gián những người yêu. Ông giáo già độc thân của chuyện mùa Hè tự giam mình trong một quan niệm tình yêu để làm cho đời mình héo dần. Thanh, trong truyện *Khuôn Mặt*, để trung thành với một người biệt tích, đã tiêu hủy tuổi trẻ của mình và chạy trốn hạnh phúc trong cái chết. Và cũng trong chuyện ấy, người ta thấy một người con trai, bị đạo lý xã hội xâm đoạt tâm hồn đến nỗi chẳng bao giờ dám ưng thuận ngay chính mình. Họ là những nạn nhân của trừu tượng. Cuộc đời thực tốt và đơn giản hơn. Ấy là con chó già nằm phục bên cối đá, bát cháo nóng ngoài bãi biển, tiếng hát giữa khuya của người con gái giang hồ. Và sống thực là thả mình theo sự sống cụ thể ấy, theo trọng lực của thân xác, theo những thú vui của khoảnh khắc, những cám dỗ nhất thời. Không có gì dịu dàng hơn trong Thanh Tâm Tuyền khi Lưu từ bỏ những ảo tưởng của tuổi trẻ để trở về khoảng đất sũng nước và cuộc đời của một người dân lành, khi ông giáo già độc thân, quên những tư tưởng của mình trong tay một người đàn bà lơ đãng, lại thấy lòng mình như ấm lại, khi Thanh tỉnh dậy trong nhà thương, lần theo tay người yêu, khám phá lại dần dần ra thân thể của mình. Nhưng thật ra thì sự dịu dàng ấy trong Khuôn Mặt rất hiếm. Và nó mong manh bao nhiêu! Thanh sẽ chết, ông giáo già sẽ không bao giờ gặp một lần may thứ hai, và Lưu chỉ là một kẻ chiến bại sống tạm bợ những ngày cuối cùng của mình. Họ chỉ tìm thấy sự dịu dàng của cuộc sống thực, thuận với mình cũng như với thế giới cụ thể, khi tất cả đã quá muộn màng. Nhưng kinh nghiệm của họ làm chứng cho sự có thể của hạnh phúc. Và như trong chuyện Mùa hè, ông giáo già nói: "Hạnh phúc sẽ tới, hạnh phúc ấy có thật, không phải viển vông như anh tưởng. Hạnh phúc thế nào cũng gặp..."

3. TRONG SỰ VÔ NGHĨA.-

Hạnh phúc ấy thỉnh thoảng xuất hiện trong *Khuôn Mặt* như một cái bóng ma qua. Nhưng cả tập chuyện, thật ra, nằm trong không khí của bi kịch. Con người Thanh Tâm Tuyền không phải là con người của hạnh phúc lại tìm thấy. Giữa họ và hạnh phúc ấy còn cả một khoảng trừu tượng mà họ cần phải vượt qua. Ấy là cái trừu tượng của đạo lý xã hội, của những lý tưởng người ta tự buộc mình phải sống theo, của những ý nghĩa người ta lấy để tiêu hủy thực thi của mọi vật. Và tập *Khuôn Mặt* là tập chuyện của những người khổ nạn trong trừu tượng hơn là một bài ca ngợi sự sống thực dịu dàng. Lạ hơn nữa. Ngay khi như trong những chuyện Cuối Đường và Buổi sớm ngoài Bãi Biển con người Thanh Tâm

Tuyền đã xé được tất cả những ý nghĩa để trực tiếp cái nghĩa của mọi vật người ta vẫn chưa thấy hắn trở nên một con người sung sướng. Cái vô nghĩa để hắn trước những đồ vật trụi và kín như bưng và hắn chỉ thoát khỏi sự vong thân trong ý nghĩa để tự nhốt vào một thế giới xa lạ với con người. Thế giới, mất nghĩa, chỉ còn có trọng lực của nó. Và sống thực trong thế giới ấy là nhắm mắt sống buông xuôi. Con người Thanh Tâm Tuyền sống theo thói quen. Nhưng người ta không ngạc nhiên thấy rằng cái gì cám dỗ hắn nhất là tiếng gọi của giấc ngủ, của cái chết, nói tóm lại, của cả thế giới trong sự nặng nề của nó. Nhưng thế giới chỉ được trả lại cho con người Thanh Tâm Tuyền trong cái chết thôi sao? Không. Cũng có khi nó đến với hắn dịu dàng như một nụ cười.

Ấy là những khi, như trong chuyện *Khuôn Mặt* kết thúc cả tập, hắn được môi giới của một người yêu. Nghĩa là theo Thanh Tâm Tuyền, thân tình của thế giới chỉ được trả lại cho mỗi người qua thân tình giữa người và người. Cái vô nghĩa, khi ấy không còn là cái vô nhân đạo nữa mà chỉ là cái vô tội, cái ngây thơ và ánh sáng mới nguyên của cuộc đời. Nhưng tình yêu là một thứ mà con người thời đại này đã lãng quên. Cũng như bài hát mà Nghệ đã lấy để ru người tình một đêm của chàng: "Bài hát xưa lắm, những người thích nó kẻ đã chết, người còn sống thì quên không nhắc lại. Riêng tôi, tôi thường thì thầm với mình những phút cô đơn".

Nhưng cô đơn là thân phận của con người Thanh Tâm Tuyền: Hắn từ chối ý nghĩa, nghĩa là hắn từ chối ngôn ngữ và đã tự tách mình ra khỏi xã hội người. Những người bạn hắn chọn là những kẻ mà xã hội đã kết án. Ấy là một mụ đầm già thất thế, một người con gái giang hồ ế khách và xấu xí, một thanh niên hèn nhát làm công an cho Tây. Hắn đã chọn những người ấy làm bạn để tỏ trước mọi người rằng những lý do người ta đã lấy để kết tội họ là không có giá trị. Và đôi khi họ cũng muốn tâm sự với hắn. Nhưng hắn ghét tâm sự. Tại tâm sự là muốn tự minh oan, nghĩa là đã công nhận một phần nào, những lý do kết tội mình. Con người Thanh Tâm Tuyền coi cái tội của họ cũng như không. Và họ có lý hay không hắn cũng không cần biết. Hắn chỉ biết trong con người cụ thể của họ, nghĩa là chấp nhận họ như những đồ vật. A! cái tình người ấy mới lạ sao! Nhưng có thật con người Thanh Tâm Tuyền nhìn mọi người như những đồ vật không? Chắc là không. Tại nếu thật thế thì hắn đã nhìn tất cả mọi người như nhau. Nhưng hắn chọn bạn chính giữa những người xã hội đã kết tội, và người ta hiểu rằng, có tin ở cái tội ấy một phần nào, thì hắn mới chọn như thế. Tình bạn của hắn có được sự khinh bỉ. Nghệ chẳng hạn thích Hội tại người con gái chơi ế ẩm ấy xấu "cái xấu làm

người ta tầm thường, hèn mọn, và dễ yêu hơn". Không, con người Thanh Tâm Tuyền không có sự ngây thơ của chàng Meursault trong Camus. Nếu hắn tố giác cái đạo lý xã hội là tại tâm hồn hắn, một phần nào, đã bị cái đạo lý ấy xâm đoạt. Cái vô tội hắn không sẵn có. Hắn phải cướp lại trước xã hội sự vô tội ấy. Và chuyện *Khuôn Mặt* kết thúc cả tập chuyện trong tiếng thét của một người tù: "tôi sẽ không chịu nhận tội lỗi mà người ta xét thấy tôi có như tôi từng chấp nhận cái luân lý người ta đã nhồi vào sọ tôi thuở bé..." Hóa ra chống lại cái đạo lý xã hội, con người Thanh Tâm Tuyền cũng chống lại một phần của chính mình. Chính chuyện *Khuôn Mặt* sẽ là cái chìa khóa giúp hiểu sự mâu thuẫn ấy.

4. NGƯỜI BỊ CÁO.-

Người con trai trong chuyện *Khuôn Mặt* là con người vị thứ của một gia đình ngoài Bắc. Sự khắc nghiệt của gia đình ấy làm mẹ anh phải trốn vào Nam lấy chồng khác. Anh theo mẹ. Nhưng đầu anh anh đã nhiễm cái luân lý gia đình và anh khinh mẹ anh là đã không đủ can đảm chịu đựng? Trong anh giờ có hai người thù địch nhau: một con người của máu mủ và một con người của luân lý. Chọn con người nào cũng là chọn chống lại một phần của chính anh. Sau cùng không chọn đằng nào cả, anh sống trong sự thù ghét luân lý và nghi ngờ tất cả những gì thành thực nhất trong anh. Anh tự trục xuất ra khỏi mình để chỉ còn là một cái nhìn soi mói, độc ác và giả tạo. Cho đến khi một người đàn bà...

Không cần phải nói nhiều thì ai cũng thấy rằng trong truyện ấy, Thanh Tâm Tuyền đã tả tâm sự một thanh niên di cư. Và cái luân lý đã làm khổ người con trai trong truyện chính là ý thức hệ Cộng Sản. Một ý thức hệ mà những thanh niên tiểu tư sản như Thanh Tâm Tuyền đã từ chối, khi, 10 năm trước, họ đã từ biệt xứ sở để chọn đường vào Nam. Nhưng tuy từ chối, con người họ đã bị ý thức hệ ấy xâm đoạt. Và họ coi nó là cái lý tuyệt đối. Mâu thuẫn của họ giống cái mâu thuẫn xâu xé người con trai trong truyện *Khuôn Mặt*. Và để thoát khỏi mâu thuẫn ấy, họ chỉ có cách là xác định một thực tại ở ngoài tầm những lý, những ý thức hệ, những danh từ.

Trước khi gặp ý thức hệ CS, những người thanh niên ấy sống trong ảo tưởng rằng họ cũng là người như tất cả mọi người, cũng yêu, cũng ghét, cũng vui, cũng buồn, cũng đau khổ và cũng biết công phẫn trước những bất công như tất cả mọi người, nói tóm lại, là những người lương thiện. Nhưng người Cọng Sản đến bảo họ là những người tiểu tư sản. Họ rất ngạc nhiên. Nhưng họ đã bị gọi tên, họ mất sự vô tội và bây giờ tất

cả con người họ từ dáng đi, điệu đứng, cách ngồi, những ý tưởng thầm kín nhất của họ cũng đều có vẻ tiểu tư sản, nghĩa là rất khả nghi. Một người tiểu tư sản, quả vậy, chưa hẳn là một người. Con người lương thiện cũ trong họ đã chết. Nhưng không thể nhận cái danh từ tiểu tư sản đã đánh dấu họ như một sa đọa, họ chẳng thể làm gì hơn là tố giác sự giả tạo của tất cả những danh từ nhân danh một thực thể không thể nào gọi tên. Với Thanh Tâm Tuyền, cả một phần của văn học xứ này đã trở về thực thể, trở về cái cụ thể của thế giới, trở về cái phần không biết nói của con người. Nhưng người ta không thể giải thích xu hướng ấy ngoài sự gặp gỡ ý thức hệ CS và thế hệ 54.

Quanh tôi, người ta nhớn nhác hỏi nhau sao không ai tìm ra một ý thức hệ để chống cộng và xây dựng xã hội mới. Câu hỏi thật là ngớ ngẩn. Một ý thức hệ không phải một ngày làm ra như một cách nấu ăn. Nhưng có lẽ giờ đã đến lúc người ta phải nhắc lại rằng cả một lớp người đã từ chối ý thức hệ CS không phải để làm ra một ý thức hệ ngụy tại nào khác thế chân, nhưng để trở về một sự vô nghĩa nguyên ủy lên án tất cả những ý thức hệ. Nhưng sự vô nghĩa ấy lại để họ bất lực trước thực tại mà họ không còn một phương tiện trí thức nào nữa để vượt qua và kết quả là họ chỉ còn biết bó tay ngồi nhận cuộc đời. Cách đây không lâu, một nhà văn của lớp mới, Lê Uyên Nguyên, trong một số Mai, đã lên án thái độ mà anh cho là hèn nhát, trong 9 năm u tối ở xứ này, của những nhà văn như Thanh Tâm Tuyền mà xưa anh đã cảm phục. Nhưng sự cảm phục của Lê Uyên Nguyên đã dựng lên một sự hiểu lầm. Những người anh tưởng là của sự nổi loạn ấy, thật ra, là những người của sự ưng thuận. Họ đã từ chối những ý nghĩa, tạo những ý nghĩa là một cách phủ nhận cái cụ thể của mọi vật. Nhưng khi mọi vật đã mất nghĩa thì cái gì còn lại là thế giới mù quáng của trọng lực. Và sống khi ấy là nhắm mắt sống buông xuôi.

Người ta tự biến mình ra một tĩnh vật. Và tưởng rằng thế giới cũng bị tĩnh vật hóa theo. Nhưng thế giới không có gì thay đổi. Trật tự xã hội vẫn nguyên vẹn. Những giai cấp vẫn tiếp tục. Và họ vẫn là những người tiểu tư sản. Hóa ra từ chối ý thức hệ CS để tìm lại con người thực của họ, người tiểu tư sản càng ngày càng giống cái ảnh tượng của họ mà người CS đã vẽ ra. Thật là buồn cười! Thật là mỉa mai! Nhưng người ta hiểu rằng người ta không thể thoát khỏi một danh từ khi vẫn còn cái thực tại nó gọi tên. Rất có thể cái tên ấy không đẹp lắm. Một người tiểu tư sản chưa hẳn là một người. Và cũng không người nào có thể được tóm tắt hết trong danh từ tiểu tư sản. Nhưng con người Thanh Tâm Tuyền đề nghị, con người xương thịt, con người của trọng lực, cũng chỉ là một mẫu

người, một con người đã bị chặt đi một nửa, một trạng thái của sự vong thân con người. Và cái thế giới của con người ấy cũng thế...

Nhưng thảm kịch của thời đại này là người ta phải chọn giữa hai ảnh tượng cực đoan ấy của thế giới. Một, theo ý thức hệ, nghĩa là chỉ nhìn thấy ý nghĩa lịch sử của mọi vật, Một, có thể gọi là tiền ngôn ngữ nhằm trả lại mọi vật cho cái yên lặng nguyên ủy của chúng. Ấy là 2 mặt của cùng một thực tại. Và trên một phương diện nào, người ta có thể coi cả hai như một cố gắng gãy đôi của lý trí để đạt tới một cái biết toàn diện. Khi ý thức hệ CS xuất hiện như cái lý tuyệt đối thì lẽ dĩ nhiên là có những người để chọn cái phần không có lý ấy cũng là những người, như Thanh Tâm Tuyền, thuộc một giai cấp đang bị lịch sử vượt qua.

Thế hệ Thanh Tâm Tuyền xuất hiện trước lịch sử như một lớp người bị cáo. Nhưng đáng lẽ viện những lý do tự minh chứng, thì anh tự chọn như một người không có lý tuyệt đối. Ít nhất thì anh cũng đã chân thực. Sự chân thực ấy lẽ dĩ nhiên cũng chỉ là một mưu kế khác để có thể phủ nhận tất cả những lý do và cướp lại, một cách căn bản hơn, sự vô tội mà anh cho là đã bị lịch sử tước đoạt. Nhưng người ta cũng có thể ngờ rằng làm như thế, anh đã làm chứng, cùng một lúc, cho cái phần vô tội muôn thuở có ở ngay trong những kẻ sát nhân lớn nhất. Nhưng chọn con người muôn thuở, người ta bỏ rơi con người lịch sử. Và sẽ bị lịch sử bỏ rơi. Hay đúng hơn thì chính vì đang bị lịch sử bỏ rơi, cho nên người ta mới từ chối đảm nhiệm con người lịch sử của mình để chọn cái phần muôn thuở của con người. Nhưng lịch sử vẫn tiếp tục. Và trong lịch sử con người bị oan uổng, con người bị bóc lột, con người bị vong thân. Cho nên cái gì người ta có thể chờ ở nghệ thuật có lẽ không phải là sự xác định một cái phần muôn thuở lúc nào cũng ở đó, và, dù sao cũng chỉ là một mẫu của thực tại mà là sự trình bày những cơ thức của sự vong thân ấy, của sự bóc lột ấy, của sự oan uổng ấy cho mọi người có thể thấy và tự giải phóng. Ngoài ra thì tội và vô tội, nghĩa và vô nghĩa, lý và phi lý, ngôn ngữ và thực thể, những bộ đôi thù nghịch ấy chỉ là những ảo giác của một thế giới gãy. Thanh Tâm Tuyền đã sống sự gãy đổ ấy, anh không tìm cách giấu diếm nó sau cái giả tự nhiên, giả lương thiện, giả nhân loại mà số lớn chúng ta vẫn còn níu lấy để ẩn mình, và chính vì thế mà đối với chúng ta, tác phẩm của anh có ý nghĩa và giá trị.

ĐỖ LONG VÂN

(Tạp chí Hành Trình (Sài Gòn) số 5, tháng 2-1965)

Chứng mất ngủ của Nguyễn Du

Trần Văn Tích

Giấc ngủ của một vài nhân vật lịch sử

Lịch sử văn học của chúng ta có những nhân sĩ nổi tiếng lo đời lo nước như Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm v.v.. Là những trí thức ý thức được trách nhiệm của người trí thức, họ *đa ưu hoạn*, họ nặng lo âu và nhiều hoạn nạn, để dùng chữ của Nguyễn Trãi trong bài thơ *Mạn hứng* (Hứng chơi). Kết quả : chư vị thỉnh thoảng trải qua những đêm khó ngủ, không ngủ tuy rằng thường thường thì chư vị cũng ngủ ngon.

Cao Bá Quát chỉ thức giấc vì nghe sấm dậy nổ rền :

Bạo lôi điện nhất thanh,
Khách tử trung dạ khởi.
(Trung dạ thập tứ vận)
(Sấm dữ ầm một tiếng,
Khách đang đêm trở dậy)
(*Nửa đêm*, thơ mười bốn vần)

còn thì do quá lạnh nên mới không ngủ được :

Hàn cực bất năng miên,
Khởi cải tân thi cú.
(*Hàn dạ ngâm*)
(Rét quá không ngủ được,
Trở dậy chữa câu thơ mới làm)
(Bài ngâm đêm lạnh)

Đoàn Nguyễn Tuấn mất ngủ vì lạ nhà lạ cửa :

Mao xá cô khâm sầu bất mị,
Tiêu tiêu kim cổ độ hàn canh.

(*Khách xá cảm hoài*)
(Nhà tranh chăn chiếc buồn không ngủ,
Chiêng trống lanh lảnh sang canh lạnh)
(Cảm giác ở quán trọ)

Ngoài ra ông anh vợ thi hào Nguyễn Du còn có những bài hoạ thơ liên quan đến tình huống không ngủ được, ngủ ngẫu nhiên và nửa thức nửa ngủ (*Hoạ bất mị thi, Hoạ ngẫu thùy thi, Hoạ bán tỉnh thi*); chúng thuộc thể loại thi ca thù tạc giao du nên chỉ mang hình thức ước lệ và nội dung khuôn sáo. Chứ thực ra nhà nho này vốn dễ dỗ giấc ngủ, dù là ngủ đỗ trong những điều kiện không bình thường :

Lữ đình lộ túc đối huyền khung,
Hà tại nhi phi phú tái trung.
(Nhân dạ lộ túc đình ngoại, hốt khởi ngẫu tác)
(Ngủ lộ thiên ngoài sân quán trọ, dưới vòm trời sẫm,
Ở đâu mà chẳng là trong vòng đất chở trời che)
(Đêm ngủ lộ thiên ngoài sân, bỗng tỉnh dậy ngẫu nhiên làm thơ)

Nguyễn Bỉnh Khiêm dường như không bị rối loạn giấc ngủ. Cơ thể Trạng Trình hoạt động rất sát chu kỳ ngày đêm, đồng hồ sinh lý của phu tử chạy rất đúng nhịp. Ngài ung dung thanh thản, ngày ngày cứ đêm khuya thì đi ngủ, sáng sớm thì thức dậy. Lời thơ *Bạch vân* không hề biết đến stress. Lời thơ đó – nhất là thơ nôm, và trong những bài không có đầu đề – thể hiện một tâm hồn an nhiên thích thảng vì tin rằng con thuyền xử thế đang đậu nơi bến giữa, tại *trung tân* :

Thong thả : hôm khuya nằm, sớm thức;
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu.

và *Hãy kẻ trên người kẻ phải lo,*
Chẳng bằng vô sự ngáy pho pho.

Giấc ngủ kéo dài, vị hưu quan ngủ đẫy giấc và thức dậy trễ, thậm chí ngủ nướng :

Tân quán nhật cao miên vị khởi,
Thanh vân thanh tự Bạch vân nhàn.
(*Tự thuật*)
(Ở quán Trung tân mặt trời đã lên cao còn chưa ngủ dậy,
Theo đường thanh vân sao nhàn hạ bằng ở am Bạch vân)
(Tự thuật)

Tương An quận vương thỉnh thoảng có thức khuya, dĩa dầu đã cạn mà hoàng tử còn trằn trọc nhớ một người thương nào đó :

Dầu chưng trắng dĩa chưa êm giấc,
Lăm phá thành sầu đã hết phương.

(Không đề)

hoặc cảm thấy khó ngủ vì cảm đọc bài *Thu thanh phú* của Âu Dương Tu đời Tống :

Thu dạ
Ngẫu độc Âu Dương phú,
Thu thanh dạ khởi tần.
Giai biên cung tức tức,
Sầu sát vị miên nhân.
(Đêm thu
Ngẫu nhiên đọc Âu Dương phú,
Tiếng thu dậy đêm dài.
Bên thềm dế ti tỉ,
Người buồn sầu không ngủ)

Nguyễn Trãi ít ngủ, nằm yên suy ngẫm về nguyên nhân khó chợp mắt :

Bệnh đa cốt sấu miên ưng thiểu,
Quan lãnh thân nhàn mộng diệc thanh.
(Thu dạ khách cảm)
(Bệnh lắm xương gầy nên ngủ phải ít,
Quan rảnh thân nhàn nên mộng cũng nhẹ)
(Cảm đêm thu đất khách)

Nguyễn Trãi khó ngủ, day dứt tấc lòng vì nước vì nhà :

Bui có một niềm trung hiếu cũ,
Chẳng nằm thức dậy nẻo ba canh.
(Bảo kính cảnh giới)

Nguyễn Trãi còn đêm đêm chẳng ngủ. Có đêm thức mãi bên ngọn đèn mờ. Có đêm ngồi hoài dưới vành trăng lạnh. Có đêm tựa liền suốt ba canh mưa gió bên song. Có đêm thổn thức nỗi nhớ quê hương. Có đêm trằn trọc tấc lòng ưu quốc. Tất cả là những đêm dài :

Còn có một lòng âu việc nước,
Đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung.
(Thuật hứng)
Lão ngã thế đồ nan hiểm thục,
Trung tiêu bất mị độc thương tình.
(Tầm châu)
(Đã già trên đường đời, thuộc mọi nỗi gian hiểm,
Giữa đêm không ngủ một mình xót thương)
(Phủ Tầm châu)
Ngâm dư hồn bất mị,

Đoạn túc đáo thiên minh.
(Thính vũ)
(Ngâm rồi vẫn không ngủ,
Nghe đứt nối cho đến trời sáng)
(Nghe mưa)
Bình sinh độc bão tiên ưu chí,
Toạ ủng hàn khâm dạ bất miên.
(Hải khẩu dạ bạc hữu cảm)
(Bình sinh một mình nuôi chí lo trước,
Ngồi ôm chăn lạnh không ngủ suốt đêm)
(Đêm đậu thuyền ở cửa biển)
Khách dạ bất miên thiên cảm tập,
Thanh thì thùy liệu thốn trung cô.
(Đồ trung ký hữu)
(Đêm đất khách không ngủ, nghìn mối cảm dồn dập,
Thời thanh bình ai ngờ tấc lòng trung phải cô đơn)
(Giữa đường gửi bạn)

Nguyễn Trãi tuy nhiên cũng dễ ngủ :

Hễ kẻ làm khôn thì phải khó,
Chẳng bằng vô sự ngáy pho pho.
(Bảo kính cảnh giới)

Nguyễn Trãi đôi khi phải cố gắng lắm mới thức được khuya, để chờ đón giao thừa chẳng hạn :

Chong đèn chực tuổi cay con mắt,
Đốt trúc khua na đắng lỗ tai.
(Đêm trừ tịch)

Nguyễn Trãi lại qua được nhiều đêm say ngủ :

Nếu có ăn thì có lo,
Chẳng bằng cài cửa ngáy pho pho.
(Ngôn chí)

Nguyễn Trãi say giấc nồng được cả ban ngày :

Tận nhật Vân oa vô cá sự,
Hắc điềm nhất chẩm bán song hư.
(Đề Vân oa)
(Trọn ngày ở Vân oa không có việc gì,
Một gối ngủ say, nửa cửa sổ hở)
(Đề Vân oa)

Nguyễn Trãi có khi chỉ cần đọc sách để nhẹ nhàng mau chóng đi vào giấc ngủ :

Song tiền hoàng quyển công môi thụy,
Hộ ngoại thanh sơn cố sách ngâm.
(Hạ nhật mạn thành)
(Trước cửa sổ quyển sách vàng khéo làm mồi ngủ,
Ngoài cửa ngăn núi xanh vẫn giục ngâm thơ)
(Ngày hè làm chơi)

Rối loạn giấc ngủ ở Nguyễn Du

Nguyễn Du cũng mất ngủ, khó ngủ, ít ngủ, không ngủ. Nhưng so với các nhân vật lịch sử vừa kể, và qua thơ chữ hán, rối loạn giấc ngủ ở Nguyễn Du thường xuyên hơn và trầm trọng hơn. Thơ Nguyễn Du không có bài nào câu nào mô tả tình trạng ngủ say ngủ ngon như thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm; không có bài nào câu nào tường thuật những giấc ngủ dễ hay những đêm ngủ được như thi ca Nguyễn Trãi; tuy rằng không phải là không có cảnh tác giả *Truyện Kiều* ngủ ngày :

Ngọ mộng tỉnh lai vãn,
Tà nhật yểm song phi.
(Sơn đường dạ bạc)
(Ngủ trưa thức giấc muộn,
Bóng chiều dọi, khép cửa sổ)
(Đêm đậu thuyền ở Sơn đường)

Trái lại, trong bài *Quỉ môn đạo trung* (Trên đường qua Quỉ môn), thi bá tha thiết mong muốn có thể ngủ say sưa đẫy giấc như thế nhân :

Sơn ổ hà gia đại tham thụy?
Nhật cao do tự yểm sài môn.
(Trong xóm núi nhà ai ham ngủ vậy?
Mặt trời cao rồi mà cửa tre còn đóng)

Những đêm Nguyễn Du thức khuya không phải là chuyện hoạ hoằn, dù có khi chỉ là để tiễn đưa bằng hữu :

Tây phong tiêu táp phất cao lâm,
Khuynh tận ly bôi thoại dạ thâm.
(Lưu biệt Nguyễn Đại lang)
Gió tây hiu hắt thổi qua rừng cây cao,
Cạn chén rượu biệt ly, chuyện trò tới khuya)
(Thơ lưu lại khi chia tay anh Nguyễn)

Dạ thâm, đêm khuya, cũng là khung thời gian của mưa gió trong cuộc sống thường nhật bệnh tật :

Giang hồ bệnh đáo kinh thời cửu,

Phong vũ xuân tùy nhất dạ thâm.
(Xuân dạ)
(Bệnh đến trong bước giang hồ đã lâu ngày,
Vẻ xuân theo mưa gió chìm trong đêm khuya)
(Đêm xuân)

Tiếng mưa rơi cùng các âm thanh khác được chức năng thính giác tiếp nhận trong khi cơ quan thị giác không chịu nghỉ đêm :

Mãn địa phồn thanh văn dạ vũ,
Nhất sàng cô muộn địch xuân hàn.
(Ngẫu thư công quán bích)
(Đầy đất đêm nghe tiếng mưa rả rích,
Trên giường một mình buồn chịu xuân lạnh)
(Ngẫu nhiên đề trên vách công sở)

và *Trù trướng thâm tiêu cô đối ảnh,*
Mãn sàng trệ vũ bất kham thính.
(Tống nhân)
(Rầu rĩ đêm sâu một mình đối bóng,
Nằm trên giường nghe mưa dầm không chịu ngủ)
(Tiễn bạn)

Đêm vắng canh trường, nhà kín màn buông, nên âm thanh cây chày nện vải càng tăng sức vang :

Bạch địa đình trì dạ sắc không,
Thâm đường tiểu tiểu há liêm lung.
Đinh đông châm chử thiên gia nguyệt,
Tiêu tác ba tiêu nhất viện phong.
(Ngẫu đề)
(Thềm đất trống trơn chỉ có màu đêm bàng bạc,
Nhà sâu thăm thẳm, rèm hạ lặng lẽ.
Dưới bóng trăng chung nghìn nhà tiếng chày nện vải rộn rã,
Tàu chuối khua xào xạc trong tiếng gió thổi qua viện)
(Tình cờ đề vịnh)

Tiếng côn trùng văng vẳng càng làm xáo trộn giấc ngủ :

Tứ bích cùng thanh náo dạ miên,
Ải sàng di hướng khúc lan biên.
(Dạ toạ)
(Đêm dế kêu quanh bốn vách rộn giấc ngủ,
Dời chiếc chõng lại cạnh lan can)
(Ngồi trong đêm)

Tiếng vượn hú ai oán cũng khiến thi hào khó nhắm được mắt :

Mạc cận thương nhai tức,
Đề viên triệt dạ bi.
(Sơn đường dạ bạc)
(Chớ đậu thuyền gần sườn núi xanh,
Tiếng vượn kêu gợi buồn suốt đêm)
(Đêm đậu thuyền ở Sơn đường)

Tiếng đồng hồ nhỏ giọt tí tách trong đêm càng tăng thêm nỗi lòng thương nhớ thầm kín lặng lẽ :

Ngư long lãnh lạc nhân thu dạ,
Bách chủng u hoài vị nhất sư.
(Bát muộn)
(Cá rồng lặng lẽ đêm thu vắng,
Trăm mối u hoài chửa dẹp xong)
(Xua nỗi buồn)

Và ngọn đèn ngắn bấc cạn dầu càng kéo đêm dài thêm và tăng nỗi lo hơn :

Tiễn đăng độc chiếu sơ trường dạ,
Ác phát kinh hoài mạt nhật tâm.
(Thu dạ)
(Khêu ngọn đèn riêng soi đêm mới bắt đầu dài,
Vắt tóc mà sợ cho chí nguyện những ngày chót)
(Đêm thu)

Từ đó, cây đèn trở thành chứng nhân cho những dòng nước mắt :

Ký lữ đa niên đăng hạ lệ,
Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm.
(Xuân dạ)
(Ở đất khách lâu năm dưới đèn rơi lệ,
Quê nhà nghìn dặm nhìn trăng đau lòng)
(Đêm xuân)

Rồi có những đêm dài thức trắng, không chợp được mắt, cứ trở mình hoài, thao thức, trằn trọc, trăn trở; cố ngủ mà sao không ngủ được, băn khoăn chẳng yên lòng vì đủ điều suy nghĩ :

Sơ canh cổ giác ngũ canh kê,
Chung dạ bồi hồi tứ chuyển mê.
(Ngẫu hứng)
(Canh một nghe tiếng trống tiếng ốc, canh năm nghe gà gáy,
Suốt đêm bồi hồi nghĩ quẩn nghĩ quanh)
(Tình cờ có hứng)
Quan tâm nhất dạ khổ vô thuỵ,

Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.
(Thăng long)
(Suốt đêm nghĩ ngợi khổ tâm không ngủ được,
Tiếng địch thổi từng hồi trong ánh trăng sáng)
(Thăng long)
Triệt dạ la thanh bất tạm đình,
Cô đăng tương đối đáo thiên minh.
(Mạc phủ tức sự)
(Suốt cả đêm tiếng thanh la đánh không ngớt,
Đối bóng đèn cô đơn ngồi cho đến sáng)
(Chép chuyện nơi trạm nghỉ chân)
Thành đầu văn hoạ giác,
Tự ngữ đáo thiên minh.
(Quế lâm công quán)
(Đầu thành nghe tù và thổi,
Mình tâm sự với mình đến sáng)
(Công quán Quế lâm)

Thế cho nên đêm trở thành vô tận :

Lô hoa sơ bạch cúc sơ hoàng,
Thiên lý hương tâm dạ cộng trường.
(Ngẫu hứng)
(Hoa lan chớm trắng hoa cúc chớm vàng,
Nhớ quê nghìn dặm đêm cũng dài dằng dặc)
(Tình cờ có hứng)

Còn mặt trời thì như không muốn theo chu kỳ vận hành thiên văn học:

Hắc dạ hà kỳ mê thất hiểu,
Bạch đầu vô lại chuyết tàng thân.
(Dạ hành)
(Đêm đen không biết lúc này là lúc nào, mãi không thấy sáng,
Đầu bạc không nên chuyện gì, lại vụng về giấu thân)
(Đi đêm)

Bốn bài thơ *Bất mị*

Nguyễn Du có riêng một bài thơ với đầu đề *Bất mị* (Không ngủ). Trần Nguyên Đán cũng vậy. Tùng Thiện Vương có một bài *Bất mị tuyệt cú*. Bên kia rặng Ngũ lĩnh, Đỗ Phủ cũng có một bài *Bất mị*.

Nguyễn Du.- ***Bất mị***

Bất mị thính hàn canh,
Hàn canh bất khẳng tận.
Quan sơn dẫn mộng trường,
Châm chử thôi hàn cận.
Phế táo tụ hà ma,
Thâm đường xuất khưu dẫn.
Ám tụng Vấn thiên chương,
Thiên cao hà xứ vấn?
(Không ngủ nghe điểm canh lạnh,
Canh lạnh điểm mãi không thôi.
Bước đường quan san khiến giấc mộng thêm dài,
Tiếng chày nện vải giục hơi lạnh đến gần.
Cóc nhái nhóm quanh bếp vắng,
Giun từ góc nhà bò ra.
Thầm đọc *Vấn thiên chương,*
Trời cao biết đâu mà hỏi?)

Trần Nguyên Đán.- ***Bất mị***

Quan xá thu sương lậu chuyển trì,
Cổ viên tùng cúc tại thiên nhi (nhai).
Mục tiền tận thị quan tâm sự,
Bệnh dữ bất như do bệnh thì.
(Nơi cơ quan trong sương thu, giọt đồng hồ nhỏ chậm,
Tùng cúc nơi vườn cũ ở tận chân trời xa.
Trước mắt toàn là những việc phải quan tâm,
Bệnh khỏi không bằng khi còn bệnh).

Tùng Thiện Vương.- ***Bất mị tuyệt cú***

Đạm mính tàn hương dạ tứ canh,
Suy niên kiến sự dị quan tình.
Đăng hoa đậu nhân chiếu vô mị,
Ngoạ thính thù tê thực mộc thanh.
(Chè nhạt hương phai đêm qua bốn canh,
Tuổi già thấy việc dễ lưu cảm tình.
Hoa đèn chiếu sáng không ngủ được,

Nằm nghe tiếng mọt gặm gỗ)

Đỗ Phủ.- *Bất mị*

Cù đường dạ thủy hắc,
Thành nội cải canh trù.
Ế ế nguyệt trầm vụ,
Huy huy tinh cận lâu.
Khí suy cam thiểu mị,
Tâm nhược hận dung sầu.
Đa luỹ mãn sơn cốc,
Đào nguyên hà xứ cầu.
(Nơi vực Cù đường về đêm nước đen sẫm,
Trong thành binh lính thay phiên gác.
Trời âm u, trăng lặn trong sương mù,
Sao ngời sáng đến canh lầu.
Khí suy nên phải cam ít ngủ,
Tâm yếu đành chịu lòng buồn.
Nhiều đồn luỹ đóng đầy núi, đầy lũng,
Biết tìm Đào nguyên ở nơi nao)

Nguyễn Du không ngủ và cảm thấy tiếng trống cầm canh lạnh ngắt, tiếng chày nện vải cũng lạnh buốt. Côn trùng cóc nhái phải chui ra khỏi hang ổ, tụ tập quanh bếp vắng hầu tìm chút hơi ấm dư thừa. Còn con người thì cô đơn cô độc đến độ chỉ biết cùng Khuất Nguyên dựa vào thiên nhiên, lịch sử và thần thoại để hỏi trời mà trời không đáp; rồi xoay quanh bốn chữ *hưng, phế, thành, bại* để phân tích thiên văn, địa lý, nhân sự hầu mong tìm được đáp án thích đáng, theo nội dung thiên *Thiên vấn* của *Sở từ*. Nguyễn Du không ngủ vì không sao tìm ra được nghiệm số cho các phương trình nhân sinh.

Trần Nguyên Đán không ngủ vì đương ở giai đoạn hồi phục sau khi bản thân đau ốm và trong khi nước nhà lâm bệnh. Xa nơi cố hương nên đâm thương nhớ cội tùng nhánh cúc, quan Tư đồ khắc khoải năm canh chẳng chợp được mắt lo cho quốc kế dân sinh. Thà rằng còn bệnh cho đỡ phải lo...

Tùng Thiện Vương không ngủ vì nguyên khí – vốn là cội nguồn về động lực sinh hoá của thân thể – bắt đầu hao tán theo cùng số tuổi đời, tuy rằng so với tuổi thọ ngày nay thì vương không mấy thọ và cuộc đời còn ngắn ngủi hơn cả Nguyễn Du (vương mất lúc 52 tuổi, Nguyễn Du

mất lúc 54 tuổi). Đêm thức trắng của vương không đen tối, không day dứt, không khắc khoải. Có vẻ như đây chỉ là cái giá phải trả cho hoạt động sinh lý chính thường ở người bắt đầu không còn trẻ nữa. Vương chỉ "làm thơ".

Đỗ Phủ không ngủ trong một đêm tăm tối. *Nguyệt trầm vụ*, trăng lặn trong sương sa mù mịt. *Dạ thủy hắc*, nước chuyển sang màu đen ngòm xám xịt. Trên cái phông trăng nước đen nghịt đen sì tạo cảm giác ghê sợ, đe dọa đó, một hai ngôi sao lẻ loi bỗng thêm le lói, chúng tựa như đến gần căn gác hơn. Đặc biệt Đỗ Phủ trực tiếp nói đến sinh bệnh lý giấc ngủ: vì khí suy nên đành chịu ít ngủ, giống như Tùng Thiện Vương vì đến giai đoạn *suy niên* nên khó chợp mắt. Đồng thời tâm tạng cũng yếu, nên đưa đến buồn rầu bi ai. Và nếu Nguyễn Du hỏi trời để không được đáp thì Đỗ Phủ tìm Đào nguyên để chẳng biết Đào nguyên ở nơi nào.

Tóm lại, thử so sánh bốn bài thơ *Bất mị*, thấy Nguyễn Du không ngủ vì bài toán nhân sinh có vẻ không có đáp số, Trần Nguyên Đán không ngủ vì có đáp số cho cuộc đời nhưng đáp số dường như sai, Tùng Thiện Vương không ngủ nhưng không tự ra cho mình bài toán nào và Đỗ Phủ thì không ngủ vì tất cả các bài toán đều chỉ có những phương trình vô nghiệm.

Sinh bệnh lý học chứng mất ngủ của Nguyễn Du

Theo Trung y, giấc ngủ tùy thuộc chủ yếu vào sự vận hành của *khí*. Khái niệm *khí* trong Trung y có nhiều hàm nghĩa, mà liên quan đến giấc ngủ thì nhằm chỉ năng lực hoạt động của tạng phủ. Ban ngày dương khí vận hành trong các mạch dương nên con người tỉnh táo, năng động, hoạt bát. Ban đêm âm khí luân lưu trong các mạch âm, nên cơ thể có nhu cầu nghỉ ngơi, dưỡng sức, ngủ nghê. Chính vì vậy nên Thầy Ngang đã bắt mạch cho Lục Vân Tiên vào hừng sáng ngày hôm sau chứ không chịu chẩn mạch ngay khi bệnh nhân mới đến "phòng mạch" của Thầy vì rạng đông là thời điểm "bàn giao", lúc dương khí chưa chuyển động và âm khí chưa hao tán :

Ngang rằng : "Khá tạm nghỉ an, (câu 657)
Rạng ngày coi mạch đầu thang mới đành."

Tuy Thầy chỉ chữa được cho Lục Vân Tiên từ mù thành đui nhưng Thầy vẫn theo đúng phương pháp chẩn bệnh ghi trong sách vở.

Trong điều kiện sinh lý chính thường, có sự quân bình âm dương nhưng khi âm suy kiệt thì dương thiên thắng : kết quả dương khí không

chuyển biến thành âm khí, quá trình chu chuyển của *khí* trong hệ thống âm kinh bị trở ngại, từ đó phát sinh chứng mất ngủ. Có nhiều nguyên nhân gây mất ngủ : tâm đảm khí hư, đàm nhiệt nội nhiễu, can uất hoá hoả v.v.. Ở người bắt đầu có tuổi, *khí* có thiên hướng suy thoái, nên người cao niên thường ít ngủ, đúng như ghi nhận của Tùng Thiện Vương và Đỗ Tử Mỹ. Đối với trường hợp Nguyễn Du, rối loạn giấc ngủ có thể xem như chủ yếu do *tâm thận bất giao.* Hiện tượng bệnh lý này cũng vẫn liên quan đến *thận tượng,* mà bài viết trước đây đăng trên *Văn Học* số 207 đã đề cập đến và đã đan cử những triệu chứng quan trọng : mái tóc bạc thưa thớt, hê lông sớm mất màu xanh, cột sống cong, hệ xương thiếu vững chắc, khớp xương lỏng lẻo, không chịu được lạnh, tâm trạng sợ hãi lo âu. Thận, như đã nói, thuộc thủy còn tâm thuộc hoả. Thủy và hoả chế ước lẫn nhau, tác dụng lẫn nhau để duy trì quân bình sinh học. Đó là trạng thái *thủy hoả tương tế, tâm thận tương giao,* nó bảo trì thế hằng định của nội môi. Trong trường hợp thận thủy bất túc không giúp lên tâm hoả hoặc tâm hoả vọng động làm tổn thương thận thủy thì sẽ có các triệu chứng tâm phiền, khó ngủ, mất ngủ, hay mê, hồi hộp, sợ sệt là những triệu chứng thuộc bệnh cảnh *thủy hoả bất tế* mà nguyên nhân là *tâm thận bất giao,* vốn là cục diện bệnh biến do quan hệ sinh lý giữa tâm và thận không còn bình thường. Nói cách khác, tâm có vị trí ở thượng tiêu, thận có vị trí ở hạ tiêu. Khi cơ thể tráng kiện, tâm và thận điều hoà thăng giáng lẫn nhau, cùng giao thông hiệp điều để duy trì trạng thái quân bình : dương khí của tâm giáng xuống thận, có thể ôn dưỡng thận dương, âm khí của thận có thể dẫn lên tâm, qua đó nuôi dưỡng tâm âm; biểu hiện *thủy hoả tương tế, tâm thận tương giao.* Khi thận âm bất túc hoặc tâm hoả quấy động khiến mất đi quan hệ hợp tác điều hoà thì xảy ra *tâm thận bất giao,* mà nguyên nhân là *thủy suy hoả vượng* (*thủy* : thận thủy, *hoả* : tâm hoả) : thận thủy không đủ đến nỗi thủy không chế được hoả khiến tâm hoả vượng riêng một bên (*thiên vượng*), từ đó xuất hiện chứng tâm phiền mất ngủ hoặc ngủ không ngon. Vả lại *tâm chủ thần minh.* Tâm ở vị trí cao nhất so với các tạng phủ và *thần minh* là chỉ cơ năng hoạt động thần kinh trung ương. Công năng này do *tâm tạng* chủ trì và thể hiện, cho nên gọi là *tâm chủ thần minh.* Tạng phủ, khí huyết trong cơ thể, dưới ảnh hưởng hoạt động của tạng tâm và hệ thống trung khu thần kinh, tiến tới sự hoạt động hợp điều về sinh lý. Khi tạng tâm có bệnh biến – như tâm hoả vọng động – thì tâm sẽ mất tác dụng chỉ đạo điều khiển, gây ảnh hưởng bất thường lên hoạt động sinh lý của các tạng phủ khác.

Nếu điều trị rối loạn thận tượng của Nguyễn Du nên dùng thang

phương dược liệu như đã trình bày trên *Văn Học* số 207 thì trái lại, chữa chứng mất ngủ cho thi hào dùng châm thuật lại thích hợp hơn. Mục đích trị liệu là tái lập quân bình giữa tâm và thận qua bồi bổ thận âm để chế ngự tâm hoả và an thần định trí. Các huyệt thích hợp là Thái khê, Thần môn, Quyết âm du, Tâm du, Thận du và An miên. Như vậy mỗi lần châm dùng mười hai kim. Vì Nguyễn Du có khuynh hướng sợ lạnh, sợ rét nên có thể phối hợp vừa châm vừa cứu, chẳng hạn cứu các huyệt bối du. Ngoài ra đồng thời áp dụng *nhĩ châm* và/hoặc dán hạt *Vương bất hưu hành* khô vào loa tai như một tác nhân kích thích dài ngày cũng hứa hẹn hiệu quả.

Khi lập hồ sơ bệnh lý cho Nguyễn Du trên *Văn Học* số 207, tôi đã không nhắc đến rối loạn giấc ngủ. Đó là một sự bỏ quên cố ý. Tôi muốn trình bày bệnh án, nhất là phần *biện chứng luận trị*, một cách đơn giản hơn, nhằm mục đích tuân thủ lý luận giảng thuyết. Cho nên tôi đã chỉ đề cập đến *thận tượng*. Trong thực tế, Trung y không bao giờ lại nhìn người bệnh theo cung cách đó. Trong thực tế, Trung y không bao giờ chỉ nhìn *thận tượng* như một chức năng cơ quan biệt lập, tách rời khỏi *biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, tạng phủ, khí huyết, vinh vệ* v.v.. Nhưng dẫu vậy, dẫu chỉ muốn đề cập đến riêng mình thận tượng cho dễ hiểu, tôi cũng đã phải đề cập đến *tỳ* và *vị*, đến *vinh* và *vệ* khi trình bày cục diện *hoả bất sinh thổ* trong bài viết trên *Văn Học* số 207. Và quan trọng hơn nữa, bội phần quan trọng hơn nữa, khi Trung y nói đến *thận* là nói đến *thận tượng*, tức là một lĩnh vực chức năng, một tập hợp tác động, chứ không phải muốn nói đến hai trái cật trơ trọi, hai bầu dục lẻ loi.

Dầu sao, đọc kỹ thơ chữ hán Nguyễn Du không những hiểu thấu hơn tâm trạng, tình cảm, hoài bão, ước vọng v.v..của tác giả *Truyện Kiều* mà còn có thể bỗng nhiên phát hiện được, trong bề dày của thời gian đã trôi qua, một hình tượng mới thuộc hành trạng thi bá : hơn hai thế kỷ nay rồi, Nguyễn Du của chúng ta không ngủ.

Trần văn Tích
Bonn, 12.07.2003

Tuyển tập Kiệt Tấn

bộ sưu tập đầy đủ những sáng tác tiêu biểu nhất của nhà văn Kiệt Tấn. Sách do Văn Mới xuất bản, dày trên 500 trang, giá 25 Mỹ kim.
Xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Mới.

Viếng mộ Nguyễn Du

Ngự Thuyết

Thành phố Huế đầu tháng chạp ta. Thế là lại sắp đến tết Qúy Mùi, tôi nhủ thầm. Trời còn tranh tối tranh sáng, mưa rất mỏng, nhưng không lạnh lắm.

"Hên cho anh đó," Xuyên quay qua nói với tôi. "Suốt tháng vừa qua mưa lớn và lạnh thấu xương. Mấy hôm nay thời tiết có thay đổi."

Ba anh em chúng tôi gồm có Xuyên, Sơn và tôi dậy thật sớm, mỗi người mang theo một cái xách tay nhỏ, đi thủng thẳng men theo lề đường Trần Cao Vân định đón xe ôm để đến bến xe đò đi Hà Tĩnh.

Sau mấy lần chuẩn bị mà không thành, lần này chúng tôi nhất định dẹp bỏ tất cả những "vướng víu" khác để có thể lên đường đi viếng mộ thi hào Nguyễn Du. Chúng tôi đã hỏi kỹ đường đi nước bước. Từ Huế ra hướng bắc, đi xe lửa trên 350 cây số thì đến ga Vinh. Xuống xe lửa tại ga Vinh, thuê xe ôm chạy về hướng nam một đoạn ngắn vài cây số là đến cầu Bến Thủy, chiếc cầu bắc ngang qua sông Lam, con sông phân chia Nghệ An và Hà Tĩnh. Qua khỏi cầu Bến Thủy, sẽ gặp ngay ngã ba Gia Lách, rồi rẽ trái, chạy dọc theo sông độ 10 cây số là tới. Nếu đi xe đò thì qua khỏi thị xã Hà Tĩnh, đến ngã ba Gia Lách xuống xe, rẽ phải. Chúng tôi nghĩ rằng nên đi xe đò, có nhiều chuyến xe mỗi ngày, con đường thì ngắn hơn, vì đường bộ và đường xe lửa có nhiều đoạn song song với nhau, và chúng tôi khỏi ra đến tận Vinh.

Chúng tôi vừa rẽ qua phải trên đường Hùng Vương, thấp thoáng sông Hương và cầu Trường Tiền trước mặt, thì một chiếc xe đò loại trung bình khoảng trên 30 chỗ ngồi chạy trờ tới. Chiếc xe thắng gấp ngay trước mặt chúng tôi cùng một lúc với tiếng bàn tay đập mạnh ầm ầm vào cửa xe. Người phụ xế thò đầu ra gào lớn: "Đi Hà Nội, đi Hà Nội, chạy suốt." Tôi đáp: "Không, chúng tôi đi Hà Tĩnh!" Cánh cửa xe mở

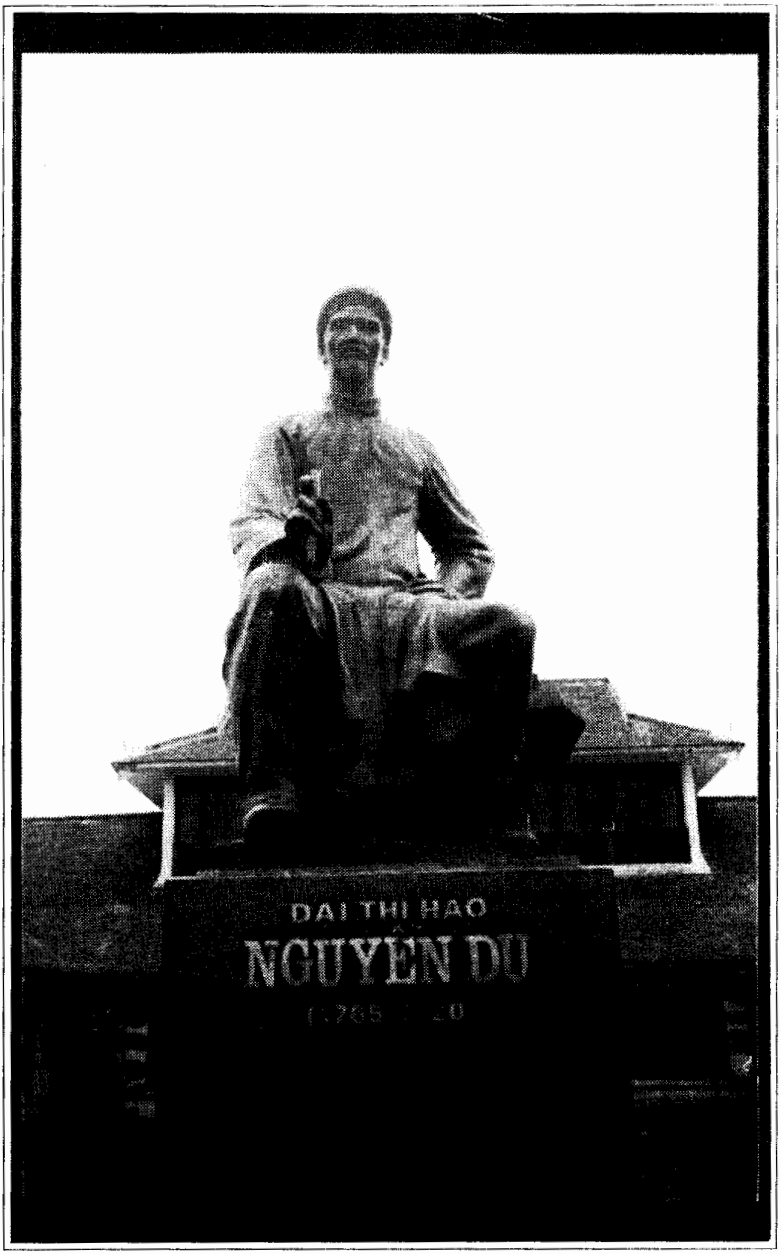
ĐẠI THI HÀO
NGUYỄN DU

toang, người phụ xe la to: "Cũng được. Nhảy lên ngay! Mau lên! Coi chừng công an." Nói xong, anh ta nhanh nhẹn nhảy xuống xe phụ chúng tôi mang mấy cái túi xách lên xe rồi thuận tay đẩy vào lưng chúng tôi mỗi người một cái thật mạnh.

Thế là xong. Ba anh em chúng tôi mới lên đường mà đã gặp may, khỏi phải thuê xe ôm đi qua bến xe đò, khỏi phải chờ giờ xe khởi hành. Sớm sủa như thế này, có lẽ chỉ khoảng giữa trưa chúng tôi sẽ đến Hà Tĩnh, tôi lẩm nhẩm tính. Nhưng tôi đã nhầm. Chiếc xe này ghé lại quá nhiều nơi để đổ khách xuống hoặc đón khách lên. Nhiều hành khách sốt ruột cằn nhằn. Chúng tôi cũng sốt ruột không kém. Hai cậu em họ của tôi chỉ xin được phép nghỉ dạy học ngày Thứ Sáu, cộng thêm hai ngày nghỉ cuối tuần Thứ Bảy và Chủ Nhật, vị chi ba ngày. Chúng tôi sắp đặt như thế để có thể tiện đường đi thăm Cửa Lò cách Vinh độ mười cây số sau khi viếng mộ Nguyễn Du. Nhưng chiếc xe đò cứ cà rịch cà tang như thế này liệu có đến được Hà Tĩnh khi trời còn sáng? Mải đến gần trưa xe mới qua sông Bến Hải phía bắc Quảng Trị, hơn hai giờ chiều mới đến sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình - hai con sông phân chia đất nước - và sau 5 giờ chiều mới vượt đèo Ngang vào địa phận Hà Tĩnh. Cũng như những thành phố nhỏ của miền Trung, thành phố Hà Tĩnh nằm dài theo quốc lộ. Mùa đông, buổi tối về mau. Khi đến ngã tư Quốc Lộ Một và Hộ Độ - Khe Giao (Hộ Độ bên trái cách quốc lộ 6km, Khe Giao bên phải cách quốc lộ 15 km, theo bản chỉ đường) xe đậu lại trước Hiệu Vàng Kim Hồng cho gần một nửa hành khách xuống xe. Rồi cứ thế, xe đậu cả tiếng đồng hồ vẫn chưa thấy rục rịch. Họ chờ cái gì vậy, tôi không thể hiểu được. Hỏi tài xế, anh ta nheo mắt đáp một cách hờ hững, "Đi ngay mà, đi ngay mà". Và còn tỏ vẻ bực mình tại sao chúng tôi cứ hỏi lèng èng như thế. Xuyên sửng cồ lên, Sơn can. Xuyên vẫn còn hậm hực:

"Anh biết không, Bến Thủy nằm ở cực bắc của tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Con rùa này chắc là nửa đêm mới tới được Bến Thủy. Ba anh em mình lại phải xuống xe ở đó, lạ nước lạ cái biết tìm chỗ ngủ ở lỗ mô."

Chúng tôi không biết làm gì khác hơn là đi lui đi tới trên lề đường nhìn dọc ngó ngang cho đỡ sốt ruột. Hai bên đường là những dãy phố mới cất không theo một quy hoạch nào, những tòa nhà cao hai, ba tầng nằm cạnh những ngôi nhà trệt, cái thụt vô, cái trồi ra. Lề đường khá rộng lỗ chỗ những vạt xi-măng non nứt nẻ, những vũng nước đọng lầy lội. Cũng có một ít cây cối mới trồng đứng xen kẽ với những cột điện, cột dây thép. Đây đó lại có cả dăm ba bụi tre nhô ra từ mấy con hẻm nhỏ. Con đường cái không rộng lắm cho hai chiều xe chạy, trên đó có

đủ loại xe như xe đò, xe bò, xe ba bánh chở hàng, xe gắn máy, xe đạp. Người đi bộ cũng đẩy những chiếc xe thồ chất đầy hàng hóa, thực phẩm, rau quả, gà vịt, ngang nhiên đi ngay giữa đường. Lâu lắm mới thấy một chiếc xe du lịch mà người ta gọi là ô - tô con từ từ lướt qua. Tôi để ý trời càng tối càng có nhiều xe chạy từ Nam ra Bắc hơn là từ Bắc vào Nam trên quốc lộ độc đạo này, trên xe có sơn những dòng chữ lớn như Sài Gòn - Hà Nội (chứ không phải T/P Hồ Chí Minh - Hà Nội), hoặc Hà Nội - Sài Gòn, hoặc Buôn Ma Thuột - Hà Nội v.v... Hà Nội là trạm cuối cùng cho những chuyến ra Bắc. Đó là những chiếc xe đò rất lớn không khác gì những xe buýt chạy xuyên bang ở Mỹ hay loại xe chạy thông từ nước này qua nước khác ở châu Âu. Trời đã tối hẳn. Đã thấy đói bụng nhưng tại ngã ba này không thấy quán xá đâu cả, chúng tôi đành mua sắn luộc, bắp nướng, chuối, ăn đỡ. Sơn băn khoăn:

"Đêm nay ba anh em mình kẹt rồi. Có lẽ chiếc xe này đến đây là tốp, chờ sáng mai có thêm hành khách mới tiếp tục đi."

"Cũng có thể tài xế sẽ kiếm một chiếc xe thổ tả khác để gởi hành khách qua như người ta vẫn thường làm," Xuyên bàn thêm. "Từ đây đi Bến Thủy còn xa... Em có ý kiến như thế này xem anh có bằng lòng hay không nhé. Anh và em đã biết Hà Nội, nhưng Sơn thì chưa. Hay ta hãy đón xe đò lớn đi Hà Nội, xe lớn có lẽ sẽ chạy đàng hoàng, ráng ngủ một giấc trên xe, sáng mai là tới. Ở đó chơi một ngày cho Sơn biết Hà Nội, rồi sáng Chủ Nhật đáp xe lửa vào Vinh."

Chúng tôi vui vẻ đồng ý với Xuyên, leo lên xe lấy mấy các túi xách và không thèm nói một tiếng giã từ với anh chàng tài xế. Anh ta nhìn theo thản nhiên. Những hành khách còn lại đứng ngồi tụm năm tụm ba trò chuyện. Sau gần một tiếng, chúng tôi đón được xe đò lớn đi Hà Nội, chỗ ngồi khá rộng rãi, cố ép giấc ngủ. Hơn bốn giờ sáng xe đến ngoại ô Hà Nội, chạy vòng vòng trên nhiều con đường lạ, cuối cùng thả chúng tôi xuống đường Nguyễn Khoái. Ra khỏi xe mới thấy trời mưa lâm thâm và lạnh thấu xương, chúng tôi vừa đi vừa chạy cho ấm người. Khi đến đường Trần Khánh Dư, chúng tôi thuê được xe đi kiếm nơi ăn sáng qua loa. Thời gian ngắn ngủi nên chúng tôi tranh thủ đi thăm Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây, chùa Một Cột, Văn Miếu, Phố Cổ, chợ Đồng Xuân là những nơi mà tôi đã biết. Tuy nhiên, lần này Hà Nội mùa đông đã mang một diện mạo khác hẳn. Cũng để tiết kiệm thì giờ, chúng tôi gặp đâu ăn đó, ăn ở quán cóc, ở vỉa hè. Xuyên ái ngại:

"Em sợ anh chưa quen, đau bụng."

"Không sao. Anh có đem nhiều thuốc. Em không để ý sao, từ hôm qua đến giờ anh uống thuốc đều đều, toàn là thuốc đau bụng."

Có một chuyện hiểu lầm vui vui với cô bán cơm trên vỉa hè Phố Hàng Chiếu gần chợ Đồng Xuân. Xuyên vốn dạy Văn nên muốn đến một tiệm sách tìm mua một cuốn gì đó, hỏi đường, cô hàng cơm hướng dẫn rất kỹ. Ăn cơm xong, lại được "free" mỗi người một bát nước vối, chúng tôi theo đúng chỉ dẫn, thì lại đến trước tiệm bán đồ sắt, nào là sắt chữ V, chữ T, sắt dẹt, sắt ống, sắt cây, 4 ly, 8 ly v.v... Xuyên nhất định quay về hàng cơm hỏi cho ra lẽ.

"Thì anh muốn đến tiệm sắt em chỉ anh đến đấy."

"Vâng tôi muốn mua sách sao cô lại chỉ đến tiệm sắt."

Cô hàng chau mày. Tôi sực nhớ có một lần trong một câu chuyện tào lao về thể thao với một cô gái Bắc, tôi nói tôi cũng thích coi đá banh, cô ta sửa, "anh phải nói đá banh hoặc đá ban chứ sao lại đá băn" trong khi tôi vẫn định nói là đá banh. Chẳng qua là cách phát âm của tôi khác giọng Bắc. Cho nên tôi chen vào:

"Sách ở đây là sách báo, chứ không phải sắt thép."

"Thế thì anh phải nói sách chứ sao lại sắt."

*Sáng chủ nhật chúng tôi dậy sớm thuê hai chiếc xe ôm, một xe chở tôi, xe kia chở hai cậu em. Đi hết Phố Hàng Gai, Phố Hàng Bông, băng qua Phố Tràng Thi, quẹo trái vào Phố Cửa Nam, chúng tôi đến ga Hàng Cỏ. Nói dài dòng thế, nhưng các đường phố đều ngắn, chỉ chạy chừng nửa tiếng là tới. Lúc đó chỉ mới hơn năm giờ sáng. Tuy thế, trước tòa nhà ga khá lớn, đã có khá nhiều hành khách, kẻ đứng người ngồi, kẻ chờ đợi, người tiễn đưa. Xuyên đề nghị mình hãy kiếm cái gì để ăn sáng nơi đây để gọi là "gỡ gạc" thêm một chút, là vì ai lại đi thăm Hà Nội mà chỉ trong một ngày mà thôi. Nhưng quán xá chưa mở cửa, đành ngồi xuống vỉa hè bên hàng cháo gà, có bán cả đuôi heo luộc và trứng vịt lộn. Cô hàng trẻ tuổi, xinh, ra dáng một nữ sinh lớp 10, lớp 11 - con gái Hà Nội đa số đều đẹp - đon đả mời:

"Mấy chú dùng gì ạ?"

Xuyên nhanh nhẩu đáp:

"Cô cứ cho ba hột vịt lộn, rồi ba tô cháo gà." Xoay qua tôi: "Anh em mình chạy qua bên kia đường làm mỗi người một lon bia Ha Đa Hà Nội. Trở lại là vừa kịp ăn cháo nóng."

Tôi cười:

"Bia Hà Nội là được rồi, việc gì phải Ha Đa Hà Nội."

"Ha Đa là công ty hợp doanh giữa Hà Nội và Đan Mạch. Cũng như Hu Đa là Huế và Đan Mạch."

"Ô, nhiều loại bia thế à."

"Đúng vậy anh. Bia gì cũng có. Bia nội địa, hợp doanh với nước ngoài, hoặc bia ngoại, đủ loại bia mà. Dân An Nam ta bây giờ uống bia như điên."

Lúc chúng tôi quay về, ba tô cháo gà đang bốc khói đã được đặt trên mặt chiếc bàn nhỏ xíu và thấp lè tè, được trải lên trên bằng một miếng ni-lông ố màu, quanh bàn là bốn chiếc ghế nhựa trông giống như đồ chơi trẻ con. Bên cạnh ba tô cháo có ba cái chén sành nhỏ trong đó là những cái trứng vịt lộn đã bóc vỏ. Cả ba chúng tôi đều ồ lên một lúc:

"Sao lại lột trứng ra? Để chúng tôi đập trứng lấy mà ăn chứ!"

Sơn nói nửa đùa nửa thật:

"Hay là cô bé dọn cho chúng tôi trứng nguội từ mấy hôm trước nên phải đập sẵn ra như thế này cho ... cho phi tang."

"Thưa không phải đâu chú. Chú ở trong Nam? Ngoài này ăn trứng vịt lộn là như thế đấy. Cho nó nhanh. Lại khỏi bẩn tay. Thôi thì cháu dọn trứng khác cho mấy chú vậy."

"Nhưng cô bé sẽ không quên tính tiền luôn cả mấy cái trứng này chứ gì?", Xuyên tiếp lời.

Cô hàng mỉm cười đáp:

"Thế ư!"

Không hiểu cô bé muốn nói gì, nhưng anh em chúng mỗi người đều vui vẻ cầm lấy cái nĩa nhỏ cắm vào trứng, chấm vào một cái đĩa tí hon đựng muối đặt trên cái mẹt bên nồi cháo, xin thêm tí tiêu, không thấy rau răm ở đâu, cho vào mồm nhai ngồm ngoàm. Cô hàng nhìn chúng tôi nói khẽ:

"Thank you."

Xuyên trố mắt nhìn cô hàng:

"Lại tiếng Anh tiếng u, hay quá ta! Mà này, chúng tôi sẽ đi vào Vinh. Còn sớm chán phải không cô?"

"Ấy, ấy, thế là các chú nhầm rồi. Phải đến ga xuôi Nam. Ga này đi Bắc."

"Là đi đâu?" tôi hỏi.

"Đi những tỉnh, những thành phố phía bắc Hà Nội. Đông bắc thì Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn; thẳng băng lên thì Vĩnh Yên, Thái Nguyên; tây bắc thì có Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai. Mấy chú đi Lào Cai chưa? Lào Cai có Sa Pa đẹp lắm."

Tôi không thể không khen một lời:

"Cô giỏi địa lý quá! Thế cô có đi học không?"

"Không giỏi đâu chú. Chẳng qua ... số là bố cháu là công nhân cục Đường Sắt đấy mà. Vâng, cháu bán hàng từ sáng sớm thay cho mẹ cháu.

Chốc nữa mẹ cháu đến, thì cháu đi học."

Chúng tôi nhìn nhau. Sơn hỏi tiếp:

"Ga xuôi Nam có xa đây lắm không?"

"Ngay đây mà thưa chú ..."

Tôi bỗng nẩy ra ý kiến, ngắt lời cô bé, nói với hai cậu em:

"Hay ta đi xe hơi để ngắm cảnh hai bên đường. Hôm nọ đi ra nhằm lúc đã tối, có thấy trời đất gì đâu. Này cô, có xe hơi vào Vinh không?"

"Có khối cả ra đấy mấy chú ạ! Mà mấy chú khỏi phải gọi xe ôm. Hành lý có tí tị như thế này thì đi bộ cũng tốt thôi. Đến đầu đường đằng kia, chờ một chốc có xe ngay."

*Chúng tôi đón xe đò lớn. Tưởng là chạy suốt, xe vẫn đỗ nhiều nơi để đón thêm khách cho nên mãi đến giữa trưa, xe mới đến thành phố Vinh, một thành phố khá lớn thuộc tỉnh Nghệ An. Xuống xe, chúng tôi thuê hai chiếc xe ôm và cho biết nơi đến. Một xe ôm có thể chở được hai người, chúng tôi gồm có ba người thuê hai xe vậy. Một trong hai người lái xe ôm cho biết anh là người địa phương của làng Tiên Điền, giọng nói nặng hơn giọng của anh xe ôm kia, đúng là giọng Hà Tĩnh. Xuyên vốn là thầy dạy môn Văn liền hỏi:

"Tiên Điền nhưng thuộc huyện nào?"

"Thì ở Hà Tĩnh chỉ có một làng Tiên Điền thuộc huyện Nghi Xuân đấy thôi. Nhưng nay không gọi là huyện Nghi Xuân nữa, mà là thị trấn Nghi Xuân. Qua khỏi cầu Bến Thủy, tới ngã ba Gia Lách rẽ trái, rồi cứ thế đi sâu vào sẽ gặp thị trấn Hồng Lĩnh, thị trấn Xuân An, rồi mới tới thị trấn Nghi Xuân. Vừa tới Nghi Xuân, rẽ qua con đường nhỏ bên phải là thấy ngay lăng mộ của cụ Nguyễn Du."

Chúng tôi định mua một bó hoa và một thẻ nhang ở chợ Vinh, nhưng hai anh xe ôm cản lại, bảo rằng ngồi xe ôm mà mang cả hoa theo sẽ hỏng hết. Đến đó rồi mua, thiếu khối gì. Chỉ chạy một đoạn ngắn xe đã băng qua cầu, một cây cầu khá lớn, gặp ngay Gia Lách, rẽ trái, chạy thêm gần nửa tiếng thì đến địa đầu của thị trấn Nghi Xuân. Quả nhiên ngay bên ngã ba đầu tiên có mấy tòa nhà hai tầng mái ngói đỏ trông còn mới lắm. Trước tòa nhà là cái sân lát gạch, và tiếp theo là cái sân rộng rãi lát bằng những tấm đá xanh lớn, vuông vắn. Giữa sân sừng sững một bức tượng lớn hơn người thường ngồi trên một cái đôn đá đặt trên cái bệ đá rất cao. Riêng cái bệ đá ấy đã cao trên hai mét. Đó là tượng Nguyễn Du. Chúng tôi đi quanh tượng ngắm nghía, chụp ảnh, trong khi một trong hai anh xe ôm đi mua hoa và nhang.

Nguyễn Du trong bộ quốc phục màu xám, đầu chít khăn đóng chữ

nhân, tay trái tựa vào hông hơi khuỳnh ra, tay phải kê lên đùi cầm quản bút lông trong tư thế viết, nhưng không thấy có xấp giấy nào bên dưới, chân mang giày hạ. Mặt tiền của cái bệ đá bên dưới màu xanh rêu có hàng chữ nhũ vàng: Đại Thi Hào Nguyễn Du (1765 - 1820). Bức tượng cân đối, dáng ngồi thẳng thớm, vững vàng, và oai vệ. Tôi nhìn kỹ nét mặt của thi hào. Đó là khuôn mặt đẹp và nghiêm nghị của một người vừa qua khỏi tuổi thanh niên, rắn rỏi, quả cảm, mày rậm, mũi dọc dừa, hàng râu mép tỉa khéo, lớp râu cằm ngắn mà dày, và đặc biệt là cặp mắt tư lự nhìn xa tận chân trời. Tôi có cảm tưởng đó là khuôn mặt uy nghi của một võ tướng ngày xưa. Nhưng tôi lại tự nhủ thắc mắc điều đó làm chi, những danh tướng của ta xưa nay vẫn có nhiều vị khi buông gươm xuống là cầm lấy quản bút "nhả ngọc phun châu". Hơn nữa, chính Nguyễn Du khi còn thanh xuân đã từng giữ chức quan võ khoảng ba năm trời (1786-1789) ở Thái Nguyên, đã từng cầm kiếm mưu đồ chống Tây Sơn phục nghiệp cho nhà Lê mà không thành. Điều còn lại là có nên thắc mắc đó có phải là khuôn mặt của Nguyễn Du hay không? Liệu Nguyễn Du có để lại một tấm ảnh chụp? Kỹ thuật nhiếp ảnh, ra đời bên châu Âu bốn năm năm trước khi Nguyễn Du mất, có lẽ chưa được mang qua áp dụng tại Việt Nam vào thời ấy. Nguyễn Du làm quan vào đầu thế kỷ thứ 19 thời vua Gia Long, liệu có một họa sĩ nào vẽ chân dung của thi hào như đã vẽ lại vua Gia Long? Dường như hầu hết danh nhân của ta từ giữa thế kỷ thứ 19 trở về trước đều không để lại cho hậu thế một tấm hình nào cả. Đức Trần Hưng Đạo mặt mày quắc thước với bộ râu dài in trên tờ giấy bạc 500 đồng thời Việt Nam Cộng Hòa, vua Quang Trung trong bộ mũ trụ, áo giáp, ngồi trên lưng voi, đều là sản phẩm tưởng tượng của nghệ nhân. Thế thì cũng không nên băn khoăn về khuôn mặt Nguyễn Du, miễn là khuôn mặt đó có nét Việt Nam là được. Để dùng như một biểu tượng. Một lần du lịch miền đông bắc Hoa Kỳ, đến thăm trường Đại Học Harvard nổi tiếng của Mỹ, tôi cũng háo hức chụp một tấm hình dưới tượng John Harvard (1607 - 1638), một trong những người sáng lập viện đại học đó. Về sau tôi mới biết pho tượng ấy được xây lên theo mẫu hình của một sinh viên Harvard rất lâu sau khi John Harvard từ trần.

Trong khi chúng tôi đi quanh quẩn hết góc này đến góc nọ ngắm nghía và chụp rất nhiều hình thì anh lái xe ôm đi mua hương và hoa trở về. Không thấy có hoa. Anh xin lỗi và cho biết anh đã đi đến nhiều quán hàng không nơi nào bán hoa cả. Thì kéo nhau đi thắp nhang vậy.

Bên cạnh khu vực tượng đài là một khuôn viên khá rộng lớn có tường gạch bao quanh, cây cối thâm u, trong đó có những cây cột cao

chạm trổ hình rồng, hình phượng, những hàng chữ Hán nhiều nét đã mờ, những nhà bia cổ kính, những đền thờ và mấy nấm mộ cổ. Anh em chúng tôi chia nhau đi thắp nhang nơi nào có bát nhang, không biết nấm mộ nào là của Nguyễn Du. Tôi biết lõm bõm dăm ba chữ Hán, cố đọc, suy đoán, và cảm thấy không yên tâm. Tôi đọc được hai chữ Nguyễn Du bằng chữ Hán, nhưng chưa tìm thấy hai chữ đó. Tôi cặn vặn hỏi anh lái xe ôm người địa phương Tiên Điền xem đây có đúng là mộ của Nguyễn Du hay không, hay là đây chỉ là đài tưởng niệm Nguyễn Du bên cạnh những đền thờ khác. Anh ta à một tiếng, vội đáp:

"Thôi cháu nhớ ra rồi. Cháu dân ở đây nên biết rõ. Mộ Nguyễn Du ở đằng kia chứ không phải ở đây. Đi thẳng sâu vào một chút nữa, không xa đây lắm đâu. Cổng vào có tượng hai con voi, hai con cọp."

Chúng tôi lên xe đi. Quả thật, chỉ chạy độ một cây số trên con đường nhỏ trải đá bên phải là những thửa ruộng ngập nước, bên trái là những khu vườn cây cối thưa thớt, chúng tôi đã thấy được một đền thờ nằm sát phía trái của con đường sau bức tường kiên cố. Trước cổng đền thờ nằm phủ phục hai con voi, hai con cọp xây bằng xi măng. Xuyên vui vẻ nói với anh xe ôm:

"Anh đúng là dân địa phương ở đây rồi. Chính hiệu con nai vàng."

Chúng tôi dựng xe trước cổng, lấy máy hình ra chụp voi và cọp trước khi đi vào bên trong. Bỗng tôi sực nhớ hình vẽ mộ Nguyễn Du trong cuốn sách dịch Truyện Kiều ra thơ tiếng Anh do UNESCO xuất bản năm 1996, tác giả là Lê Cao Phan, nhan đề The Story of Kieu - English Translation in Rhyme. Tấm hình cũng do Lê Cao Phan vẽ có hàng chữ: Nguyễn Du's Tomb in Tiên Điền (Hà Tĩnh) - Water colour by Lê Cao Phan. Có dấu mộc của Lê Cao Phan, bên cạnh có ghi năm 1992. Theo hình vẽ, lăng mộ Nguyễn Du gồm có một nấm mộ nằm trước một cái bia đá khá cao, trong một khu đất trống trải giữa cánh đồng lúa cây cối mọc lác đác, và được bao quanh bởi một dãy hàng rào thưa. Nhưng cái đền thờ nằm ngay trước mặt chúng tôi thì khác hẳn. Không lẽ chỉ trong vòng hơn mười năm từ khi Lê Cao Phan vẽ ngôi mộ đến bây giờ là đầu năm 2003, đã có những thay đổi lớn lao đến thế. Hơn nữa cái đền thờ có voi, cọp phủ phục này trông rất cổ kính, không chừng đã được xây hơn một trăm năm về trước. Tôi nói lên cái ý nghĩ đó. Mọi người bán tín bán nghi. Sơn hỏi:

"Nhưng anh nhớ có chắc không. Hay cứ vào trong lăng và ráng đọc mấy hàng chữ Hán xem thử ra sao."

Anh xe ôm người địa phương nhanh nhẩu:

"Đơn giản thôi. Để cháu hỏi ông già kia một tiếng là xong."

Trên một thửa ruộng nhỏ đầy nước phía bên kia đường, một ông già đang cầm tay bừa đi sau con bò gầy gò, nước ngập một nửa cẳng chân. Ông già đang chuẩn bị đất để gieo mạ chăng. Anh xe ôm hét lên thật lớn hỏi đây có phải mộ Nguyễn Du hay không? Ông già không nói một lời, từ từ đứng dừng lại, ngoảnh đầu chăm chú nhìn chúng tôi, rồi lắc đầu, hất hàm về phía trước, đưa tay vẫy vẫy làm dấu ý nói đi thẳng thêm một đoạn rồi đi theo khúc quanh bên phải là tới. Tôi chưa kịp nói lời cám ơn thì ông già đã quay người đi để tiếp tục công việc của mình. Chúng tôi theo lời chỉ dẫn đó, hy vọng lần này sẽ đến đúng chỗ. Anh xe ôm phân bua:

"Mấy nơi mình vừa ghé tới cũng là lăng mộ, đền thờ của họ hàng Nguyễn Du cả đấy. Họ này thời phong kiến lớn lắm, toàn là những ông vua, bà chúa, ông quan, ông thánh, ông thần."

Sơn hỏi:

"Vua nào vậy?"

"Vua phong kiến chứ còn ai vào đấy nữa!"

Sau một phút ngập ngừng, anh ta nói tiếp:

"Mấy chú đã thấy rồi đấy chứ, đi đứng cũng khá vất vả. Chú nhớ cho thêm tiền nhé."

Xuyên tính vốn ưa bông đùa vội đáp:

"Mình có dịp gặp mặt nhau đây là qúy hoá lắm rồi, nói làm chi cái chuyện tiền bạc mất vui!"

Anh xe ôm ngớ người ra tỏ vẻ không hiểu, tôi phải chen vào:

"Tôi nhất trí với anh, thêm tiền. Thôi, ta đi ngay kẻo trễ."

Quả thế, đi quanh quẩn này giờ mà cũng mất gần hai tiếng. Trời bắt đầu xế chiều, bụng đã thấy đói, nhưng cái hăm hở đi tìm mộ của thi hào trong lòng chúng tôi vẫn chưa sút giảm chút nào. Bầu trời bàng bạc mây trắng, những lớp mưa phùn phe phẩy thỉnh thoảng theo gió từ xa bay tới. Hai anh xe ôm thì "yên chí lớn", không lo bị ướt mưa nhờ đã mặc sẵn áo da dày cộm - họ còn phải xông pha chạy thêm nhiều chuyến xe nữa mà - riêng chúng tôi phong phanh trong tấm áo mưa "tiện lợi" mỏng dính mua với giá 2000 đồng Việt Nam (khoảng hơn 10 cents Mỹ) ở bất cứ một quán cóc nào bên đường cũng có, chỉ dùng sau một trận mưa là vứt đi. Cũng may từ khi rời Vinh qua sông Bến Thủy cho đến bây giờ, chúng tôi chỉ gặp những cơn mưa nhỏ. Nhưng khá lạnh. Chúng tôi lại leo lên xe ôm chạy thẳng đến cuối con đường nhỏ này thì tới khúc quanh đúng như lời ông già chỉ, và chỉ chạy thêm một đoạn ngắn đã thấy phía trái con đường những hàng cây bao quanh một khu đất nhỏ nằm giữa cánh đồng trống. Chúng tôi bảo xe chạy chậm lại, nhìn kỹ. Đúng rồi, bên

trong những hàng cây là lăng mộ, có hai dãy bờ tường thấp chạy song song với nhau, (trong tranh của Lê Cao Phan hồi năm 1992, chưa có tường gạch, chỉ là dãy hàng rào thưa), có cổng vào được trang hoàng bằng bốn cột trụ cao màu trắng chạm trổ tinh vi. Hai chiếc xe Honda được dựng bên ngoài cổng, chúng tôi theo những bậc tam cấp bước vào.

Hôm ấy là chủ nhật nhưng không thấy người nào ở nơi này trừ chúng tôi ra. Vừa vào là gặp ngay nhà bia bốn cột, mái che lợp ngói uốn cong bốn góc, kiến trúc hài hòa, trang nhã, bên trong là tấm bia đá thanh cỡ lớn với hàng chữ nhũ vàng: Danh Nhân Văn Hóa Thế Giới - Đại Thi Hào Nguyễn Du (1765 - 1820) . Tiến thêm mấy bước gặp ngay nấm mồ xây bằng đá mài bóng loáng. Trên nấm mồ và trong chiếc lư hương còn thấy nhiều chân hương chưa cũ cho lắm chứng tỏ rằng cách đây không lâu đã có nhiều người đến đây thăm viếng. Không ai bảo ai, mọi người nói khẽ với nhau như thì thầm. Trời bỗng dưng tạnh hẳn. Gió thổi nhè nhẹ nhưng cũng đủ làm cho những chiếc lá khô trên những hàng cây bao quanh rơi dăm ba chiếc trên nấm mồ và trên nền đá xanh đen.

Tôi lẩm bẩm:

"Đã không có hoa mà hương cũng hết. Làm sao đây?"

Xuyên đưa ý kiến:

"Thôi cứ lấy lòng thành là đủ. Muốn thế khi đứng vái trước mồ, mỗi người phải đọc thầm trong bụng một đoạn hay vài ba câu trong Kiều. Thế là cụ Nguyễn Du sẽ bằng lòng ngay."

Sơn nói:

"Tui không thuộc Kiều."

"Thì cứ đọc vài ba chữ hay một câu cũng được," Xuyên tiếp lời.

Chúng tôi làm theo ý của Xuyên một cách nghiêm trang. Khi đã khấn vái xong, Xuyên hỏi Sơn đã khấn câu gì. Sơn đáp:

"*Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.*"

"Câu của anh Sơn lãng xẹt," Xuyên nhận xét, "không ăn nhập vào đâu cả. Kiều có biết bao nhiêu câu hay mà Sơn chỉ rặn ra được câu đó thì thật là hạng bét. Còn anh?"

"Anh hả? Ở đây có cái sân, có cây cối bao quanh, tự nhiên anh nhớ đến hai câu này: *Sân Lai cách mấy nắng mưa/Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*"

"Khá," Xuyên nói. "Anh đi xa mà còn nhớ gốc tử. Rứa là chưa mất gốc."

Sơn phê bình:

"Méo mó nghề nghiệp. Ỷ mình thợ dạy môn Văn, cứ chấm điểm

hết người này đến người khác."

Tôi ngạc nhiên:

"Thợ dạy? Sơn nói gì anh không hiểu."

"Anh biết không, Xuyên nó muốn tự sắp mình vào thành phần lãnh đạo nên gọi nó là thợ dạy nó thích hơn là thầy giáo. Những nghề khác nó cũng thích gọi theo cái lối đó, chẳng hạn thợ cãi, thợ thuốc, thợ lang, thợ pháp, thợ bói, thợ địa, vân vân."

Xuyên vui vẻ đáp:

"Anh Sơn nói đúng quá. Thôi, để em đi chụp thêm mấy tấm ảnh nữa."

"Lại quỵt hả?" Sơn nhắc. "Còn mấy câu của cậu ra răng phải cho tụi này biết với chứ!"

"À, như thế này: *Gìn vàng giữ ngọc cho hay/Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.* Hai câu đó để nhớ Nguyễn Du, mà cũng để tặng ông anh của tụi mình đó."

Sơn vẫn còn muốn đùa dai:

"Thợ dạy môn Văn có khác... Dặn anh bảo trọng, bảo trọng, khi đi xa. Theo cái kiểu phim Tầu chứ gì."

Xuyên ngẩn người ra và ngắt lời:

"Chết, chết, ngài thợ dạy này nói lộn rồi. Hai câu vừa rồi là của người sắp đi xa dặn dò người ở lại. Lẽ ra - Xuyên nhìn tôi - anh phải khấn hai câu đó mới hợp tình hợp cảnh. Còn em thì phải khấn câu khác, xem nào, xem nào ... *Chén đưa nhớ bữa hôm nay/Chén mừng xin đợi ngày này năm sau* ... Nghĩa là bọn em mong sang năm anh lại về, lại ra đây thăm mộ Nguyễn Du. Thấy chưa, muốn nói gì thì chỉ có việc rút trong Kiều ra là được ngay."

Trời tạnh hẳn. Thấy chúng tôi cứ dềnh dàng nơi đây "đấu láo" mãi, không tỏ vẻ gì là muốn ra về cả, hai anh xe ôm trông sốt ruột thấy rõ. Mà cũng phải, người ta còn phải đi nhiều chuyến nữa trước khi trời tối. Cho nên tôi trấn an:

"Hai anh chịu khó chờ thêm một chút nữa nhé. Tôi sẽ bù lỗ cho. Mà bây giờ về Huế thì đi đứng làm sao?"

"Thì bọn cháu lại đưa mấy chú ra ngã ba Gia Lách, đứng đó chờ một chốc thế nào cũng có xe xuôi Nam."

Chúng tôi cũng đã định như thế.

Bầu trời bỗng sáng lên. Mặt trời mùa đông đang ngã về phía núi bị những lớp mây dày che kín nhưng cũng còn đủ sức phóng ra xa những tia rẽ quạt bao trùm cả một vùng rộng lớn trên không trung và làm cho

những cánh đồng ngập nước bên dưới lấp lánh gợn sóng màu bạc trắng. Những chòm cây lác đác trên đồng trống soi bóng lổ lộ xuống làn nước. Gió thổi, sóng lăn tăn, bóng cây rung rinh dưới nước. Những con đường đê nhỏ biến thành con đường chia đôi của những hình ảnh đối xứng giữa trời và nước. Xa xa, con sông uốn quanh, xa hơn nữa, nhìn về hướng tây, núi và núi, hết ngọn nọ đến ngọn kia. Đó là vùng Hồng Lĩnh. Làng Tiên Điền mặt trước nhìn về phía biển đông, lưng thì dựa vào dãy Hồng Lĩnh - đó là vị trí dụng binh đắc ý của chiến lược gia thời cổ. Tôi bỗng nhớ câu "Địa Linh Nhân Kiệt." Có bao nhiêu ngọn núi trong dãy Hồng Lĩnh? Có chín mươi chín ngọn núi hùng vĩ như được truyền tụng. Và cũng theo lời truyền tụng, trong những năm loạn lạc, sau nhiều lần mưu đồ việc lớn không thành, Nguyễn Du đã để lại dấu chân lên khắp Ngàn Hống. Vâng, người địa phương vẫn gọi dãy Hồng Lĩnh là Ngàn Hống, và Nguyễn Du có biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ (người đi săn của dãy Hồng Lĩnh). Nguyễn Du còn tự xưng là Nam Hải Điếu Đồ (người đi câu bể Nam Hải).

Cuộc đời của Nguyễn Du quả là lạ lùng.

Xuất thân từ một gia đình khoa hoạn bậc nhất của đất nước nhưng cũng nhằm vào thời loạn ly bậc nhất trong lịch sử, trải qua không biết bao nhiêu là lao đao, khốn khổ. Chỉ mới đỗ Tam Trường (Tú Tài) năm 18 tuổi, có lẽ vì loạn lạc nên không thể tiếp tục con đường cử nghiệp, nhưng nhờ tài học uyên bác, từng được cử làm giám khảo cho trường thi lấy cử nhân, từng được hai lần cầm đầu sứ bộ đi Trung Quốc. Đến đây có lẽ ta cũng phải công nhận vua Gia Long, vua Minh Mạng có đôi mắt xanh biết trọng dụng người tài trí. Làm quan đến chức Tham Tri, chỉ dưới Thượng Thư một bậc, được phong tước Hầu, dù nhiều khi tỏ vẻ miễn cưỡng, đã mấy lần xin cáo bệnh về quê an dưỡng, nhà vua phải ban lệnh triệu mới tiếp tục con đường hoạn lộ cho đến cuối đời. Lại là một ông quan quá thanh liêm, luôn luôn túng quẫn đến độ không đủ tiền mua thuốc để trị bệnh, không đủ cơm áo cho một gia đình đông đảo. Một thiên tài văn chương kiệt xuất chưa có ai sánh kịp, nhưng cũng đã từng thủ chức quan võ. Những lúc về ở ẩn thì sống cuộc đời phiêu bạc giữa núi rừng, biển khơi như là một người thợ săn, một ông ngư phủ. Nguyễn Du đa tài, đa bệnh, và đa sầu, đã mất sớm. Mới vừa qua khỏi tuổi thanh xuân. Tiếc thay!

Giã từ mộ Nguyễn Du mà lòng chúng tôi cứ bịn rịn. Trời xế chiều trên cánh đồng vắng, không một âm thanh, không một tiếng động. Rời khu mộ ra đến con đường đất trải đá hai bên viền cỏ úa lan ra đến những bờ ruộng ngập nước, chúng tôi đứng lại quay nhìn. Thấp thoáng

bên trong là nấm mồ và bia đá, rồi hai dãy tường chạy song song ẩn hiện mơ hồ cùng với những cột trụ màu trắng ngà vươn lên sau những hàng cây mùa đông cành lá xác xơ. Xa xa, đồng quê trống trải và những chòm cây vật vờ lay động in bóng trên làn nước, từng chòm từng chòm, như đang họp nhau thì thầm nói điều gì. Xa hơn nữa, núi. Lớp lớp, lầm lì, khốc liệt. Sườn núi bên này bỗng sáng lên, rồi sẽ đến phiên những sườn núi bên kia của rặng Hồng Lĩnh. Và chúng tôi và ngôi mộ sẽ chìm trong bóng tối. Không, Nguyễn Du không nằm yên trong lòng mộ sâu! Mái tóc bạc bơ phờ như mây trắng buổi chiều, thân hình ốm yếu quằn quại như những hàng cây trước gió, quả tim nóng hổi như ánh mặt trời phóng ra những tia rẽ quạt bao trùm cả không trung, đó là Nguyễn Du. Nguyễn Du vẫn đang sống với chúng tôi. Núi sông ơi, xin gìn giữ lấy nhà thơ của muôn đời!

Trong cuốn "Phong Nhũ Phì Đồn" (Vú To Mông Nẩy), cuốn sách đã trở thành một hiện tượng văn học Trung Quốc đương đại, tác giả Mạc Ngôn khi đề cập đến một nhân vật kỳ lạ, đã phê một câu: "Hắn là trang hảo hán. Những người như vậy, trước đây, khoảng 20 năm lại có một người. Từ nay về sau chắc là tuyệt chủng." Thi hào Nguyễn Du của chúng ta dĩ nhiên còn lạ lùng hơn nhiều. Phải chăng linh khí của cả ngàn năm đã nén lại để sản xuất ra thiên tài đó.

Ngự Thuyết

Bố cục tập trung qua lục bát Nguyễn Đức Sơn

Trần văn Nam

Trong tác phẩm lục bát trường thiên như Truyện Kiều, ta có thể tìm được rải rác khắp các trang những câu thơ lấp lánh, vì vậy ta không lạ gì thấy lối cấu trúc tập trung xuống hai câu thơ cuối như ở những bài lục bát ngắn. Hầu hết các thi sĩ làm thơ lục bát ngắn đều áp dụng diễn tiến của kết cấu này. Khi thì hai câu cuối là một hình thức nào đó của phép tu từ, khi thì hai câu cuối cho ta một ấn tượng bàng bạc xa xôi, hoặc một âm hưởng mịt mờ vang vọng. Ta lấy ví dụ trong thơ lục bát Nguyễn Đức Sơn:

Tôi về lắng cả buổi chiều
Nghe chim ăn trái rụng đều trong kinh
Còn một mình, hỏi một mình
Có chăng hồn với dáng hình là hai
Từng trưa nằm nghỉ đất dài
Phiêu phiêu nhẹ cái hình hài bay lên
(Mang Mang)

Hai câu thơ cuối đạt chất thơ dù không nhờ phép tu từ nào. Nguyễn Đức Sơn giúp ta tìm lại giây phút kinh nghiệm khi nằm dài thanh thản trên mặt đất, lúc ấy ta như cảm thấy linh hồn nhẹ bay lên. Đề tài trong thơ Nguyễn Đức Sơn thường nghiêng về siêu hình, như dưới đây là một người đang ngồi khóc trên đồi. Đồi này là đồi hư không, đồi của một hành giả hiện sinh sau khi cảm nghiệm cái vô lý mình đang tồn tại ở đời: *"Tôi hiện hữu do ngẫu nhiên vì sự gặp gỡ của cha mẹ, ngoài ý muốn của tôi"* (Tư tưởng này có trong triết lý Hiện Sinh, phổ biến vào sách báo

miền Nam Việt Nam vào những năm 1960 đến năm 1968 gì đó...). Đây là tiếng khóc muốn rời bỏ nhân thế, không muốn hệ lụy với đời, khác với đoạn trên là những liên hệ xã hội tính:

Nhiều khi đợi nắng chiều tan
Tôi mông lung nghĩ theo làn mây trôi
Ngày kia nếu ở trên đời
Cha tôi không cưới mẹ tôi bây giờ
Sinh ra tôi có làm thơ
Để điêu linh vẫn như chờ riêng thôi
Những đêm sao sáng đầy trời
Bỗng nhiên tôi khóc trên đồi hư không.
(Hồi Tưởng)

Trước khi tiếp nhận ảnh hưởng của triết lý Hiện Sinh, Nguyễn Đức Sơn tỏ ra rất thâm cảm thơ Thiền, Văn Học Thời Lý Thời Trần với các bài kệ ngắn của các Thiền Sư. Thơ Nguyễn Đức Sơn là những giao lưu giữa mỹ cảm và thiền cảm mà vùng biển Nha Trang thường là nguồn cảm hứng vãng lai. Ngoài thơ, các truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn cũng bàng bạc thiền vị, bàng bạc mỹ cảm, bàng bạc triết lý Hiện Sinh, như viết về cái chết rong rêu dưới đáy hồ im vắng; cái chết cho xong một đời mệt mỏi của những con vật trôi sông với xương bày trắng hếu tấp vào một cù lao xa khuất; nổi loạn chống lại đám người ồn ào dưới phố khi họ kéo nhau ra xem một cách bất nhân trước cảnh con chuột cống bị thanh sắt đâm qua thân, nó đi khệnh khạng ngang qua đường, sắp chết. Thật ra đó là nổi loạn chống lại xã hội, không phải nổi loạn hư vô chủ nghĩa hay nổi loạn vô chính phủ. (Nguyễn Đức Sơn, trong sách "Cát Bụi Mệt Mỏi" "Cái Chuồng Khỉ", "Xóm Tắm Ngựa" do nhà xuất bản An Tiêm và Lá Bối).

Trở lại bàn về Thơ Lục Bát với cấu trúc tập trung xuống hai câu cuối. Bài thơ dưới đây, Nguyễn Đức Sơn tập trung bằng phép tu từ, thể cách so sánh. Thời thơ ấu của Nguyễn Đức Sơn, đời sống riêng trong gia đình, có dấu ấn đi vào thơ như một vết thương. Nhờ trực cảm tiếp xúc với điệu buồn mưa cao nguyên, giọt đều mái lá, cây rừng chuyển động khi nhìn ra trước nhà, nên các câu ở đoạn giữa mới là những câu hay, vượt khỏi sự ưu ái dành cho cuối bài:

Êm êm chiều xuống ngập lòng
Gió lên lùa cả mùa đông vào hồn

Sương mù giăng kín bản thôn
Mái khoan thai đếm giọt buồn theo mưa
Cây rừng chuyển động sầu đưa
Nhịp vang theo nhịp như xưa lắm rồi
Suối khô đỡ tiếp lượng trời
Ngày thơ sao vẫn một đời tịch liêu.
(Buồn Xa Xưa)

Thơ cảm hứng thiên nhiên của Nguyễn Đức Sơn, thiền vị là một điều tất yếu. Nhưng nếu có dịp cảm hứng về cuộc sống thông tục, Nguyễn Đức Sơn cũng không để lỡ dịp hướng về ý tưởng siêu hình, và cũng không quên lối cấu trúc tập trung ấy:

Buồn sao như dạ héo hon
Đời nghe ú ớ hãy còn sơ khai
Nghe đời đau quặn trong thai
Tiếng ru chan chứa đêm dài còn mang
(Tiếng Ru Em)

Nắm tay lật úp đi con
Co thân tròn trịa như hòn đá lăn
Muốn cho đời sống không cằn
Tập cho quen mất thăng bằng từ đây
(Nhìn Con Tập Lật)

Bài thơ "Nhìn ConTập Lật" thiên về ý tưởng trừu tượng, bài "Tiếng Ru Em" thiên về hình tượng cụ thể. Ta nghĩ thơ nên nghiêng về cụ thể, vì ý tưởng nếu đạt, ta chỉ có bài thơ lạ; còn hình tượng nếu diễn thật tới thì sẽ cho ta bài thơ mỹ cảm giao lưu với thiền cảm, hoặc mỹ cảm giao lưu với thần cảm.

Nhà văn Võ Phiến thường chú trọng đến những bài thơ có một giọng điệu đặc biệt riêng, ví dụ bài "Tống Biệt" của Thâm Tâm với giọng điệu khinh bạc; bài "Một Ngày Nhàn Rỗi" của Nguyễn Bắc Sơn với giọng điệu nghênh ngang; bài "Bọt Nước" của Nguyễn Đức Sơn với giọng điệu của niềm đau dằng dặc. Ta có thể thêm, bài thơ "Bài Hành Phương Nam" của Nguyễn Bính với giọng điệu chua chát tình đời, bài "Anh Hùng Tận" của Tô Thùy Yên với giọng điệu khệnh khạng say rượu trước giờ lâm trận không biết sống chết sẽ ra sao; bài thơ "Gởi Quà" của Luân Hoán với giọng điệu chán ngán cuộc sống cơm áo và bất đắc chí ở xứ

lưu vong... Giọng điệu thường đến với các nhà thơ mà không do một sắp xếp trước. Trong khi làm thơ, giọng điệu tự nhiên đến với thi sĩ, trào ra ngẫu nhĩ dưới ngòi bút. Cho nên những bài thơ có sắp đặt mang tính cấu trúc, như thơ lục bát với bố cục tập trung xuống hai câu thơ cuối cùng, thường không tạo ra được một giọng điệu, chỉ là những bài thơ nghiêng về mỹ cảm. Thơ lục bát nếu có một giọng điệu đặc biệt phải ở ngoài ý thức về cấu trúc, ví dụ rất hiếm hoi trong thơ Nguyễn Đức Sơn nhưng cũng đã có, đó là bài "Một Mình Nằm Thở Đủ Kiểu Trên Biển" mang giọng nghịch ngợm, tuy vậy vẫn có vẻ triết lý:

Đầu tiên tôi thở cái phào
Bao nhiêu phiền não như trào ra theo
Nín hơi tôi thở cái phèo
Bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không...

Mới đây, một số bài thơ lục bát của Nguyễn Đức Sơn từ trong nước gởi ra, đăng trong tạp chí "Thế Kỷ 21" (tháng 11-1993), với những ý tưởng rất đả phá chống đối chế độ; cùng những bài thơ về tư tưởng Phật Giáo đã làm trước đây (Hình như trong tập thơ "Đêm Nguyệt Động") được tạp chí cho đăng lại, Nguyễn Đức Sơn không ngần ngại dùng những từ ngữ thông tục táo bạo, nói về cái màn trinh nữ như giảng đạo về sự đắm chìm vào vô minh. Tuy nhiên vẫn không phạm thượng tôn giáo, mà còn sáng tạo ra chất thơ mới, chưa ai so sánh được như vậy từ trước, bởi vì tác giả chỉ có ý muốn nói chính cái màn đó làm cho ta hệ lụy, say đắm quá sẽ làm tiêu luôn đường về Niết Bàn. Tác giả dùng thể thơ lục bát rất chặt chẽ về vần điệu, không cần dùng đến vần lệch để có thể phóng khoáng, và cấu trúc vẫn là diễn tiến tập trung quen thuộc. Khuôn khổ, nhưng không phải là không sáng tạo được những điều mới:

Em đang thay áo trong phòng
Hương xuân bay tỏa sóng lòng tôi đâu
Vú thon quá độ nhiệm mầu
Trộm nhìn quên hết ưu sầu thế gian
Tiêu luôn cái cõi Niết Bàn
Bắt tay chào nhé cái màn vô minh
(Trinh Nữ)

Nghịch ngợm, táo bạo, đả phá, nổi loạn, nhưng thực chất sâu thẳm của Nguyễn Đức Sơn là thơ hướng về nghệ thuật, nói rõ hơn là thơ thiên

về mỹ cảm giao lưu với Thiền cảm. Trong chiều hướng đó, thơ Nguyễn Đức Sơn có nhiều bài đạt tới độ tuyệt diệu, như bài "Mai Kia" mà người viết bài này muốn giới thiệu ở đoạn kết thúc để thưởng thức. Bài thơ vừa có những lời giản dị, vừa có những từ ngữ lóng lánh. Tứ thơ thì thanh thản, một ngày nào kia con lớn lên, cha sẽ già, rồi tan biến vào hư không đời đời:

Mai kia tan biến hận thù
Giữa đêm sao chiếu mịt mù phương đông
Cha về ôm cả biển sông
Duỗi chân duỗi cẳng nằm không một đời
Cho con cha hứa một lời
Đuổi mây thiên cổ rong chơi tối ngày
Thu nào tóc bạc òa bay
Có con chỉ trở mới hay tuổi già
Cúi hôn trời đất đậm đà
Cha tan theo bóng trăng tà vạn niên

Như trái cây chín thì có lúc muồi, phải rụng khi vô cùng mật ngọt. Lục bát kiểu tập trung như vậy trở thành thông lệ, được nhiều thi sĩ nhắm tới vì có tác dụng gây dư vang ấn tượng vào tâm hồn độc giả. Nhiều nhà thơ cũng đã ý thức về thông lệ trên, nên những câu hay có vẻ tu từ pháp, hoặc xa xôi bàng bạc, hoặc mịt mờ âm hưởng, được đưa vào đoạn giữa. Cái gì quen thuộc cũng trở thành đường mòn, tuy không phải là đường mòn khuôn sáo vì có khi thi tứ rất sáng tạo, chẳng lặp lại của ai, nhưng cũng là "đường mòn của kỹ thuật" làm thơ lục bát.

Trần văn Nam

Nhà xuất bản Văn Mới vừa phát hành

bên lưng những con chữ

tập truyện ngắn của nhà văn *Song Thao*

dày 220 trang. Bìa Khánh Trường. Giá 12 Mỹ kim

Liên lạc: Nhà xuất bản Văn Mới
PO Box 287 Gardena, CA 90248
Phone: (310) 366-6867 Fax: (310) 366-6967

Địa cầu, những hoang mang không đâu

NGÔ NGUYÊN DŨNG

thuở trần gian phôi thai trong bụng rắn
vũ trụ năng phơ phất dựng địa cầu
thú với người truyền tụng lời mật chú
tinh bào tôi còn thơ thẩn nơi đâu?

rắn chuyển dạ khai sinh một trăm trứng
bầy diều hâu rình rập cửa hang sâu
lời quỉ hứa, địa ngục rừng vách dựng
lửa bừng lên thiêu huỷ hạnh phúc đầu

thuở đại dương chỉ một phần ba đất
trần gian xanh san sẻ dải tân bồi
núi trời gần leo lên cời mây được
tinh bào tôi, quo vadis không thôi

đêm sấm sét sáu mươi ngày vừa chẵn
gió đồng hoang cuồn cuộn lướt bàn tay
bầy con rắn chia nhau về muôn dặm
sinh quán trú thành sa mạc lưu đày

tinh bào tôi hoá thân vàng bụi cát
ngày mặt trời bỏng rát thế kỷ trôi
đất hoang mang hỏi trời xin giọt nước
ngụm si mê khô khát phận tôi đòi

người bỗng thấy góc địa cầu chật hẹp
đoạn khứ lai mọc thành quách rêu thâm
vàng tâm địa mộ phần ai cập tháp
chiều sông nil bầm dập tiếng hát thù

lời cựu ước sodom dừng ngoảnh mặt
tìm một nơi thiên xứ lỗ trôn kim
chỗ bánh mì đầy ngập đất, và sữa
thiên đường đâu, người ưu uẩn đi tìm

những triệu năm quĩ đạo vành ngơ ngẩn
thái dương soi đường thẳng nhật thực câm
trăng nhếch nhác lẩn sâu phần bóng tối
buổi đầu thai đêm khua lộng chỗ nằm

niên kỷ tôi, thuở địa cầu khánh kiệt
cả mùa màng khắc nghiệt với thời gian
cầm thú khóc âm thầm đêm ly biệt
rừng phân ưu hoa rực trắng khăn tang

sấm ký thác năm ba ngàn lẻ một
đất u mê lẳng lặng xoá hình hài
rắn tuyệt chủng, xác lột da ngơ ngác
tôi về đâu? chờ điệp khúc thiên tai

(03.2003)

Nhân đọc Nguyễn Bá Triệu: Truyện Kiều chữ Nôm và Khảo Dị

Nguyên Hương N.C.

Truyện Kiều chữ Nôm và khảo dị! Qua cuốn sách vừa phát hành, Nguyễn Bá Triệu giới thiệu một bản (Nôm) Kiều do Lâm-Nhu-Phu chép tay, tác giả cho là bản Nôm cổ nhất (1870).

"Cuốn (Kiều) này được đem bày bán làm giấy lộn ở vỉa hè Sài Gòn năm 1975 (...) Sách viết tay, nhiều chổ bài tựa ở tờ bìa ngoài rách nát không đọc được (...) Căn cứ vào những dữ kiện ghi trên sách, được biết sách chép 50 năm sau khi Nguyễn Du qua đời. Người chép ký tên là Lâm-Nhu-Phu, chép xong ngày 18 tháng 8 năm Tự Đức Canh Ngọ (1).

(...) Sau nguyên bản của Nguyễn Du và hai bản Phường và Kinh bị thất lạc thì có thể nói là bản Lâm-Nhu-Phu là bản Kiều Nôm chép tay hoặc in mộc bản cổ nhất (1870) trước bản Liễu Văn Đường (1871), Kiều Oánh Mậu (1902), Duy Minh Thị (1915) ..."

Nếu bản chép tay Lâm-Nhu-Phu ghi đúng ngày tháng "Tự Đức năm Canh Ngọ" (1870), rõ ràng chính xác từ một bản văn chính xác, chính văn, chính bản (manuscrit authentique), đây có thể là một trong hai, ba bản Kiều Nôm cổ nhất xưa nay.

1. Lâm-Nhu-Phu là ai ?

Có thể đây là tên thật, cũng có thể là bút hiệu. Chi tiết không kém phần quan trọng góp phần đánh giá văn bản, rất tiếc không được cả hai tác giả Lâm-Nhu-Phu và Nguyễn Bá Triệu giới thiệu rõ ràng hơn.

Về tộc họ Lâm, trước nay ở Huế có nhiều người. Riêng thời Tự Đức, có hai nhân vật lịch sử còn nhắc lại phương danh:

- Thượng thơ Lâm Duy Hiệp (Thiệp), người cùng ký tên chung với sứ thần Phan Thanh Giản Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862), mất năm

1863.

- Tham tri bộ Công, phó bảng (1868) Lâm Hoằng, phó phòng luyện duyên hải, phụ tá Hữu quân Đô thống Lê Sĩ trong trận chiến Thuận An, tử trận năm 1883.

2. Từ lời Tựa của Nguyễn Bá Triệu giới thiệu bản Nôm Kiều "sách cũ, lại nhiều vết lem vì in đi in lại ...", hãy đọc thêm một bài tựa khác của Lâm-Nhu-Phu, phiên âm và dịch nôm của Thích Quảng Chánh.

"Cận kiến nhân gia Kim Vân Kiều Truyện nội (mất 2 chữ) Lương-Đường Lập Trai Phạm tiên-sinh thi tập Liên Trì Ngư Giả Vũ-Trinh, Chu-Sơn Tiểu Lữ (mất 5 chữ) ngữ. Thị dĩ xuất tự Hồng Sơn, Liệp Hộ Nguyễn Du Tố Như ông thủ thảo. Lưu truyền ngữ ... (mất mấy chữ, người khác viết thêm chữ thập niên) *vu tư đàm phong tình giả phún phún xưng tiện. Dư thiểu, bất hà kiểm, thời văn nhất nhị cú triếp dị* (mất mấy chữ) *Thượng bất cánh dã. Kim tri Tố Như tử, chân phong tình tai.Nhiên phi lịch bộ đa quyết đạo bất đáo ..."*

Nhìn lại bài Tựa, từ đoạn mở đầu tiếp mấy câu sau, tất cả 17 chỗ mất chữ, từ một hai chữ đến năm chữ, kể cả hàng thứ năm mất mấy chữ "người khác viết thêm thập niên".

Tại sao lại hai chữ "thập niên" mà không phải chữ khác? Hay vì mục đích cho đủ nghĩa 5 chữ: lưu truyền ngũ thập niên!

Bản văn mất mấy chữ và người chép viết thêm hai chữ "thập niên", phần nào nói lên tính cách bất thường của văn bản, trái với nguyên tắc xác thực toàn bộ chính văn là nguyên tắc các nhà văn bản học không thể không tôn trọng.

3. Với tình trạng văn bản nói trên, một câu hỏi được đặt ra đối với độc giả. Có phải đích thực bản Nôm Kiều Lâm-Nhu-Phu sao chép (và Nguyễn Bá Triệu giới thiệu) là bản văn chép lại từ văn bản chính không? Và bản văn ấy là bản văn nào, của ai, tựa đề và năm tháng khắc in.

4. Cũng trong đoạn đầu lời tựa của Lâm-Nhu-Phu đây là "Truyện Kim Vân Kiều của Lập Trai Phạm tiên sinh ở Lương Đường cùng với lời tựa của Liên Trì Ngư Giả Vũ Trinh, Chu Sơn Tiểu Lữ."

Lập Trai Phạm Quý Thích, Ngư Giả Vũ Trinh, Chu Sơn Tiểu Lữ (Nguyễn Lượng), ba nhân vật văn học nhờ đó tìm ra mấu chốt bản Nôm Kiều đầu tiên, và là bản văn duy nhất có Lập Trai Phạm Quý Thích đề từ, Liên Trì Ngư Giả mặc bình và Chu Sơn Tiểu Lữ châu bình. Ngoài ra

không có một bản Nôm Kiều nào khác có đủ ba nhân vật liên hệ!

Bản Nôm Kiều đầu tiên hiếm quý ấy ra đời năm nào?

Có thể ước đoán là bản văn được khắc in trong khoảng thời gian từ 1820 đến 1828 hay giản dị hơn từ 1820 đến 1825.

Trước thời đại Tự Đức (1847-1883), đồng thời với Nguyễn Du (1765-1820) và Phạm Quý Thích (1760-1825), có Vũ Trinh cùng được vua Gia Long mời ra làm quan tại Huế, được bổ chức Thị Trung học sĩ.

Biết qua niên đại trên để tạm kết luận rằng: rất có thể ấn bản Nôm Kiều đầu tiên này được khắc in trước năm 1828, năm Vũ Trinh qua đời hay xê xích thời gian đôi chút, từ sau ngày Nguyễn Du mất (1820) cho đến năm tháng Phạm Quý Thích qua đời, 1825.

Hiểu rõ sự tích căn bản trên, thử đọc thêm Đoạn Trường Tân Thanh - Kiều Oánh Mậu chú thích, Đào Nguyên Phổ đề Từ năm 1898, là văn bản Kiều sao chép về sau, khắc in năm 1902, có đầy đủ:

— Nguyên Hình bộ Hữu Tham tri, Liên Trì Ngư Giả Vũ Trinh

— Nguyên Thiên Trường Tri phủ, Chu Sơn Tiểu Lữ Nguyễn Lượng

— Thị Trung học sĩ Lập Trai Phạm Quý Thích.

Đoạn Trường Tân Thanh, Kiều Oánh Mậu (1854-1912) chú thích và xuất bản năm 1902, tại sao lại có tên "người xưa" là các vị tiền bối Phạm Quý Thích, Vũ Trinh, Nguyễn Lượng đề thi, mặc bình và châu bình?

Sự tích "tại sao" này, Đào Nguyên Phổ (1860-1907) kể lại (giải thích) trong bài Tựa Đoạn Trường Tân Thanh - Kiều Oánh Mậu, ấn bản 1902:

"Bạn thân của tôi là Kiều Giá Sơn, đậu Ất tiến sĩ (phó bảng) từ khoảng năm Tự Đức. Ông giỏi về văn Nôm, khi làm quan tỉnh Bắc đã làm truyện Tỳ Bà, đính chính lại truyện Kim Vân Kiều, chứng dẫn các điển tích, khiến người xem hiểu rõ. Ông lại nhân những áng văn của tiến sĩ Nguyễn Văn Thắng, tham hiệp Thanh Hóa, làm thêm hai áng văn về Thổ Quan và Ngư Phủ, có đề thơ và làm bài tựa, ai được đọc cũng đều khen hay và khuyên nên đem khắc in, để cho người thích Nôm cùng đọc. Nhưng vì bận việc ở Văn quán, nên chưa kịp xuất bản. "

Năm Ất Mùi (1895), tôi đang học ở Quốc tử giám, có một chàng họ ngoại nhà vua, đưa lại cho tôi một bản Kiều mới, nhan đề Đoạn trường tân thanh. Tôi mở quyển ấy ra đọc, thì thấy có một số câu được chữa lại, một số chữ mới được thay và có lời phê bình của các bậc có tiếng, lại có đôi câu đối của vua Tự Đức đề ở đầu sách. Người đẹp văn hay, lại tô

điểm lời phê của vua khiến cho áng văn lớn lại càng lớn hơn! Chắc hẳn người ngâm vịnh quý hơn hòn ngọc, người sao chép nhiều, giấy bán ở đô thành trở nên hiếm đắt. Mùa hè năm nay (1898), tôi từ Kinh, vinh quy quê nhà, mang quyển sách ấy làm quà cho Giá Sơn. Giá Sơn thấy sách, mừng vui cuống quít ! Nhân sách ấy, ông kiểm duyệt kỹ lại, giao cho khắc in để phổ biến ..."

(Trần Văn Giáp dịch, sđd)

Và tác giả Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm kết luận :

"Qua tài liệu trên ta thấy Đoạn Trường Tân Thanh (1902) là một bản Kiều do Đào Nguyên Phổ mang từ Huế ra Bắc năm 1898, đưa làm quà cho Kiều Oánh Mậu. Kiều Oánh Mậu nhận sách ấy soát lại, so sánh kỹ, chú thích thêm, giao cho khắc in năm 1902, thành bản sách này: Đoạn Trường Tân Thanh.

Một phần lớn bản này khác với bản Kim Vân Kiều phổ biến, in ở Hàng Gai có đến thời ấy gọi là "Bản Phường"; bản Đoạn Trường Tân Thanh của Kiều Oánh Mậu gọi là "Bản Kinh."

5. Đến đây, người viết nhân dịp này xin ghi chú thêm:

Rất có thể bản Nôm Kiều Đào Nguyên Phổ từ Huế mang ra Hà Nội tặng Kiều Oánh Mậu là văn bản Kiều in khắc trong khoảng thời gian từ 1820-1825-1828 như đã trình bày trên. Đây là bản Nôm Kiều độc nhất và duy nhất có đủ 3 nhân vật văn học cùng một thế hệ, cùng một lần trong một tác phẩm có chung lời bình, đề từ và đề tựa: Phạm Quý Thích, Vũ Trinh và Nguyễn Lượng.

Từ văn bản này, sao chép khắc in lại, khai sinh bản văn thứ hai Đoạn Trường Tân Thanh - Kiều Oánh Mậu, ấn bản năm 1902 (cùng với đầy đủ 3 nhà văn học liên hệ).

Ngoài 2 bản Nôm Kiều này, không thể nào có thêm một bản văn khác, có đủ Phạm Quý Thích, Vũ Trinh và Nguyễn Lượng. Nếu có, đây là trường hợp các bản Nôm Kiều sao chép, in khắc về sau, kể từ năm 1902 trở đi.

Nếu đoạn sơ lược dẫn chứng trên cùng với phần biên khảo về Đoạn Trường Tân Thanh của Trần Văn Giáp được xác nhận đúng thì lời kết luận của Nguyễn Bá Triệu trong "Truyện Kiều, chữ Nôm và khảo dị": bản Nôm Kiều chép tay hoặc in mộc bản của Lâm-Nhu-Phu là bản cổ nhất 1870, tưởng cần được xem xét lại cẩn thận hơn.

Nếu bản Nôm Kiều Lâm Nhu Phu sao chép có đủ Lập Trai Phạm Quý Thích, Vũ Trinh và Nguyễn Lượng như ghi rõ ràng trong lời tựa (sđd) ; và nếu đúng như vậy, với vài hạn chế cần thiết, có thể chấp nhận

rằng Lâm-Nhu-Phu sao chép bản Nôm Kiều sau thời gian Đoạn Trường Tân Thanh - Kiều Oánh Mậu phát hành : Thành Thái Nhâm Thìn trung thu vọng (1902), không thể sớm hơn !

"Nghìn xưa âu cũng thế này" (Kiều).

Từ 1902 đến 2002, một thế kỷ tròn đầy, khá lâu khá dài: Trăm năm âu cũng xưa rồi còn chi !

Đòi cho được cổ (xưa) hơn, e rằng hơi quá lạc quan !

Với tình hình văn bản học như nhận thấy ngày nay, khẳng định rằng bản Nôm Kiều của Lâm-Nhu-Phu là bản nôm cổ nhất năm 1870, e rằng hơi quá vội vàng!

Trong hoàn cảnh văn bản học mù mịt khó khăn hiện nay, nhất là ở nước ngoài, giới thiệu thêm được một bản Nôm Kiều như Nguyễn Bá Triệu đã làm với nhiều công phu là một việc đáng ngợi khen, khích lệ.

Riêng phần độc giả, có thêm ý kiến để cùng liên đới chia sẻ với tác giả, thẳng thắn và thành thật, thiết nghĩ cũng là một việc nên làm.

Đây là lý do tại sao, với tất cả dè dặt thường lệ, người viết không ngại ngùng có bài này gởi đến độc giả hâm mộ Nguyễn Du - Truyện Kiều. Ước mong rằng rồi đây sẽ được các bậc cao minh thức giả chỉ giáo thêm.

Chú Thích:

(1) Lâm-Nhu-Phu hay Lâm Nọa Phu!

Đặng Cao Ruyên: (*Bể dâu trong dòng họ Nguyễn Du*. Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ 2002) ghiá: Lâm Nọa Phu

Tìm hiểu sự khác biệt giữa Lâm-Nhu-Phu và Lâm Nọa Phu, người viết có gặp tác giả Đặng Cao Ruyên và giáo sư Nguyễn Khắc Kham tại San Jose.

Nguyên bản Nôm Kiều chép tay này, trước đây khá lâu, giáo sư Nguyễn Khắc Kham có nhận được một bản do cụ Đàm Quang Hậu, thân phụ giáo sư Đàm Quang Hưng, gởi tặng.

Từ văn bản chép tay ấy, giáo sư Nguyễn Khắc Kham photocopy gởi tặng lại một số bạn quen trong đó có tác giả Đặng Cao Ruyên. Theo Nguyễn Bá Triệu, tác giả nhận được bản Kiều chép tay do giáo sư Đàm Quang Hưng gởi tặng.

Theo giáo sư Nguyễn Khắc Kham, Lâm Nọa Phu đúng hơn Lâm-Nhu-Phu.

Hà Lan Du Ký Xe Đạp

Mai Kim Ngọc

I. Cỡi Ngựa Xem Hoa.

Tôi sang Hà Lan mùa xuân 2002 để dự chương trình 'Barge and Bike', tạm dịch là 'Thuyền và Xe' do một hãng du lịch Amsterdam quảng cáo trên liên mạng. Thuyền là tầu chạy sông dùng làm nơi ăn ngủ, còn xe là xe đạp. Chương trình gồm ban ngày đạp xe, ban đêm ngủ thuyền, trong vòng một tuần lễ. Hà Lan có nhiều điểm giống Việt Nam. Thứ nhất là xe đạp. Mặc dầu văn minh bậc nhất Âu châu, dân nước này sống gắn bó xe đạp, từ em bé mới ngồi vững trên poóc-ba-ga được mẹ chở tới nhà giữ trẻ, cho đến vị đương kim thủ tướng đạp xe đến sở làm. Tính theo đầu người, họ nhiều xe đạp hơn Việt Nam. Dân chúng tuổi đạp xe mỗi người trung bình có hai chiếc, một tiện nghi chắc chắn để đi làm, một nhẹ và nhanh để tiêu khiển. Hà Lan lại giống Việt Nam về vấn đề trị thủy, suốt chiều dài lịch sử, đê điều có tầm quan trọng quốc sách. Còn nữa, người Hà Lan cũng đi guốc gỗ, tuy guốc Hà Lan đẽo theo kiểu Hà Lan và hình thù không giống đôi guốc Dakao của ta. Sau hết, họ cũng thích uống bia như người Việt, và xây nhà máy bia là một trong những khoản viện trợ quan trọng Hà Lan dành cho Hà Nội. Những điểm Hà Lan khác với Việt Nam cũng rất đặc sắc, như cối xay gió, như phong thái sống dễ dàng với người cũng như với mình, về dục tình, đạo lý, chính trị, xã hội, tôn giáo, và vân vân. Và hoa Hà Lan. Tôi nghĩ khó có nước nào trên thế giới lại trồng hoa nhiều như Hà Lan. Tôi nghĩ cả bài này riêng cho hoa cũng còn thiếu, nên chỉ những ghi nhận khác trong chuyến đi xin dành lại bài sau...

Hà Lan mùa xuân, chuyện đập vào mắt du khách là hoa. Tàu hỏa

hay xe buýt tới nam Hà Lan, du khách nhìn ra ngoài đã ngộp vì hoa. Có lúc khung cửa sổ biến thành bức tranh ngũ sắc bất tận. Những ruộng hoa chạy từ chân trời này tới chân trời kia như chiếc cầu vồng hạ giới. Thật ra cầu vồng chưa xứng để ví với hoa. Hoa chiếm cả tầm mắt, còn cầu vồng chỉ giới hạn trong một góc trời.

Bước chân vào nhà ga, chủ đề lại vẫn là hoa. Hoa trong tiệm bán hoa, trên xe bán hoa, trong tiệm ăn, trong cả những cửa hàng chuyên trị những nhu yếu phẩm khác như quần áo, phó mát, thịt nguội, cho đến nước hoa và rượu quý. Hoa vẽ trên tường, trên bích chương quảng cáo cho công viên Keukenhoft nổi tiếng thế giới một năm chỉ mở mấy tháng xuân, cũng như cho hội chợ Floriade đấu xảo hoa mười năm mới họp một lần. Hoa in trên bưu thiếp, thêu trên cà-vạt, sơn trên đồ sứ xanh trắng, khắc trên guốc gỗ...

Cách bày hoa cũng rất lạ. Bình hoa rất độc đáo, khi mảnh khảnh như ống nghiệm hóa học, khi vuông cạnh hay tam giác, khi lại cao cổ như nậm rượu tàu. Bình làm bằng sứ trắng hay xanh, bằng sành nâu, bằng thủy tinh đựng nước màu ngũ sắc. Những bình ấy khi thì bày trên bục gỗ, khi thì đặt trên thảm xanh, khi thì từ trần thả xuống lơ lửng. Hoa bày chung với trứng chim, với bánh mì, với phó mát, với cà tía, với lúa mạch, thậm chí với cả khoai tây. Mầu sắc hình hài những món nông phẩm bản chất không có giá trị trang trí, vậy mà sử dụng tài tình chúng đã tôn hoa lên...

Ga Amsterdam rất hiện đại, từ đấy đi bộ khoảng mươi phút thì đến bến cảng nơi chúng tôi sẽ lên tàu và bắt đầu chuyến du lịch. Tàu rộng độ bốn năm thước, dài độ ba chục thước. Boong tầu nửa để lộ thiên như một sân thượng là chỗ cất xe đạp và mấy chồng ghế nhựa khi đẹp trời có thể bày ra ngồi ngắm cảnh. Nửa còn lại xây thành phòng sinh hoạt chung, rất thoáng với dẫy cửa sổ rộng nhìn ra bốn phía. Phòng lót thảm và lát gỗ đánh vẹc-ni, kê bốn năm bộ bàn ăn. Đầu phòng là kệ sách nhỏ bày ít truyện loại bìa giấy bỏ túi và mấy cuốn chỉ dẫn du lịch. Cuối phòng là quầy rượu.

Một thanh nhiên chừng ba chục, gầy và cao, đang lúi húi hút bụi. Thấy chúng tôi, anh ngẩng lên cho hay một giờ chiều hãy trở lại, đúng như chương trình chính thức anh ta móc trong túi ra đưa cho xem. Anh nói năng ngắn gọn, không tự giới thiệu, mà cũng không cần hỏi lại cho chắc chúng tôi có phải là khách du lịch đã ghi tên cho chuyến đi. "Có thể để tạm hành lý ở cuối phòng," anh ta nói thêm trước khi cúi xuống tiếp tục hút bụi.

Trở lại bến, tôi nhớ có lần nghe nói người Amsterdam phần đông

thông thạo Anh ngữ, nhưng họ chỉ cốt truyền đạt nội dung, còn cách thức nói thì làm sao cũng được. Anh lao công hút bụi trên tàu quả đã chứng minh điều đó.

Chúng tôi lấy xe buýt ra công trường Damrak và Dam Square, độ nửa cây số trước nhà ga trung ương. Nghe nói khi Hà Lan còn là một lực lượng hàng hải thế giới, khu này đã là một bến cảng rất sinh động. Bây giờ tất cả trở thành dịch vụ du lịch, với những tiệm chuyên bán kỷ vật lưu niệm cho du khách, những khách sạn bình dân, những tiệm khoai tây rán... Điển hình cho không khí chung của cả khu là một căn phố gọi là 'bảo tàng viện' trưng bầy những hiện vật liên quan đến dục tình, vừa thô tục vừa kỳ dị. Du khách ngược xuôi như trẩy hội, cùng với những thanh niên địa phương thuộc xã hội đen. Đám này chận người qua lại gạ đổi tiền, bán cần sa, dẫn đi gái, hay cả ba dịch vụ một lúc.

Chúng tôi ghé vào tiệm ăn trưa, để hơi thất vọng với món ăn cũng như cung cách của đám nhân viên phục vụ. Sau cùng cũng đến giờ trở về tầu. Các bạn đồng hành từ xứ trong chương trình đã có mặt đầy đủ. Phần đông chắc cũng vừa từ khu Damrack và Dam Square về, đồng ý là hoa Hà Lan đẹp quá, nhưng những thứ khác thì chưa biết. Không hẳn là bất mãn, người ta phát biểu cảm tưởng ban đầu như vừa ăn phải món khai vị không lấy gì vừa ý.

Đúng giờ, bữa tiệc trà ra mắt của ban tổ chức bắt đầu. Thuyền trưởng tự giới thiệu, chuyện cần thiết, vì gặp anh sáng nay chúng tôi đã tưởng là lao công lo vệ sinh chung. Anh vẫn lết bết đôi dép da, vẫn lôi thôi trong chiếc quần kaki cũ và chiếc áo Polo ngắn tay đã ngả màu. Anh trình bày những chi tiết cần biết như giờ giấc, điện nước, cửa ngõ, vân vân. Thời khóa biểu hàng ngày chặt chẽ, phản ánh cái ngăn nắp kỷ luật của người Hà Lan ngay trong việc giải trí. Chúng tôi sẽ ngủ đêm trên tầu, bẩy giờ điểm tâm, tám giờ lãnh xe đạp theo cô hướng dẫn lên đường. Trong khi ăn sáng, chúng tôi sẽ tự soạn lấy gói đồ ăn trưa mang theo, phòng khi dọc đường không tiện hàng quán. Khi đoàn khởi hành, tàu cũng sẽ nhổ neo theo đường sông tới đợi sẵn ở điểm hẹn. Mỗi ngày chúng tôi sẽ đạp xe khoảng sáu tiếng, ngắm cảnh khoảng bốn tiếng. Chúng tôi sẽ không đạp xe nhiều trong Amsterdam, phần lớn cuộc du ngoạn bao gồm những làng mạc hay tỉnh lỵ ven đô. Sẽ có hai chuyến ca-nô, một sáng một tối trên mạng kênh đào để tham quan những thắng cảnh đô thị.

Phát cho mỗi người một chiếc chìa khóa, thuyền trưởng cho hay phòng ngủ của chúng tôi ở ngay dưới phòng khánh tiết, xuống cầu thang rẽ tay phải. Đừng rẽ tay trái, vì đó là khu của thủy thủ đoàn.

Đến đây, anh gọi thủy thủ đoàn ra trình diện. Gọi là *đoàn* cho sang, thật ra tất cả nhân viên dưới quyền anh vỏn vẹn gồm có chị vợ lo bếp núc và một cô phụ bếp kiêm bồi phòng, kiêm vú em cho hai đứa con gái nhỏ độ ba bốn tuổi cũng sống trên tầu. Chúng vừa được đón học về, theo vú ra chào khách hàng của bố mẹ.

Đang mát mắt ngắm hai đứa trẻ xinh xắn ngây thơ như từ tranh quảng cáo phó-mát bước ra, chúng tôi khựng lại vì câu khôi hài của thuyền trưởng. Anh khoe nước trên tầu rất sạch có thể uống ngay từ vòi nhà bếp hay bồn rửa mặt. Anh lại đưa duyên: "Hệ kênh đào Amsterdam đã được chính quyền cải thiện nhưng vẫn chưa sạch. Nước kênh còn nhiều ô nhiễm, bơm lên chỉ có thể dùng để giội nhà xí. Nên chi, quý vị đừng có uống nước cầu tiêu..."

Anh cười nụ cười hiền lành như người vừa làm chuyện vô thưởng vô phạt, còn bọn chúng tôi nhìn nhau. Có người nói, "Chúng mình sang đây để đạp xe và ngắm hoa thôi. Dù sao hoa và xe đạp vẫn còn đó..." Niềm lạc quan về chuyến đi rõ ràng đã có phần giới hạn.

Xong bữa trà, cô hướng cho hay cô sẽ dẫn đưa chúng tôi đạp một vòng xe ngắn khoảng 10 cây số, có lẽ để xem giò cẳng đoàn viên. Cô tự giới thiệu. Cô tên Brenda, hai mươi lăm tuổi. Cô cao, tóc vàng mắt xanh, khỏe mạnh lanh lẹ. Brenda thông thạo Anh ngữ, ăn nói lưu loát. Cô tóm lược những thắng cảnh sẽ đưa chúng tôi đi, những vườn hoa, ruộng hoa, cối xay gió, hệ đê điều, viện bảo tàng, vân vân. Cô cũng hứa đưa mọi người xem khu đèn đỏ ăn chơi trụy lạc của Amsterdam...

Cô kể một hơi những điều nên và không nên làm ở Hà Lan. Quan trọng nhất là luôn luôn nhớ khóa xe, dù chỉ rời xe năm phút. Ăn cắp xe đạp là chuyện phổ thông ở đây. Không cẩn thận để mất xe kể như lỗi tại mình. Nhiều người bình thường nếu tiện cũng ăn cắp xe đạp. Tỷ dụ xuống phố bằng tàu hỏa hay xe buýt, đến nơi mới biết phải đi bộ thêm một hai cây số, thấy sẵn xe ai không khóa thì người ta mượn tạm. Xong việc mà tìm lại khổ chủ để trả thì quá phiền, giữ luôn thì thành ăn cắp thực thụ, nên chi vứt xuống nước phi tang là thượng sách. Kênh đào ở Amsterdam sâu ba thước, một thước bùn, một thước xe đạp, và sau hết mới là một thước nước cho tầu bè qua lại. Tuy nhiên ở đây cũng nhiều kẻ gian lấy trộm cắp làm kế mưu sinh, nên du khách thấy ai gạ bán xe đạp tốt giá rẻ ngoài phố thì đừng ham mà mua. Thuốc xái có dùng cũng cẩn thận. Vài điếu cần sa không chết ai mà luật pháp cũng không cấm, nhưng đụng đến ma túy thứ nặng thì cảnh sát không có giỡn. Xóm đèn đỏ cũng có những quy luật riêng. Tuyệt đối không được chụp ảnh các

kiểu nữ bày trong tủ kính. Kẻ vi phạm sẽ bị du côn vứt xuống kênh đào cả máy lẫn người. Lý do là có nhiều phụ nữ chỉ làm kiểu nữ nửa thời gian, nửa thời gian kia làm hiền thê, nữ sinh, thư ký, thợ may, vân vân, và rất bực mình nếu chuyện làm thêm buổi tối bị tiết lộ cho cuộc đời bình thường tại một thành phố nhỏ hiền hòa hay một thôn làng nên thơ ven đô. Brenda nói chuyện ăn cắp, chuyện thuốc xái, chuyện nhà thổ cùng một hơi với chuyện ngắm hoa ngoài ruộng, thăm viện bảo tàng, hay tham quan hệ đê điều nổi danh quốc tế.

Hà Lan quả là thiên đường của xe đạp. Ngay cả vỉa hè bến cảng, từ đầu phố này đến đầu phố kia là bãi đậu cho cả ngàn chiếc xe. Phần lớn là xe hạng trung, gia dụng, chắc chắn và có vẻ hơi nặng, đại loại như những chiếc xe chúng tôi được phát. Xe đạp có lối đi riêng, chỗ nào gặp đường lớn thì được xe hơi nhường.

Cô hướng dẫn viên xem ra vô tư với thời tiết. Lúc ra đi trời có hạt mưa, mới đầu nhẹ như mưa phùn Hà Nội nhưng mỗi lúc mỗi dầy hơn. Tôi đã tưởng chuyến đi phải hoãn đến hôm sau, nhưng cô thản nhiên bảo mọi người lấy đồ mưa ra mặc. Chiếc áo blouson và chiếc quần dài cùng loại vải không thấm nước mang theo tưởng phòng xa, hóa ra lại hữu dụng liền. Từ đó trong xắc đeo vai, bộ đồ mưa bao giờ cũng sẵn sàng và kể như ngày nào cũng được dùng đến. Hà Lan quả thật là nhiều nước, nước trên trời, nước dưới đất, nước ăm ắp trong kênh lạch ao hồ. Từ ngữ 'đất nước' thường được dùng để chỉ một lãnh thổ, riêng với Hà Lan thì quả là thích ứng. Gần nửa xứ này chỉ vài trăm năm trước còn là biển mặn. Ngay cả hiện tại, tổng số sông lạch ao đầm cộng lại cũng chiếm một diện tích quan trọng của lãnh thổ. Tuy nhiên những cơn mưa xuân ở đây không tầm tã như mưa Huế, chỉ làm gió xuân gây gấy lạnh và phiền ai đeo kính thỉnh thoảng phải dừng lại để lau.

Brenda vừa lòng với khả năng của đoàn nói chung sau chuyến đạp thử. Trong đoàn có em bé mười tuổi ngã nhẹ và không có thương tích gì. Brenda bảo đạp xe ngã là chuyện thường, cốt nhất là biết cách ngã cho khỏi đau. Như những người Hà Lan khác, Brenda coi thường tai nạn. Cô không đội mũ bảo vệ, vừa đạp xe vừa coi bản đồ. Xe đạp chỉ được bảo trì tối thiểu, bánh có non cũng không sao. Tay lái để lỏng để tiện xoay ngang cho gọn khi mang xe lên cất trên boong tầu. Hai cặp người Đức trong đoàn xem ra cũng vô lo như cô.

Còn khách từ Mỹ tới nói chung quen với lối xử lý chu đáo của dịch vụ du lịch Mỹ, hơi bỡ ngỡ với ngôn ngữ thô của người địa phương, cũng như sự thoải mái của họ với tai nạn có thể xảy ra. Riêng bà mẹ có em bé ngã xe thì sự bất mãn lại gia tăng, vì sau khi đạp xe trong mưa trở về bà

không kiếm được nước sôi làm tách chocolat nóng cho hai đứa con nhỏ. Thuyền trưởng được Brenda báo cáo, trả lời là không thỏa mãn được yêu cầu. Nhà bếp chỉ có bổn phận lo bữa sáng, cung cấp gói đồ ăn trưa mang theo, và dọn một bữa tối thịnh soạn. Và thế là hết, không ai có thì giờ lo thêm bữa trà cuối ngày khi đoàn trở về. Anh lại nói đằng nào cũng sắp ăn tối, trong khi chờ đợi thì có thể uống bia. Hà Lan là xứ của bia, không uống thì thiệt lắm. Nhiều người nghĩ thuyền trưởng vờ đi bữa trà cuối ngày tại có lẽ muốn kiếm thêm lời bằng quầy rượu. Bà mẹ nói, "Con tôi chưa đến tuổi uống bia, thế này thì không công bằng cho trẻ con." Như một khách hàng Mỹ điển hình, bà dọa sẽ báo cáo với hãng du lịch về mức phục vụ của tầu mà bà cho là rất thấp...

Chúng tôi thức giấc sau một đêm ngủ không mộng mị nhờ cuốc đạp xe trong mưa tối qua. Bảy giờ đúng chúng tôi lên phòng khánh tiết ngồi vào bàn điểm tâm. Bữa ăn sáng rất công phu. Ngoài món nóng là trứng bắc với nấm, nhà bếp còn dọn thêm mấy món thịt nguội, hai loại phó mát, ba bốn loại bánh mì, và trái cây. Tất nhiên là có sữa, cà phê, trà để cung ứng cho khẩu vị mọi người. Thức ăn ê hề chứng tỏ nền nông nghiệp thịnh vượng của Hà Lan. Vợ chồng thuyền trưởng vui vẻ phục vụ, tựa hồ như xích mích tối qua với bà mẹ Mỹ không hề xảy ra.

Qua mấy cửa sổ rộng, tôi ngắm cảnh hai bên bờ kênh mà hôm qua mới tới đã không kịp quan sát. Bến tàu lớn nhưng không có kho hàng. Trước tầm mắt là một tòa nhà vĩ đại như một quả đồi nhân tạo bằng kính và nhom giữa khu đất thênh thang với những lối đi rộng hai bên trồng cây. Kiến trúc tân tiến trông phù hợp với một trụ sở thanh niên hay một viện bảo tàng hiện đại. Qua cách thiết kế bến tầu, hàng hải xem ra không còn quan trọng nữa mà được thay thế bằng du lịch và văn hóa.

Tôi thú vị nghĩ quả là mình đang du lịch, sáng hôm qua từ phòng ăn khách sạn nhìn ra là một công viên cổ với rất nhiều hoa thủy tiên đất. Sự thay đổi cảnh trí vừa thú vị vừa thoáng bất an. Vừa lúc đó, hai đứa bé con thuyền trưởng bước vào hôn cha mẹ trước khi theo vú đi học. Chúng tươi tắn trong bộ quần áo mới thay, giống hệt những em bé khác một buổi sáng tại một khu phố bình thường nào đấy trên thế giới. Sự hiện diện của hai đứa bé làm bà Mỹ có con ngã xe tối qua thân thiện hơn đôi chút với thuyền trưởng. Bà hỏi thăm các em bé học trường nào, có bất tiện lắm không. Chữ 'bất tiện' làm tôi thoáng ngỡ ngàng rồi nghĩ ra là bà mẹ đã ghi nhận cảnh sống lang thang của gia đình thuyền trưởng. Anh ta trả lời, là thu xếp cũng dễ thôi. Anh chọn một trường có khoảng cách gần như đồng đều so với những bến nước mỗi đêm anh phải neo

tàu. Sáng sáng chị vú đưa các em đi học, luôn tiện ghé lại chợ mua sắm vặt vãnh. Gần trưa xong việc, chị mang xe về bến nước sắp tới thì tàu cũng vừa đến. Chị lên tàu dọn dẹp và giúp nhà bếp nấu nướng. Chiều đến, chị trở lại trường đón các em, và cứ thế cho đến hết mùa du lịch... Mọi người góp vào chuyện, và bàn qua nói lại, cuộc đời sông nước của gia đình thuyền trương hiện ra khá rõ rệt. Họ là một thứ thuyền nhân sống theo tàu. Từ xuân đến thu, họ lang thang theo dịch vụ du lịch xe đạp trên mạng kênh lạch. Không giang hồ lớn, họ chỉ quanh quẩn năm mười bến nước của nam Hà Lan. Tại mỗi bến xem ra họ không có chỗ đậu riêng, ai tới trước đậu trước ai tới sau đậu sau. Mỗi tối họ ngủ tại một thành phố khác nhau, mỗi sáng họ thức dậy thấy cảnh hoàn toàn mới ngoài cửa sổ. Về sau tôi khám phá ra không cứ làm nghề du lịch mới sống trên sông nước, mà rất nhiều người Hà Lan cư ngụ dài hạn trong những con tầu cũ sửa lại thành nhà neo dọc các bờ kênh.

Hai đứa trẻ hồng hào khỏe mạnh, quần áo sạch sẽ, chiếc nơ xa-tin vàng bóng bẩy trên mái tóc tơ, bề ngoài hồn nhiên và bình thường như trẻ em cùng tuổi. Chúng có thể gọi là quá đầy đủ về những nhu cầu cốt lõi như ăn uống, học hành, thuốc men. Chúng không có mái nhà theo nghĩa cổ điển, không có dậu hoa trước ngõ, không có vườn rau sau nhà, thậm chí không có cả hàng xóm. Tuổi thơ như thế là thiếu thốn. Phải chăng vì vậy người Hà Lan thiếu cái mềm mỏng trau chuốt thông thường. Lối ăn nói cục cằn của thuyền trưởng phải chăng phần nào phản ánh cái thiếu thời bất thường trên sông nước. Nghĩ xong thấy mình võ đoán, định bụng sẽ quan sát thêm trong những ngày tới...

Lúc đoàn lên đường thì trời ửng nắng, và mọi người lên tinh thần. Cô hướng dẫn cho hay chúng tôi sẽ thăm ruộng hoa. Gọi là ruộng hoa thật ra không đúng hẳn. Sự thật là cả con lộ trên dưới 20 cây số từ nam Haarlem cho tới Lisse liên tục chạy giữa những cánh đồng hoa bát ngát đến chân trời.

Tại một trạm ngừng, cô hướng dẫn kể sự tích hoa. Hoa gốc từ bên Thổ Nhĩ Kỳ mãi cuối thế kỷ thứ 16 mới được sứ thần Áo mang về Vienne trồng trong vườn thượng uyển của triều Hapsburg. Quan coi vườn là Clusius, về sau sang Hà Lan làm giám đốc thảo cầm viên Leiden đã mang hoa theo. Thổ ngơi tốt, chẳng mấy chốc thảo mộc gia tài năng đã gầy ra được những giống tu-líp mới muôn phần mỹ miều hơn những bông hoa nguyên thủy.

Có người trong đoàn bắt lỗi, nhắc cô là hoa thực ra gốc gác từ một nước khác miền trung Á. Khi vương quốc Thổ hùng mạnh, người Thổ chu du thế giới đã gặp hoa, và mang hoa về trang trí cung đình dinh thự.

Bị chỉnh mà cô cũng không mất hứng. Cô vui vẻ chữa rằng Thổ cũng xứng đáng là quê quán của hoa. Nhờ Thổ hoa mới có tên, chữ tu-líp gốc Thổ có nghĩa là vành khăn. '*Hoa vành khăn*' quả là một tên rất tượng hình. Cô thú nhận đã thiếu cẩn thận chi tiết này, nhưng nói lẻm đi là chính xác quá chỉ làm cho chuyện mất hào hứng mà nào có được gì hơn.

Tuy nhiên, cô có nhiều chi tiết thú vị để chia sẻ với mọi người. Cô kể hoa không những đẹp, mà còn là một nguồn lợi tức quốc gia quan trọng. Cánh đồng hoa này vài tuần nữa sẽ tàn lụi, nhưng trong lòng đất củ hoa tiếp tục sinh trưởng, và đến mùa sẽ được đào lên để xuất cảng. Mỗi năm cả trăm ngàn mẫu hoa đem lại hàng tỷ Mỹ kim cho Hà Lan. Nguồn lợi tức đều đặn và chân phương, phản ánh sức lao động của nông dân và tài kinh doanh của thương nhân.

Nhưng đừng thấy cửa sông phẳng lặng mà quên những thác ghềnh ở thượng nguồn. Trong quá khứ, hoa đã tạo ra những đam mê rồ dại, những lọc lừa điên đảo. Một thế kỷ sau khi được nhập cảnh từ Áo, hoa đã trở thành một thú chơi vương giả. Sau cùng hoa tạo ra một cơn lốc về canh nông, kinh tế, và nhất là đầu tư.

Bắt đầu là giới thương mãi lưu tâm đến hoa, đem hoa bầy trong những biệt thự lộng lẫy của họ để thưởng lãm và tiếp đãi bạn bè. Đại thương gia Hà Lan thời ấy giàu có và quyền lực mạnh như vua chúa. Công ty Đông Ấn và Tây Ấn của họ có hạm đội và quân lính riêng, đủ khả năng gây chiến và xâm lăng các quốc gia Á Phi xa xôi. Họ kiếm thuộc địa làm thị trường và nguồn nguyên liệu, như Nam Dương và nhiều xứ nhược tiểu khác.

Thú chơi hoa của những ông vua không ngai này tức thì lan truyền ra khắp nước. Rồi Hà Lan lên cơn sốt vì hoa. Tới cuối 1636 và đầu 1637, cơn sốt lên đến mức mê sảng. Tại vùng đất thiêng của thương mại này, sự mê sảng tức thì mang tính chất đầu tư. Ai cũng đầu tư, kể cả những người nghèo chỉ đủ tiền mua một hai củ như ta mua một hai vé số bây giờ. Buôn đi bán lại, loài hoa quý mỗi lần trao tay mỗi lần lên giá. Amsterdam tràn ngập bởi những đổn đãi, những mua bán, những đầu cơ, những trúng mối, những lỡ vận... Chỗ này có giống hoa mới gầy, sản xuất còn rất giới hạn để giữ giá, chỗ kia phải quen biết mới được để lại một vài củ mặc dầu chưa ai được thấy hoa ra sao. Đầu mùa cuối mùa, có củ hoa tăng giá gấp mười. Tháng giêng 1637, một củ Semper Augustus đắt ngang một tòa biệt thự. Có nhà thảo mộc tay mơ không biết nông nỗi nào đã vô tình thái một củ hoa quý (chắc tưởng là hành để ăn với cá mòi) đã bị giam cho đến khi thân nhân chạy đủ 4000 florins tiền chuộc. Số tiền phạt khổng lồ, tương đương với 10 năm lương công nhân hạng

khá. Mấy tháng sau cơn sốt qua đi, củ trở lại nguyên hình là củ. Cuối năm 1637 thị trường trở lại bình thường, và biết bao phú ông một sớm một chiều đã trắng tay... Brenda kết luận:

"Xem ra tham lam không phải là chuyện mới. Khổ vì tham lam không phải là chỉ xảy ra đời này với liên mạng, hay thời kinh tế khủng hoảng những năm 20..."

Có cái gì ngộ nghĩnh khi cô gái trẻ có lẽ còn là sinh viên nói chuyện khôn dại trong thương trường. Tôi chợt nhớ hôm tiệc trà ra mắt, lúc nói chuyện riêng cô đã tâm sự rằng cha cô chủ hãng chế tạo máy lạnh. Gia cảnh như thế hèn gì cô thoải mái nói chuyện đầu tư, chuyện thị trường chứng khoán. Có lẽ cô làm hướng dẫn viên du lịch chỉ để kiếm chút kinh nghiệm về những cảnh sống của giới tay làm hàm nhai...

Thời tiết vẫn mưa mưa nắng nắng. Nhưng ngụp lặn trong mầu sắc của hoa, chúng tôi quên rét lạnh. Chúng tôi đạp xe trong mưa, dừng lại nghỉ trong mưa, ăn trưa trong mưa. Những lúc tạnh ngắn ngủi là lúc vội vã lấy máy ảnh ra chụp. Chiều đến, cả đoàn mệt nhoài nhưng thấy hạnh phúc. Về đến tầu, chúng tôi ngạc nhiên thấy mâm bánh ngọt, trà và cà-phê đợi sẵn. Tất nhiên là có cả nước sôi để pha chocolat nóng cho hai em nhỏ. Vợ thuyền trưởng vui vẻ phục vụ, hồn nhiên như chị vẫn hàng ngày dọn cho đoàn bữa trà thịnh soạn này. Chúng tôi tắm nước nóng tẩy trần rồi trở lên phòng sinh hoạt chung. Uống tách trà nóng trong khi bên ngoài mưa rét, chúng tôi chia sẻ với nhau cảm nghĩ về những ruộng hoa bát ngát vừa được xem. Quan trọng hơn, không nói ra mà hình như chúng tôi ai cũng thấy đằng sau ngôn ngữ thô bạo của người chồng, gia đình chủ tàu thật ra cũng có nhiều nét dễ mến. Chủng tộc này mà sinh kế là nghề trồng hoa đầy mỹ học, bản chất tất phải có gì dễ thương.

Ngày thứ hai thứ ba, chúng tôi đi xem đê điều và cối xay gió. Sang ngày thứ tư lịch trình trở lại với hoa, chỉ có khác là thay vì đạp xe dài dài chúng tôi sẽ dừng lại lâu hơn tại vườn hoa Keukenhof nổi danh thế giới.

Vườn tọa lạc tại vùng ven đô tỉnh Lisse gần cuối xa lộ hoa, rộng khoảng 70 mẫu tây, là nơi triển lãm của những công ty trồng hoa lớn của Hà Lan. Vườn chỉ mở cửa khoảng tám tuần từ cuối tháng ba cho tới cuối tháng năm. Thu đến họ bắt đầu trồng, phần lớn là tu-líp nhưng cũng có thêm những giống hoa loại củ khác như lai-ơn, i-rít, crô-quýt, đáp-phô-đin, chuông xanh, thủy tiên, hoa kèn, hoa huệ, vân vân...

Xuân về hoa nở rộ, nghe nói năm nay người ta đếm được đến tám triệu bông. Hoa trồng từng vạt tùy theo địa thế mà lớn hay nhỏ, tròn hay dài, bán nguyệt hay hình thuẫn. Như để khỏi chán mắt, họ xen hoa vào

giữa những vườn cỏ xanh, những lùm cây cổ thụ, những ao hồ có thả ngỗng vịt và thiên nga... Tất cả sắp xếp theo một tổng thể hài hòa, lại trau chuốt và chu đáo đến từng chi tiết. Đường tản bộ rộng vừa phải và kín đáo, len lỏi giữa hoa giữa cỏ cũng như những quán ăn và tiệm bán đồ kỷ niệm.

Mưa xuân lác đác từng cơn, nhưng mưa hay nắng không làm ai nản lòng. Khách yêu hoa già trẻ lớn bé, đủ mọi sắc tộc, đã từ năm châu bốn biển tới đây như trẩy hội. Có người đi riêng, có người theo đoàn. Và chẳng mấy chốc tôi lạc các bạn trong đoàn xe đạp. Nhờ đã hẹn sẽ tập hợp ăn trưa với nhau tại chỗ gửi xe ngoài cổng hoa viên, tôi yên bụng đi ngắm hoa một mình.

Có lúc mỏi chân, tôi vào tiệm nước uống tách chocolat nóng. Khi trở ra, tôi tình cờ chứng kiến cảnh hai người dắt nhau xem hoa trong đám du khách ngược xuôi trước mặt. Họ khoảng sáu mươi, người đàn ông mặt xương xương đeo kính trắng, giày da mềm, áo mưa màu nâu nhạt khoác lên bộ đồ len mỏng. Người đàn bà ăn mặc cũng hợp thời trang và kín đáo như người đàn ông. Họ dáng phong lưu, có vẻ trí thức như một cặp giáo sư trung học. Cây gậy trắng khuơ trước mặt theo nhịp đi chứng tỏ người đàn ông đã mất thị giác. Nhưng ông ta đi kịp đám đông bằng những bước vững vàng chính xác. Tôi nghĩ người đàn ông mù chắc nhờ vịn cánh tay bạn mà biết được địa thế trước mặt.

Tôi thoáng nghĩ vườn Keukenhof chủ yếu trồng hoa tu-líp bản chất hữu sắc vô hương, vậy dẫn người mù vào đây để làm gì. Không nhẽ người đàn bà cũng có cái ác ý giống kẻ tiểu nhân nào đấy trong văn học sử Việt Nam đã gửi biếu cụ Nguyễn Khuyến chậu hoa trà khi cụ đã lòa. Nhưng người đàn bà không có ác ý, xét qua câu chuyện của bà với bạn. Bà tả cho ông vườn hoa lộng lẫy nhất thế giới mà mắt ông không thấy được. Bà nói:

"Đằng trước chúng mình là cái hồ rộng. Có bãi cỏ xanh dầy và những vạt hoa đủ màu chạy cho tới bờ nước. Bên hồ là những cây cổ thụ... em nghĩ là loại cây dẻ giống như trong rừng sau nhà mình.

"Lá đầu xuân mới ra chưa đủ che hết thân cành, và em thấy màu nâu đậm và nứt nẻ của vỏ cây tương phản với cái xanh nhạt và trẻ của lộc non. Và hai con thiên nga trắng lặng lẽ bơi, anh biết đấy, cái lối bơi trang trọng của thiên nga, trôi trên nước mà không làm mặt hồ gợn sóng."

Tôi vẫn đi theo đám đông, mấy bước sau hai người. Người đàn bà tiếp tục tả cảnh cho người đàn ông, giọng nữ trầm bổng như nhạc. Họ nói tiếng Pháp, có lẽ từ Bỉ, hay xa hơn từ Pháp tới. Có lẽ người đàn ông

mới mù, chỉ mất thị giác sau khi đã có những kỷ niệm chung với người đàn bà về màu sắc và hình thể. Phải chăng họ đã đến đây ngắm hoa với nhau trong quá khứ, và họ trở lại hôm nay vì nhớ lại kỷ niệm một ngày thiêng liêng.

Mặt trời vừa nhú ra. Người đàn bà nói:

"Ô, bây giờ thì mặt hồ không đen nữa mà phản chiếu lại một mảng trời xanh và những cụm mây trắng... Nắng vừa lên, em chắc anh cũng đoán được... anh có nghe ấm hơn trên da mặt không?"

Người đàn ông không trả lời. Nhưng ông bỗng hỏi:

"Bên trái chúng mình là vườn đáp-phô-đin phải không?"

Người đàn bà trả lời:

"Đúng, và hoa đang nở rộ."

Người đàn ông nói:

"Anh nghĩ loại này mới, hương của nó hơi khác đáp-phô-đin mọi khi..."

Tôi giật mình vì cái khứu giác tinh tế của người mù, vì quả thật bên trái và trước mặt chúng tôi bây giờ là một vạt đáp-phô-đin vàng rực rỡ. Người đàn bà yên lặng như suy nghĩ. Người đàn ông lại nói:

"Em có ngửi thấy không, có chút gì như hương la-văng lẫn vào..."

Tôi không nghe được câu trả lời, mà cũng không bắt được mùi la-văng trong không khí. Nhưng tôi thấy màu đáp-phô-đin vàng như thoáng chút tím của la-văng.

Đám du khách xung quanh không để ý đến hai người. Có thể họ mải ngắm vườn, mà cũng có thể vì lịch duyệt mà họ vờ đi như không thấy cảnh người mù xem hoa. Nhưng có lẽ vì hiểu được câu chuyện bằng Pháp ngữ của hai người, tôi cảm thấy khó chịu. Người đàn bà tả cảnh vườn hoa nghe văn hoa quá. Có gì như quá độ về tính cách văn chương. Tôi nhớ đến '*Bản Đàn Thôn Dã*' của Gide trong đó ông mục sư dùng âm thanh để tả màu sắc cho cô gái mù. Hai người hôm nay nói năng như vậy thì phải là trí thức. Mà đã là trí thức nói tiếng Pháp, họ không thể xa lạ với các tác phẩm mà ai đã qua trung học của thế giới Pháp ngữ phải biết. Câu chuyện tương quan giữa các giác quan, giữa nhãn quan với khứu giác hay thị giác của Baudelaire và Gide và các tác giả giáo khoa trung học khác, đem ra nói lại cho nhau như thế, nghe như thí sinh trả lời vấn đáp kỳ thi tốt nghiệp trung học...

Vậy mà sự mù lòa của người đàn ông quả có thật, thật như cây gậy trắng của ông hay cánh tay nâng đỡ của bà. Cái khuyết tật của người này cũng như cái xót thương của người kia rành rành đấy, bản chất trung thực mà sao hình thức lại giả dối vay mượn. Thường thường chuyện

đời hình tướng trông như thật mà nội dung lại giả, riêng hôm nay giữa mùa xuân Hà Lan tôi được chứng kiến chuyện ngược lại. Hình tướng giả mà nội dung lại thật đến chỗ đẹp và đau.

Bây giờ thì trời mưa nặng hạt hơn. Loay hoay tìm chỗ trú, tôi lạc mất đôi uyên ương già ngắm hoa. Vẫn chưa tìm lại được đoàn, tôi lang thang một mình, lẩn thẩn tìm giải thích thuận lợi và từ bi cho lời lẽ văn hoa của người đàn bà.

Ngày thứ 5, chúng tôi đi thăm một vườn hoa khác có nhà kính nơi trồng những bông hoa nguyên thủy. Nghe nói những hoa này đã không thay đổi kể từ ngày xa xưa khi mới được mang từ Thổ về. Bông cũng hình chuông, lá cũng hình lưỡi kiếm, nhưng so với tu-líp bây giờ thì thua kém từ dáng đến màu. Cánh hoa không gợn sóng mà phẳng lì, sắc hoa chân phương như màu không pha chế lấy thẳng từ hộp phẩm ra. Lại đơn điệu, không đậm cũng không nhạt, từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, thậm chí từ bông này sang bông khác. Nghe nói hoa được tiếng là lành mạnh. Lại ổn định, nghĩa là nở những bông giống nhau in hệt, đời này qua đời khác.

Những hoa đẹp bây giờ nói chung yếu hơn những hoa gốc nguyên thủy từ trung Á. Đẹp nhất là những giống đã bị thay đổi nhiễm thể do một loại vi khuẩn thường mọc trong vườn cây ăn trái. Trước khoa học DNA gần cả ngàn năm, người xưa đã biết trồng hoa trồng dưới gốc mận gốc đào để có khi tạo được những bông đẹp lạ lùng. Chuyện hoa mà như chuyện người, có tật có tài. Cái giá phải trả để được lành mạnh và ổn định là cái nhạt nhẽo vô duyên của những bông hoa nguyên thủy.

Chuyện hoa cuối cùng Brenda kể cho đoàn là nhân lúc chúng tôi đang ăn hành tây cắt khoanh tẩm bột rán tại một quán bình dân cửa vườn. Chuyện chưa cũ lắm, chỉ khoảng cuối thế chiến thứ hai, khi Amsterdam bị cắt đường tiếp tế. Không còn lương thực, dân Hà Lan phải ăn củ hoa để cầm hơi. Tôi không ngạc nhiên, vì bên mình nhiều món ăn ngon nấu bằng hoa. Hoa hiên xào với cua biển, hoa bí đỏ kho dầu lạc hay luộc chấm với nước mắm trứng, hoa thiên lý nấu canh tôm khô, vân vân... Củ tu-líp giống như củ hành, rán lên chắc mùi vị cũng thế thôi.

Vừa ngắm những bông tu-líp diễm lệ huy hoàng trong vườn Keukenhof, tôi tiếc những củ hoa vì nhu cầu thực phẩm thời chiến tranh đã không bao giờ được trồng. Trong cả trăm tấn tu-líp dùng để chống đói, biết đâu chả có một củ chứa trong lõi một bông hoa đẹp hơn tất cả mọi bông đã được gầy giống từ trước đến nay, và giống hoa quý đã mất

đi vĩnh viễn. Giá có cách biết bông hoa chưa nở đẹp đến đâu khi chưa rán củ lên ăn. Tôi ước mà biết mình ước vô lý. Thủa thơ ấu tôi cũng thắc mắc củ thủy tiên ngày tết khi chưa trồng giấu hoa ở đâu. Tôi đã lấy trộm một củ hoa của mẹ tôi, bóc vỏ hết lớp ngoài đến lớp trong để tìm bông hoa chưa nở. Sự thất vọng không tìm được bông thủy tiên bằng phương pháp thực nghiệm đã dạy tôi không thể tìm cái đẹp tìm bằng phương pháp khoa học...

Nhưng đó là chuyện cũ. Hiện tại nghe chuyện ăn tu-líp rán, tôi chợt nghĩ đến cái huyền diệu của sự sống được cứu vãn khi người sắp chết đói khám phá ra củ hoa có khả năng dinh dưỡng. Cái mát mất khi ngắm hoa được thay thế bằng cái mát ruột khi lửa đói được dập tắt đi nhờ món ăn bất ngờ.

"Ta lên xe thôi...", cô hướng dẫn viên nói khi kể xong chuyện cứu đói bằng củ tu-líp. Tôi ghi nhận cô đã thuyết minh mọi chuyện một cách ý nhị, nhưng cô tuyệt đối không xúc động với trận đói của ông cha hồi thế chiến thứ hai. Giọng cô thanh thản như kể chuyện lịch sử xa xôi biết qua sách vở. Cũng có lẽ chính cô đã kể chuyện này cho du khách nhiều lần, nên cảm xúc dù mạnh đến đâu cũng mòn mỏi đi. Mà cũng có thể cô không biết một cách phủ tạng chuyện đói, chuyện lạnh. Hôm đầu, cô đã chẳng chia sẻ với một người trong đoàn là cha cô có nhà máy chế tạo tủ lạnh đó sao.

Nhưng một sự việc tình cờ làm tôi đổi ý kiến về gia thế cô. Lúc sắp lên xe, có người đưa ra một gói thuốc Motrin. Ông ta nhặt được thuốc lúc đoàn khởi hành sáng nay, bây giờ mới có dịp đông đủ để đưa ra cho ai đánh rơi thì nhận. Thật bất ngờ người đánh rơi thuốc không phải là trong đám già, mà lại chính là cô hướng dẫn.

"Cô thấp khớp?" tôi ngạc nhiên hỏi.

"Không, tôi chỉ đau mình mẩy thôi, nhất là hai bắp đùi..."

Nghe cô than tôi mới kịp ghi nhận là cô vận động hơn chúng tôi nhiều. Ít nhất là gấp rưỡi. Cô đạp trước dẫn đường, lâu lâu lại đạp lui lại để xem những đoàn viên yếu tụt lại sau có cần giúp đỡ gì không. Ai quá kiệt sức, cô phải tìm giải pháp như gọi taxi chở về lại tầu, vân vân...

Cô trấn an chúng tôi:

"Đầu mùa du lịch bao giờ cũng vậy. Chỉ một vài tuần lại quen, và không cần thuốc nữa..."

Liều lượng thuốc khá mạnh, làm tôi suy đoán cái ê ẩm mình mẩy của cô gái không nhẹ. Có người hỏi:

"Đau thế thì cô làm dịch vụ du lịch này làm gì cho khổ?"

"Để sống chứ còn để làm gì nữa..." Brenda ráo hoảnh, tựa hồ như

trả lời một câu hỏi ngớ ngẩn. Nhưng câu hỏi không ngớ ngẩn vì người hỏi chính là đoàn viên hôm trước đã trầm trồ khi cô gái khoe mình là con nhà đại tư bản. Như chợt nhớ ra chuyện cũ, cô gái bả lả:

"À, cái vụ cha tôi có xưởng chế tạo máy lạnh ấy à? Bữa trước nói chơi đấy, thế mà cũng tin. Tôi mà giàu thế thì đâu có làm cái nghề hướng dẫn du lịch bằng xe đạp này..."

Giọng cô vô tư vô tội, tựa hồ khoác lác một tý đã có làm sao. Một đoàn viên khác vô tình giúp cô đổi đề tài. Ông ta nhận xét là cánh đồng bao la chạy đến chân trời tất phải nhiều chủ. Vậy mà màu sắc từ mảng ruộng này sang mảng ruộng kia rất hòa hợp, thậm chí như có hoạch định chung. Ông biết nhà nông Hà Lan trồng hoa lấy củ bán kiếm lời, vậy mà màu hoa toàn bộ cánh đồng nhiều chủ lại có hòa hợp với nhau như một bức tranh hoàn mỹ. Cô nói những chủ trại phải bảo nhau thôi. Họ sống ngay đây, ngày ngày phải ngắm cánh đồng, và nếu nó trở thành một bức tranh mầu nhố nhăng bệnh hoạn thì cả làng, cả tổng và cả tỉnh cả vùng sẽ điên mất...

Tôi không biết điều vừa nghe có phải là sự thật không, hay chẳng qua là cô bé lém lỉnh và thông minh đã ứng khẩu mà chế ra câu trả lời. Nhìn theo cô thoăn thoắt đạp lên phía đầu đoàn xe, tôi thấy một mối hòa hợp giữa người và cảnh, giữa cái ẩu và dễ thương của cô gái, giữa cái đẹp nhân tạo mà bắt chước được thiên nhiên của vườn Kukenhoft, giữa cái nghịch lý của tất cả đất nước này, từ hoa cho đến du khách, từ hiện tại cho đến quá khứ...

Tuy nhiên tôi vẫn không tìm được chỗ ổn định trong đầu cho câu cặp uyên ương nói tiếng Pháp.

Ngày thứ sáu, chúng tôi đi thăm nhà danh họa Rembrandt, giáo đường chui thời cải cách tôn giáo mấy thế kỷ trước, và ngôi nhà Ann Frank. Những chuyện này không liên hệ đến hoa, sẽ kể vào một dịp khác.

Này thứ bảy, chúng tôi đi xem một khu dinh điền lấy lại từ biển hồi đầu thế kỷ trước, nay có nổi danh vì phó-mát. Xẩm tối đoàn trở lại tầu, thì chị bếp phụ đã đón em từ trường học về. Hai đứa trẻ leo thang lên tàu, còn chị ta đang rỡ những thùng thực phẩm mới mua về. Chị vợ cũng từ trên tàu xuống phụ mang lên. Số thực phẩm đủ loại gồm nước ngọt, thịt cá, phó mát, bánh mì, cà phê, bia chai, rượu chai, chắc đủ cho hai chục người trong một tuần. Tất nhiên là có chocolat bột để pha cho trẻ con cuối ngày khi từ mưa đạp xe về. Thực phẩm này không phải cho chúng tôi, mà cho đoàn xe đạp sắp đến, và chúng tôi sực nhớ đêm nay là

đêm cuối mình cùng ngủ trên tầu.

Bữa cơm tối đặc biệt thịnh soạn, xứng đáng là bữa cơm tối cuối cùng trên tàu. Thuyền trưởng vẫn ăn nói như cũ, nhưng chúng tôi đã biết cách nhìn quá cái thô tạp để thấy cái ân cần quý khách của anh. Tôi quên chi tiết thực đơn, nhưng món khai vị ngon, món chính ngon, và món tráng miệng cũng ngon đặc biệt. Các đoàn viên cao hứng gọi rượu đãi nhau. Thấy có người trao đổi địa chỉ, anh bảo khoan, còn bữa sáng mai nữa, bấy giờ hẵng nói chuyện chia tay. Bây giờ để cho anh thuyết trình về sinh hoạt cuối cùng mà cũng rất đặc biệt của đoàn tối nay, là tham quan khu đèn đỏ của Amsterdam. Tôi nghĩ mục này cũng có thể kể chung vào mục hoa của Hà Lan, hoa biết nói.

Anh ta bảo nếu không quá nhạy cảm thì nên đi cho biết. Không phải nước khác, xã hội khác không có mãi dâm, nhưng Amsterdam xử lý mãi dâm một cách đặc biệt. Ở đây không ai tính chuyện diệt trừ mãi dâm, chuyện không bao giờ làm được. Bắt không được tha làm phúc, Hà Lan coi mãi dâm như một nghề. Các nàng thương nữ được cấp môn bài, đóng thuế, lập nghiệp đoàn, và đi khám bệnh miễn phí để thỏa mãn đòi hỏi của y tế cộng đồng. Đi chơi khu đó thì phải coi chừng nạn móc túi thôi, nhưng gọi xóm đèn đỏ là nguy hiểm thì quá đáng. Tất nhiên là đừng vào những chỗ tối tăm vắng người xa mấy khu phố đông. Cùng lắm là bị mấy cô điếm ngồi trong tủ kính vẫy tay mời mọc, vào hay không vào cũng chẳng ai ép. Ngoài cảnh sát mặc sắc phục cũng như thường phục của nhà nước, những nhà chứa cũng thuê du côn để bảo đảm an ninh cho khách. Nhưng cũng đám du côn này sẽ ra tay, nếu khách không biết điều.

Có lẽ dân xe đạp chúng tôi không phải là tay chơi, nên theo cô hướng dẫn đi khu đèn đỏ cho biết mà chẳng thích thú gì. Chúng tôi đi sát vào nhau, tựa hồ sức mạnh của tập thể sẽ che chở khỏi hiểm nghèo. Nhưng quả như anh thuyền trưởng nói, không có gì đáng kể xảy ra. Những kiều nữ ngồi trong tủ kính không nham nhở, mà ngược lại nghiêm túc như một nữ công nhân đang hành nghề của mình. Họ không khỏa thân hoàn toàn, chỉ mặc đồ da và đồ đăng-ten hở hang. Cách khêu gợi rất máy móc, gần như với quy ước rằng khi người nữ mặc ngắn thế, hở thế, thì phải hiểu là họ chào hàng. Nét mặt cười cợt, họ tìm trong đám đông đang diễn hành trước tiệm một cặp mắt khách hàng. Có cô cầm bộ phận sinh dục đàn ông bằng nhựa, gân guốc và to quá khổ đến chỗ khôi hài hơn khiêu dâm. Nhưng đấy là thiểu số. Đa số các cô chỉ ngồi đợi khách, giết thì giờ bằng cách lấy len ra đan, hoặc coi T-V bày sẵn trong tủ kính những chương trình bình thường như trang hoàng nhà cửa hay

hạnh phúc gia đình. Đúng là nghề mãi dâm đã thành một nghề bình thường ở đây...

Sáng hôm sau, khi phục vụ bữa điểm tâm cuối cùng, thuyền trưởng hỏi cảm nghĩ của chúng tôi về khu đèn đỏ tham quan tối hôm trước. Anh hỏi một cách thản nhiên, như anh đã hỏi cảm nghĩ của chúng tôi sau hôm thăm vườn Kukenhoft.

Có người thắc mắc hỏi lại là dân địa phương có hay đi khu đèn đỏ không. Anh bảo chắc là không. Không phải đồng bào anh chay tịnh gì, nhưng chắc chắn là họ không thèm nhạt. Bản thân anh từ tiểu học đã được dậy bởi chính thày cô là dục tình là chuyện lành mạnh. Lại thú vị nữa. Chỉ khi nào dục tình gây tổn thương cho người khác thì mới xấu, còn bản chất nó không xấu. Những người đi xem khu đèn đỏ là vì hiếu kỳ, như đoàn chúng tôi. Còn ráo riết sử dụng những dịch vụ đó phần đông là những người lớn lên với sự cấm kỵ. Phải bị cấm kỵ thì mới thèm nhạt.

"Đúng vậy," Brenda nói.

Tôi nhìn lại cô gái. Tấm thân nẩy nở hài hòa đi đôi với khuôn mặt trong sáng hồn nhiên. Tất nhiên là *'Ái tình đã đi qua ngả này'*, tôi nghĩ theo câu văn của D. H. Lawrence, nhưng kỳ lạ thay, không có vừa mà cũng không có lừa. Cô mỉm miệng cười, nụ cười có thể gọi là ngây thơ, một thứ ngây thơ rất Hà Lan. Tôi nghĩ đến bông tu-líp, với lá hoa dày dặn chắc chắn như làm bằng xứ.

Tàu bay chuyến về Mỹ trễ. Phòng đợi chuyến về Âu châu của hãng Air France bên cạnh sáng nay khá đông. Người ta nói tiếng Ý, Mễ, Pháp... Có lẽ phần đông là du khách tới dự hội hoa vừa bế mạc, vì nhiều khuôn mặt trông quen như đã gặp tại vườn Kukenhoft. Tôi kiếm một nét chung cho mọi chuyện trong chuyến đi này. 'Đẹp và Thật' có lẽ là một cặp tĩnh tự thích nghi cho những gì đã gặp hay thấy. Cái đẹp sờ được bắt được, đo được đếm được, và cái thật hiện hữu như những ngàn cây số đê trùng trùng điệp điệp, hay như những triệu triệu bông tu-líp. Tôi ôn lại chuyến đi, thấy mình đã thực hiện được nhiều mục tiêu. Là đạp xe trên những con đê của Hà Lan, là ngắm hoa tu-líp... Còn nữa, tôi đã gặp mấy người Hà Lan, như vợ chồng thuyền trưởng, như cô hướng dẫn Brenda. Tôi đã thấy mấy cô kiều nữ trong tủ kính khu đèn đỏ, và tôi đã học được cách tìm những chuyện dễ thương qua cái vỏ không dễ thương của một văn hóa khác.

Tôi mơ hồ biết mình tiềm thức mình đã bỏ qua một chi tiết không

thích nghi với nét tổng quan 'đẹp và thật' tôi đã chọn cho cuộc viếng thăm này. Và chính lúc ấy, chi tiết không muốn nhớ lại tình cờ xuất hiện trong khu khách đợi trước quày hàng Air France xê xế trước mặt. Đó là cặp uyên ương già đi xem hoa. Có lẽ như những du khách khác, họ tới đây dự mùa hoa xuân, và dự xong thì họ lên đường về nước. Tôi nhớ lại bài học cũ thời còn đi hướng đạo, là phải trực diện mọi chuyện và trốn tránh phiền nhiễu ít khi thành công.

Nhận ra hai người khá dễ dàng, nhờ cái gậy trắng. Nhưng nếu không có gậy tôi vẫn nhận ra họ, vì họ y hệt như hôm gặp ở vườn Kukenhoft. Tuổi ấy, hoàn cảnh ấy, cách đứng ngồi và ngay cả quần áo giày dép dù có thay đổi hay khác kiểu thì cũng vẫn một phong thái. Họ đang đứng gần cửa kính nhìn ra sân bay. Người đàn bà vẫn nói như giảng cho người đàn ông cảnh tượng bên ngoài.

Tôi nghĩ tình thế này, ông ta chắc phải lệ thuộc người đàn bà nhiều hơn. Tai ông có thể thính hơn tai người thường, mũi ông có thể nhạy hơn mũi người thường, nhưng cũng vô dụng trong phòng đợi kín bưng này. Ông không nghe được cái ấm của gió mà biết nắng đã lên, hay cái hương pha hương la-văng mà biết loài đáp-phô-đin lạ như hôm trước ở Kukenhoft.

Như người khiếm khuyết thị giác, đứng gần cửa sổ lớn mà ông không nhìn ra ngoài. Ông quay mặt vào tấm vách ngang. Vách có gương lớn, nhưng không nhẽ người mù soi gương. Bất giác tôi nhìn vào gương, thấy cảnh bên ngoài phản chiếu lại. Chiếc tàu bay lớn đang đậu khoảng giữa sân, xung quanh rộn rịp nhân viên. Quá chiếc tàu, xa xa rìa sân bay là mấy ngọn đồi thấp, thế đất cong cong, chỗ lồi chỗ lõm, mềm mại như thân thể phụ nữ hiện ra trong nắng xuân. Hoa dại từng vạt tím hay vàng nở tưng bừng như phẩm màu ai đánh đổ.

Nhưng kỳ lạ chưa, người đàn ông bước tới gương, đưa tay mân mê mặt gương đang phản chiếu lại cảnh bên ngoài. Lưng ông quay lại, nên tôi không thấy mặt ông, nhưng qua dáng nghe chăm chú của bà tôi biết ông đang nói. Và bà mỉm cười, cái nụ cười thán phục lẫn yêu đương. Không biết ông nói gì mà tay ông vẫn sờ soạng mặt gương. Không nhẽ mù lòa như thế mà lại tả cảnh hoa dại trên đồi xuân cho người sáng mắt. Chuyện đã vô lý, mà còn ngược đời, tất không thể thật như tôi muốn...

Máy phóng thanh loan báo chuyến Air France về Paris sắp cất cánh, và người đàn bà cúi nhặt xách tay để vội vã cùng người đàn ông đi về phía cửa ra sân bay nơi hành khách đang xếp hàng trình vé và hộ chiếu. Nhìn bảng chỉ dẫn tôi thấy mươi phút nữa chuyến bay của tôi cũng sẽ bắt đầu cho khách lên. Thế là giã từ Hà Lan.

Tôi bỗng cảm thấy không muốn giã từ mảnh đất nhiều hoa này mà lòng còn thắc mắc về cái kịch tính của cặp uyên ương già xem hoa. Thắc mắc như thế, đầu óc chưa an và cuộc vui không trọn vẹn. Mùa xuân, tôi muốn lạc quan và tôi muốn tìm được giải thích đẹp cho tất cả những gì xảy ra.

Về lại Mỹ, ra ngồi lại văn phòng nhà thương quận, tôi sẽ không thiếu dịp hồ nghi, với những kiến thức y học của người thày thuốc cũng như những thực tế của đời sống hàng ngày. Nhưng bây giờ, tôi muốn tin các giác quan còn lại của người đàn ông mù quả đã phát triển tới mức siêu việt.

Tôi cố gọi trong óc một hình ảnh đẹp, và hình ảnh ấy bỗng đến với tôi. Đó lại vẫn là cây gậy trắng của người đàn ông khua khua trước mặt hôm trước ở Kukenhoft cũng như lúc nãy ở cổng soát vé, và cánh tay người đàn bà ân cần và không mệt mỏi, sẵn sàng cho bạn nương tựa... Một mặc khải bất ngờ đến với tôi. Tôi ghi nhận mình còn đủ nhãn quan, mà không biết nhìn cho thấu đáo. Cảnh người mù sờ gương, tôi nhìn mà không thấy hết ý nghĩa của nó. Tôi đã quên rằng trong vườn Kukenhoft người đàn ông mù đã thấy được nắng đã lên khi gió ấm hơn trên da má. Và cũng trong khu vườn ấy, ông ta đã đoán ngay được là vạt đáp-phô-đin đang nở là loại hoa mới gầy, vì hương hoa có lẫn hương la-văng.

Vậy thì một khi thị giác khiếm khuyết, xúc giác phát triển hơn thường là điều tất nhiên. Người ta thường bảo ngón tay thay con mắt cho người mù. Và tôi chợt thấy lại rành mạch những ngón tay dài gầy guộc sờ soạng hình ảnh mấy ngọn đồi mùa xuân nở hoa phản chiếu trên tấm gương lớn, khi người đàn ông tả lại cảnh bên ngoài cho bạn. Và tôi cũng nhớ lại nét mặt người đàn bà chăm chú nghe, rạng rỡ như đang thưởng thức một bài thơ xuân đẹp...

Bây giờ thì tôi không còn khó chịu về ngôn ngữ như giảng văn của người đàn baà trong vườn Kukenhoft. Cả câu chuyện qua lại nghe như tiểu thuyết hay đóng kịch của hai người cũng chỉ là chuyện phụ. Và như cô gái hướng dẫn lém lỉnh đã nói, ta phải bỏ qua những chi tiết đi mà thưởng lãm cái tổng thể.

Và cái tổng thể là mùa xuân Hà Lan đẹp, một mùa xuân đẹp đến mức người mù cũng thưởng lãm được. Tất nhiên là với sự nâng đỡ không mỏi mòn của tình yêu.

Mai Kim Ngọc
Villa Park, tháng 4, 2003

Mất đất

Hồ Đình Nghiêm

1. Nhân ở ngoại ô chốn kinh kỳ, gia cảnh tầm thường nằm dưới bậc trung. Cha theo binh nghiệp, tháng ngày miệt mài cùng khói lửa chiến trường. Mẹ ở hậu phương buôn bán lặt vặt nuôi đàn con ba đứa; nhan sắc mòn hao, trái tim thắt thỏm luôn ái ngại chờ đợi hung tin từ chốn xa gửi về.

Nhân là con đầu, lưng dài vai rộng nhưng chẳng biết phụ đỡ chuyện gì. Việc học chưa thành, mà dẫu có đỗ đạc ra trấn nhậm lo việc nước thì lương lậu kia e cũng chỉ nuôi đủ miệng mình, không chừng còn vác mặt về ngửa tay réo mẹ là đằng khác. Nhìn quanh, chòm xóm láng giềng đều sống cảnh thanh đạm. Ai sao ta vậy, Nhân không buồn lòng. Chỉ trách thời cuộc siết vòng, ưa xoay xở cải thiện chẳng là chuyện dễ. Bó tay.

Ở đầu xóm có căn nhà gạch hai tầng. Mỗi bận qua về Nhân đều thoáng gặp một bóng hình thon thẻo ẩn hiện, vô ra dịu dàng. Để ý và cất công cố nhìn cho rõ mặt, dần dà lòng những đâm chồi mê đắm, vọng tưởng. Tóc dài mịn chảy xuống lưng, da trắng môi hồng, nhan sắc lạ lùng, đẹp hoang đường như thiếu nữ có trong tranh cổ của Tàu. Người con gái tên Hậu kia chẳng hề hay biết, chính mình vô tình đã làm chấn thương trái tim một đứa con trai. Mặt hắn từ bình thường dần chuyển sang thất thần, đang sống đời thường mà thoáng chốc hắn dật dờ như kẻ bị chiêm bao mộng mị dẫn đường. Đi quàng xiên trong mê đắm ở cái thế giới huyễn hoặc của tình yêu bưng bít.

Nhân bắt đầu mê văn chương, chong đèn suốt đêm viết nằm viết ngồi đầy đặc chữ một cuốn vở học trò dày 50 trang như kẻ bị đồng nhập. Cà phê thuốc lá là đồng minh, giúp kẻ mê muội ấy hoàn tất những ước vọng thầm kín. Suy cho cùng, viết văn, trước tiên nó chứng minh được

một điều, đấy là hành động của kẻ bất lực. Nếu đạt được những ước muốn, anh đã không tự hành hạ mình một cách kỳ lạ như vậy. Vô bổ!

Thấy con hư hao, đèn khuya thắp sáng tận bình minh, người mẹ tưởng chừng việc sách vở học hành thi cử của con đang tới hồi gay cấn. Bà quên, không nhớ ra, tuổi trẻ mình cũng đã từng bước qua "cầu tre lắc lẻo" ấy. Bước quờ quạng, hồn xiêu phách lạc, rồi rơi xuống nằm yên trong vòng tay của ai đó. Vòng tay dịu dàng, dắt cô thiếu nữ bước sang lằn mức đàn bà chỉ trong khoảnh khắc. Lạc thú mọc đầy trên da thịt và nước mắt đổ ra cho hối tiếc, chảy xuống với trạng thái gần như hân hoan. Vượt quá hạng tuổi bốn mươi, mẹ Nhân đêm nằm cũng có đôi lần khát khô một nỗi thèm muốn. Trong canh khuya tiếng thạch sùng chắc lưỡi đuổi bắt nhau, thê thiết giọng mèo gào khản kêu, tiếng lá xào xạc ngoài vườn trăng cợt nhã cùng gió; tất cả chúng như biết tạo ra một hình khối đang từ tốn nằm đè xuống cơ thể người đàn bà. Tỉnh thức mà như mộng ảo. Nhập nhằng những điều chẳng tượng hình. Không biết đích thực mình đang ước ao chuyện chi? Nhìn lịch, bấm đốt tay, não lòng hay ra xuân thì đã quá. Thằng con đầu đang độ tuổi cường dương thì thân ta ví như cánh hoa sắp tàn tạ. Nước chảy qua cầu, tối ngày ham việc mua bán, chẳng ngờ một sáng một chiều, tối lửa tắt đèn bàng hoàng ngó lại, lòng không khỏi dấy lên chút cảm hoài. Từ đấy con xanh xao thay hình đổi dạng là việc của con. Phần mẹ, nên chải tém lại mái tóc khi ra chợ, bôi chút phấn son lên mặt hầu che đậy những nếp nhăn dãi dầu.

Nhân không ngó ra cái khác lạ ở mẹ. Thì giờ eo hẹp chẳng cho phép cậu quan sát một ai. Tan trường, về nhà ăn vội chén cơm xong lại hối hả tìm tới quán cà phê, thu mình góc tối để chiêm nghiệm nỗi sầu khổ của đứa bị tình yêu dằn vặt. Quán cà phê nọ không lạ gì cậu học trò mặt mụn ấy. Ở hộc tủ nằm sau quầy có cuốn vở, tên Nhân ghi ở trang 5, phía dưới là số nợ mà cậu đã mắc chịu. Những con số viết to, minh bạch như hai với hai là bốn. Trước đó, người ta đã thu giữ thẻ căn cước bọc nhựa để làm vật thế chân; nhưng sau, thấy bất nhẫn, họ tin vô lời hứa của Nhân để rồi trang giấy ấy choáng chật dần những lần êm ả ghi sổ.

- Anh không trả được thì bọn tôi chẳng biết phải dùng biện pháp gì?

Cô gái ngồi sau quầy thường nhắc nhở Nhân với một nụ cười thân thiện. Hắn vòng tay đặt trên quầy:

- Không trả bằng tiền được thì tôi sẽ trả bằng sức.

- Ví dụ.

- Như lau chùi dọn dẹp, rửa tách rửa ly, chặt nước đá pha cà phê, linh tinh thượng vàng hạ cám.

- Những thứ ấy đã có người đảm trách cả rồi.

- Thế thì tôi xin được làm đứa đạp xe thồ đưa rước Trúc đi chợ. Giặt giũ phơi phóng áo quần cho Trúc như một đứa liên tử.

- Liên tử là gì?

- Liên là sen, tử là con. Nôm na là kẻ hầu người hạ.

Người con gái che miệng cười. Hoa hồng cắm trong ly chưng trên quầy không ngớt rung động. Nhân đọc câu cổ thi: "Trúc xinh trúc mọc đầu đình, Em xinh em đứng một mình cũng xinh".

- Thơ với thẩn! Tướng mạo thư sinh trói gà không chặt như anh chẳng biết có kham nổi việc nặng nhọc ấy chăng?

- Nếu được nên cho tôi thử một lần, rồi sau đó hãy định lượng chuyện sức lực. Người ta sẽ xã thân lo việc mà không biết mệt nếu họ ý thức đó là niềm hạnh phúc. Trúc có hiểu về chữ tình yêu không?

- Là cái gì?

- Là một địa ngục trong đó giam chật những thiên thần.

- Hoang tưởng. Vậy thì đất sống của ác qủi nằm ở nơi nao?

- Nằm đằng sau những lời từ chối.

Trúc có chút nhan sắc. Cô ngồi ở quầy tính tiền và cái rạng rỡ nơi gương mặt cô đã bao lần thu hút bọn đàn ông tới quán. Cô thích đón nghe những lời bóng gió, sưu tập chúng và lượng định được tâm cảm của từng đứa một. Nó chẳng khác một tấm gương soi, qua đó Trúc biết trời sinh mình là đứa con gái đẹp, đầu mình và tứ chi nẩy nở đúng hạn kỳ. Mất dạy thì gọi là múp. Kiểu cách thì kêu ngồn ngộn. Văn chương lại gọi vun đầy một tòa thiên nhiên. Đứa sính ngoại ngữ ưa liếm môi: Du thiệt là xếch-xi!

Một ngày kia, những tên già đầu cho tới những đứa đáng tuổi em, thế nào cũng có thằng được lọt vào mắt xanh. Chừng đó Trúc mới gợn lòng đắn đo chuyện thật giả nằm ở lời đường mật. Hiện tại cô đón nghe chỉ cốt tìm ra chút vui thú. Cậu học trò tên Nhân này mọi thứ đều trên trung bình duy chỉ phạm một lỗi lầm: Nghèo rớt mồng tơi! Nghèo là một cái tội. Là một bản án. Nó tựa một con chim không biết bay, con gà trống không biết gáy, một đứa làm người chẳng bao giờ biết ước mơ. Nếu có mơ ước thì cái đầu óc ấy mong cầu xoá bỏ được giai cấp, mọi người bình đẳng. Và như vậy, chiến tranh bộc phát. Và như thế, ác qủi nằm ngay cả trong những khao khát, những hành động.

- Có nhiều khi tôi thấy anh viết rồi xoá. Thực sự thì cuốn vở nhét sau túi quần ấy chứa đựng những gì bên trong?

- Nó giam giữ đầu óc và trái tim tôi. Nó chứa đựng bóng hình những người con gái.

- Lại tình yêu?

- Phải. Bầu khí quyển cần thiết cho mọi sinh vật biết thở.

- Nó cần được chia xẻ không?

- Sao Trúc lại hỏi thế? Cà phê luôn cần đường hoặc sữa. Và trước hết, cái nó cần là nước nóng. Nóng thật nóng. Rót xuống, thẩm thấu và gạn lọc rốt ráo những giọt đắng chảy ra.

- Bao lâu thì tôi sẽ được đọc chúng? Thử uống xem cà phê anh pha chế có hợp khẩu vị mình không.

- Tôi nghĩ là Trúc sẽ nhăn mặt khi nếm thử.

- Ghê gớm vậy sao? Là một sự từ chối?

- Không ai chối từ được lời yêu cầu của Trúc. Cho tôi thêm một khoảng thời gian.

- Phải đợi đến chừng nào?

- Khoảng năm lần uống cà phê mắc chịu nữa.

- Sao nhiều toan tính mặc cả thế?

- Khi yêu ai, Trúc sẽ nhắm mắt buông xuôi hay khi ấy đầu óc mọc lên toàn những so đo?

- Đa sự quá! Vậy thì thứ bảy tuần sau nhé.

- Tôi sẽ chép nó sang một cuốn vở sạch sẽ khác cho Trúc dễ đọc. Tuần sau, thứ bảy, chín giờ tối.

Nhân đưa ngón trỏ ra, cong như một lưỡi câu và móc ngoặc với ngón tay của Trúc.

- Nếu đây là một lời hứa hôn thì mọi thứ ở cuộc đời này sẽ đơn giản biết mấy!

- Nghèo mà ham!

Trúc rút tay về, cảm nhận chút xao động vừa đi thẳng vào người. Như khi nhấn tay vào chữ Play ở máy cassette đặt sau quầy, âm nhạc phát tiếng, dịu dàng mang mình vào một cảnh quang đầy hư ảo, lặng người.

Thứ bảy đó Nhân không tới quán. Hắn là một kẻ bội tín? Trúc rủa thầm. Có thể hắn chạy làng, quỵt nợ. Hàm oan! Trúc chẳng mường tượng ra được hình ảnh một con đường nhỏ bưng bít chật chội bóng tối. Hai bóng ma chợt hiện tới đón đầu Nhân. Một đứa đốt cháy que diêm, ngọn lửa bé bỏng không run rẩy vì đêm đứng yên chẳng có gió. Đốm sáng đưa ra nhận diện.

- Mày là Nhân, có phải không?

Một câu hỏi thừa thải.

- Mày cần phải học hỏi nhiều điều mà bài học hôm nay thì nên

thuộc nằm lòng: Từ nay trở về sau chớ có lai vãng tới quán cà phê ấy nữa. Nghe rõ không? Vắn tắc chỉ một câu: Trúc là một bông hoa đã có chủ.

Que diêm tắt ngúm. Ngọn lửa chỉ soi sáng vừa đủ chiều dài lời tuyên bố. Sau đó là nắm đấm là chân đá. Cả quyền lẫn cước đều thi triển với tất cả sức mạnh mà chúng có được. Nhân ngã quỵ xuống mặt nhựa còn ấm nóng của thứ hắc ín lưu giữ nhiệt lượng mặt trời. Cơn đau bùng vỡ, thảng thốt. Mờ mắt, ù tai. Chập choạng những tàng lá múa may, cây cối chao đảo.

- Bọn này luôn theo đúng luật giang hồ, đó là đánh người thì phải có lý do, để nạn nhân khỏi ấm ức về nguồn cội. Như thế là tạm đủ cho hôm nay. Nếu tái phạm, gậy gộc đao kiếm sẽ được mang ra xài chứ không phải chơi. Rút.

Chúng biến đi. Có thằng còn huýt sáo mồm bài "La vie en Rose" chừng như yêu đời yêu người. Dĩ nhiên không khi nào Trúc có thể nghĩ ra được thứ hình ảnh quái gở trên. Cô đóng quán, cô tắm rửa, thay áo quần và lơ mơ nhớ tới Nhân. Hắn thật đáng ghét. Chỉ được cái lỗ miệng ba hoa. Trúc lên giường. Giấc ngủ chẳng tới ngay. Phải mà nó được dọn đường bằng những câu văn có trong cuốn vở của hắn? Trúc mở mắt, đổi thế nằm. Lại nhắm mắt. Có lẽ sự dối gạt là cái đáng lên án nhất trong những lỗi lầm mà loài người luôn tạo ra.

Thời khắc đó, Nhân cũng nằm trên giường với những xây xát bầm tím có ở cơ thể. Nhân cắn răng chẳng hé môi với một ai. Đấy là cả một sự sĩ nhục và nó có khả năng làm cho đầu óc Nhân luôn căng thẳng. Nỗi thù hận dồn tới réo gọi đòi được trả cũng như sự bất lực của kẻ cô thế luôn song hành đến với cơn đau mỗi một trở mình. Bóng tối không giúp Nhân xoa dịu, chận đứng bớt những ý tưởng rối. Chiếc mùng nhỏ buông xuống, chật chội, đóng khung vuông vắn trông như thứ mộ huyệt treo lơ lửng giữa khoảng không. Đêm hâm hấp nóng. Đêm lùi sâu bằng tiếng chó sủa vu vơ ở tận đâu xa. Đêm sẽ qua trong bình yên nếu nó đừng khơi động lên những tiếng thở vội vọng dội từ căn phòng kề cận. Khi đau khổ người ta sẽ rên la, ngược lại lúc đón nhận sung sướng, họ cũng sẽ tái lập cách thế biểu tỏ ấy. Nhân ngóc đầu khỏi gối và cậu ta đủ thông minh để hiểu chuyện gì đang xẩy tới bên phòng mẹ. Chui ra khỏi mùng, Nhân ngồi ôm đầu và nghe rõ lòng đang rạn vỡ. Chuỗi tiếng động kia vô tình đã làm cho mọi thứ trở thành tan hoang. Nhân mở đèn, run tay đốt thắp một điếu thuốc. Người ta khi gầy dựng cuộc ái ân, bao lâu thì họ sẽ thôi vật lộn với nhau? Có dài bằng đường đi lụn tàn của một điếu thuốc? Nhân sợ hãi nếu phải nhìn thấy mẹ mình trần truồng nằm

dưới thân thể một thằng đàn ông nào đó. Cậu có thể ngồi chờ đợi. Không một thì hai, và có thể là hút cả ba bốn điếu liên tục. Những chính trị gia, những nhà văn, những họa sĩ, những đạo diễn... chừng như ai nấy đều là những kẻ nghiện hút. Bởi thuốc lá, nó đại bổ cho một đầu óc cần toan tính, suy tư. Là thang thuốc kì diệu giúp người ta hạ hỏa, lấy lại được sự bình thản. Những mafia, những đại ca cũng đều ngậm thuốc, nheo mắt trước và sau khi hành sự. Kể cả thằng đàn ông trên giường, nằm vật mình sang bên, việc đầu tiên là vớ ngay một điếu thuốc, lim dim thụ hưởng, thôi ngó ngàng tới con mẹ đàn bà đã từng là đồng minh vừa mang mình vượt qua cái lãnh thổ mà sự mê tơi thống khoái có thể làm phát khóc đi được. Khóc trong quốc gia hay khóc ngoài biên ải cũng đều là khóc cả. Cái quan trọng là anh còn khóc được hay đã khô cạn những nguồn cơn?

Mẹ Nhân không ngờ cái bóng đen đứng thù lù nơi cửa là thằng con mình. Nó chẳng đi ngủ hoang ở nhà bạn, nó chẳng say giấc điệp ở phòng bên. Nó đứng im re tựa một hồn oan. Lẽ nào nó đã biết hết những diễn tiến từ mây cho tới mưa? Nó có là một chứng nhân? Bà gài vội những hạt nút áo có nơi hai tà vướng viú ở bầu ngực trần. Núm vú này có miệng con từng ham hố bú khi khát sữa thuở còn thơ. Con bú sữa mẹ lành thì bây chừ chớ có hung dữ làm lớn chuyện. Cha mẹ sanh con trời sanh tánh. Đó là cớ sự của ai kià, chớ tính nết con, mẹ hiểu xưa nay đều hiền như một hòn đất. Con nhớ cho, mẹ cũng là một vạt đất bấy chầy hạn hán. Nói không ngoa, vừa qua chỉ là một cơn mưa lần đầu mẹ được đón nhận, rơi xuống đầm đìa. Cá không có nước, cá chết. Đất khô cằn, con ơi, đất nức nẻ buồn thúi ruột gan. Hãy tha thứ cho mẹ lần úng thủy này. Họ có bao bì, mẹ có ngừa cột, quyết không dây dưa để lại hậu sự phiền toái.

- Mẹ khó nói, có phải không? Con cũng khó xử trí, đã để cho tên đó ra về yên hàng vô sự mà chẳng gửi theo một lời răn đe.

- Bây giờ nói gì cũng bằng thừa. Mọi lời của mẹ con sẽ quy chụp cho nó cái mũ nguỵ biện. Chỉ có điều duy nhất mẹ muốn con đón nghe...

- Mẹ nói đi. Con đang bình tĩnh.

- Người đó hứa với mẹ...

- Mẹ tin vào một lời hứa?

- Chừng này tuổi mẹ không phải là đứa nhẹ dạ. Có những thứ mình chớ nên nghi ngờ, bởi điều ông ta hứa chẳng có gì ghê gớm cả. Quá dễ làm đối với ông ta.

- Bao nhiêu tiền? Một nửa tháng lương?

- Mẹ thật bất hạnh! Con xem mẹ là hạng người gì để lôi chuyện

tiền nong vào? Việc học của con ra sao rồi? Nếu thi hỏng... Người ấy bảo sẽ lo được cho con tờ giấy hoãn dịch vì lý do gia cảnh. Con hiểu không? Con sẽ chẳng phải đi lính. Con sẽ chẳng dẫm vào vết chân của ba con. Ổng đi mất đất, ổng coi súng là vợ đạn là con giờ này chẳng biết sống chết ra sao không một lá thư gửi về làm yên lòng kẻ ở lại!

- Hoài công! Con sẽ đi lính. Đôi khi có những sự việc mà muốn giải quyết người ta phải vin vào súng đạn. Đó là thứ lí lẽ của kẻ mạnh. Con đi tìm ba. Mẹ ở nhà tìm những thứ thực tiễn khác để đánh đổi.

Cánh cửa phòng đóng lại mạnh bạo sau câu nói. Nhân thức suốt đêm, viết lá thư dài từ biệt gửi người con gái tên Hậu ở căn nhà gạch hai tầng; bỏ chung phong bì với cuốn vở học trò mà trong đó vẽ đầy mộng mị của Nhân về thứ tình yêu câm lặng, những suy tưởng của cậu về một trái cấm nằm ngoài tầm tay.

2. Sáu giờ sáng, những ngọn đèn trong quán trông dữ dội như mặt trời ban trưa ở xứ nhiệt đới. Xô cửa vào, cay đôi mắt, bất gặp chút bần thần nơi sự đón chào vồn vã của mọi luồng ánh sáng. Hương mùi cà phê thực sự không mang tỉnh táo tới, lúc đó. Nó trộn lẫn, kèm gửi theo những tiếng động, như thông báo sự khởi đầu cuộc vận hành của một cỗ máy. Mọi con trâu sẽ ra đồng, như bổn phận, với thứ tiềm thức chẳng kỳ vọng một mùa gặt tốt lành. Mặt mày thằng bán hàng là một bằng chứng. Chẳng thiện cảm, kháu ó. Như nông dân ngâm chân trong bùn đã lâu. Gương mặt ấy chợt thoáng đổi:

- Chào ông Neil.

- Chào đầu ngày. Tôi lấy một cốc cà phê.

- Loại gì? Và lớn nhỏ?

Đó là thứ vấn đáp gần như bắt buộc. Như ta sẽ mỏi mệt để trả lời, không thật lòng: Ừ tôi khoẻ, cám ơn. Còn bạn thì sao?

- Ông vẫn còn làm chỗ cũ chứ?

- Không, chán ngán, tôi bỏ ngang. Tôi thích công việc của bạn hơn. Người nhuộm đầy hương cà phê.

- Đùa hoài. Đang giỡn chơi, có phải không?

Quán chia hai phần. Phía trong, không khí có vẻ bình thường. Phía ngoài, khói thuốc ô nhiễm một không gian. Và khách khứa đa phần đều chọn nơi mù mờ để đặt đít. Những mái đầu so le chúi mũi vào các trang nhật báo. Journal de Montréal. La Presse. Gazette. National... Những gương mặt nặng nề như ba hồn bảy viá chưa lộn lui, hoặc phút giây đó hồn viá vẫn còn ngái ngủ. Họ đọc những gì có trong mấy trang giấy sột soạt ấy? Bệnh tật, chiến tranh, cái chết. Ngày nào cũng ngần ấy tin,

những con chữ quen mặt. Mỗi ngày đều đặn trôi qua và chúng để lại cho con người vô vàn những cáo phó. Những niềm đau chai lì.

Neil thắp điếu thuốc điểm tâm, không xem báo, nheo mắt ngó ra hàng cây còn giam giữ màu nhờ nhợ của thứ bình minh đang trông đợi ánh dương quang đổ xuống. Những con bồ câu đi kiếm ăn trên vỉa hè lót gạch nâu, thủng thẳng, chậm rãi như những người đàn bà mang bầu cẩn trọng với thai nhi. Không hiểu sao chúng lại được chọn làm biểu tượng hoà bình? Với Neil, hình ảnh người đàn bà bụng mang dạ chửa sẽ đáng yêu hơn. Họ hiền lành, họ e dè. Họ sống với một kỳ vọng về tương lai và đầu óc họ toan tính toàn những điều tốt lành. Cầu mong mọi thứ êm ả để được thuận buồm xuôi gió. Neil cầm ly cà phê bằng giấy bước ra khỏi cánh cửa khi radio trong quán bắt đầu phát tin dự báo thời tiết trong ngày. Giọng người xướng ngôn có vẻ hàm hồ, gấp gáp. Như loài bồ câu, Neil đủng đỉnh băng qua hai đoạn đường có gắn đèn xanh đỏ. Chúng tự động thay màu, nghe được dòng điện trở cựa mình phát tiếng mỗi một hoán đổi. Gió luồng tuồng chạy vội bên trên, nơi chùm lá cây mãi xao động. Chốn ấy không hề là chỗ trú thân của chim bồ câu. Đứng ở ngã tư ngước mặt nhìn lên một cao ốc, Neil có thể thấy chữ Yellow máng trên đó luôn thập thò những con bồ câu ẩn mình bên trong, chúng ỉa cho bạc màu cái chữ Yellow to tướng ấy. Yellow là thương hiệu của một cửa hàng chuyên xuất nhập cảng đồ dùng bằng nhựa và là nơi có Neil từng làm việc bán thời gian. Mỗi khi ngửa cổ ngó lên, Neil đều mang cái ý nghĩ, liên tưởng tới số phận của bọn di dân. Lần hồi chúng sẽ bị biến dạng đi, không hình thức này thì hình thức khác. Chữ Yellow bạc thếch vì cứt chim và mỗi ngày Neil nói ngoại ngữ nhiều hơn tiếng mẹ đẻ.

Ngang qua công viên, Neil dừng chân rồi ngồi xuống chỗ đã được định vị từ đêm qua. Quây lưng với bầy sư tử bằng đá luôn có nước chảy ra từ miệng để đổ xuống một cái bể cạn. Tiếng róc rách của nó chừng như đã ru ngủ một ông già râu tóc bờm xờm nằm ngáy đều đặn trên băng ghế gỗ. Neil ngồi ngó quanh cảnh vật, cốc cà phê đã nguội, uống không hết nhưng vẫn nắm trong tay. Một kẻ vô gia cư, thực sự thì kẻ đó không cần phải phô bày bằng hình thức ngủ bờ ngủ bụi như vậy. Ăn mặc chỉnh tề, tóc tai ngắn gọn, tỉnh táo ngồi ôm ly cà phê hít thở khí trời trong lành, cũng chẳng chứng minh được đấy là hình ảnh của một đứa gia đạo an vui nhà cửa tử tế.

Cuối cùng thì cái bóng dáng luôn nằm trong tiềm thức bỗng hiện hữu thực sự, băng qua đường sau khi đóng cánh cửa xe bằng một tiếng động nhỏ. Xe màu trắng, nhìn đau mắt bởi cái tượng trưng cho sự tinh

khiết.

- Đợi đã lâu chưa?

Người đàn bà ngồi xuống, chút e dè có trong điệu bộ.

- Có những trở ngại ngoài ý muốn.

- Anh hiểu. Trong chúng ta không ai muốn làm phiền lòng kẻ khác. Hoàn cảnh! Có đúng không?

- Bao giờ thì anh bỏ được những lời bóng gió mát mẻ kiểu ấy?

- Anh không bỏ được. Như có người biểu anh phải từ bỏ thuốc lá. Anh đã vừa đốt cháy ba điếu. Cuộc đời quá ngắn, Hậu có thấy vậy không?

- Muốn thấy nó ngắn cỡ nào, trước tiên người ta phải sống cho thật lâu. Sau này, có khi anh sẽ bắt gặp niềm hối hận.

- Anh không có gì để phải hối tiếc cả, mọi thứ tới với mình, hà tiện đến nỗi chúng chẳng cho mình sự lựa chọn. Còn Hậu?

- Một đôi khi. Chẳng hạn bắt gặp sự hồn nhiên của hai đứa nhỏ. Vài lần trở về muộn để thấy chúng ngồi lục soạn cơm nguội mang ra ăn. Tự hỏi: Tại sao mình lại vắng mặt ở phút giây đó? Đưa cho Hậu ly cà phê.

- Nó nguội lạnh mất rồi.

- Không sao. Hậu uống hết để thế một lời xin lỗi.

Người đàn bà mở nắp nhựa và khởi sự uống.

- Cái nhân vật Trúc ngày xưa bán cà phê bây giờ ra sao?

- Không biết. Anh đã vắng mặt quá lâu với cuộc đời này.

Người đàn bà ngó dáng ngủ co quắp của gã đàn ông dơ bẩn:

- Chúng ta là những hồn ma vất vưởng hay sao đây?

- Chẳng rõ. Riêng anh, anh đi lính, đi tù, chạy trốn được qua đảo, nằm chờ thanh lọc... Chừng như anh là đứa không có được cái mà người ta gọi là tuổi trẻ. Hoặc nó tựa một cuốn sách xộc xệch, dính vào gáy chỉ còn chương cuối. Đọc chẳng hiểu mô tê gì ráo!

- Neil. Cái tên đó nói lên điều gì?

- Quái đản lắm không? Chỉ thử xem có gì mới lạ đến với mình? Vậy thôi. Anh từng ghét một thằng người mang tên Nhân. Nó có vẻ vô tích sự quá!

Người đàn bà ngó xuống cổ tay, chiếc đồng hồ như chưa bao giờ biết đứng yên hai cây kim. Nó hăm hở sống.

- Chia tay nhé.

- Lại mỗi người một con đường! Hậu đi đâu?

- Có cái hẹn ở Clinique vào Chín giờ. Nếu bị ung thư ở ngực và họ cắt bớt đi một bên, hình ảnh đó có gây nỗi bàng hoàng cho một ai không?

- Nếu chuyện ấy là sự thật, hơn ai hết Hậu cần có người luôn kề cận mình.

Khi nói, Neil nắm lấy tay Hậu. Bàn tay giá lạnh, mềm mại trườn lách, từ tốn thoát khỏi sự bao che.

- Hãy để anh chung xe cùng Hậu tới đó.

- Đừng. Không nên. Nơi đó tập trung toàn cả những con mẹ có vấn đề. Một quang cảnh ảm đạm, não nề.

Người đàn bà đứng lên. Cúi đầu nhìn xuống cái túi xách vừa mở rộng miệng. Lôi ra bao nhựa trong, thấu suốt vật chứa đựng là một cuốn vở học trò. Những trang giấy úa màu, cũ kỹ nằm đong đưa giữa khoảng cách hai đứa. Năm mươi trang, chính nó là lý do để họ gặp gỡ.

- Thích không? Nó quý như một cổ vật.

Cổ vật rơi xuống lòng Neil, những rung động không thể phát tiếng. Người đàn bà quay lưng, như từ bỏ công việc bảo tồn bảo tàng. Giũ áo ra đi.

- Bao giờ thì mình gặp lại nhau?

- Không rõ. Hậu sẽ gọi điện thoại.

Những bước chân xa rời, để Neil ngồi lại cùng bầy sư tử hoá thạch. Nước vẫn tuôn có vòi. Những trang vở nhốt kín mùi ẩm của thời gian và trùng khơi. Vài con chữ nhòe nét mực xô đẩy nhau trên đường kẻ xanh mù mờ một quá khứ. Đường chỉ nhỏ thả con diều bay biền biệt hơn hai mươi năm.

- Này ông bạn, vui lòng cho tôi một điếu thuốc.

Từ thân thể người đàn ông vô gia cư nồng nàn một hương mùi. Đậm đặc, choáng váng. Ông ta thở khói, đám râu vàng cháy mọc phồn thịnh quanh miệng làm điếu thuốc trở nên bé nhỏ, thu ngắn lại. Tiếng Anh thoát ra khỏi mồm khô khan, chậm rãi như phát xuất từ bờ môi một kẻ thiếu dưỡng khí.

- Bạn đến từ phương nào? Có phải ở hướng mặt trời mọc không?

Ông ta ngồi gần Neil, chỗ mà Hậu vừa từ bỏ. Cả hai cùng dõi trông dáng người đàn bà đi cúi mặt. Cửa xe mở, đóng. Vệt trắng lao vút, mất tăm giữa âm u con đường chưa chan bóng nắng.

- Có sẵn bạc lẻ đó chăng? Đưa cho tôi để đổi lấy một lời vàng ngọc.

Neil đứng lên, có bao nhiêu đồng xu ngỗn ngang trong túi quần vơ lại thành một nắm rơi xuống bàn tay đang ngửa ra. Ông ta ho khan:

- The true paradises are the paradises that we have lost. *

---

* Marcel Proust

Đừng đến sân ga

*Hoàng Ngọc Tuấn**

Toàn không ngồi yên một phút nào trên tàu hỏa đi từ Huế vào sáng sớm. Bây giờ, đã nhiều nắng đầy bầu trời trong, Toàn bị ngợp mắt vì cứ đứng hoài ở khung cửa xe, nhưng anh cảm thấy ấm áp.

Khi tiếng máy nổ ở đầu toa tàu rời rạc chậm lại, một nhà ga nhỏ đàng kia tiến đến lần hồi. Toàn chăm chú nhìn người bẻ ghi cúi xuống đường rầy chuyển con đường sắt lấp vào đường đi về trước mặt nhà ga. Còi tàu kéo một vài hồi báo hiệu xe đã ngừng, khói không còn bay mạnh ngược chiều, bốc lên tan loãng chậm rãi.

Đến Lăng Cô rồi, không cần nhìn vết chữ sơn đã phai gần hết trên mái nhà ga đầy rêu ủ dột, Toàn cũng biết là đã đến ga Lăng Cô. Vì những người bán hàng ùa ra mời khách hàng mua những chai mắm sò, thứ đồ đặc biệt của địa phương. Nút chai làm bằng lá khô đã được bịt kín không cho mùi mắm hấp dẫn bay ra, nhưng bên trong những vỏ chai trong suốt bằng thủy tinh, mắm sò ép sát vào nhau gợi thèm đến bữa cơm đậm đà và làm Toàn chảy nước miếng.

Toàn xuống xe với chiếc xắc tay nhỏ. Một con bé áo quần rách rưới đụng phải anh, chắn lối bực thềm. Nó oang oang nói một tràng dài, cái câu mời khách quen thuộc nãy giờ anh đã nghe chúng nheo nhéo giống hệt nhau.

- Mua vài chai mắm sò đi thầy. Thứ thượng hạng chính hiệu đây. Ở Lăng Cô mới có, vô trong Nam tìm mua không có đâu thầy.

Toàn mỉm cười:

- Em mời khách vào Sàigòn kia, họ mang vô làm quà cho vợ con. Tôi xuống ga này, thứ này rồi tha hồ ăn ở đây thiếu gì.

Con bé bây giờ mới nhìn thấy chiếc xắc tay của Toàn. Nó bỏ vội anh, leo lên toa tàu, lời rao hàng khản giọng mất đâu đó trong tiếng

cười nói ồn ào của hành khách.

Một vài người vô ý chạm phải vai Toàn làm anh suýt ngả khi bước vào nhà ga. Anh cố tình không quan tâm gì đến điều khiếm khuyết của mình, nhưng rốt cuộc, cái đó lại ám ảnh anh như thường lệ. Anh thấy mình rõ ràng bước đi khập khểnh, chân thấp chân cao, mọi vật nhấp nhô không đều trước mắt làm anh rịn mồ hôi trán. Anh cúi xuống nhìn chân mình, hai ống quần rộng thùng thình, hậu quả của mấy tháng nằm ở quân y viện ốm hẳn người đi. Không biết có ai nhìn xuyên được qua lớp vải quần của anh không để tò mò khám phá thấy đùi bên trái tóp nhỏ lại thua sút chênh lệch so với chân phải, kết quả của một viên đạn xuyên thủng vào phía trên đầu gối chừng một gang tay.

Toàn liếc nhìn mọi người nhưng chẳng ai buồn chú ý đến anh cả, hành khách xuống ga Lăng Cô cũng ít và chẳng mấy chốc, tàu hỏa hú còi xình xịch chạy. Viên xếp ga đưa tay lên vẫy chào về phía đầu máy rồi mệt nhọc quay vào phòng làm việc chật hẹp trong nhà ga. Tất cả đều bám đầy bụi bặm kể cả chiếc máy điện thoại màu đen to tướng trên bàn.

Toàn mong đừng có ai chăm chú nhìn gì anh cả, nhất là nhìn cái chân tật nguyền này, và anh yên tâm. Anh rời khỏi nhà ga khá mau lẹ, khỏi phải dáo dác tìm kiếm một ai bởi vì anh biết chắc chẳng có ai đón mình.

Băng qua con đường cát lún đầy bụi rậm và cỏ dại hai bên, anh đi về phía xóm nhà nhỏ nằm xúm xít với nhau ở đằng kia, dọc theo bờ biển. Xóm toàn là những mái nhà lá xác xơ của dân cư làm nghề chài lưới. Chỉ có một căn nhà gạch thấp nằm ngay đầu xóm, đó là văn phòng Xã trưởng hay Quận trưởng. Và còn thêm một căn nhà gạch mái ngói đỏ thứ hai nữa, khá rộng hơn, có nhiều phòng và khoảng sân mát mẻ dưới tàn cây trứng cá. Chưa đến nhưng Toàn mường tượng nhìn thấy tấm bảng thiếc treo sơ sài trên cổng nhà, nét sơn thô kệch vụng về mấy hàng chữ: Trường Tiểu Học Lăng Cô.

Chính nó, chính mái trường tiêu điều này, là nơi gợi nhớ mênh mang cho một ngày trở về. Và anh đang trở về, bước chân thấp cao khó nhọc lún trong cát bỏng, nhưng người như đang ngợp mát trong tiếng sóng biển dồn dập lại gần.

Ba bốn năm xa miền biển này rồi, anh tự nhủ nếu mọi chuyện có đổi thay xa lạ thì cũng không phải là điều đáng kinh ngạc.

*

* *

Cậu học trò mặt mày đen đủi gõ vào cửa phòng, rụt rè:

- Thưa cô Hiệu Trưởng, có khách hỏi cô.

Tiếng đàn bà nghiêm trang vẳng ra:

- Phụ huynh của em nào hả?

Cậu bé liếc trộm nhìn Toàn rồi ấp úng trả lời:

- Thưa cô em không biết... ông này... lạ hoắc à.

- Được rồi.

Cánh cửa mở nhẹ. Cậu bé bỏ chạy đi chỗ khác, và trước khi cửa mở toang ra hết để Toàn có thể gặp lại chị Lục, anh cảm thấy một chút nôn nao vui thích trong lòng, thế là trong ba năm cũng có điều thay đổi, nhưng khá dễ chịu. Từ một cô giáo viên chánh ngạch chăm chỉ nhất, chị Lục bây giờ đã lên chức Cô Hiệu Trưởng trường Tiểu Học. Điều dễ chịu hơn nữa là cô giáo ấy vẫn chưa trở thành bà.

Chị Lục mở mạnh cánh cửa, mở lớn mắt ngạc nhiên rồi la lên:

- Trời ơi! Toàn đó hả?

Anh chỉ biết nhe răng cười sung sướng, gật gật đầu mà không biết nói lên lời gì cả. Chị Lục chạy ra khỏi phòng, nét mặt mừng rỡ và có lẽ chị sẽ ôm chầm lấy Toàn nếu không có đám học trò đang kéo nhau ra về, reo đùa inh ỏi.

Nhưng chị Lục cũng cầm lấy tay áo anh, kéo vào văn phòng. Thêm một thằng bé khác cũng đen như cột nhà cháy, đang vòng hai tay quỳ gối quay mặt vào tường như một tín đồ sám hối.

Chị Lục vỗ đầu cậu bé:

- Thôi, lần nầy cô tha em. Mau về nhà ăn cơm đi. Nhớ lần sau mà bắt còng còng bỏ trong áo bạn cùng lớp, là cô phạt nặng nghe không.

Thằng bé đứng phắt dậy, đầu gối đỏ dừ nhưng nét mặt sáng rực, nó lí nhí cám ơn chị Lục và cũng đủ thông minh biết rằng mình được tha vì cô Hiệu Trưởng có khách, nó liếc nhìn Toàn một cái tỏ vẻ thân mật rồi vù mất.

Căn phòng làm việc của chị Lục cũng là văn phòng trước kia của lão hiệu trưởng cũ. Ít có gì khác lạ, một tấm bản đồ Việt Nam treo trên tường và quả địa cầu xoay đặt trên bàn, chỉ thêm vài vỏ ốc láng bóng dùng làm đồ chặn giấy, chắc là của học trò biếu chị.

Toàn ngồi xuống ghế, lặng lẽ nhìn chị Lục và chị thì cắn môi để khỏi nói nên lời cảm động run rẩy gì đó. Chị vẫn dịu dàng như thuở nào, mắt rơm rớm long lanh. Một lúc sau chị mới bình tĩnh hỏi chuyện Toàn. Anh nói từng tiếng ngắn:

- Cái chân...

- Sao?

- Bị trúng đạn... Tôi què rồi. Giải ngũ.

Chị Lục nắm chặt lấy tay Toàn:

- Trời ơi... trời ơi...

Và Toàn thấy lòng bàn tay anh lạnh ướt nước mắt.

- Thôi... Toàn không chết là may rồi. Toàn được về là may rồi. Ở mãi đây nghe.

Anh mỉm cười:

- Tôi biết làm gì ở đây? Không lẽ ăn bám vào chị.

- Đừng nói thế. Toàn dạy học lại như lúc trước, tôi xếp cho Toàn một chỗ... và mọi chuyện như cũ, có gì thay đổi đâu.

- Cái chân.

- Toàn!

- Trường Lăng Cô sẽ có một ông giáo què làm trò hài hước cho học sinh. Chị muốn tôi làm huấn luyện viên thể dục không? Nhảy cao, nhảy dài, chạy đua biểu diễn cho học trò xem... với một cái chân cà thọt!

Chị Lục im lặng cho Toàn nói lải nhải một hồi những lời cay đắng. Rồi chị đứng dậy, vẫn nghiêm trang và thân mật tự nhiên như lúc trước, chị dìu vai Toàn đi vào phòng trong. Cách văn phòng chị với một tấm màn vải, phòng riêng của chị Lục sạch sẽ ngăn nắp nhưng cũng có đôi chút bừa bộn của một người đàn bà độc thân. Thau còn ngâm đồ giặt sũi bọt xà phòng trắng, vài chiếc áo cánh treo trên giây thép gai, bếp lửa gần với chân giường ngủ. Toàn còn nhớ trường này có hai phòng học bỏ trống, được chia ra cho vài ông và các cô giáo viên ở. Chị Lục hồi trước cũng ở chung với một hai cô, nhưng bây giờ chị làm hiệu trưởng nên lên ở đây một mình.

Chị Lục nói Toàn hãy nằm nghỉ một lát.

- Chờ đây rồi tôi đi chặt cho Toàn một trái dừa. Còn thích uống nước dừa không?

Toàn mỉm cười, cảm giác yên lành ngập tràn người anh. Anh nhắm mắt lại, và ngủ mệt. Tiếng chị Lục êm ấm bên tai: Ngủ đi một lát cho khỏe... mọi thứ rồi sẽ như cũ.

Anh thiếp ngủ được một chút rồi đầu óc tỉnh lại, nhưng vẫn còn váng vất, lao xao. Như cũ... Trước kia chị Lục và anh là đồng nghiệp thân nhất với nhau, dầu chị lớn hơn anh vài tuổi. Chị dạy và coi sóc lớp nhất, anh lo về lớp nhì. Tụi học trò của anh nhỏ con hơn nên mỗi khi có trận đá bóng giao hữu giữa hai lớp, lớp của anh thường bị thua hoài mặc dầu anh cố tình ăn gian đôi chút khi được làm trọng tài. Anh bật cười. Có lần bóng trúng ngực một thằng lớp nhất trong vòng cấm địa, anh bảo là trúng tay và phạt "pê-nan-ti". Cầu thủ nhao nhao phản đối và kêu

cứu, chị Lục từ ngoài sân chạy vào gây gỗ cãi cọ với anh, nhưng anh đã nóng mặt nhất định vẫn phạt đền để lớp anh có dịp gỡ huề. Nhưng rồi cái thằng nhóc chó chết, "vua phá lưới" sáng chói nhất của lớp nhì, run run hồi hộp quá nên đá mạnh bóng bay lệch sang một bên, rơi tuốt xuống biển. Rồi còn gì nữa... Anh bị gọi đi lính. Giã từ phấn trắng bảng đen, giã từ đám học trò quê kệch vẫn thường cùng thầy giáo bơi thi vui nhộn ngoài biển, giã từ chị Lục... những mùa hè êm đềm rạng rỡ ánh nắng.

Và anh đã trở về, như thế này đây, không phải hoàn toàn là vì mái trường cũ và chị Lục, nhưng vì không còn một nơi nào để trở về nữa.

... Giờ khắc thong thả qua trong căn phòng tịch mịch. Anh mơ màng ngủ lại. Trong giấc mơ mệt nhọc của buổi trưa anh thấy hình như đang vừa chạy vừa thở hào hển trên bãi biển, đuổi theo chị Lục. Chị ở trước mặt anh một quãng ngắn nhưng anh không tài nào bắt kịp, cái chân què của anh như níu kéo lại, cuống quýt bối rối trong lòng cát. Anh đau đớn tuyệt vọng nhìn thấy khuôn mặt của chị Lục quay lại, đôi mắt nhìn anh chế giễu, bọn học trò chung quanh vỗ tay cười cợt ầm ĩ... Rồi anh ngả xuống úp mặt ướt mồ hôi vùi trên cát nóng, mắt anh mờ đi, chao động, mơ hồ, hình ảnh chị Lục chốc lát bay xa như cánh chim trắng đi vào cõi vô cùng... Anh sợ hãi hét lên...

- Toàn!

Anh giật mình tỉnh dậy. Chị Lục đang ngồi xuống bên cạnh anh, tay chị đặt trên vầng trán tươm đầy mồ hôi của anh. Chị ân cần dìu anh ngồi dậy, đưa cho anh một ly nước dừa, đá lạnh bốc hơi lấm tấm ngoài lớp thủy tinh.

Anh uống ừng ực một hơi ngon lành, mát mẻ sảng khoái làm anh dịu lại đôi chút. Anh nhìn ra khung cửa sổ, một vài ngụm mây trắng trên nền trời chiều, màu xám buồn rầu nhưng êm ả. Anh ngẩng đầu dậy:

- Chiều rồi. Sao chị không dạy học?

- Thứ Bảy, Toàn không nhớ gì đến ngày tháng nữa à.

Anh ngồi dậy. Anh định đi một vòng ngoài bờ biển nhưng lại thôi. Anh lục lạo một xấp bài tập của học sinh, đọc bâng quơ.

- Toàn có thích đọc chuyện kiếm hiệp không? Ở Lăng Cô thì chỉ biết thuê mấy thứ vớ vẩn đó đọc cho đỡ buồn.

Anh lắc đầu. Anh tìm thấy dưới gậm bàn ngủ của chị Lục cuốn sách *Chuyện Cổ Nước Nam*, giấy vàng xỉn, trên bìa rách mềm tả tơi có dán một tấm nhãn đề chữ: *Sách đọc thêm cho học sinh... Thư viện Trường Tiểu học Lăng Cô* và một con dấu đỏ lờ mờ.

Anh cười nói với chị Lục:

- Thôi, đọc cái này vui lắm.

Chị Lục cũng bật cười. Chị nói:

- Tôi làm cơm chiều đây. Lát nữa Toàn tha hồ ăn bữa cơm nhà quê xứ biển. Học trò mới đem cho mấy con cá ngừ tươi lắm...

Chị mở cánh cửa.

- Có lẽ phải chạy đi mua mấy chục bánh tráng. Khi chị Lục đi ra khỏi phòng, Toàn lật những trang sách nhưng không đọc được gì hết. Anh liếc cái mục lục một loáng rồi đặt cuốn sách vào chỗ cũ. Căn phòng đã tối nên anh đứng dậy, thắp ngọn lửa đèn "măng sông". Anh đã quen với thứ đèn này một thời nên anh khêu sáng ánh đèn dễ dàng. Màu vàng lung linh, đáng lẽ phải làm căn phòng nóng bức, như nhờ những ngọn gió biển thổi vào qua cửa sổ mở toang, không khí trở nên dịu ngọt và ấm áp.

Cửa sau bếp của chị Lục mở ra là bãi cát của bờ biển, vài gốc dương rũ lá xuống mái nhà và đem lại một ít bóng mát cho những buổi trưa nắng. Nhưng bây giờ trời đã chiều, mặt trời chỉ còn lại một đốm đỏ sắp lặn mất ngoài chân trời, ở đâu cũng toàn là bóng mát, cát không còn nóng ran dưới chân người.

Chị Lục trải một tấm vải dầu trên cát, bữa cơm chiều được dọn ra trong ngọn gió biển thoang thoảng thổi vào làm tóc chị bay rối một vài sợi, nhưng không khô đi những giọt mồ hôi vì bếp lửa.

Bữa cơm thịnh soạn cho hai người. Nhất là đối với Toàn, mấy năm nay anh ăn toàn là cơm sấy khô hoặc chỉ được nấu chín vội vàng trong những chiếc thùng đen dơ bẩn.

- Quấn với bánh tráng mới ngon Toàn à.

Chị Lục nhúng bánh tráng sơ sài vào nước cho bánh hơi mềm một chút. Chị mở nồi cá ngừ kho, mùi thơm bốc lên, những khoanh cá chín ngả sang mầu nâu tỏa đầy khói. Chị Lục làm cho Toàn một cuốn đầu tiên. Rau sống, cá ngừ, rau muống tươi chẻ nhỏ được trần vào nhau, quấn trong bánh tráng mỏng. Anh cầm lấy, nhúng vào nước chấm được làm bằng nước cá hòa với những trái ớt đỏ dầm nát thành từng mảnh, hột ớt lấm tấm. Anh cắn một cuốn bánh tráng ngon lành, mùi thơm nồng của loại cá biển tươi, mát mẻ dòn tan của rau xanh, mặn mà của nước cá và vị ớt cay cay... Gió biển lại thổi lồng vào sống lưng lạnh mát, làm khô đi hơi nóng vừa bốc lên một chút trong người vì anh hau háu ăn không ngừng nghỉ.

Chị Lục tỏ vẻ thích thú, thỉnh thoảng chị lại mỉm cười và khẽ nuốc nước bọt thèm thuồng nhìn anh. Phần chị, chị đã quá quen với món ăn này rồi. Chị ăn chậm rãi bình thường và tay bận bịu đậy nồi cá để giữ

hơi nóng, thấm nước cho bánh tráng hay xắn thêm một vài trái ớt xanh dòn.

Anh mãi miết ăn, chẳng còn hơi sức đâu mà nghĩ đến cái chân què của mình nữa.

Chị Lục mở nắp chai bằng một khoen đinh trên cánh cửa. Chị nói:

- Ở đây chỉ có bia Quân Tiếp Vụ thôi, họ lại hết đá rồi. Toàn uống được không?

Anh gật đầu. Bia hơi đắng nhưng vẫn nồng, cay xé trên lưỡi như mùi ớt. Anh đưa chiếc ly cạn một nửa cho chị Lục.

- Chị uống một ít đi. Thứ này nhẹ lắm.

Chị Lục vấn mái tóc lại rồi cột bằng một sợi dây cao su. Mắt chị long lanh.

- Uống lỡ say rồi làm sao. Tôi đâu biết uống rượu.

- Có sao đâu? Mai là Chủ Nhật mà.

Chị Lục cầm lấy ly bia, chị bỗng nhìn bâng quơ ra ngoài biển.

- Ờ... mai chủ nhật, thích thật. Mọi khi tôi sợ ngày chủ nhật lắm, học trò nghỉ hết mình không có chuyện gì làm cả. Bây giờ có thêm Toàn mới vui.

- Có "chương trình" gì vui không?

- Trời ơi, ở đây mà có chuyện gì được. Nhưng mai tôi ra chợ sớm, tìm một ít mực tươi về luộc ăn với nước tương. Không biết mùa này có "nuốc" không... "nuốc" ăn mát lắm, chấm với ruốc ớt thì buổi trưa nóng lại càng thích, vừa đổ mồ hôi vừa ăn.

Anh nhìn chị Lục, mỉm cười khuyến khích. Chị nhắm mắt uống một hớp bia, rồi nhìn quanh như sợ có ai bắt gặp, nhất là mấy cô cậu học trò vẫn thường ngoan ngoãn nghe chị nghiêm trang giảng bài *uống rượu tai hại như thế nào.*

Nhưng giờ này, chiều đã xuống trên xóm vắng, ngọn đèn dầu vàng rực đã thắp lên trong những mái nhà lá, mọi người đều xúm xít bên mâm cơm, đâu có ai ra dạo mát ngoài bãi biển nữa, và nếu có cậu bé nào nghịch ngợm ham chơi nhất, thì chắc cũng chỉ đang nhảy nhót ở một khoảng cát nào xa tít, nó đâu muốn lại gần trường học, một tuần phải đến đây sáu ngày là cũng đủ ngán quá rồi.

Mặt chị Lục ửng đỏ, nhưng chị lại uống thêm một hớp. Anh nhìn thấy lóng lánh bia vàng chảy vào môi chị, mắt nhắm và đôi lông mày hơi nhíu lại. Và chị trả lại chiếc ly cho anh, với một nụ cười thắm thiết.

Nhưng có lẽ là anh đã tưởng tượng quá nhiều về nụ cười của chị. Trời đã tối lắm rồi, anh chỉ nhìn được lờ mờ khuôn mặt chị, chỉ có đôi mắt sáng là thấy rõ ràng nhất. Ánh đèn hắt ra từ song cửa bếp. Giọng

nói của chị Lục nhỏ lại như vỗ về:

- Ngày mai là chủ nhật. Tôi sẽ...

Vâng, anh biết. Ngày chủ nhật. Ngày nghỉ ngơi, rộng rãi, thời khắc dịu dàng và êm đềm như một dải lụa mềm mại trải dài ra. Ngày còn làm lính, anh không biết phân biệt ngày nào với ngày nào. Chỉ nhớ ngày phát lương và ngày hết tiền cách đó không đầy một tuần. Chỉ lo lắng ngổn ngang vào ngày lên đường chuyển quân và nôn nóng chờ ngày chấm dứt cuộc hành quân, trở về.

Nhưng ở đây, biển Lăng Cô, trường học và chị Lục. Một ngày Chủ Nhật...

Anh ra biển vào lúc nắng đã lên rực rỡ trên mặt nước. Biển Lăng Cô không phải là một thắng cảnh danh tiếng, tấp nập du khách như một vài nơi khác. Ở đây, sóng rì rào lặng lẽ. Ngoài khơi cảnh mênh mang tịch mịch, lác đác những thuyền buồm đánh cá. Bãi cát cũng vắng người, một vài đứa trẻ con lội nước đuổi bắt nhau đàng xa xa cuối xóm chài lưới.

Anh ngồi xuống một đụn cát âm ấm. Tiếng chị Lục đằng sau:

- Mấy năm rồi, thấy có gì lạ không?

- Đâu biết được. Bề ngoài thì muôn đời vẫn như thế.

Biết bao biến chuyển, tàn tạ, sinh thành trong lòng sâu của biển cả từng mỗi phút giây. Nhưng làm sao anh biết được. Anh chỉ nhìn thấy bộ mặt bên ngoài lúc nào cũng lững lờ bất động của mặt biển.

Đằng kia, về phía tay phải là một chỗ biển cạn nhỏ hẹp, gọi là Đầm, nằm trong lòng trũng sâu sát với ven rừng và ngọn núi cao sừng sững của dãy Trường Sơn. Anh theo dõi những chiếc xe hàng như những hộp diêm bé tí nối đuôi nhau bò lên đỉnh núi. Con đường đèo này có tiếng là quanh co nguy hiểm. Đèo Hải Vân, hay Ải Vân? Trời đất chỉ chan hòa mây trắng sa thấp cùng biển cả. Hay là Quan Ải cheo leo cao ngất thấu đến mấy từng mây?

Bỗng chốc, anh mơ hồ nghe tiếng còi tàu yếu ớt nhỏ nhoi như trong tưởng tượng. Từ phía nhà ga Lăng Cô, những toa tàu chậm chạp đàng xa xa, trông như lướt nhẹ chứ không phải là nghiến bánh trên đường rầy, từ từ chui vào lòng hầm Sen, đục thủng chạy xuyên qua dãy núi. Khi con tàu như bị nuốt chửng đến toa cuối cùng, anh còn kịp thấy một ngụm khói nhỏ gió thổi tạt ngược chiều, bay loãng rồi tan đi mất biệt.

Ngày hôm qua, vào giờ này, có lẽ anh cũng có mặt trên chuyến tàu đó. Anh lẩm bẩm:

"Chuyến tàu chỉ ghé Ga Lăng Cô... rồi tiếp tục đi, qua biết bao nhiêu bãi biển, ven rừng, đồng bằng, qua những quê làng và thành phố.

Tam Quan, Tam Kỳ, Bồng Sơn, Diêu Trì, Nha Trang, Sài Gòn... rồi lại lên đường..."

- Toàn còn định đi đâu nữa.

Tiếng chị Lục sau lưng, anh không quay đầu lại nhưng vẫn biết rõ chị đang đến gần. Khi chị ngồi xuống bên cạnh, anh nhận thấy tóc chị hôm nay buông rũ trên vai, làn da tươi sáng như đang hớn hở đón lấy một buổi sớm mai rảnh rang và tốt trời.

Toàn đưa tay chỉ cho chị Lục nhìn về phía đường đèo xa, nhưng bây giờ không còn bóng dáng một chiếc tàu hỏa nào nữa. Thật lâu sau câu hỏi của chị, anh mới trả lời:

- Không biết. Nhưng chắc là phải đi, ở Lăng Cô không có một chỗ nào cho tôi cả.

Giọng chị Lục ân cần:

- Đừng, Toàn. Đừng đi đâu nữa. Toàn không thích dừng lại ở một nơi nào sao?

Anh im lặng nhìn về phía nhà ga. Chị Lục nói tiếp, với một thoáng trách móc:

- Hồi đó Toàn có tiếng là ham chơi lắm. Tuần nào đến Chủ Nhật là cũng bỏ trường phóng về Huế luôn mấy ngày. Ông Hiệu trưởng cằn nhằn hoài, tôi phải dạy thế cho Toàn biết bao nhiêu lần...

Chị Lục cười:

- Trong trường, Toàn là ông giáo bê bối nhất đó. Bây giờ phải thay đổi đi chứ.

Anh cũng mỉm cười, mơ màng nhớ đến phòng học buổi trưa có ngọn gió biển thoang thoảng thổi vào, anh gần như đứng giảng bài một mình trong khi bọn học trò ngủ gục hơn một nửa lớp. Anh còn nhiều kỷ niệm dưới mái trường này quá. Và kỷ niệm đẹp, chính là điều làm anh lo âu, vì biết rằng mình sẽ không bao giờ xây dựng lại được những gì tương tự như thuở trước.

Có tiếng cười đùa của bầy trẻ con đuổi bắt nhau từ xóm chài lưới chạy ra làm Toàn và chị Lục đều giật mình. Chị Lục có vẻ bối rối, dầu sao thì hai người nãy giờ đã ngồi sát bên nhau trên bãi cát vắng vẻ, và bất cứ một đứa nào trong xóm này, nếu đến tuổi đi học là đều biết mặt cô Hiệu trưởng nghiêm trang đáng kính của chúng.

Chị Lục đứng dậy, chậm rãi đi xa hơn. Toàn khập khễnh theo chị. Không ai nói với ai, nhưng có lẽ cả hai đều có ý định tìm một nơi tránh xa được tất cả những đôi mắt tò mò của dân cư trong làng. Họ đều quên Toàn, ở đây không còn ai nhớ mặt ông giáo viên này nữa. Họ sẽ nghĩ rằng đây là một gả đàn ông lạ mặt, từ một nơi xa nào đó ghé lại Lăng

Cô, đêm vừa qua đã ngủ trong nhà của chị Lục, và mới sáng sớm hai người đã sánh vai dạo chơi trên bãi cát vàng hoang vắng.

Nhưng hôm nay là ngày Chủ Nhật. Bọn trẻ con được nghỉ học đều ùa ra bãi biển, nghịch cát, té nước hay sửa soạn leo lên thuyền của cha mẹ chúng bắt đầu ra khơi đánh cá. Không còn được một chỗ hoàn toàn vắng vẻ cho hai người.

Chị Lục và Toàn đành phải về trường. Bây giờ chỉ có sân trường và những lớp học là nơi tĩnh mịch nhất, trái với sáu ngày vừa qua trong tuần.

Khi đi qua hành lang vắng. Toàn chợt dừng lại ở phòng cuối cùng, trên cánh cửa đóng kín vẫn còn treo tấm bảng nhỏ cũ kỹ: *Lớp Nhì*. Toàn nắm lấy chốt cửa, bồi hồi ngước nhìn chị Lục. Chị hiểu ý, cầm xâu chìa khóa, lựa một chiếc mở cửa.

Thiếu ánh sáng, trong phòng mờ tối. Những bức tranh cắt từ báo dán trên tường đã thay đổi, lúc trước Toàn thích treo tranh phong cảnh, bây giờ là những hình bầy thú lạ mắt của rừng già Phi Châu: cá sấu, ngựa vằn, sư tử... Trên góc tấm bảng đen, còn mấy nét phấn trắng ghi sĩ số học trò trong lớp, hiện diện và vắng mặt.

Tự dưng, Toàn cảm thấy thích thú. Anh leo lên đứng trên bục gỗ, mân mê một thỏi phấn trắng trên tay. Chị Lục ngồi vào hàng ghế đầu tiên, cố nén cười để giả vờ làm một cô học trò chăm chú nhìn lên bảng. Lớp học chỉ có một thầy và một "trò". Toàn chợt muốn đùa nghịch. Anh đằng hắng giọng, sửa lại cổ áo rồi nghiêm trang nói lớn:

- Trò Nguyễn Thị Huyền Lục.

Chị Lục đỏ mặt, nói nhỏ:

- Toàn còn nhớ rõ cả tên họ của tôi à.

Anh không trả lời, giả vớ nhíu mày, kêu lớn hơn:

- Nguyễn Thị Huyền Lục!

Chị Lục bặm môi, lên tiếng:

- Có mặt.

- Lên bảng mau. Coi trò có thuộc bài Việt Sử không.

- Thưa thầy, đêm qua... em phải khâu lưới giùm cho ba em nên quên học bài.

- Zê-Rô! Thôi bây giờ lên làm Toán.

Chị Lục mỉm cười rón rén cầm viên phấn đứng trước bảng đen chờ đợi. Toàn cố nặn óc để nhớ lại một đầu đề Toán vì anh đã quên hết, có lẽ bây giờ anh là một tên học trò dốt nhất chứ đừng nói gì đến chuyện làm thầy nữa.

Anh chậm chạp nói:

- Nghe cho kỹ để chép đầu đề: Một chiếc xe hơi và một chiếc tàu hỏa chạy ngược chiều với nhau. Tốc của tàu hỏa là... Viết đi chứ.

Chị Lục viết nguệch ngoạc trên bảng: *Toàn đừng ở trên chuyến tàu đó, nghe không...*

-... Năm mươi cây số một giờ. Tàu khởi hành vào lúc tám giờ sáng...

Những nét phấn trắng của chị Lục tiếp tục, làm như ngoan ngoãn chép theo đúng lời nói của "thầy", nhưng dĩ nhiên chị chẳng hề chú ý đến bài toán về vận tốc bậc tiểu học đó làm gì, chị đang làm bài toán gay go riêng biệt của đời chị. Trên bảng đen, thêm một dòng chữ khác: *Tàu sẽ khởi hành một mình nó. Toàn đừng đến sân ga nữa...*

Toàn thẫn thờ nhìn những chữ viết của chị Lục mặc dù miệng anh vẫn tiếp tục đọc đề toán một cách máy móc, cuối cùng anh lẩm bẩm nói:

-... Hỏi hai xe gặp nhau trên đường lúc mấy giờ?

Chị Lục có vẻ ngần ngại một lát, chị khẽ liếc nhìn Toàn rồi run run viết:...*Tôi và Toàn đã gặp nhau rồi. Không phải lúc mấy giờ mà là gặp nhau suốt đời, bên nhau vĩnh viễn, Toàn...*

Toàn đứng sững nhìn chị Lục. Chị đã đánh rơi viên phấn, hai tay chị run rẩy nắm chặt vào nhau, môi mấp máy và đôi mắt gần như sắp ứa nước mắt. Chị có vẻ như một cô học trò nhỏ chịu bí trước bài toán khó, khổ sở trước đôi mắt nghiêm khắc của ông thầy.

Chị Lục bỗng khóc. Chị quay đi định lau những dòng chữ nồng nàn trên bảng nhưng Toàn đã nắm tay chị lại. Bàn tay chị nóng hổi và lấm tấm mồ hôi. Cả hai ôm lấy nhau như mê man. Nước mắt chị Lục ướt lạnh ngực áo anh, cùng với mùi hương dịu ngọt từ tấm thân đàn bà mềm ấm như gối chăn trong một đêm đông mưa bão. Anh và chị Lục san sẻ cho nhau đôi môi ướt đẫm đìa rạo rực. Lớp học tối và nóng bức, nụ hôn mang vào biển xanh và gió lộng khơi nguồn mầm sống.

Chiến tranh vẫn chưa chấm dứt đối với một kẻ đã giải ngũ. Nhất là với một con người tật nguyền như Toàn, dầu anh vẫn còn đứng vững trên đất, vẫn còn đi được không cần chiếc nạng gỗ, nhưng thỉnh thoảng, hình bóng cái chân hằn vết sẹo thóp nhỏ cứ lởn vởn trước mắt anh.

Đêm nay, anh thấy sự tàn tật của mình rõ hơn lúc nào hết. Ngọn đèn vàng trong phòng của chị Lục tắt sớm, chỉ còn bóng tối rạo rực của nhiệt tình. Tóc chị xổ tung trên gối, mắt nhắm nghiền trong hơi thở dồn dập và tấm thân của Toàn cuống quýt trên người. Chị kêu những tiếng rời rạc vô nghĩa, lã người trao phó trong tay Toàn. Dần dần, anh khám phá da thịt của chị sau làn vải áo, từng chút một, những hàng nút được

tách ra nhẹ nhàng, bầu ngực trần mát rượi hơi ươn ướt mồ hôi dưới bàn tay vuốt ve của anh. Đến khi tất cả những mảnh áo quần của hai người đều đã được vứt bỏ bừa bộn trên sàn nhà, anh háo hức ôm siết lấy thân thể đang rung động của chị Lục dưới thân người anh... Và lúc đó... ngay giây phút cuối, ngay trước cánh cửa hoan lạc sắp mở cửa, anh chợt chết lặng người, thân thể chợt trơ lì nhạt nhẽo...

Chính tại nó. Cái chân. Mồ hôi nóng bức khó chịu tươm sau cổ anh nhột nhạt, anh cắn môi cố quên nó đi, cố vùi đầu điên cuồng trong tóc tai và trong đôi môi hé chờ của chị Lục, nhưng không thể nào được nữa. Sảng khoái nguội lạnh dần dần, cảm giác lo lắng lẫn đau đớn ngập tràn người anh như một gáo nước lạnh buốt, dập tắt da thịt đang nồng cháy. Anh nằm buông xuôi người, nhắm mắt lại, lắng nghe từng hơi thở, và cuối cùng, không dằn được sự thúc đẩy gần như ma quái, anh nghiên đầu ra đàng sau để nhìn cái chân của mình. Anh sợ hãi khi nhìn thấy cái chân xấu xí, thóp nhỏ như chân một đứa trẻ nít. Phất phơ như một sợi rong, có vẻ lủng lẳng như không liên hệ gì với thân thể, vết sẹo láng bóng với đường khâu sù sì nổi lên da thịt. Anh không rời mắt được khỏi cái chân tàn tật đó nữa, anh mở lớn mắt nhìn trừng trừng, rồi anh bắt gặp đôi mắt chị Lục mơ hồ nhìn anh như có vẻ ngạc nhiên, nhưng anh có cảm tưởng nhận thấy những dấu hiệu ghê tởm trong ánh mắt chị.

Anh bàng hoàng buông vội thân thể chị Lục, ngồi vụt dậy, cúi đầu giấu trong hai bàn tay, bật khóc. Những sợi tóc của chị Lục mơn man trên lưng anh, chị vòng tay qua cổ anh, miệng ghé bên tai thì thầm dịu dàng:

- Sao thế, Toàn?

Anh vẫn cúi đầu lặng thinh. Chị Lục ôm lấy người anh nhè nhẹ, má chị tựa sát lên lưng anh và thỉnh thoảng chị hôn vào đường rãnh chạy dài của sống lưng anh làm anh hơi rùng mình. Giá là vào một lúc nào khác, chắc anh sẽ thích thú vì những cái hôn nghịch ngợm của chị, nhưng lần này anh chỉ thấy đau xót thêm, anh úp mặt trên đầu gối của cái chân tật nguyền, cả thân thể dường như dần dần co rút tê liệt, không còn tuân theo ý muốn của anh nữa.

Vết thương cũ đã lành, nhưng như một liều độc dược giờ đây đột ngột tác hại khắp cơ thể và đầu óc. Chói lòa trước mắt anh...

Cái chân què quặt còn làm liên tưởng tới những việc điên cuồng mà anh đã làm khi ở giữa hỏa ngục chiến trường. Tất cả như một màn lưới đen dày đặc trói buộc tâm hồn làm người anh rũ rượi và đầy những cảm giác nhờm gớm. Anh ớn lạnh run rẩy... Hình như nước mắt của chị Lục đang thấm ướt trên vai anh, chị rụt rè vuốt ve nhưng người anh đã như

một vỏ cây già rã mục. Anh chán chường khổ sở thêm, chị Lục bàng hoàng khi anh vùng mạnh hất vòng tay của chị để đứng vụt dậy. Anh ôm đống quần áo quàng vội vào người, mở cửa ra phòng trước.

Biển đêm không ào ạt như buổi chiều. Bây giờ mặt nước mênh mang với ngàn sao nhỏ lập lòe như những hạt ngọc, tiếng sóng đều đều âm u. Anh tỉnh người, dễ chịu đôi chút trong làn gió mát. Anh đứng một mình trên bãi cát, thầm nghĩ mình chẳng bao giờ đi vào một mái nhà, một căn phòng nào được nữa.

Mặt trận, chiến tranh, súng đạn, máu, mồ hôi... Đau đớn yếu đuối và hung dữ thù hận... Những cái đó chưa thực sự chấm dứt đối với anh. Chúng vẫn chưa chịu chết tiệt hẳn mặc dầu bây giờ anh đang ở thật xa nơi chốn đầy mùi thuốc súng, chúng vẫn còn âm ỉ lúc nhúc trong người anh như một thứ vi trùng độc địa.

- Toàn!

Chị Lục chỉ kêu lên một tiếng rồi đứng khóc bên song cửa. Chị không dám chạy ra khỏi phòng theo anh vì tóc chị đang rũ rượi xổ tung, vành mắt đỏ hoe và ánh sáng, hôm nay là thứ hai, một vài đứa học trò đi sớm đã bắt đầu đến trường. Chị phải trở lại với công việc, với bộ mặt nghiêm khắc lạnh lùng của một cô hiệu trưởng.

Toàn lầm lũi đi từng bước nặng nhọc trên bãi cát lầy, chiếc xắc tay nhẹ đeo trên vai nhưng người anh vẫn cảm thấy nặng như chì, anh hướng về phía sân ga Lăng Cô. Một lát nữa sẽ có tàu hỏa từ Huế ghé lại đây, anh sẽ ngồi trong một toa tàu, và như thế là vĩnh biệt bãi biển vắng này với ngôi trường nhỏ, hình ảnh chị Lục cũng sẽ như một giấc mơ ngắn đã tan tành.

Nhà ga thưa thớt người, Toàn mua một vé vào Nam, đến trạm cuối cùng. Anh ngồi một mình trên băng ghế lạnh, nhớ lại đêm vừa qua. Đêm dài tăm tối cho anh, một kẻ thương binh không phục hồi được cuộc sống bình thường, tâm hồn và cơ thể chết khô vô vị trước trái cây ái tình xanh tốt. Anh là một người đàn ông bất toàn, vô dụng, anh không đem lại gì được cho chị Lục, món quà yêu thương đã thất lạc, chỉ mang nặng quà tặng của chiến tranh, thương tích và quá khứ.

Có tiếng còi tàu vang lên trong bầu không khí lặng lẽ của buổi sáng. Đoàn tàu từ xa tiến đến chậm chạp rồi dừng lại trước nhà ga. Vài hành khách bước xuống. Đợi một lát sau, Toàn khập khễnh leo lên toa tàu.

Một người nào đó chen lấn chạm vào sau lưng Toàn làm anh bực mình quay lại, định cáu nhàu. Nhưng một cánh tay đột nhiên bị giữ chặt,

anh ngạc nhiên... Chị Lục. Chị đã đến sân ga từ hồi nào, mặt chị ướt đầy mồ hôi hay nước mắt, hơi thở gấp gáp sát mặt Toàn. Anh đứng lại dưới bục cửa của toa tàu, lặng thinh cúi đầu trước chị Lục.

Giọng nói của chị vang lên nho nhỏ, bao dung lẫn cầu khẩn:

- Toàn hãy ở lại với tôi. Tôi... không thể không có Toàn được...

Anh quay mặt đi, run rẩy:

- Tôi chỉ là một người tàn tật... Tôi không thể...

Chị Lục ôm cánh tay Toàn, nhẹ nhàng dìu anh đi. Chị bất kể những đôi mắt tò mò của đám hành khách đang nhìn hai người. Từ trường học vội vàng đến sân ga, chị cũng không kịp phục sức tươm tất như thường lệ cho xứng với một cô hiệu trưởng. Bên ngoài bộ áo quần ngắn mặc trong nhà, chỉ một chiếc áo choàng rộng đã sờn cũ.

Toàn nhắc lại lời nói của anh, giọng anh ấp úng như một cậu bé con. Chị Lục lắc đầu ôn tồn và âu yếm:

- Tôi cũng thế... Tôi cũng sẽ trở nên một người tật nguyền thiếu thốn nếu mất Toàn.

Toàn thấy người được đôi chút ấm áp, hình như thân thể anh, cả cái chân què nữa bỗng dưng trở nên nhẹ nhàng. Chị Lục tiếp tục dìu Toàn đi dần xa con đường sắt, giọng chị thủ thỉ bên tai anh, như một nguồn suối ngọt:

- Toàn và tôi, chúng ta cần có nhau...

Bây giờ anh đã có thể quay sang nhìn thẳng vào đôi mắt chị Lục, anh sung sướng bồi hồi khi được tận hưởng màu mắt lóng lánh ngập tràn yêu thương.

Chị Lục nói đúng. Chúng ta cần có nhau, cả hai cần trao gởi hết lòng và chia xẻ cho nhau quả ngọt suýt rụng rơi mất hút vì một lần giã từ nông nổi. Có vị danh y nào, có liều thuốc tiên nào cứu chữa được vết trọng thương sâu đậm ngay chính trong tâm hồn? Sao cho bằng chính hai kẻ tật nguyền cùng góp sức xoa dịu vết thương cho nhau. Và làm sao anh có thể chạy trốn chính mình đến suốt đời được. Trong anh, một con người dằn vặt sẽ truy nã một con người đầu hàng yếu đuối đến kỳ cùng.

Khi địa ngục đã xây huyệt trong lòng người, còn có cách nào khác hơn là phải dấn mình dập vùi trong địa ngục, chịu tuốt da một lần tối hậu qua hành lang nhỏ hẹp đầy gai góc; để đạp tung cánh cửa mở hướng về trần gian tươi đẹp.

Còi tàu đã hú lên vài hồi, hai hàng bánh sắt từ từ lăn trên đường rầy, để lại một chút mùi khói than cay cay trong không khí. Và đúng như những dòng chữ phấn trắng của chị Lục đã viết trên bảng đen, không có Toàn trên chuyến tàu ra đi vô định đó...

Lần nầy, Toàn quàng tay lên vai chị Lục, những bước chân của anh chậm rãi nhưng cương quyết ngược chiều với sân ga mãi mãi.

- Mình về thôi. Toàn. Bữa nay vì Toàn mà tôi đã bỏ một buổi nói chuyện sáng thứ hai đó. Rồi mấy ông đồng nghiệp sẽ xì xầm, Toàn phải... đền cho tôi cái gì đi...

- Tôi sẽ tìm mây cái vỏ ốc, áp vào tai, sẽ được nghe rất nhiều bản tình ca.

Chị Lục mỉm cười. Giờ đây, với một người thương luôn gần gũi bên cạnh, Toàn sẽ đổi khác, sẽ lành mạnh, sẽ dứt khoát hẳn với những ám ảnh bệnh hoạn trong người. Từ hôm nay cho đến ngày mai hồng sáng sủa đó, một cuộc chiến mới đã mở ra đối với Toàn. Không súng đạn, không ảo tưởng, không một mệnh lệnh, anh sẽ hoàn toàn tự do tiến bước trên mặt trận cuối cùng này.

Sau cuộc chiến tranh bằng vũ khí, anh phải đối mặt với một cuộc chiến mới, phải tự mình chiến đấu để tiêu diệt cho đến cùng những mầm mống hận thù của quá khứ, mầm mống kiêu bạo vênh vang và mầm mống yếu hèn nhục nhã.

... Gió ngàn khơi đang thổi lướt qua những chiếc vỏ thuyền nằm phơi trên cát.

Hoàng Ngọc Tuấn

*Hoàng Ngọc Tuấn là nhà văn viết những tác phẩm nổi tiếng ở Sài Gòn trước 1975 như *Hình Như Là Tình Yêu, Cô Bé Treo Mùng, Hôn Lễ, Thư Về Đường Sơn Cúc*, hiện ở Sài Gòn.

Chúc Mừng

Được hồng thiếp của Anh Chị Trần Hoài Thư báo tin
lễ thành hôn của trưởng nam *Trần Quí Thoại*
sánh duyên cùng *Tạ Hoàng Kim Cương*
Trưởng nữ của Ông Bà Tạ Chí Thiện
Hôn lễ cử hành vào ngày 9-8-2003 tại tư gia ở Germantown, tiểu bang Maryland.
Chúc mừng Anh Chị Trần Hoài Thư có dâu hiền và chúc hai cháu Kim Cương & Quí Thoại trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Võ Phiến, Ông Bà Lê Ngộ Châu, Ông Bà Lê Tất Điều, Ông Bà Võ Thắng Tiết, Ông Bà Châu văn Thọ, Ông Bà Thạch Hãn, Ông Bà Mai Kim Ngọc, Ông Bà Lữ Quỳnh, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, cùng các bạn ở Việt Nam trong Nhóm Ý Thức

Đoạn cuối tình yêu

Ấu Tím

Chèn ơi! cuối cùng rồi ông cũng đòi cưới tui. Tui không biết tui mê hay tỉnh, tui đợi chờ ngày này gần như khô héo đời tui. Mười mấy năm rồi ông biết không. Tui tưởng ông phải hỏi cưới tui hồi tui mười tám tuổi.

Cành hồng đỏ tía hồi nãy ông đưa tui, còn tươi rói trong ly nước lạnh tui để ngay đầu nằm, cái nhẫn hột xoàn năm hột bự đùng đang chiếu lấp lánh trên ngón tay đeo nhẫn của tui, sự thiệt đây mà, ông đòi cưới tui, tui đâu có mơ.

Ông ơi! sao ngoài trời long lanh như mở hội, chắc tụi nó mừng cho tui sắp đạt thành ước nguyện, Phật trời thương tui kiên trì cầu khẩn, ăn chay mỗi tuần trăng mà khiến ông mở miệng cầu hôn tui.

Không lẽ giờ này tui mở đèn sáng trưng rồi ca lên : Yêu cho biết sao đêm dài.....Má tui bả lại tưởng tui mắc đằng bố bả lo. Nên thôi tui dạo chơi hạnh phúc trong căn phòng tối thui thùi lùi này với cái bông hồng và cái nhẫn của ông.

Ông biết ông làm khổ tui tới mức nào không? Mấy bà chị nhọn mồm nói tui mát dây yêu ông, để đời tui tàn lụi héo khô, mai mốt già chết xuống âm phủ làm ma không chồng lạnh lẽo. Mấy con em tui rỉa rói, yêu gì mà kỳ, không thấy lấy nhau, chỉ yêu nhau lạt nhách. Trời thần đất quỉ ơi, tụi nó mà biết ông chưa hề nói yêu tui tụi nó còn rủa xả đến đâu nữa trời.

Mà nghen, nhiều khi tui cũng thấy tui ngu thiệt, tự dưng cái mang dạ yêu ông, cái thằng cha mặt mày lầm lì thấy ghét, cặp kiếng cận đè lên sống mũi, ngó khó đăm đăm như ông giáo già rình cho tụi học trò con ốc tọt, thêm tật rày đây mai đó, hễ về tới Sàigòn là dọt xe như ma

đuổi, tại dzậy mà ông húc té xe tui, cho tui nằm dài thoòng đo coi con đường Hồng-Thập-Tự dài mấy mét, cho cái áo dài trắng tơ, nổi vân hoa cúc má tui mới may, tui mặc lần đầu bị tét nguyên một tà thê thảm. Cái cằm tròn trịa của tui, má tui hay khen có hậu bị thâm đen sưng tấy ,cho bạn tui gọi tui là bà râu cả tháng trời ròng rã. Đó ông coi ông gieo tai họa cho tui mà. Phải chi ông cà chớn dọt luôn cho đời tui không rắc rối, đàng này ông dừng lại bỏ tui lên xích lô cùng chiếc xe đạp cong niềng, hộ tống tui tới nhà, đàng hoàng ra mắt ba má tui xin lỗi .

Cái giọng Bắc kỳ cục của ông làm tui bắt ghét, tụi bạn tui dạy tui: đàn ông con trai Bắc kỳ là chúa để phải tránh xa, đừng dính líu, dzậy mờ ông thênh thang bước vô tim tui thông qua tai nạn xe cộ cái rụp hà.

Ông tới nhà tui hằng bữa coi tui có đau đớn gì không, ông xăn tay áo sửa xe cho tui để chị tui, em tui đi ông sói trán, bà thì đòi dzô dzầu mỡ, bà thì đòi thay cái bọt-ba-ga, hai con em tui cũng ỏng ẹo nói ông sơn xe màu hoa cà cho tụi nó. Tức thiệt, có mình tui là nạn nhân của ông là nín thinh không đòi gì hết ráo .

Mà ngộ, ông bà già tui khó tính thấu trời, có năm đứa con gái ổng bả canh còn hơn canh tù, ra khỏi nhà là phải tường trình đi đâu ? với ai ? mấy giờ dzìa, chị Hai tui có mấy thằng bạn học tới mượn bài , mượn sách, ông già tui dzòm tụi nó từ đầu tới chưng cỡ hai ba lần, tụi nó hết vía biến sạch, chị Ba tui xí xọn có hai ba thằng cùng xóm ngấm nghé, đứng chờ bả ra khỏi nhà đi theo tới trường, bị ông già chưởi một tăng, tụi nó xanh mặt lặn mất. Dzậy mà ông tới nhà , ông già tui tiếp đàng hoàng, nói chiện thôi là nói, toàn ba cái chiện tui không hiểu, chừng ông dzìa, ổng khen ông thôi là khen:

- Thằng này Bắc kỳ mà thiệt tình, tướng khá à bay, mặt mày đàn ông như dzậy trung tín, cái sơn đình rộng quan tước chứ hổng chơi, sóng mũi cao sự nghiệp vững vàng, nhân trung sâu chung thủy, con nào làm vợ thằng sướng đa .

Chắc ba tui nói dzậy mà chị Hai tui có hồi tưởng ông mê bả, nên bả bẹo mình bẹo mẩy thấy ghê (nói ông biết rồi bỏ nghen, tui lén coi nhựt ký của bả), ai dè xí hụt quê xệ , bả lên xe bông với thằng cha luật sư học cùng trường với bả.

Còn chị Ba tui, bả biểu tui đừng thèm ông, má chồng Bắc kỳ dữ như chằng tinh, hành con dâu tới xảy thai, rồi còn kiếm vợ hai, vợ ba cho con trai mấy bả, trời thần, tui sợ thôi là sợ. Tui hỏi ông, ông cười ha hả như đang coi kịch Phi Thoòng-Khả Năng, làm chị Ba tui biết, bả nói tui thày lay, lẻo mép, ngu như trâu, có gì cũng tâu cho ông nghe. Chắc tại vậy mà ông đưa tui tới nhà coi mắt má ông. Bữa đó ông biểu chở tui

đi ăn chè, tui mặc cái áo đầm vàng có bông đỏ tổ chảng điểm thêm vài cái lá xanh lè, màu sắc nghe như muốn quýnh lộn với nhau, nhưng tui thích vậy đó cái gì cũng phải đối chọi mới vui, con nhỏ Hường nói tui phải chọn màu tông-suyc-tông mới sang, tui giữ cái gì tui thích hà, ừa! cái ông chở tui tới nhà ông mà tui không hay. Nhà ông nho nhỏ ở khu Hai-Bà-Trưng, quẹo vô hai ba con hẻm mới tới, phía trước hàng ba có dàn bông giấy, hai bụi Ngâu thiệt bự, một khoảng vườn xanh ngắt chung quanh, làm tui trầm trồ, thấy sao giống như tới nơi nào đó không phải ở thành phố, nhà tui gần chợ nên ồn ào thấy sợ, ông nói tui vô chơi, một chút đi liền. Thiệt tình, ông toàn gieo cho tui những oan trái làm tui không biết phải đối phó làm sao, tai tui lùng bùng khi ông nói:

-Mẹ anh đó, chào đi .

Tui đứng như trời trồng, không chết tươi như Từ Hải, nhưng người tui tê cứng tới độ ông phải đẩy tui vô nhà, giọng má ông ngọt ngào vang lên làm tui tỉnh hồn:

-Vào chơi đi con, Mỹ Duyên phải không?

Sao má ông biết tên cúng cơm của tui ? tui ú ớ

- Dạ! dạ!

Má ông sao đẹp quá trời luôn, nội cái chuỗi ngọc trên cổ đủ làm tui lóa mắt, tới cái vòng ở cổ tay, trời ơi thiệt đúng như má tui nói :

-Mấy bà Bắc, bà nào bà nấy sao mà đẹp ghê nghen bây, đi chợ cũng sửa soạn, không như tao, đi đâu là sỏ áo đi hà.

Má tui mà thấy má ông như tui đang thấy, chắc bả phải đổi là:

-tới ở nhà cũng sửa soạn.....

có gì nhiều đâu, chút xíu má hồng, chút xíu son môi, mà má ông đẹp hơn mấy cô đào cải lương Thanh Nga Bạch Tuyết. Má tui cũng không thua nhưng cách khục, ông nói Má tui đẹp giống hình cô Ba, in trên bao cục xà bông thơm .

Chị Ba thua nữa rồi, bà ác phụ chị Ba bỏ lớn vởn trong đầu tui mấy bữa rày, biến thành bà tiên hiền dịu, bà tiên này không cho tui áo đẹp như cho cô Tấm, mà cho tui ăn phủ phê mỗi khi tui theo ông dìa nhà, nào là bún thang, bún mộc, bún riêu, bún ốc, bún bung, những món này tui tả thiệt kỹ mà má tui không làm sao nấu được, rồi tới chả giò cua, bánh tôm Cổ Ngư má ông cho, í! không phải! má ông biếu má tui, cả nhà tui khen ngon nức nở.

Trả lễ, má tui biểu ông đem về, mắm chưng, mắm kho, mắm lóc kho tộ, có bữa tui phải phụ ông xách nguyên nồi mắm và rau về nhà ông, từ chuyện đụng xe tiến đến chuyện Nam Bắc đề huề vui ghê, ông há. Khi tui học thêm những tiếng mới từ má ông, về áp dụng với má tui,

bả la tui quá trời, còn gọi tui là con Bắc kỳ lai. Như lần tui gọi cái muỗng là cái THÌA, má tui hỏi mày nói gì đó Tư? lần tui phụ má tui nấu bếp tui kêu cái giá (vá), thành cái MÔI má tui cười muốn sặc, đến hồi phụ ba tui đổ dầu hôi vô mấy cái đèn trên bàn thờ, tui kiếm cái PHỄU thay vì cái quận là cả nhà tui biết tui thiệt sự lậm cái máu Bắc Kỳ của ông vô tim gan phèo phổi . Mà rồi cũng không thấy ông biểu Má ông đem trầu cau tới nhà tui, phải chi khó khăn, tui thấy ngoài chợ người ta bầy bán từng thúng từng quầy, mặc sức cho má ông mua, đem qua nhà tui đánh tiếng.

Hay là tại tui học trường Sương Nguyệt Anh nên bị ám, giống như thầy sử địa của tui có lần nói:

- Mấy trò học trường bà Sương coi chừng giống bả thành sương phụ.

Thiệt ra sương phụ hay góa phụ là gì đám học trò gái đâu biết rõ, tới giờ tui còn lẫn lộn góa với sương . Mà má ông cưng tui nhiều khi còn hơn má tui cưng tui, ông là con út, anh chị ông có gia đình ở xa, ba ông chết hồi ông hai ba tuổi, nên khi ông đi lấy tin cho báo ngoài tiền tuyến xa xôi, tui thế ông nhận hết tình thương của bả. Cũng không phải tại tui người Nam không khéo ăn khéo nói, lúc đầu nghe tui gọi ba má tui là ổng bả, má ông cũng thấy kỳ kỳ, nhưng khi biết nguyên giòng họ nhà tui, má ông cũng thấy thích thú những từ ngữ thân tình mộc mạc như vậy Ông coi bên nội, bên ngoại tui toàn ở Mỹ-Tho, Cần-Thơ, ruộng vườn cò bay thẳng cánh, ba tui lên thành đi học, cũng là ông lục sự như ai, gặp má tui nữ sinh áo tím, thành gia thất sinh ra tụi tui, mỗi lần giỗ chạp ở nhà tui ông biết rồi đó, chú thím dì dượng đầy nhà, ai cũng gọi ông bà ngoại, ông bà nội tui cái đại danh từ Ổng Bả, mà đâu phải là thất kính. Nghe bác Hai tui gọi ba tui:

-Thằng Mười lóng rầy bụng bự bộn à, mày đừng uống bia con cọp nữa nghen mậy

Hay Dì Bảy nói má tui

-Ê Tám, mày nhớ con Tư Thêu con bà Năm trong vườn chuối hôn, vậy chớ con trai sắp thành bác sĩ rồi đó nghen.

Gia đình tui đông như nấm mọc mùa mưa, hổng vậy sao hồi đám cưới bà chị Ba tui cái nhà hàng Soái Kình Lâm không đủ chỗ.

Tại ông chần chờ cho tui khổ thêm mà, sau 30-tháng 4,1975 , Má tui khóc sưng mắt khi gia đình chị Hai tui theo tàu Hải Quân ở kho Năm đi mất không biết ra sao, nhứt là bả lo cho hai con cháu ngoại mỹ miều của bả. Còn tui ruột đứt đoạn không biết ông ở đâu, ba má tui đã buồn, lo lẫn lộn, thêm cái mặt chết rồi của tui, ba má tui càng quýnh quáng.

Tội ba tui, ổng chở tui tới nhà má ông thăm thú tình hình, thấy mắt má ông sưng húp, tóc bả thả dài không vấn tròn trịa trên đầu như mọi lần, ổng cũng cảm thương rươm rướm nước mắt an ủi:

-Chị đừng lo quá hại người, tui coi tướng thằng Thành thọ lắm, có gì tụi tui phụ chị, chỗ bà con với nhau, để con Tư tới lui thăm chị đỡ buồn.

Má ông òa khóc nức nở, tui cũng thút thít khóc theo. Nhà tui có mình gia đình chị Hai bỏ đi má tui đã biết mà còn rầu thúi ruột. Nhà ông, má ông một mình, anh ông ở Ban-Mê-Thuộc, Chị ông theo chồng ở miết Nha-Trang, ông thì mất biệt không thấy trở về. Tui thương má ông thôi là thương, quên luôn chuyện oán hờn ông không hỏi cưới tui .

Chừng chị Ba tui theo bên chồng đóng tiền đi bán chính thức dưới Vũng Tàu, cũng là lúc má ông biết ông bị bắt cầm tù tuốt ngoài Trung. Má ông than thở:

-Anh Thành con lì lợm như bác trai, lẽ ra anh con có phải lính tráng gì đâu, học văn khoa đang yên lành, thi vào Chiến tranh chính trị , rồi cứ người ta đánh nhau chỗ nào y như là anh con mang máy, mang bút tới đấy, để bác thui thủi ở nhà một mình với cây với cối .

Má ông chuẩn bị đi thăm nuôi, má tui làm mắm kho quẹt, muối xả, tui đan khăn, áo. viết thơ. Má ông giao tui chăm sóc đám cây trong vườn nhà, từ cây Thiên lý, hoa sói, hoa Ngâu, đến Tiên đồng – Ngọc nữ, má ông đặc biệt chỉ tôi cách chăm sóc cây Quỳnh hương và cây Giao, má ông nói:

- Cây này anh Thành con cưng lắm, lần nào có bông anh con thức cả đêm để ngắm.

Thời gian trôi, má tui, má ông thêm thân thiết, hai bà đi chùa chung, chơi hụi chung, buôn bán chung, tui như có hai nhà, cần yên tĩnh qua nhà ông, muốn cãi cọ với hai con em dữ dằn thì về nhà. Tui đi học Sư phạm trong khi lũ bạn tui phần lớn bỏ học vì tội có nợ máu với nhân dân, chuyện chồng con không còn làm tui bận óc, mà chỉ còn lo lắng nhớ nhung ông. Có hồi tui trách ba tui, coi tướng không hay, nói ông quan cao chức lớn đâu không thấy, thấy ông trong tù, ba tui giảng giải:

-Sống có khúc, người có lúc, năm sung tháng hạn thì chịu, có phước mọi chuyện qua hết. Bây là gái, học chữ chung như vậy là tốt, đừng thấy người ta hoạn nạn mà lơ, thất đức nghen con.

Ba tui thì hiểu cho tui, còn họ hàng nội ngoại người ta đâu biết, mối mai cho tui đủ mọi thành phần, có luôn cả công an phường, bộ đội chính quy, tui lạnh như giá băng, lắc đầu quầy quậy

Rồi con Năm cũng được ông thầy giáo trung cấp tự nguyện đưa lương , nhu yếu phẩm mỗi tháng cho nó quản lý, đưa luôn chìa khóa nhà

cho nó trông coi . Đám cưới không rộn ràng như ngày xưa, nhưng cũng ra đám cưới, họ hàng từ dưới quê mang lên đủ hết, từ gạo tám thơm, tới nếp ngỗng, gà, vịt thịt thà để nấu cỗ bàn cho nó. Gia đình tui có phước nên thời buổi đảo điên vẫn còn tạm đầy đủ.

Tới chừng con Sáu được bà Tư Thôi mang trầu cau lễ vật tới xin nó về cho thằng bác sĩ, con quí tử của bả, là ngày trời sầu đất thảm cùng tui. Ông mà thấy ánh mắt của mấy bà thím dòm tui là ông biết tui ốt dột đen cỡ nào, có bà nói thẳng vô mặt tui:

-Con Tư này coi đặng quá chứ, sao hổng lấy chồng, bây tính làm gái già sao bây ?

Tui lên lầu, leo qua cửa sổ, chui ra nóc nhà ngồi khóc, thiệt nghen, tui thề trong dạ tui hễ ông không hỏi cưới tui, tui ở vậy luôn, hầu tía má tới hồi ổng bả trăm tuổi, rồi hễ chị em tui cần coi cháu, coi chắt tui coi tiếp, hễ hổng cần, tui vô chùa tui tu, (thiệt ra tui đâu muốn đi tu, với trái tim không còn nguyên vẹn, nhưng chuyện Lan đi tu khi không thành vợ Điệp làm tui muốn đi tu cho chết như Lan)

Sau đám cưới, khách khứa về hết, bác Hai, cậu Tám cùng ba tui bàn chuyện vượt biên, bác Hai nói :

-Dưới Cần Thơ đi dễ ợt, ngay bến Ninh kiều xuất phát, ra ghe lớn thẳng tắp tới cửa Đại, hễ trục trặc thì tắp vô cồn Chuối ở đỡ trong am Cậu, khi nào êm đi tiếp. (Ông cậu em của bà ngoại tui lập cái am tu luyện mình ên ở trỏng). Cậu Tám thêm:

-Dân ở tỉnh thành xuống khó chớ, gia đình ông bà chú bác mình ba bốn đời ở dưới ai hổng biết, hễ có gì trở ngại là dân che cho hết.

Tui hồi hộp, nếu ba tui tính như vậy có cơ tui bỏ nước ra đi không một lời cho ông biết. Hên sao ba tui bấm tử vi nói năm đó không hạp tuổi ổng nên thôi, ổng để vợ chồng con Năm đi trước, đâu chừng hơn tháng có điện tín dìa nói tụi nó ở Thái-Lan. Má tui bả kể tại bả cúng chùa, thả chim, ăn chay, niệm Phật. Ba tui thì dành tại ổng bấm số hay, tui cũng vui cho con em tui tới bến bình an, miệng tui thì thầm khấn Quan Thế Âm Bồ Tát.

Chiều bữa sau, trời chạng vạng sau cơn mưa, ba má tui ngồi trước hiên hóng mát, tui đang rửa chén sau nhà, nghe chộn rộn, linh tính gì làm tui bật đứng dậy chạy u ra nhà ngoài, để thấy ông bằng xương bằng thịt. Tui nhận ra ông liền, ông ốm nhom, ốm nhách, tướng hiên ngang ngày xưa đâu mất, chỉ còn dáng hình dẹp lép, y chang con gián, miệng tui há ra mừng tủi, có ba má tui ngay đó chớ không thôi tui phóng tới ôm ông lúc đó rồi. Ông chào hỏi mượn tiền đặng trả cho ông tài xế xe ôm mà mắt ông không rời khỏi mắt tui. Ôi cặp mắt cận không kiếng của

ông dòm tui sao mà tha thiết, cần gì phải nói nhớ thương tui mới hiểu, phải không ông? Ba điều bốn chuyện một hồi, ba tui biểu tui đi rước má ông. Trên đường tui đạp như ma đuổi, trời ơi! buồn vui gì cũng làm tui muốn chết hết á.

Thấy khuôn mặt tiều tụy, khô cằn của người tui thương nhớ ngày đêm, làm sao không vui, tui niệm tiếp đức Quan Thế Âm Bồ Tát cho tới khi gặp má ông tui thở như cá mắc cạn. Má ông kêu xích lô đi liền. Trên đường về nhà, tui không hiểu tại sao ba tui không để ông dìa mà giữ lại nhà tui ?

Bữa cơm sum họp đêm đó có ai ăn uống được gì đâu. Tui chống cằm ngắm ông thỏa thương thỏa nhớ, má ông chắc giống y tụi Ba tui lo hỏi ông chuyện tù đày, chuyện trong trại học tập ra sao ? Rồi ba tui bàn, ông nên ở nhà tui, ba tui là tổ trưởng khỏi cần trình báo, công an khu vực là thằng quen trong xóm, ba tui lo được, chứ về bên má ông không có lợi, ông sẽ bị công an khu vực kiểm soát ngặt nghèo khó tính chuyện tương lai . Má ông nhìn ông khóc ròng, nói cùng ba má tui:

-Thân tôi đàn bà, nghĩ không tới, anh chị Mười tính cho như vậy tôi biết lấy gì trả ơn. Thật thà tôi có để dành ít vàng vòng tế nhuyễn, làm của xin dâu cho cháu Thành, mà nay sự thể thế này, trăm sự nhờ anh chị lo giúp cho cháu, bao nhiêu tôi xin lo hết, chỉ cần cháu nó thoát.

Vừa gặp ông, hai đứa chưa mừng, chữ chia ly đã ngay trước mắt . Má ông nhìn tui, ánh mắt bả như chừng muốn nói:

-Bác đứt ruột đẻ nó, xa nó bác đau đớn lắm chứ con, chút tình bé bỏng gái trai không lẽ làm hư đời nó.

Tụi mình có một thời gian ngắn bên nhau, ông được ba tui giữ kín trong nhà chờ giấy tờ hợp lệ, ông sẽ dùng tên của thằng Năm em rể tui, để di chuyển xuống Cần Thơ, sau đó bác Hai tui lo cho ông tiếp.

Má tui nấu toàn món ngon cho ông tẩm bổ. Má ông mang bao nhiêu thứ ông thương quý lên cho ông nhìn ngắm, cây súng lục hồi nhỏ ông chơi, hình ba ông, mắt kiếng cho ông đeo tạm, bằng cấp của ông, má ông vững lòng cho ông đi vượt biên vì anh chị của ông đã ở Mỹ, và chắc chắn bảo lãnh ông ngay, khi ông thoát được sang Thái hay Mã lai. Phải công nhận má ông là người đàn bà vững chãi, ba tui khen như vậy, như má tui chắc còn lâu bả mới để thằng con vừa trở về từ cõi chết tiếp tục bước vô cõi tử khác, bằng chứng là bả giữ riệt tui.

Có lần hai đứa leo lên nóc nhà ngắm trời, ông dạy tui nhìn từng chòm sao, Đại Hùng tinh, Tiểu Hùng Tinh, Tướng Quân, Lưỡi cày, Bắc Đẩu, tui có chú ý gì đâu chỉ ngắm ông tha thiết, biết án chia ly lơ lửng trên đầu, tui quý từng phút giây tui có ông. Lạ lùng, trong cải lương đào

kép người ta nói anh yêu em, em yêu anh ngọt sớt, tui với ông bao nhiêu dịp riêng tư không ai nói ra được ba chữ then chốt chủ yếu đó. Ông không nói, lẽ nào tui trơ tráo nói, đêm đó ông cũng chỉ cầm tay tui, vuốt tóc tui, choàng tay qua vai tui, cho tui tựa đầu lên vai ông rồi hết, ông đâu biết tui khấn Phật Bà cho ông hun tui, tui sẽ ăn chay một tháng, Phật Bà không chứng cho tui đêm đó, nên bờ môi tui còn nguyên vẹn băng trinh.

Cuối cùng giấy tờ đầy đủ cho ông, nhìn hình ông trong thẻ chứng minh nhân dân, y chang con khỉ, tui cười bất sặc, ba tui ra phán quyết:

-Ngày mơi phải đi cho sớm, cỡ 3 giờ chú Ba xích lô chở ra bến xe Lục tỉnh, đừng lình chình trễ bắc mắc công lắm.

Nụ cười tắt ngủm trên môi tui, tui xin đi theo. Ổng biểu:

Đàn bà con gái đi theo tụi nó dễ nghi, để thẳng đi một mình, bịn rịn không nên Tư à!

Chừng thấy mắt tui đong đầy nước mắt, ổng cho tui đưa ông ra tới bến xe .

Chắc tại tui tuổi Thân nên khóc thầm là nghiệp, cái can Bính bù thêm đời tù túng cô đơn. Tui không dám khóc sợ ông nhục chí, má tui biểu bày đặc khóc lóc xui lắm, bả còn dặn ông hễ bước ra khỏi nhà là không được dòm lại, chắc theo tích Kinh Kha . Tui choàng lên cổ ông, lá Bùa thầy trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm cho, đặng trừ tà. Cảm giác bên ông trên chuyến xích lô ra bến xe lúc nào cũng ôm ấp lấy tui cho tới giờ tui vẫn nhớ in như cũ, không dùng chữ nghĩa nào diễn tả đủ ông ơi! Ngoài bến xe, tui nắm tay ông cứng ngắt, sợ buông ra không biết đâu đặng tìm, mà rồi cũng đến lúc phải buông, cho ông lên xe. Ông lì lợm không quay dòm lại, tui đứng hoài trông theo tới chừng tan hết khói, mất tiêu bóng xe mới lững thững ra dìa. Tới nhà tui khóc như chưa từng được khóc, câu thơ :

Người đi một nửa hồn tui mất
Một nửa hồn kia bỗng dại khờ

Tui không nhớ của ai nhưng đối với tui không đúng, tui thấy tui mất hết trơn, hết trọi, không như chị Hai chị Ba tui dạy, hễ yêu ai bây yêu chừng nửa trái tim thôi có chuyện gì không thành, còn tim để yêu nữa . Tui yêu hết tim tui, từ máu đen tới máu đỏ, tủy, xương có nhiêu tui yêu ông hết, nên ông đi rồi tui tan, tui nát ông ơi, ba tui thấy tui khóc, lắc đầu đi chỗ khác, má tui nghe tui thổn thức bả bỏ lên thắp nhang khấn Phật.

Mỗi ngày tui đi chùa khấn khứa, còn ai cho tui khẩn cầu tui tới hết, nghe người ta đồn đền Đức Mẹ dòng Chúa Cứu thế linh thiêng tui cũng

đi luôn. Má ông thấy tui buồn bả rủ tui đi hành hương tui đi theo tuốt, con Sáu thấy tui thê thảm mang thằng con nó về, cho tui hú hí đỡ buồn, nhìn thằng cháu mũm mĩm tui thèm có con quá mà tin ông thì biệt chim, tăm cá.

Bác hai tui lên nói, ông ra ghe lớn êm ru, cả tuần sau , không tàu nào bị công an kéo là êm rồi, bác biểu chỉ cần điện tín là chắc nùi nụi ông tới bến bình an. Nghe thì nghe vậy mà lòng tui sao như lửa thiêu, muối xát. Chị em tui cũng vượt biên mà tui đâu có lo buồn giữ dậy. Hết chuyện này tới chuyện khác, Má ông nhận giấy tờ bảo lãnh từ anh của ông, bả mừng phát khóc. Chừng tuần sau tới phiên nhà tui cũng có theo, ai cũng vui mà tui không sao tỉnh nổi . Ba tui lo nộp đơn từ xong hết, vẫn chưa được tin ông, ba tháng trôi qua mà tui thấy dài như ba năm, Má tui nấu sâm bắt tui uống, má ông không cho tui trường chay, bắt tui ngả mặn, ba tui mang sách tử vi chỉ cho tui coi, để tự tui luận đoán. Tới hồi con Sáu nói tui ốm nhom như cây sậy, mơi mốt ông gặp, ông nhìn không ra, lấy con mẹ khác đừng nói sao xui, tui hết hồn đi cắt thuốc tễ ở nhà thuốc Văn Sanh Đường, mong lấy lại hình hài son xẻ. Tui ráng ăn cho ông, tui ráng sống để chờ ông. Rồi không biết tại Đức Mẹ La-Vang hay Phật bà Thủ Đức, mà có điện tín chị Hai tui báo, ông ở Mã Lai, tui lên được một ký, má tui nói lâu ghê mới thấy lại tui cười, chừng đâu tháng sau nữa có thơ ông, tui cho ông phát thơ 3.000 đồng bạc, tiền một tô phở chừng 500, tui muốn ông biết đó là món tiền hậu hĩ cỡ nào.

Ông còn sống, trên chuyến tàu đó người ta chết hơn một nửa. Ba ngày đầu êm đềm. Ngày thứ tư gặp cướp, tụi cướp bắt 4 cô gái nhỏ cỡ 10 đến 16 tuổi, vét lột hết nữ trang vàng bạc, có hai người đàn ông chống cự bị chém vứt xuống biển, sau đó phá máy tàu, và bỏ đi.

Ngày thứ sáu, gặp tàu khác cứu, cho thức ăn, nước uống, kéo vô đảo hoang, mọi người mừng rỡ, không ngờ khuya tới, chúng trở lại lùa đàn bà con gái lên tàu đem đi, tảng sáng trả về, cho cá, gạo, mọi người tính kế. Tuần sau chúng trở lại, đàn bà con gái biến mất hết, nói dối chết hết, chúng bỏ đi, không cho thức ăn, không trở lại. Đói, lấy thịt người chết nuôi con nít, người kiệt sức, tìm quần áo màu trắng treo trên ngọn cây cao cầu cứu, đốt khói, cầu nguyện. Máy bay Liên Hiệp Quốc cứu người vượt biển nhìn thấy, thả thức ăn, hai tuần sau có tàu kéo vào Mã Lai .

Ông gần chết, vào bệnh viện, tỉnh dậy người ta mời làm chứng nhân cho nạn cướp kinh khủng biển Đông.

Đọc hết thơ tui mất đi hai ký. Nhắm mắt lại thấy toàn chuyện kinh hoàng. Tại sao người lại giết người .

Gia đình tui và má ông nhờ có hy vọng ra đi, mà ai cũng như sống lại được chút nào, ba tui thôi không nghĩ đến chuyện vượt biển, ai có bàn, ổng chỉ nói ra, kinh khủng quá, nếu không có bùa tui đeo cho ông, chắc gì ông còn để mà nghĩ chuyện lấy tui.

Tui sống bằng thư ông gởi, học anh ngữ chuẩn bị sang xứ tự do. Sáu năm trôi như mây, như gió, tuổi Xuân tui bay đi mất hút, vết nhăn trên khóe mắt tui sâu hơn, tui gặp lại ông. Sân bay San Francisco, ông ôm chầm lấy tui, tui dụi đầu vào ngực ông ấm áp. Không sợ gì ba má tui thấy nữa .

Ông ơi! Khuya qua ông nói:

-Hồi đó anh muốn em giữ tuổi thần tiên càng lâu càng tốt, em ngây thơ quá, anh không muốn em lo nghĩ chuyện tình cảm, lơ là học hành, đi tù về tương lai u tối anh câm luôn, vì anh muốn đời em phải được hạnh phúc, nếu anh tỏ tình anh trong tình cảnh ấy, biết đâu cản trở đời em. Bây giờ anh vững vàng rồi bé ạ. Mẹ đang chờ em về với anh, để mẹ có cháu bồng. Em biết không anh mua nhà có cây cổ thụ phía trước, có bốn phòng ngủ, một cho tụi mình, hai cho con mình, phòng còn lại khi nào ba má thích sẽ tới ở luôn. Em sẽ không còn buồn, không còn lo lắng gì nữa hết, anh không cho em khóc nữa, ngay cả khóc thầm nghe chưa. Sau nhà mình có khu vườn nhỏ bé ạ, mẹ đã trồng rất nhiều thứ hoa em thích, có đủ thứ rau nữa, của bé hết, em đẻ cho anh 5 cô công chúa, để tụi nó chọc ghẹo nhau, còn hoàng tử tùy em muốn bao nhiêu, cứ sanh cho anh, ba má với mẹ anh tha hồ mà trông cháu.

Ông nói thôi là nói. Nước mắt tui lăn dài, ông hết hồn:

-Sao vậy, em chịu làm vợ anh không?

Tui vội vàng gật lia lịa, sợ ông hiểu lầm đổi ý. Ông nâng cằm tui lên, nhìn vào mắt tui, vừa lau nước mắt cho tui, vừa cho tui nụ hôn đầu đời con gái. Tụi mình lại quên nói yêu nhau rồi ngày mơi lúc gặp ông, câu đầu tiên tui sẽ nói:

- Em yêu anh vô cùng, vô tận, em sẽ là người vợ tốt, là người mẹ hiền, không bao giờ em cãi anh, không bao giờ em xa anh một phút một giây anh ơi em yêu anh.

Ông ơi, tui hạnh phúc quá ông ơi, tui sẽ kêu báo hết cho mọi người, tui đi lấy chồng, chồng của tui là ông ..

Í sao ngực tui đau nhói, sao tui xây xẩm. Anh, EM YÊU ANH.

Buổi sáng tiếng chim hót báo ngày mới, ánh nắng rọi vào phòng cô gái, cô gục đầu trên gối, đóa hồng thắm cô cầm trên tay, chiếc nhẫn long lanh trên ngón tay áp út, khuôn mặt cô an nhiên, nụ cười hạnh phúc phớt trên môi. Giòng chữ Em Yêu Anh đỏ thắm viết trên nền vải

Vườn Hạ

Đêm mùa hạ mặt trời lấp lánh
Hoa trong vườn thức suốt đêm thâu
Khóm Sơn Lựu đỏ hồng rực rỡ
Tử Đinh Hương tím ngắt một màu

Đóa Mẫu Đơn thắm tươi lộng lẫy
Nhan sắc em giữ được bao lâu
Cành Mộc Lan còn trơ một đóa
Thân lạc loài em đến từ đâu

Khóm Diên Vỹ tím vàng óng ả
Hoa Cúc gầy từng cánh mong manh
Cành Thược Dược đậm đà nhan sắc
Cánh Hồng Nhung sương mướt long lanh

Vàng thắm thiết màu hoa Bất Tử
Tím nồng nàn cánh Tử La Lan
Tiên Nhân Thảo một đời quấn quít
Đóa Hải Đường chờ gió mơn man

Bụi Cẩm Chướng đơn sơ xinh xắn
Khóm hoa Lài thầm lặng tỏa hương
Hoa Bát Tiên nở xanh biêng biếc
Nụ Tầm Xuân e ấp bên tường

Đêm mùa hạ đầy vườn hoa nở
Mỗi đóa hoa là một nhiệm mầu
Cám ơn trời đất tình vô lượng
Hoa tàn hoa lại nở mùa sau

Khánh Hà

trắng trải giường. Tinh ý sẽ thấy, gai hồng đâm vào ngón tay cô, vết máu còn đọng.

Đôi khi, hạnh phúc làm tim người ta ngưng đập.

Ấu Tím

Tìm cháu

Võ Đình

Cứ chiều chiều, khi nắng bắt đầu xế, ông già lại chống gậy ra khỏi nhà. Tuy dáng dấp có vẻ là người cao tuổi, nhưng lưng thẳng, đi đứng vững chãi. Ông đội cái mũ tai bèo, trắng, ngả màu đất. Áo quần vải thô, giày ba-ta cũ. Cái mũ che mất phần trên đầu, chỉ thấy tóc hai bên tai và sau ót còn rậm, cắt ngắn, bạc phơ. Râu ba còm, trắng như cước. Vừa bước, ông vừa vung vẩy cây gậy gỗ ổi như thể đó là một thanh kiếm dài.

Ông già ra khỏi xóm, hướng về ngã cửa Thượng. Rồi quày phải, một khi ra đến ngoài thành. Ba trăm bước nữa là đến nơi đóng tạm của một số lính miền Bắc. Lác đác vài quân nhân ngoài cổng trại, áo quần màu cứt ngựa điểm đôi ba huy hiệu đỏ choét. Ông già đi chậm lại, nhìn họ chăm chăm. Một anh lính quát lớn:

- Ông già nhìn cái gì?

Ông già nắm chặt cây gậy trong tay. Tai ông không quen với cách nói hách dịch như vậy. Ông làm như không nghe, đi nhanh hơn. Xăm xăm vào cổng trại. Một người lính khác trong bót gác chạy ra, súng trong tay, chận ông già lại:

- Ê! Ông già kia! Đi đâu vậy? Có chuyện gì?

Giọng anh lính lơ lớ, Bắc không ra Bắc, Nghệ không phải Nghệ.

Ông già lại nắm chặt gậy, hỏi:

- Này, chú em! Năm nay, chú bao nhiêu tuổi?

Bị hỏi thình lình, người lính ngỡ ngàng. Đành trả lời:

- Mười tám! Hỏi làm gì?

Tay phải dộng dộng cây gậy, ông già đưa tay trái vuốt râu:

- Mười tám! Hà hà... Chú em xem, râu ria như thế này, tôi có đáng tuổi ông nội chú không?

Anh lính sửng cồ, lớn tiếng:

- Ông già lôi thôi quá! Vào đây làm gì? Đi đâu?

Ông già điềm tĩnh vuốt râu, lại hỏi:

- Chú em cứ trả lời tôi xem nào. Tôi có đáng tuổi ông nội chú không?

Cực chẳng đã, người lính hạ giọng xuống:

- Đáng! Đáng quá đi! Ông nội... à, cụ đến đây làm gì?

- Chú em 18 tuổi. Hà hà... Mười tám tuổi... Vậy là chú sanh năm 1957, ba năm sau hiệp định Giơ-Neo chia đôi đất nước. Này, chú em biết không? Ông có thằng con vô rừng theo kháng chiến chống Pháp từ năm 48 kia đấy. Giơ-Neo, 54, nó tập kết ra Bắc. Hăm sáu tuổi, lấy vợ sanh con, là vừa. Nếu sanh con trai, lớn lên, e phải vô lính, ngang ngang tuổi chú bây giờ. Chú nói chú 18 tuổi, đúng không? Ông đáng tuổi ông nội chú là phải rồi!

Mấy anh lính đứng gần đó, nghe tiếng được tiếng mất mấy lời đối đáp giữa hai người, la ó lên, chế nhạo:

- Ông nội! Ông nội!

Ông già vung cây gậy, hét lớn:

- Im! Để ông hỏi. Có đứa nào ở đây họ Đỗ không?

Mấy người lính nhìn nhau, lắc đầu, ngơ ngác.

Ông già hỏi tiếp, giọng sang sảng:

- Ông không hỏi mấy đứa ở đây mà thôi. Ông hỏi cả doanh trại kia. Chúng mày phải biết nhau cả. Có đứa nào họ Đỗ, gốc Thừa Thiên không?

Một anh lính, người nhỏ bé, tóc hớt sát mang tai, sốt sắng la lớn:

- Có, có! Có hai đồng chí họ Đỗ..!

Nhưng một quân nhân khác trong đám lên tiếng ngay:

- Tôi biết hai đồng chí ấy! Dân, người Thái bình. Minh, dân Hưng Yên, Hà nội. Không có ai họ Đỗ, gốc Thừa Thiên cả.

Ông già dộng cây gậy xuống đất mấy cái, chửi đổng: "Cha bây!",rồi quay lưng. Mấy người lính ngơ ngác nhìn nhau, nhìn ông già đi khuất cổng trại, xa dần.

Ông già về đến nhà khi trời đã chạng vạng. Bà già ra đón ông tận cổng vườn:

- Răng? Ông tìm ra không?

Ông già lắc đầu:

- Có hai đứa họ Đỗ. Nhưng không phải dân Thừa Thiên. Không

THƠ XUYÊN TRÀ

Mùa thu và em

Mùa thu, vàng
rất tự nhiên
Mùa em, xanh
hạt lụy phiền trang thơ
Tâm chồi nhánh, lá tình cờ
Ngày em xa vắng
bất ngờ
héo khô
Trăng đong đưa, sóng nhấp nhô
Nghe mùa thu đến cơ hồ mùa em

Mộng thu

Mộng từ trăm cõi phù sinh
Ngàn trăng hội tụ nguyên hình mê cung
Cuội ngồi gỡ tứ hành xung
Tàn khuya, gió tạt, lạnh lùng, cây đa ...

Atlanta Thu / 03

phải con thằng Huy.

Bước vô căn nhà đầy bóng tối, ông già ngước mắt nhìn lên. Ảnh thằng Huy, hai ông bà đem ra phố cho phóng đại, treo trên tường, từ hồi nó ra đi. Bốn tám đến bảy lăm, thế mà cũng gần ba mươi năm rồi!

Võ Đình, 2003
(trích từ truyện vừa, "Xa Ngái", sẽ in)

Những đoản văn rời

Lâm Chương

Thái độ A Q của Lỗ Tấn

Tôi đứng sau nhà, ngó lên cây dừa cao ngất. Không biết cây dừa được trồng lúc nào, khi tôi lớn đã thấy có rồi. Năm xưa, cây dừa còn thấp ở giữa cái chuồng heo, cách bìa chuồng hai thước. Ba tôi mất đi, thằng em phá bỏ chuồng heo làm khoảng đất trống. Nay khoảng đất bị thu nhỏ lại, cây dừa nằm về phần đất của nhà bên kia. Giữa hai phần đất được trồng lên một hàng cây keo làm lằn ranh.

Tôi hỏi thằng em: "Sao lại có hiện tượng cây dừa trôi qua đất người khác?"

Nó nói: "Lòng người biến đổi, vạn vật cũng đổi thay."

"Mày nói một câu nghịch lý. Lòng người biến theo vạn vật, chứ không phải vạn vật biến theo lòng người."

Thằng em cười: "Thời đại mới triết lý mới. Tôi chứng minh cho anh thấy. Mỗi năm họ lấn một ít. Mười bảy năm, mình mất hai thước rưỡi đất, cây dừa thuộc về người khác. Như thế không phải vạn vật biến theo lòng tham con người sao?"

"Cái thứ triết lý rẻ tiền của mày không chấp nhận được. Mày biết lấn đất theo kiểu đắp bờ ruộng không? Người ta xén đất bờ bên này đắp qua bờ bên kia. Nhiều lần như thế, bờ ruộng không còn nằm ở vị trí cũ. Đây không phải bờ ruộng, người ta cắm cột mốc phân ranh. Đáng lẽ khi thấy cột mốc di chuyển dần về phía mình, mày phải có tiếng nói chứ?"

"Nói hả? Mở miệng ra là thiên hạ chưởi tát vào mặt. Đó là chưa kể họ trả thù bằng cách mỗi đêm quăng cứt vào sân nhà mình."

"Họ chơi cái trò bẩn thỉu, mày chịu trận à?"

"Nếu không chịu trận thì làm gì ai? Không bắt được tận tay người quăng cứt, không có bằng chứng. Chẳng lẽ lấy cứt đem vô phòng thí nghiệm phân chất để biết là cứt của ai?"

"Mày nói nhảm, lạc đề rồi. Hãy nói chuyện cây dừa thuộc về phần đất người khác."

"Thôi anh ơi, cây dừa có đáng gì mà tranh cải."

"Cây dừa không đáng gì, nhưng hai thước rưỡi đất bề ngang nhân cho mười lăm thước bề dài, không phải chuyện nhỏ. Mày thử tính coi mày mất bao nhiêu thước vuông đất? Mày có biết bây giờ, đất đai xứ này đắt như vàng không?"

Thằng em nhè nhẹ lắc đầu, nhếch mép như khinh bỉ. Không biết nó khinh tôi, hay khinh thằng cha lấn đất.

"Lúc chết cũng chỉ cần một cái lỗ đặt vừa cái hòm thôi!"

"Tao muốn nói vấn đề thiệt thòi mất mát. Còn đất rộng hay hẹp là chuyện khác."

"Cứ coi như nó lấn đất để chôn cả dòng họ nhà nó."

Tôi nổi cáu: "Đó là thái độ A Q của Lỗ Tấn, không dám đương đầu với thiên hạ rồi trả thù trong tư tưởng, và lấy làm tự mãn. Mày co vòi rút cổ, không dám đối phó với thằng cha láng giềng rồi trù rủa cả dòng họ người ta. Nếu không thể nói chuyện phải quấy với nhau được, sao không đưa lên chính quyền giải quyết?"

Thằng em cũng nổi cáu: "Chính quyền. Anh chỉ biết chính quyền nơi khác, chứ không hiểu chi về chính quyền ở đây cả. Chém nhau vỡ đầu sứt trán, réo gọi chính quyền khan cổ cũng chẳng thấy ma nào thèm tới. Nhưng nếu được tin mật báo nhà nào mới chuyển đồ lậu về, liền tức khắc công an cảnh sát ào ào kéo tới bao vây. Không biết tại sao hả? Giải quyết mấy cái chuyện xô xát, chính quyền ăn được cái giải gì? Nhưng vây bắt tịch thu đồ lậu, người ta có chút bỏ túi riêng. Tranh tụng với nhau về đất đai ư? Muốn thắng phải nhét đầy họng kẻ đại diện chính quyền. Nếu phía bên kia họ cũng tung tiền ra lo lót thì vấn đề còn nhiêu khê lắm. Đôi khi phải bán nhà vì kiện tụng. Tôi chỉ còn cái nhà che mưa đụt nắng, anh đừng xúi dại tôi phải bán nhà."

"Thằng hèn!" Tôi ngó vào mặt thằng em, hét lớn.

Nó cũng không vừa: "Tôi sở dĩ sống hòa nhã được với người chung quanh vì tôi biết hèn. Anh cứ xoi mói xét nét vấn đề từng chút, coi chừng thiên hạ chém tét đầu."

"Thằng nào dám chém tao?"

"Bất cứ thằng nào cũng dám chém anh. Các ông về từ nước ngoài, ông nào cũng hãnh diện tưởng người ta kính trọng mình lắm. Lầm rồi! Người ta chỉ xun xoe các ông vì tiền, nhưng thâm tâm có thủ sẵn con dao. Các ông thử chạm tới họ xem sao? Họ sẽ đánh các ông như đánh kẻ thù giết bố. Các ông đánh lại ư? Họ sẽ nằm vạ ra đấy. Các ông phải móc

túi chi tiền cơm thuốc, tiền đền thương tật, tiền bệnh viện, tiền lo bác sĩ y tá để họ đừng phóng đại chứng thương. Chưa hết đâu, còn phải lo cho công an để họ đừng giam giữ, trầm trọng hơn có thể đưa nội vụ ra tòa. Mà tòa án nhân dân thì ít khi áp dụng đúng theo luật pháp hiện hành, họ thường chơi theo luật rừng. Tóm lại, các ông là miếng mồi ngon, thằng nào cũng muốn ăn tươi nuốt sống. Nên biết xứ sở này có nhiều Chí Phèo lắm đấy."

Mỗi lần nói chuyện với thằng em về một vấn đề thì lại lòi ra bao nhiêu vấn đề rắc rối khác, không giải quyết được gì cả. Tôi cảm thấy hình như trong đời sống có điều gì không ổn.

Mấy ai lấy thước mà đo lòng người

Tối đến, thằng em vác về một két bia Sàigòn xanh. Hai anh em ngồi đối ẩm.

Thằng em nói: "Bình thường, bọn tôi chơi đế. Có anh về, tôi mua bia là chơi theo kiểu nhà giàu."

Tôi nói: "Hãy gọi mấy thằng bạn nhậu của mày tới cho vui."

"Thôi đi. Anh em mình đôi lúc cần nói chuyện riêng, có mặt người ngoài không tiện. Anh bỏ xứ đi lâu, đất nước này có nhiều thay đổi. Anh không theo kịp trào lưu tiến hóa chung của dân tộc."

"Tiến hóa theo chiều hướng nào?"

"Về mặt tinh thần là quan trọng nhất."

"Tao nhìn thấy một nền văn hóa lẫn tinh thần dân tộc đang trên đà băng hoại."

"Tùy theo cách nhìn của mỗi cá nhân đang đứng ở góc độ nào. Dù sao, tôi cũng cần phải dạy anh..."

Tôi bĩu môi: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn. Mày sống ru rú ở nhà mà nói chuyện dạy tao?"

"Anh biết chuyện năm châu bốn biển, nhưng không hiểu chi về nhân tình thế thái nơi cái xó xỉnh này."

"Mày muốn nói tới lòng tham lam ích kỷ, tính tráo trở của người đời? Ở đâu mà không có những thứ ruồi bu đó."

"Ấy vậy mà có người vẫn bước đi từ lầm lẫn này sang lầm lẫn khác."

"Hãy nêu lên thí dụ cụ thể. Đừng lý thuyết suông."

Thằng em sửa lại thế ngồi, nốc cạn ly bia như uống nước lã rồi từ từ để ly xuống: "Lấy bản thân anh làm thí dụ. Cuối tháng Tư năm 1975 anh đi tù. Mười năm sau, anh về đã thấy cái nhà sát vách nhà mình đổi

chủ chứ gì?"

Tôi gật đầu: "Nói tiếp đi."

"Chủ mới là một thượng úy bộ đội, vợ hắn là em ruột của huyện ủy đương thời. Vợ chồng nhà này nói chuyện rất ngọt ngào nhân nghĩa, và rất có cảm tình với anh. Đúng vậy không?"

"Cứ nói tiếp. Đừng hỏi gặng."

"Anh đi tù mới về, đang trong tình trạng khốn khó. Anh vất vả chặt tre, bện lá mía, cất lên cái chòi lá dự định mở quán cà phê kiếm sống qua ngày. Vợ anh làm đơn xin phép gửi lên xã, hơn tháng trời vẫn chưa nhận được sự trả lời, trong khi đơn của người khác được giải quyết trong vòng một tuần. Túng thế, vợ chồng anh mở cửa quán, dù chưa nhận được giấy phép. Quán mở cửa đến trưa ngày thứ hai, có người từ trên xã xuống ra lệnh đóng cửa, và lôi anh lên xã. Kỳ đó, anh suýt bị tù lần nữa. Lý do cải tạo mới về không chịu làm ăn chân chính, buôn bán là một hình thức bóc lột. Anh phải tốn cây thuốc ba con năm, mọi chuyện mới yên. Họ biết anh đang rạc gáo nên chấp nhận đỡ cây thuốc. Nếu anh là người có của ăn của để thì mười cây thuốc cũng chưa xong. Quán cà phê bị đóng cửa vĩnh viễn, anh bị bắt đi thủy lợi liên miên. Anh biết tại sao lại như thế không?"

Tôi nhăn mặt: "Mày có cái tật kể lể dài dòng. Nên đi ngay vào ý chính đỡ mất thì giờ."

Thằng em xòe bàn tay đưa về phía trước như ngăn lại một vật vô hình đang lao tới: "Đừng nóng! Muốn học làm bác sĩ phải mài đít trên ghế nhà trường y khoa bảy năm. Học làm người khó hơn. Có khi học đến già vẫn chưa thành người."

"Tao không đủ kiên nhẫn ngồi nghe mày triết lý vặt đâu. Đối với tao, mày chỉ là thằng nhãi con."

Thằng em cười hì hì: "Tôi nghe nói, anh ra nước ngoài cũng bày đặt viết lách lăng nhăng gì đó. Học hành lem nhem, chữ nghĩa không đầy lá mít cũng cầm bút được. Lạ thật! Anh đúng là con khỉ đỏ đít ngồi bàn độc, coi người như cỏ rác."

"Thằng khốn! Không cần phải nói móc, tao làm gì ở nước ngoài mặc kệ tao! Trở lại vấn đề quán cà phê đi."

"Vâng, rít vài hơi điếu thuốc đã."

Thằng em ngửa mặt phun khói lên cao. Cái mặt nó giãn ra, trông rất đần độn. Thế mà cũng có người chịu gả con gái về làm vợ nó.

Tôi giục: "Nói đi. Say rồi hả?"

"Giỡn? Mới vài chai chưa đủ súc miệng đâu. Này nhé, khi quán cà phê bị đóng cửa, nhiều lần anh nhờ vợ chồng thằng cha thượng úy nói

giúp lên huyện và xã. Xứ ta, mọi việc có liên quan đến chính quyền đều phải đi luồn ngả sau. Đó là luật bất thành văn. Hắn hứa giúp nhưng không kết quả. Riêng anh thì bị đi công tác thủy lợi vô thời hạn. Dân địa phương mỗi năm chỉ đi thủy lợi mười lăm ngày. Thầy giáo Đời, bạn học cũ của anh gặp thẳng xã ủy can thiệp cho anh. Thầy giáo Đời nói, nó đi cải tạo mới về, bị bao vây thế này sống sao nổi. Phải chừa cho nó con đường sống chứ. Xã ủy nói, tạo sức ép cho nó làm bậy, có cớ đưa trở lại trại cải tạo. Thầy giáo Đời nói, bọn mày chơi ác. Xã ủy nói, xưa nay tao với nó chưa từng gặp mặt, không thù oán nhưng tao không cho mở quán cà phê, bắt nó đi thủy lợi là do lệnh trên huyện. Tại sao à? Vợ chồng thượng úy sát bên nhà nó, không muốn nó mở quán buôn bán ồn ào. Vợ thượng úy là em ruột huyện ủy. Bà ta bỏ nhỏ với anh mình một tiếng là xong. Đầu dây mối nhợ là thế."

Tôi buột miệng: "Đụ mẹ! Chính vợ chồng hắn làm hại, vậy mà tao cứ tưởng hắn thương mình. Khi quán bị đóng cửa, hắn cau mặt như động lòng trắc ẩn xót cho tao lắm. Không ngờ hắn thọc dao vô hông mình. Sao lúc đó mày không cho tao biết sự thật?"

"Sau ngày anh vượt biên, thầy giáo Đời nói chuyện ấy với tôi, bảo phải đề phòng."

"Hôm tao mới về, vợ chồng hắn đứng bên sân nhà nhìn sang vẫy tay cười. Tao cũng chào hỏi tử tế. Từ đây trở đi, tao đéo thèm nhìn mặt."

"Không nên thẳng thừng ruột ngựa. Người quân tử buồn vui không lộ mặt. Hắn có thể hại chết anh đấy."

"Hắn đã phục viên. Phục viên với chế độ này, có nghĩa là bị loại ra rìa. Thằng cha anh vợ cũng đã văng khỏi huyện. Quyền hành thế lực không còn, hắn làm gì tao?"

Thằng em chồm tới, đưa sát mặt vào tôi: "Vợ chồng hắn rỉ tai với mọi người, rằng anh về đây tuyên truyền phản động là đời anh khốn nạn ngay. Đâm cha chém chú giết người cướp của, có thể châm chước bỏ qua. Phạm vào chính trị... trời cứu không nổi!"

Tìm nhân vật dựng truyện

Những buổi chiều oi bức, tôi thường ngồi nơi cái băng ghế dài trước cửa, ngó ra đường. Ngày nào cũng thấy một gã đàn ông dáng người nhỏ thó, đi lên đi xuống nhiều lần. Nhìn mặt gã khó đoán được tuổi tác. Trông toàn diện có vẻ già nua mệt mỏi xanh xao, nhưng nhìn kỹ thì chưa phải người luống tuổi. Gã mặc quần đùi xệ dưới rốn, bụng ưỡn ra. Cái bụng khá to so với thân hình, và tay chân khẳng khiu. Chưa lần nào

tôi thấy gã mặc áo. Màu da gã bệch bạc tai tái như da chà chổng chết trôi. Mắt gã lờ đờ, khi đi không nhìn ngang liếc xéo. Gã ngó thẳng về phía trước, mặt hơi ngất lên trời. Tướng đi của gã trông rất ẻo lả yếu đuối, hai tay dang rộng đánh đàng xa như bơi trong không khí.

Tôi hỏi thằng em: "Quái kiệt nào vậy?"

Nó nói: "Lương Đáng, con Lương Ngang sau nhà, thường gọi Bảy Ngang."

"Có phải Bảy Ngang là cái lão lấn đất nhà mình?"

"Chính lão."

"Cho tao vài dòng về hành tung của quái kiệt Lương Đáng."

"Có quan hệ gì đến mình đâu? Thấy vậy được rồi."

"Nhưng tao muốn biết."

"Với mục đích gì?"

"Tao đang tập viết văn, nhưng không đủ khả năng hư cấu thành truyện. Cái đầu tao đóng váng, không gợn lên được một chút tưởng tượng mộng mơ nào cả. Tao phải dựa vào sự thật với những nhân vật sống đi đứng nằm ngồi, ăn ngủ đụ ỉa..."

Thằng em khoát tay: "Dẹp chuyện đó đi. Ai lầm anh, chứ tôi sống với anh từ nhỏ đến lớn, biết nhau quá rồi. Anh thô lỗ cộc cằn, anh bắt nạt tôi đủ điều."

"Thô lỗ cộc cằn và bắt nạt mày, có liên quan chi đến chuyện tao viết văn?"

"Anh mà viết văn? Nói nghe mắc cỡ. Con người của văn chương thể hiện cái tính nhu hòa điềm đạm ngay từ thuở nhỏ. Còn anh thì sôi nổi, liều mạng, hay đánh lộn."

"Lúc thiếu thời, tao thường bị người ta chèn ép. Đánh lộn là một cách tao đòi hỏi lấy lại sự công bằng. Mày ngu bỏ mẹ, chỉ thấy đánh lộn chứ không tìm hiểu nguyên nhân. Mày nên nhớ, tao từng chịu u đầu sứt trán vì bảo vệ mày trước sự hà hiếp của người khác."

Nghe tôi nói, thằng em trầm ngâm suy nghĩ: "Anh à, dưới con mắt nhà Phật, khẩu nghiệp anh còn nặng nề lắm. Nên tu bớt đi. Viết văn cũng là một hình thức khẩu nghiệp. Coi chừng bị đọa địa ngục."

Tôi nói: "Từ lâu, tao đã lấy sẵn cái vé tàu suốt đi vào địa ngục. Vé mua rồi không trả lại được."

Thằng em lắc đầu: "Chán mớ đời!"

"Mày thì lúc nào không chán? Chẳng lẽ mày lắc đầu triền miên không ngừng nghỉ? Hãy cho tao biết sơ lược về nhân vật Lương Đáng."

"Đưa một thằng phàm phu hạ cấp vào làm nhân vật dựng truyện, ai thèm đọc? Trước kia, Lương Đáng làm lao công tạp dịch ở bãi hát. Gã

quen với con nhỏ bán nước mía, đậu phọng rang trong bãi hát. Con nhỏ theo gã về nhà. Hai đứa trở thành vợ chồng, không qua một nghi thức cưới hỏi nào cả. Vợ gã sinh hai đứa con gái. Gã be bét rượu chè y như Bảy Ngang. Tám năm nay, không ngày nào gã không say. Rượu tàn phá cơ thể làm gã già đi trước tuổi."

Tôi nói: "Lai lịch Lương Đáng nghe chán thật! Làm tạp dịch bãi hát mà sáng say chiều xỉn, chắc bị đuổi cổ?"

Thằng em nói: "Khi lấy vợ, gã tự động thôi việc. Gã có đặc tính rất lạ, thường đi rảo quanh quanh lối xóm, như mấy hôm nay anh thấy đó. Nhà nào có đám nhậu, người ta gọi gã vào làm người sai vặt, đi mua thêm rượu thêm mồi. Ngồi vào bàn nhậu, gã không bao giờ mở miệng nói điều gì, không làm mất lòng ai. Chỉ cần vô hai ly nhỏ là gã say nằm vật ra. Lúc tỉnh dậy, nếu thấy người ta còn nhậu, gã sẽ uống nữa và cũng chỉ hai ly là nằm. Gã uống không nhiều, ít hao rượu nên người ta cho gã nhậu chùa. Gã là thằng vô tích sự. Nhìn cái bụng và màu da, người ta nghi gã bị đau gan do uống rượu. Nhưng bao nhiêu năm rồi, ngày nào gã vẫn qua đây, không bệnh hoạn gì cả."

"Gã không làm việc, lấy gì sống?"

"Thỉnh thoảng người địa phương vẫn kêu gã làm những việc vặt vãnh như quét dọn, làm cỏ vườn, vét mương, đắp nền nhà, chặt cây v.v... Năm ngoái, có người mướn cha con gã vét bùn ao nuôi cá tra. Gã huy động cả vợ vào làm công việc này. Khi lãnh tiền, vợ gã đòi chia phần, nhưng hai cha con ẵm trọn số tiền đi nhậu, và đánh số đề thua sạch bách. Á con dâu tru tréo chưởi rủa cha con thằng chồng tan nát. Không có ngôn từ tục tĩu nào ả không lôi ra chưởi. Thấy ả quá hỗn, cha con gã hợp sức đè ả ra đánh bầm mình sưng mặt. Sau trận đòn bầm giập, ả cuốn gói về quê với lời thề độc, tao còn nhìn mặt cha con mày nữa thì xe hơi cán nát thây tao đi. Thế nhưng năm ngày sau, ả quay về coi như chưa từng thốt ra lời thề bán mạng.

Thằng em kể tới đây, tôi nói: "Thôi, đủ rồi. Với những thông tin về Lương Đáng, dù văn hào cũng không viết thành truyện hay được.

Hài kịch

Nhà làm đám giỗ má tôi. Trong số khách mời, có thằng cha cựu thượng úy.

Tôi nói: "Tao không muốn thấy bộ mặt nham hiểm của hắn."

Thằng em nói: "Ghét ai cũng đừng ghét ra mặt. Tôi còn ở đây lâu dài. Mai mốt anh đi rồi, tôi sống sao nổi với vợ chồng hắn?"

"Toàn là một lũ giả dối. Mày cũng giả dối luôn."

"Ai cũng biết tỏng lòng nhau, nhưng thằng nào đóng kịch khéo, thằng đó hơn."

Cựu thượng úy mang qua nhà thằng em tôi một túi trái cây đặt lên bàn thờ, thắp nhang xá vài cái. Nhìn cái mặt lưỡi cày của hắn, tôi "nực gà" lắm. Nhớ lại lời thằng em kể, nhớ lại thời gian hắn làm tôi điêu đứng, tôi muốn nhai xương hắn. Hắn ngồi vào bàn, ăn rất ít, rồi rút lui sớm hơn ai hết. Tôi chỉ mong có thế. Đỡ phải nhìn xốn con mắt.

Sau bữa giỗ, thằng em bảo vợ đem cho Bảy Ngang một dĩa mì xào, một dĩa lòng heo, một dĩa gỏi gà.

Vợ thằng em bưng đồ ăn ra sau, đứng bên này hàng rào cây keo, gọi lớn: "Bác Bảy ơi, có cái này biếu bác."

Bảy Ngang từ trong mái nhà tranh rách nát chui ra, trên mình cũng chỉ có cái quần đùi giống như hình ảnh thằng con. Lão cười, môi thâm, hàm răng cáu bẩn cái còn cái mất.

"Gì vậy, mợ Út?"

"Có mấy dĩa đồ ăn làm mồi nhậu cho Bác."

Lão lại cười, nhưng nhìn kỹ hình như không phải cười: "Từ lâu, tao tính chưởi cho mợ Út một trận, nhưng mỗi lần nhà có đám tiệc mợ mày đều không quên tao, nên tao cũng muốn giữ chút tình hòa khí láng giềng."

"Tôi có lỗi gì với bác đâu?"

"Sao không? Con chó con gà chui rào qua đất tao, tao không đập chết là vị tình lắm đó. Chẳng bao giờ nghe mợ mày nói một tiếng phải quấy."

"Bác Bảy bỏ qua cho."

"Thì tao vẫn thường xí xóa. Nếu mỗi chuyện mỗi làm ồn lên thì còn ra cái thể thống gì nữa? Hàng xóm với nhau, có qua có lại mà."

Lão bưng mấy dĩa đồ ăn đi vào, chẳng hề cám ơn.

Tôi đứng trong cửa sổ, nhìn theo sau lưng Bảy Ngang. Với một người láng giềng kỳ chướng thế đó, thằng em tôi sợ là phải.

Bên nhà thằng cha cựu thượng úy có con chó già bị sài ghẻ, tróc lở từng mảng lông. Con chó bỏ ăn, nằm thoi thóp vài ngày thì đứt hơi. Bà vợ bảo chồng mang xác chó ra vườn chôn dưới dưới gốc cây mít làm phân bón.

Cựu thượng úy đang đào lỗ. Bảy Ngang đi qua, liếc mắt nhìn vào thấy xác con chó.

"Dượng Tư làm gì đó?"

Cựu thượng úy dừng cuốc, nói: "Chôn con chó chết."

Bảy Ngang giật mình: "Ý! Chôn uổng vậy? Cho tôi đi." Lão vừa nói

vừa bước nhanh vào vườn.

"Con chó già ốm nhách, da nổi đầy ghẻ chóc. Ăn sao được?"

"Ưuùm..! Lột bỏ da. Còn ăn được."

Cựu thượng úy đưa tay lau mồ hôi trán: "Ăn được thì lấy đi. Có trúng độc cũng đừng bảo tại tôi nhé."

"Xí... Mình người lớn có lòng tự trọng. Đâu phải con nít đổ thừa ngang ngược."

Bảy Ngang túm hai chân sau xác chó lôi về. Lương Đáng gọi thêm hai người đàn ông đến nhà, phụ làm chó. Củi lửa nổi lên. Tiếng dao thớt, nồi niêu khua động. Mọi người hăng hái chạy tới chạy lui.

Tôi đứng bên này hàng cây keo ngó sang. Hoạt cảnh rất vui. Mùi chó bay tràn vào mũi. Nhiều ý kiến về cách thực hiện món ăn nghe hấp dẫn.

Bảy Ngang nhìn tôi: "Cậu Năm ăn chó không?"

Tôi nói: "Chó, tôi chưa ăn bao giờ."

"Chơi thử đi. Rất ngon."

"Cám ơn bác Bảy. Thôi để khi khác."

"Cậu Năm ở Mỹ, Canada, hay Úc?"

"Tôi ở Mỹ."

"Nghe nói chó Mỹ béo lắm. Có cả chó đóng hộp nữa. Ở Mỹ mà cậu Năm không thử chơi chó Mỹ, còn thiếu sót lắm nghen."

"Vâng, còn thiếu sót. Nhưng mùi của nó nặng quá làm tôi nhợn."

"Tôi thì không chê thứ nào, thượng vàng hạ cám đều chơi láng... Sống bên đó vui không?"

"Có vui có buồn. Ở đâu cũng thế."

"Hồi trước, tôi tính cho thằng Đáng đi Mỹ, nhưng thương con không nỡ dứt rời. Phải chi lúc đó mình gạt tình cảm qua một bên, cho nó đi thì ngày nay ngon lành rồi."

"Vâng, nhiều khi nặng tình cảm cũng thất bại."

Bảy Ngang lót tấm phên trước hiên nhà, dưới bóng mát cây vú sữa. Đồ ăn được dọn ra. Chó nướng. Chó xào lăn. Chó nấu cháo đậu xanh. Và những món khác, tôi không biết tên gọi là gì. Thêm ba người đàn ông đánh hơi được mùi chó, xách rượu lơn tơn đi tới. Tất cả bảy người ngồi thành một vòng tròn quanh rượu thịt. Mặt người nào cũng phấn khởi háo hức. Hai con mắt Lương Đáng thường lờ đờ, nhưng hôm nay cũng linh động. Kẻ ăn người uống. Ồn ào cười nói. Văng tục chửi thề. Sách tướng bảo, ăn nhóc nhách như heo là kẻ thô lỗ, ăn cúi đầu vục mặt là kẻ thấp hèn bần tiện. Bữa đại tiệc hôm nay, người tham dự thể hiện thú tính rõ nét nhất.

Ngoài sân là thế. Trong chái bếp, vợ Lương Đáng cũng đang cúi đầu ngồi húp cháo chó.

Khi mặt trời chiều đổ xuống ngọn cây, bữa tiệc tàn. Khách nhậu lảo đảo ra về. Lương Đáng nằm tại chỗ như thường lệ. Vợ gã lui cui dọn dẹp chén dĩa, thức ăn còn thừa. Bảy Ngang bồng đứa cháu, chân xiêu vẹo đi tới đi lui trên sân.

Vợ Lương Đáng lên tiếng: " Ông bỏ nó xuống. Say rượu mà bồng con nít, lỡ té dập đầu thì sao?"

Bảy Ngang lẩm nhẩm trong miệng điều gì không rõ.

Ả hét : "Tui bảo ông bỏ nó xuống. Nghe hay điếc?"

Lão vẫn bồng đứa cháu qua lại, không trả lời.

Ả ném tô thức ăn còn thừa văng tung tóe dưới chân Bảy Ngang: "Thằng già mắc dịch! Say rượu không chịu nằm. Muốn báo hại người ta hả?"

Lão lè nhè: "Tao có say đâu?"

"Uống rượu chứ đâu phải uống máu què mà ngơ ngáo lú lẫn nói không chịu nghe?"

Hình như câu nói quá nặng chạm vào dây thần kinh làm Bảy Ngang sực tỉnh.

Lão đứng lại, nhướng đôi mắt trừng con dâu: "Tao đá thấy mẹ mầy à nghen. Đồ đĩ ngựa!"

Ả đứng lên chống nạnh, thách thức: "Đá hả? Có giỏi cấn lồn tao nè."

"Đụ con đĩ mẹ mày! Bị đòn hoài vẫn chưa tởn."

Tiếng la hét chửi rủa làm Lương Đáng tỉnh dậy, dụi mắt.

Giọng gã nhựa hơi men: "Đụ mẹ! Nó bảo ông bỏ con tui xuống, sao ông không bỏ?"

Bảy Ngang ngoảnh mặt đi.

Gã quay qua vợ: "Kệ bà nó. Nó điên rồi. Mày đừng la nữa. Nó không còn sống bao lâu đâu."

Nói xong gã lại nằm xuống.

"Tao mắc nợ cha con mày, Đáng ơi..." Vợ gã rên thống thiết.

Mục kích được một màn hài kịch giữa cha con, chồng vợ qua cái kiểu đối đáp hiếm thấy trên thế gian, tôi rất lấy làm thú vị. Có đề tài để viết rồi.

Tôi vào nhà, nói với thằng em: "Tao hiểu tại sao mày không dám tranh chấp đất đai với lão Bảy Ngang."

Thằng em nói: "Nếu ở đây lâu, anh còn chứng kiến nhiều pha gay cấn rùng rợn hơn nhiều."

"Con dâu Bảy Ngang là một nữ tướng vô địch. Nếu phải đương đầu với ai, lão không cần ra mặt. Lão cho con dâu lãnh ấn tiên phong xung trận, cũng đủ làm đối phương kinh hồn vỡ mật."

"Anh đã có đủ dữ kiện để viết thành truyện chưa?"

"Độc giả thường rất khó tính. Thuật lại chuyện này, có thể họ cho rằng tao viết hư cấu quá đáng. Cũng có thể họ nghĩ tao thêm mắm giậm muối, nhằm bôi bác người láng giềng của mày."

Bà lang vườn

Xóm nhỏ nhà thằng em tôi, nhiều năm về trước nhà cửa thưa thớt. Bây giờ dân số tăng lên, nhà nhà san sát liền nhau chật chội. Chuyện trong nhà dễ sang tai hàng xóm. Mỗi ngày chạm mặt, làng trên xóm dưới không ai còn lạ gì nhau.

Chuyện bà Thiều bị ung thư tử cung, con nít xóm này cũng biết rõ. Bà đi Sài Gòn nhập viện một thời gian. Các bác sĩ làm đủ mọi cách mong giựt lại một mạng sống sắp rơi vào tay tử thần. Khi đồ đạc trong nhà không còn gì để bán lo tiền chạy chữa thuốc men, cũng là lúc bác sĩ tuyên bố chào thua. Bà Thiều đi về bằng chuyến xe đò chở khách, có người nhà kèm theo dìu đỡ. Bà bước xuống xe, được đưa thẳng vào nhà, chui luôn vô buồng không tiếp xúc với ai. Người lối xóm bu lại thăm hỏi bệnh tình qua thân nhân bà Thiều. Mặt người nào cũng căng thẳng. Họ thì thào, nghe ngóng vì tò mò hơn là chia xẻ đớn đau. Trong số này có bà Lượm Kháng Chiến.

Sở dĩ gọi bà Lượm Kháng Chiến vì có một thời, lâu lắm rồi, bà theo kháng chiến vô rừng làm cách mạng mấy năm. Sau, bà rời bỏ hàng ngũ kháng chiến trở về, nhưng người ta vẫn gọi bà Lượm kèm theo hai chữ Kháng Chiến để phân biệt với bà Lượm Bì Bún. Bà Lượm Kháng Chiến có vẻ hãnh diện vì cái biệt danh này lắm. Không biết lúc ở trong rừng, bà học nghề thuốc với ai. Khi về đây, bà chuyên nghề cắt lể và hốt thuốc Nam. Cảm cúm, nhức đầu sổ mũi, đau nhọt, táo bón qua tay bà đều khỏi. Có người xấu miệng mỉa mai rằng, những bệnh này không chữa trị cũng tự khỏi thôi. Còn những bệnh thuộc về lục phủ ngũ tạng gặp bà, trước sau gì cũng "đi đứt". Bà bảo, tại người bệnh làm sai nguyên tắc chỉ dẫn, hoặc dùng thuốc của bà không theo đúng liều lượng. Có khi bà lại nói, bệnh nhân đã lâm vào tình trạng quá tệ mới chịu đưa đến bà, làm sao bà có thể vực dậy một xác chết? Nói thế có nghĩa rằng bà Lượm Kháng Chiến không hề "chạy mặt" bất cứ thứ bệnh nan y nào. Bác sĩ Tây Y chê, chứ bà không chê.

Bà Lượm Kháng Chiến là người duy nhất được vào phòng tiếp xúc thăm bệnh bà Thiều. Người ta nói nhỏ với nhau, cửa mình bà Thiều đã đến thời kỳ bốc mùi hôi hám. Nhưng bà Lượm Kháng Chiến không ngại. Lương tâm của người thầy thuốc có khác với người thường. Khi bà ra ngoài, mọi người giương mắt ngó bà ngầm đặt câu hỏi.

Bà nói: "Tôi đã bắt mạch, khám mắt, xem lưỡi rồi. Tròng mắt chưa vàng, lưỡi dù có đóng bợn nhưng màu sắc còn hồng. Tình trạng chưa đến nỗi nào. Để đó cho tôi."

Nói xong, bà đi thẳng. Không ai hỏi thêm được điều gì.

Khoảng mười giờ sáng hôm sau, bà Lượm Kháng Chiến quay lại nhà bà Thiều với đầy đủ đồ nghề cắt lể, thuốc men.

Bà gọi đứa con gái lớn của bà Thiều, dặn: "Thuốc này sắc ba chén nấu còn tám phân, uống ngày hai cữ sáng chiều. Gói muối rang này, nấu với nước sôi để nguội, dùng làm vệ sinh rửa ráy cửa mình. Còn gói trà Ô Long này, cũng nấu với nước sôi để nguội. Sau khi rửa bằng nước muối, rửa lại bằng nước trà. Chất mặn của muối có đặc tính sát trùng. Chất chát của trà có đặc tính làm cho cửa mình teo lại. Nhớ lấy, đừng làm sai lời tao dặn. Bây giờ, tao phải vào cắt lể trích bớt máu độc cho má mày."

Bà Lượm Kháng Chiến xách đồ nghề vào phòng người bệnh. Lúc trở ra, trán bà lấm tấm mồ hôi. Bà ngồi trên bộ ván, ăn trầu xỉa thuốc, và nhổ nước bã vào cái lon sữa bò. Nhiều người đàn bà vô công rồi nghề ngồi lại tán gẫu với bà Lượm Kháng Chiến.

Bỗng bà nhìn vào mặt vợ của thằng em tôi, hỏi: "Sao da mặt mợ Út tai tái vậy? Có bệnh gì không?"

Vợ thằng em lắc đầu: "Không. Chẳng bệnh gì."

"Nhưng tao thấy có bệnh. Bệnh còn tiềm ẩn chưa phát ra thôi. Sinh nở mấy lần rồi?"

"Một lần."

"Lâu chưa?"

"Bốn năm trước."

"Thời kỳ ở cử, có nằm than không?

"Lúc sinh nhằm vào mùa hè. Trời nóng quá nên không nằm than."

"Đó! Nhìn màu da sắc diện của mợ mày tao biết ngay mà. Bệnh hậu con ơi, bây giờ không lo chữa trị, sau này hối không kịp."

"Bệnh hậu là bệnh gì vậy, bà Sáu?"

"Về già sinh ra huyết trắng dầm dề, tanh hôi khó chịu. Lâu ngày chày tháng, đau đến sợi dây chằng, đau thắt ngang hông, đau trằn dạ dưới, đứng lên ngồi xuống thốn thấu tử cung. Đó là chưa nói tới những biến chứng."

"Có cách nào chữa trị bệnh hậu, xin bà giúp con?"

"Tao chỉ cho mợ mày cách dùng đồ phương ngoại, khỏi tốn một đồng xu lại hiệu nghiệm như thần. Lá sả, lá bưởi, lá ổi, nếu có thêm lá khuynh diệp càng tốt. Dùng bốn thứ lá này nấu một nồi xông. Mỗi ngày xông một lần, trước khi đi ngủ. Nước xông rồi, để nguội dùng tắm rửa. Đồng thời, mỗi ngày nằm than một tiếng đồng hồ. Chất độc theo mồ hôi ra theo lỗ chân lông. Điều trị như vậy trong vòng một tuần, bệnh hậu tiêu tan, da dẻ hồng hào trở lại. Mợ mày nhớ kỹ để sau này chỉ lại cho người khác làm phước. À... suýt chút nữa tao quên dặn một điều quan trọng. Trong thời gian điều trị, tránh ăn nằm với đàn ông."

Có bà che miệng nói nhỏ: "Nếu mấy ổng vẫn bám riết theo đòi hỏi thì sao?"

Tuy nói nhỏ, nhưng không qua khỏi lỗ tai bà Lượm Kháng Chiến.

Bà quay nhìn người vừa nói câu đó: "Vợ chồng là chuyện trăm năm. Thương vợ thì ráng nhịn một tuần, đâu có chết thằng Tây con Đầm nào, để sau còn hưởng hạnh phúc lâu dài."

Đang nói, bà dừng lại lắng tai.

Bà đưa ngon tay dứ dứ trỏ về phía buồng bà Thiều: "Nghe thấy gì không? Sau khi uống thuốc và rửa bằng nước muối rang, con vi trùng ung thư tuôn ra ào ào. Đó..., nghe chưa?"

Mọi người cùng lắng tai, rõ ràng có tiếng nước róc rách.

Trước lúc ra về, bà Lượm Kháng Chiến gọi người con gái lớn của bà Thiều lại, dặn: "Nếu thuốc có công phạt làm đau đớn cũng đừng lo. Thuốc đắng đả tật là vậy."

Chuyện trong nhà

Sau đám tang bà Thiều, một số người mất tin tưởng vào khả năng chữa bệnh của bà Lượm Kháng Chiến. Bà biết, nhưng không hề chùng bước trước những lời gièm pha. Bà bảo, bà đang điều trị ung thư nửa chừng biến chứng làm xuất huyết tử cung. Máu ra không cầm được. Bà Thiều chết vì mất máu, chứ đâu phải vì ung thư.

Vợ của thằng em tôi đã chuẩn bị nửa bao than từ những ngày trước. Nó nhặt một cái lu sành vỡ của ai đó vất bỏ ngoài rào, đem về đập bớt phần trên chỉ còn phần đáy, dùng làm mẻ đựng than. Giữa trưa trời nắng chang chang, nó cho than vào mẻ sành quạt lửa đỏ lên, đem vào buồng đặt dưới giường có vạt bằng tre.

Thằng em tôi đi bên ngoài về, thấy nhà cửa im lìm. Đứa con gái đang ngồi ngoài hiên.

Thằng em hỏi: "Má mày đâu?"

Nó nói: "Nằm trong phòng."

"Làm gì trong ấy?"

"Con không biết."

Thằng em đi vào gõ cửa: "Bà ơi, đang làm gì vậy?"

Có tiếng trả lời: "Nằm than."

"Nằm than là làm cái gì?"

"Chuyện đàn bà. Đừng hỏi."

"Tôi vào được không?"

"Được. Vào đi."

Thằng em xô cửa. Hơi nóng từ trong phòng ùa ra, cộng với cái nóng gay gắt giữa buổi trưa hè làm nó khựng lại.

"Sao phòng nóng dữ vậy?"

"Đã bảo tôi đang nằm than."

Thằng em bước hẳn vào bên trong, bật đèn lên. Vợ nó đang nằm trên giường, áo quần đẫm ướt mồ hôi. Dưới giường có một mẻ than cháy đỏ..

Thằng em trợn mắt ngạc nhiên: "Trời đất! Bà có điên không?"

"Ai điên? Tôi đang cho ra mồ hôi."

"Ai bày vẽ cho bà cái trò quái đản này?"

"Bà Lượm Kháng Chiến bảo tôi có bệnh hậu..."

"Bà Lượm Kháng Chiến? Bà còn nghe theo cái mụ giết người ấy sao? Dẹp tức khắc. Đi ra ngoài ngay. Trời nóng mà còn nướng người trên lửa, chịu sao nổi? Đi ra ngay!"

"Rồi sau này tôi bị bệnh hậu, ai chịu?"

"Đừng nói nữa. Tôi bảo dẹp cái mẻ than, đi ra ngay. Năm phút sau, bà không ra khỏi phòng, đừng trách tôi đấy nhé."

Vợ nó lầm bầm: "Chưa thấy ai độc tài như ông."

Thằng em đứng trước thềm hiên, ngửa mặt lên trời than: "Làm đàn ông có ba cái khổ. *Thứ nhất vợ dại trong nhà. Thứ hai nhà dột, thứ ba nợ đòi.*"

Hồi ba tôi còn sống, thường bị táo bón kinh niên. Dì tôi (mẹ kế) hay bị nhức đầu chóng mặt. Bà Lượm Kháng Chiến định bệnh, ấy là chứng thiên đầu thống. Nhưng cô y tá mới qua một khóa đào tạo cấp tốc lại bảo là do áp huyết cao. Giữa thời bát nháo chẳng biết tin ai. Dẫu sao, bà Lượm Kháng Chiến cũng có một bề dày kinh nghiệm mấy chục năm, còn khả tín hơn cô y tá mới ra trường.

Ba tôi bảo thằng em viết thư gửi sang Canada cho người anh, xin thuốc nhuận trường, thuốc chống đau nhức. Vào khoảng thập niên 80, đất nước đang lâm vào tình trạng nghèo khó, thuốc thang lại khan hiếm.

Anh tôi gửi về một thùng quà đủ thứ linh tinh, trong đó có liệt kê những món thuốc theo yêu cầu. Gia đình mừng lắm. Dì tôi cất ngay lọ thuốc nhuận trường, để dành cho hai ông bà uống từ từ. Mỗi ngày sau bữa cơm chiều, dì tôi trút ra mười viên, chia đều cho ba tôi và dì. Thuốc uống với nước trà.

Dì nói: "Thuốc nhận trường giải độc. Khi chất độc ra hết thì cơ thể tự nhiên mát dịu. Tôi bị chứng thiên đầu thống, cũng do chất độc lâu ngày tồn đọng."

Dùng thuốc đến ngày thứ năm, ba tôi than với thằng em: "Tao nghe trong người bứt rứt khó chịu."

Thằng em hỏi: "Có đi cầu được không?"

"Năm ngày chỉ đi hai lần."

"Sao vậy? Đã dùng thuốc nhuận trường mà vẫn không bớt à? Ba cho con coi lọ thuốc."

Ba tôi bảo dì mở tủ lấy thuốc. Thằng em cầm lọ thuốc lên xem. Bên ngoài có dán nhãn hiệu thuốc được bào chế từ Canada. Bên trong là những viên thuốc tròn nhỏ bằng hột tiêu màu trắng đục. Thằng em cho một viên vào miệng.

Dì tôi cản lại: "Mày không có bệnh, đừng dùng uổng thuốc."

Nhưng viên thuốc đã vào miệng thằng em rồi. Nó nhai thử, chép miệng xét nghiệm bằng vị giác.

"Chỉ là tiêu sọ." Thằng em tuyên bố.

Ba tôi trợn mắt: "Cái gì?"

"Tiêu sọ." Thằng em khẳng định.

Dì tôi cải: "Mày nói bậy. Thuốc của anh mày gửi về từ Canada đàng hoàng. Đâu phải thuốc mua ngoài chợ mà giả mạo được."

"Con bảo tiêu sọ là tiêu sọ. Còn thuốc được gửi về từ đâu là chuyện khác."

Ba tôi nhai thử một viên, gục gật đầu: "Tiêu sọ thật, bà ơi."

Dì tôi thắc mắc: "Xin thuốc nhuận trường, sao anh mày lại gửi tiêu sọ?"

"Có gì khó hiểu đâu. Khi thùng quà được chuyển về tới Việt Nam, bọn chúng khui ra, thay thế thuốc thật bằng cái thứ mắc dịch này. Nhiều người cũng đã gặp tình trạng như vậy. Bởi thế mới có kẻ chết oan vì lầm thuốc giả."

Dì tôi nói: "Hèn chi... tao càng uống càng nhức đầu chóng mặt nhiều hơn."

Lâm Chương
(trích *Những Đoãn Văn Rời*)

THẬP THÀNH
HOÀNG XUÂN SƠN

Một bữa mùa hè da dẻ tung tăng
vú già vú non đầy đường thỗn thện
a ha cuộc đời quả bóng nguỵ trưng
nón ngả nón nghiêng phố phường dăng dện

Chân đã vui quen sao buồn đóng cửa
im ỉm chiều xưa vết mực cô hồn
thả một ngọn tóc bừng bừng trán lửa
lấn cấn . âm âm . cổ lự bồn chồn

Một khoảng trắng da một trời biến hiện
ngày xanh mắt xanh mà lòng không xanh
quên đi quên đi cuộc tình bao biện
mới chớm nên thơ buồn đã thập thành .

CHỈ CẦN
KHÁNH HÀ

Một mảng trời xanh chợt tìm thấy lại
trên con lộ loáng nước
sau cơn mưa mùa hạ
buổi chiều thơm
buổi chiều nào rất xa

Chỉ cần một cơn mưa
chỉ cần một con lộ loáng nước
chỉ cần một mảng trời xanh
ta về soi lại bóng mình
thời gian chỉ là huyễn tượng

Con ăn nữa nhé

Trần Trị-Chi

Khách du lịch tới một xứ lạ thường đem về nhiều tấm hình hấp dẫn. Cảnh đẹp gợi nỗi nhớ. Nếp sống cởi mở, chứa chan tình người. Chốn ấy vui ơi là vui! Hớn hở. Gặp gỡ. Người ta gặp nhau, cùng vui trong ánh mắt. Người ta hẹn nhau, nụ cười nở tươi trên môi.

Khách chỉ chụp được cảnh của hiện tại. Quá khứ của người dân địa phương, làm sao khách có thể thu vào ống kính được? Kìa là cảnh người cha gầy gò, nhường miếng ăn cho đứa con còm cõi, ngồi bên đường. Khách xem lại hình đã chụp, vẫn nhớ ra được nét đẹp của dân sống tại nơi ấy. Chao ơi là ánh mắt! Đẹp vô cùng lòng người bố thương con!

Những bức hình, do dân địa phương thâu bắt được, không bao giờ phiến diện như thế. Bà Phấn đã ghi lại cảnh bây giờ, lẫn lộn với cảnh ngày xưa. Tập hình đời bà thu vào ống kính có chiều dài của thời gian in trên giấy ảnh.

... Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, chờ chồng...

Ngày nay nước nhà đã được thống nhất.

Chàng trai ngồi lặng câm, đóng khung trong một bức ảnh mầu. Bức hình chụp, Người Chồng Bên Con, ngơ ngác ngồi chờ.

Ngồi chờ! Tấm ảnh trước mặt có chiều sâu của mỏi mòn. Thời gian ơi!... Chờ!.. Chờ từ thủa nước nhà có Người Chinh Phụ Ôm Con, bên trời.

... Anh chàng trong tấm hình mầu, chừng ngoài ba mươi, gầy lắm. Từ gương mặt, qua cánh tay, tới đôi chân; người ta chỉ thấy toàn xương là xương. Cánh tay lòng không, với đôi chân khẳng khiu thòi ra từ cái quần đùi, và chiếc áo sơ mi cộc tay nhầu nát. Tóc rối bù như tổ quạ. Râu lởm chởm bu quanh cái miệng nhọn. Nếu cặp môi đó chu thêm, một chút nữa thôi, thì đúng là cái mõm chuột. Gò lưỡng quyền nhô lên cao,

đẩy hốc mắt lõm sâu thêm vào, khép tối gương mặt lại. Anh ngồi bắt chân chữ ngũ, mặt hơi hếch lên. Đôi mắt đen từ trong hốc vô tình tuột xa tuốt, vuột ra khỏi khung hình. Ánh mắt thờ ơ, buông lơi như muốn từ chối mọi mời mọc. Thôi đừng nhìn nhau nữa, người ơi! Hãy lệch đi cặp mắt, trông sang bên cạnh kìa...

Hoá ra đây là hoạt cảnh của một buổi sớm mai, trong con hẻm rộng.

Ngồi bên ông bố gầy gò, với cặp mắt vô tình, là đứa con gái khoảng sáu tuổi. Cháu ăn mặc sạch sẽ, tươm tất, gương mặt sáng sủa, lưng đeo cặp học trò. Cháu cúi xuống xì xà xì xụp húp từng thìa cháo gà. Phần cháo ít, múc vào chén nhỏ, chị bán hàng có lẽ chỉ bán cho trẻ con. Người lớn ngại; chẳng ai dám gọi chén cháo với vài sợi gà xé, giá chỉ có ba ngàn đồng như thế. Phần ăn của họ, ít nhất, cũng phải trả gấp đôi trở lên.

Giá cả sinh hoạt bây giờ, năm hay mười ngàn đồng chẳng đáng là bao. Khu ăn uống bình dân này bán suốt ngày. Các bà xếp nối dọc theo con hẻm rộng, nhìn sang chợ Nguyễn văn Trỗi. Mỗi bà nấu một món riêng, kê vài cái bàn thấp cho đám khách ít tiền quây quần ăn. Nhưng tiền thuê chỗ ngồi bán, chỉ nghe thôi cũng phát khiếp. Chị bán mì và cháo gà ngồi cạnh mẹ, bà bán bánh canh giò heo. Hai mẹ con, phải trả triệu tư cho chủ nhà để được kê bàn, bầy bán trước cửa. Mẹ con chị sống ở khu này, trong con hẻm nhỏ phía sau trường Đại Học Sư Phạm. Chị sinh ra và lớn lên ở đây nên quen tất cả khách ăn, cũng như người bán. Khi người khách còm cõi đèo con đi học; chị trộm giới thiệu anh, cho mọi người cùng biết:

"Anh Tư Đen chuyên sống về đêm, sáng nào cũng dẫn con gái ra đây ăn cháo. Đưa con đi học xong, anh mới về ngủ."

"Sống về đêm? Kinh nhỉ! Dễ thường cùng băng với đám đêm nào cũng ngồi nhậu trên lề đường, gần trụ sở Công an?"

"Không. Anh hiền lắm! Công nhân quét rác mặc đồng phục mầu da cam đấy. Anh giữ sạch khu chợ, ngay bên kia đường."

"Đúng rồi. Vợ anh ta cũng có một gánh rau, ngồi chồm hổm, bán bên hông chợ."

Một bà khác lên tiếng góp chuyện, rồi chép miệng than thêm:

"Hai vợ chồng có mỗi đứa con gái. Thời buổi này chỉ một đứa, nuôi cũng vất vả! Ban ngày chồng ngủ, vợ quẩy rau ra chợ bán; ban đêm vợ ngủ, chồng thức dậy đi quét rác."

Mẩu đối thoại trên lọt vào tai bà Phấn, lần đầu tiên ngồi ở đây. Sáng nay bà phải tới cơ quan sớm hơn thường lệ, không kịp ăn sáng ở nhà. Bà hiểu ngay họ nói tới người đàn ông, với đứa con gái ngồi cạnh

bà khi nẫy. Bà lật lại tập hình mẫu vừa mới chụp, lôi ra một tấm. Bức hình này bà chỉ bấm nhẹ, nhưng lại đậm nét một chi tiết.

Tư Đen không ăn gì, chỉ ngồi im bên đứa con gái đang ăn. Hình như anh cũng không uống. Ly nước trà trước mặt vẫn còn y nguyên. Chờ...

Chờ?

Tình cảnh bây giờ của mọi người cũng chẳng hơn gì vợ chồng cô Phấn, hai mươi lăm năm trước. Tiền lương kiếm được, tiêu xoẳn tù tì, chưa tới cuối tháng đã hết.

Hồi có bầu con bé, sáng nào chồng cô Phấn cũng bóp bụng, ngồi chờ cô. Anh đậu xe bên kia đường, chỉ mình cô vào tiệm ăn. Tô bún giò heo là khẩu phần đặc biệt để nuôi đứa con đang nằm trong bụng mẹ.

Những ngày ấy, cô Phấn ngồi trong tiệm, dõi nhìn sang bên kia đường. Đôi mắt như ống kính tóm trọn một tấm hình. Quá khứ vẫn thường đóng khung trong tấm hình, chỉ có hai mầu đen với trắng.

Người chồng ngồi vắt vẻo, lẻ loi, trong vạt nắng trắng xoá của buổi sớm mai. Hai túi ăn trưa, vợ chồng mang theo, treo tòng teng bên tay lái...

Thường ngày, trên đường tới cơ quan, bà Phấn chẳng bận tâm khi lái xe ngang qua chỗ cũ. Nhưng hôm nay bà dừng lại bên này đường, nhìn sang bên kia. Có lẽ đây đúng là chỗ chồng bà ngày xưa vẫn dựng xe, ngồi chờ.

Khách ăn trong tiệm vắng hơn ngày trước. Nhưng người ngoài đường lổn nhổn đông quá là đông. Xe cộ ngược xuôi rối tinh lên. Tiếng máy nổ bồm bộp gõ vào sọ mọi người. Khói bụi ban đêm lắng xuống, mới sáng tinh mơ đã được khuấy lên, và phun thêm ra. Mù mờ!

Lúc này còn quá sớm nên Sài Gòn chưa đủ nóng. Nhưng không khí ngột ngạt bốc mù làm phiền lòng người. Xe nọ xô xe kia chạy. Người người ồn ào, ùn ùn, chen nhau, lấn tới. Bà Phấn lách xe vào giữa dòng, lẫn trong tiếng nổ dồn dập. Lòng bà lại lạc dần về thời còn trẻ, hơn hai mươi lăm năm về trước.

Một tấm hình đen trắng khác, do chính cô Phấn theo dõi và bắt được, bây giờ được lôi ra nhìn thêm một lần nữa...

... Đúng là thằng oắt con gầy gầy, đen đen, đang đứng nói chuyện với anh Công an khu vực. Trời ơi! Hai mẹ con nó sống ngay sau lưng nhà cô, chỉ cách nhau có một tấm vách mỏng. Hèn gì...

Ngay từ khi chộp được bức hình này, cô Phấn đã uất với lòng. Cô dứt khoát, rồi đứa con của cô sẽ cao lớn hơn thằng bé trong hình. Con sẽ là măng non mọc thẳng!... Con nhớ nhé!

Bao nhiêu hứa hẹn.

Bao nhiêu mơ ước, chờ mong.

Nuốt miếng thịt bò thái mỏng, cô Phấn nghĩ tới đứa con trong bụng. Gặm cái móng heo, cô nhẩn nha tin theo lời các cụ vẫn nói. Bổ dưỡng là ở cái móng heo này đây! Từng sợi bún. Từng thìa nước lèo sóng sánh chất đạm. Cô vừa nuốt, vừa húp, vừa mơ. Của trên đời phải dành hết cho con!

Bố nhịn cho mẹ ăn. Mẹ ăn cho con được cao hơn bố.

"Cố cho nó cao, sao được hơn thước sáu, em à."

Chồng cô Phấn, người tầm thước với gánh nặng của cuộc chiến vừa qua, nhiều đêm thì thầm một mơ ước nhỏ. Những khi ấy cô đã gượng nhẹ cái bụng, khúc khích vui vui:

"Thích ghê! Anh sờ coi... Nặng ơi là nặng!"

Nhịn cho con.

Ăn cho con.

Đời con chắc chắn rồi sẽ cao hơn. Sẽ thẳng đứng như măng non. Sẽ không bị uốn cong vào bóng tối của rình mò, lắng tai nghe trộm. Con yêu ơi!

"Úi chà!... Anh!... Nó vừa đạp mạnh quá đây này!"

Rồi vận may của cả nước đã tới! Riêng bà Phấn gặp được cơn gió bốc. Từ một chân đánh máy tẻ nhạt ngồi khuất trong một góc. Bà Phấn được nhận vào làm tại Công ty khai thác và bán dầu thô cho nước ngoài. Tiền bạc Nhà nước thu về là tiền thật.

Tiền thật đấy!

Trên hoá đơn rõ ràng người ta dùng tiền nước ngoài để tính với nhau. Đất nước ta giầu to rồi! Tiền thật đấy! Cả nước ơi!... Ai cũng hớn hở.

"Chị Phấn! Hôm nay sao chị tới cơ quan sớm thế?"

Anh bảo vệ lên tiếng chào, khi bà Phấn dừng xe trước cơ quan.

Đã bắt đầu một ngày làm việc rồi đây. Mệt ơi là mệt!

Nghĩ tới việc phải làm, bà Phấn không vui. Nhưng bà mong ngày mai sẽ tới. Sẽ lại dậy sớm. Sẽ không ăn sáng ở nhà. Sẽ ra ngồi tại đó. Sẽ được gặp lại. Sẽ làm một cái gì để sửa, để vỗ cho no những ngày thiếu thốn xa xưa. Anh Tư Đen, ngày mai sẽ có một cái gì để ăn, chứ không như chồng bà ngày ấy.

Bà Phấn nhếch miệng. Nụ cười chưa kịp đậu trên môi, đã vội biến mất. Bà vẫn thường có tâm trạng mới chớm vui đã chợt buồn. Thì nhiều người vẫn bảo, cái số của vợ chồng bà nó như vậy. Cứ nhìn miệng của bà thì khắc biết.

Một bức hình đen trắng từ ngày xưa tự nhiên lại được mở ra.

... Anh Công an Phường ngồi co hai chân lên ghế. Ngón tay trỏ đang cố moi sâu trong lỗ mũi. Ngoáy!...

Đó là những ngày vợ chồng cô Phấn bị xoáy tròn, moi móc đến phải trắng tay. Cả tháng liền vợ chồng cô phải lên văn phòng Công an, làm bản tự khai và báo cáo việc làm của từng ngày một. Anh Công an, ngoáy lỗ mũi ngồi chờ. Cũng có lần, ngồi lâu quá, anh đứng dậy đưa tay gãi háng. Trước khi bỏ vào trong, anh nói lớn cho vợ chồng cô Phấn cùng nghe:

"Mót đái quá!"

Tự khai! Báo cáo! Đợi chờ!

Mệt vô cùng! Đi làm về, mỗi ngày lại thêm một câu hỏi mới. Cái miệng của trẻ con cũng được kích lên. Nó phải thêm thắt, đặt điều sao cho vừa với bụng của người muốn nghe. Nguyên do chỉ vì tấm vách, ngăn đôi giữa hai gia đình sống đâu lưng với nhau, làm bằng gỗ quá mỏng. Thằng bé con, chưa tới mười tuổi, ở căn hộ phía sau nhà cô Phấn, chẳng rõ rành mò từ hồi nào, đã biết hết mọi tính toán của vợ chồng cô.

Ngày đó, vợ chồng cô Phấn chưa muốn có con vội. Ưu tiên hàng đầu là làm sao thoát cái đã. Chuyến vượt biên bị động, mọi người phải vội vã ra khơi, bỏ rơi vợ chồng cô ở lại.

...

Sáng hôm sau, bố con anh Tư Đen ra ăn muộn hơn bà Phấn. Anh không nói gì. Cháu bé cũng lặng yên. Cả hai kéo ghế, ngồi xuống. Yên lặng. Nhìn ngó. Có một chút mơ màng, buồn ngủ trên gương mặt hai bố con.

Bà Phấn vẫn bình thản ngồi ăn, nhưng mắt không để vào tô mì. Chị bán hàng cũng chẳng lên tiếng hỏi. Chị lặng lẽ múc cháo vào chén nhỏ, rắc lên trên vài sợi gà xé. Phần của Tư Đen là ly nước trà nóng, cũng nhỏ thôi.

Quái nhỉ? Sao lại chẳng ai nói gì với ai? Chỉ một lời thôi?

Tư Đen lơ đãng ngước mặt nhìn trời, chưa uống vội. Vẫn vậy. Vẫn chẳng ai nói gì với ai. Vẫn lặng câm!

Tách!

Có tiếng máy ảnh bấm. Ồn ào chung quanh chợt biến tan đâu mất.

Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, chờ ngày xum họp

Ngày nay cảnh đời rõ ràng dừng lại, đóng khung Tư Đen trong một tấm ảnh mầu.

... Người Chồng Ngồi Bên Con. Chờ! Đôi mắt Tư Đen mỏi mòn mong ngày với đêm thôi đừng xa nhau nữa...

Nhưng đêm vẫn cách mặt với ngày. Năm tháng xoay tròn bỏ rơi tấm hình, rớt lại phía sau.

Vẫn chờ!

Cháu gái xì xà xì xụp, vừa thổi vừa húp nhẹ từng thìa cháo nóng. Bà Phấn cũng mới ăn xong. Nhân vật trong hình có một chút lay động. Tấm hình mờ hẳn đi. Đời sống ào trở lại, nhấp nhô thành hoạt cảnh. Những cánh tay hình như đang vẫy gọi, muốn được chạy theo với. Thời gian ơi! Chờ chúng tôi nào! Ồn ào bùng lên. Tiếng người lẫn tiếng máy xe nổ kêu boong boong ở ngoài đường lớn.

Nắng lên không đợi ai chờ, chiếu vàng một bên con hẻm lớn. Và cũng không ai chờ được nữa! Bà Phấn bâng quơ nói:

"Tô mì bây giờ chỉ bằng non nửa ngày xưa!"

Nhưng chẳng có ai chờ để nghe câu bà than. Bà bèn gọi với sang hàng bên cạnh. Giọng lớn hơn:

"Chị cho đĩa trứng gà ốp-la với ổ bánh mì!"

"Hai hột gà ốp-la? Nhiều dầu? Chiên chín hay hơi sống, thưa bà?"

"Nào, có bán hay không? Hỏi gì mà hỏi lắm thế? Muộn rồi!"

Bà Phấn cười nhẹ, trả lời bằng câu vặn lại cho vui, cho hợp với lòng bà. Và khi đĩa trứng cùng ổ bánh được chuyền tới, bà nói lớn:

"Những hai trứng cơ à? Tôi vừa mới ăn tô mì, làm sao ngốn cho hết?"

"Cháu có hỏi, thưa bà."

Chị bán hàng vội phân bua. Nhưng bà Phấn lại mỉm cười, chặn ngay lại:

"Thôi. Không sao! Chị cho tôi xin cái đĩa không nữa."

Rồi tiện lời, bà quay sang đề nghị với Tư Đen, chỉ có ly trà trước mặt:

"Anh ăn giùm tôi một nửa nhá?"

"..."

Chờ Tư Đen đồng ý?

Chuyện bà Phấn định làm đã đến đây, đời nào lại như vậy?

Bà đưa tay đỡ cái đĩa khác, nhanh nhẹn chia đôi hai quả trứng ốp-la. Tư Đen vẫn không lên tiếng. Gương mặt anh sáng một chút thiện cảm; nhưng liền sau đó tối sầm ngay lại. Ánh mắt anh cụp xuống theo phần ăn bà Phấn đưa sang. Việc gì phải ngượng ngùng? Có gì nhiều đâu mà lại ra chiều hối hận đến như thế? Sao lạ vậy!

Tư Đen nhìn quả trứng. Ánh mắt như muốn đổ lòng người, tuôn ra niềm tiếc nuối! Anh bẻ nhỏ miếng bánh mì. Anh nhẹ nhàng quét miếng bánh, vòng theo quả trứng, thấm một chút dầu ăn. Lòng đỏ của quả

trứng tròn, được phủ một màng mỏng trăng trắng. Mầu hưng hửng đỏ nằm giữa tảng trắng dầy, hơi cháy cạnh.

Chậm chạp bẻ.

Chậm chạp quét miếng bánh xoay tròn quanh quả trứng.

Chậm chạp nhai.

Và chậm chạp Chậm hơn nữa

Ánh đèn của máy ảnh chợt nháy sáng. Mọi động tác đột nhiên dừng lại. Lặng câm!

Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, mong một gia đình hạnh phúc ấm no...

Ngày nay nước nhà đã gỡ bỏ chế độ bao cấp. Bức hình mầu chụp người dân tự lo liệu lấy, đắp điếm cho nhau.

... Tư Đen ngồi yên bên con, trước đĩa trứng gà ốp-la, chờ và nhìn đĩa trứng. Đôi mí mắt của Tư Đen cụp xuống. Mong được ngủ? Hay là muốn trốn?...

Đứa con gái trong hình dao động, lách mình ra ngoài khung. Cháu bắt kịp thời gian, húp nhanh hết bát cháo. Đôi mắt vui liếc sang quả trứng tròn tròn, hưng hửng đỏ. Cháu còn bận liếm mép, làm sao lên tiếng hỏi được. Nhưng gương mặt cháu bừng lên vẻ sáng ngời!

"Con ăn nữa nhé."

Tư Đen cũng chợt tỉnh, bước theo con ra khỏi tấm hình. Anh vừa nhìn con, vừa bảo, và đẩy xa đĩa trứng với ổ bánh về phía nó. Tư Đen ngước lên nhìn bà Phấn. Cặp môi vẫn chưa khép lại kịp, sau câu nói với con. Cái miệng đã chuyển vội sang một nụ cười lệch.

Có một bức hình mầu chụp lớn một nụ cười méo. Buồn buồn. Ăn năn.

... Cái miệng chỉ hơi mỉm. Cặp môi bị hàm răng hô đẩy nhô ra. Nụ cười đã ấn sâu cặp má hóp, thêm vào. Khiếp! Sao mà méo lệch đến như thế!...

Bà Phấn cũng thôi quan sát đĩa trứng của hai bố con anh Tư Đen. Bà không muốn nhận nụ cười của anh. Mọp mẹp quá! Bà phóng mắt mông lung ra tận ngoài đường. Xa hơn nữa cơ. Ánh nhìn trượt lên trời cao, vượt qua khỏi mái chợ tới tận đâu đâu.

Có một phần chung giữa cái nhìn của bà Phấn bây giờ và ánh mắt của Tư Đen vẫn có. Cả hai chỉ lơ đãng, chỉ thờ ơ. Chia nhau một cách nhìn. Nhưng khác nhau hai tâm sự, hai lối suy nghĩ. Bà Phấn bỏ rơi Tư Đen ngồi đó. Anh lại được đóng khung trên tờ giấy ảnh mầu, bên cạnh bức hình đen trắng cũ.

Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, mong con nhận

được mặt bố. Bao giờ?

Ngày nay nước nhà đã được mở rộng cửa, cho buôn bán tư doanh.

... Tư Đen ngồi buồn bên Con. Người chồng chờ vợ về, từ bên kia chợ. Có bóp bụng được chút tiền nào, nhường lại cho con ăn sáng, ngày mai?...

Nhường! Thì dành co lại , gói ghém với nhau, nhường cho con thôi.

Hai mươi lăm năm trước, chồng cô Phấn ngày nào cũng nhường phần cơm trắng cho cô mang theo. Anh chồng chỉ có miếng cháy cho buổi trưa tại nơi làm việc. Nồi cơm nhỏ nấu mỗi buổi sáng cho hai vợ chồng mang đi, bao giờ cũng có cháy. Cơm trắng dứt khoát phải bổ hơn miếng cháy! Các cụ vẫn bảo vậy mà. Chính miếng cháy đã làm tốn nhiều hạt gạo của đứa con. Ông bố cố nạo mỏng miếng cháy dưới đáy nồi. Phần cơm trắng phải làm sao cho nhiều nhiều hơn một chút. Cơm là của nó, trong bụng mẹ. Con yêu ơi!

Tự nhiên bà Phấn bực mình. Bà không muốn nhường nữa. Quá khứ không thể chấp nhận hiện tại giống y như ngày xưa được. Ánh mắt biết điều của Tư Đen sao an phận quá! Có tội gì đâu mà phải thế? Thôi! Phải bỏ đi thôi!

Bà Phấn bỏ ra xe. Dứt khoát. Quên cả trả tiền.

Khi bà quẹo phải vào đường Kỳ Đồng, ngang qua tiệm bún bò Huế, thì bà lại càng bực thêm. Nơi đây có ông bố đã dựng xe ngồi chờ.

Nhường!

Cơn giận vô cớ bốc cao, đốt cháy tâm can, lộn tùng phèo mọi suy nghĩ. Bà Phấn lãng đãng trôi theo dòng xe đang cuốn tới, như có ai đèo đi. Lại thêm một tấm hình đen trắng nữa của quá khứ, hồi cô Phấn có thai đứa con đầu lòng.

Bụng cô Phấn đã lớn lắm. Chồng cô phải ngồi lui lên phía trước, nhường thêm chỗ cho cái bụng của vợ. Đứa con cùng với bố mẹ, ngồi chung trên chiếc xe hai bánh, chở nhau đi làm

Bà Phấn muốn xua đuổi tấm hình đen trắng này đi. Bà muốn quên luôn cả quá khứ lẫn hiện tại.

Nhường cho con. Nhịn cho con. Khốn khó của vợ chồng bà ngày trước vẫn kéo dài mãi cho đến tận bây giờ. Chia cho Tư Đen một quả trứng, bà muốn anh có được một ngày không phải đói như chồng bà khi xưa. Bà đã mượn Tư Đen để cố vỗ no cái quá khứ thiếu ăn của chính vợ chồng bà ngày trước. Nhưng điều nhỏ nhặt này cũng không xong! Đĩa trứng gà ốp-la, bà gọi thêm vừa rồi, không có tích sự gì. Tư Đen đã nhịn, nên vẫn đói như chồng bà ngày xưa.

Rồi bà lại còn quên cả trả tiền ăn sáng bữa nay nữa chứ!

Nhưng dòng xe chạy, như đời sống đang trôi tới, cuốn thúc bà đến cơ quan. Quay ngược lại với đời thường đang xuôi chẩy, khó lắm:

"Thôi. Chuyện tiền chưa trả, hãy để đến ngày mai!"

Công việc bà Phấn phải giải quyết hôm nay tại cơ quan không thể khất như vậy được. Nhưng bà chẳng biết phải dứt khoát ra sao đây. Thành ra cứ chờ!

Đành đợi vậy!

Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, chờ chồng

Sáng hôm sau nữa, bà Phấn ngồi đợi Tư Đen đến nhưng không thấy hai bố con anh đâu. Tô mì gà bà ăn đã hết, vẫn chẳng thấy bóng dáng hai người bà mong. Cô bán hàng, người rành chuyện nhất trong xóm, cũng chẳng biết tại sao.

Bà Phấn lên tiếng hỏi.

Muốn biết thì phải chờ ngày mai, thôi! Lại chờ!

Trên đường tới cơ quan, bà Phấn nổi cáu. Tính bà ai cũng rõ, mỗi khi bà quạu, bà hay gây sự với mọi người. May cho đám nhân viên dưới quyền bà; chẳng có ma nào phải đi làm sớm, như bà đã từ ba hôm nay.

Chỉ có ông Giám Đốc sáng nay cũng vào rất sớm; có lẽ trước cả bà Phấn nữa. Ông cười rất tươi, mau mắn chào lại bà, ngay khi vừa mới gặp. Ông góp ý luôn về vấn đề đang xẩy ra trong cơ quan:

"Chuyện Năm Nước Lèo, hãy khoan. Ai chẳng có lúc sai lầm!"

Bà Phấn yên lặng chờ. Ông Giám Đốc phán tiếp:

"Nặng về giáo dục, nhẹ phần xử lý. Châm ngôn của Công Ty ta từ hồi nào vẫn như vậy... Chị nói với phòng Quản lý cho Năm Nước Lèo đi học một khoá bảo trì máy móc. Cũng đừng quên bảo nhân viên ban Kế toán, lập bảng chiết tính tiền bạc, rồi đưa sang cho Trưởng phòng Hành chánh, ký Công ty ta làm ra tiền cho Nhà nước. Có tốn kém thêm cũng chẳng sao!"

Thế là xong! Mọi chuyện cứ để nguyên như vậy. Bà Phấn nhẹ hẳn cả người. Ngày mai bà không phải đi làm sớm nữa. Con hẻm rộng sáng mai bà sẽ lái xe qua, như mọi ngày, không dừng lại. Giờ đó, cháu gái đã tới trường, Tư Đen chắc cũng sắp ngủ. Chị bán mì gà đành hụt mất một bà khách thôi.

Tự nhiên đĩa trứng gà ốp-la hiện lên trong đầu bà Phấn. Hai cái lòng đỏ quay tròn Xoay tròn một miếng bánh mì nhỏ. Một vòng chờ đợi, quanh quả trứng cháy xém cạnh. Vẫn chờ!

Ngày xưa có núi đá, Nàng Chinh Phụ Ôm Con, chờ

Ngày nay nước nhà đã có nhiều Công ty lớn của các nước ngoài đầu tư.

Có một tấm ảnh, ảnh mầu, chụp hình cháu gái học trò.

... Cặp mắt cháu chiếu thẳng vào lòng đỏ của quả trứng, cũng tròn vo như đôi mắt. Cháu đang liếm mép, chờ sẽ được nhường!...

"Con ăn nữa nhé!"

Câu nói, chỉ có bốn tiếng, như cánh cửa bật tung ra, đón cơn gió ập vào, thổi tấm hình bay đi.

Tùng xoè hoạt cảnh vẫn quay tròn. Quá khứ lẫn lộn với bây giờ. Nhấp nhô, ồn ào đã từ bao nhiêu năm nay!

.... Hôm nay bà Phấn không phải đi làm sớm nữa.

Khi qua chỗ cũ, bà giảm tay ga, và bắt được nụ cười của chị bán mì gà:

"Bà Phấn! Bà không ra ăn sáng, giúp cho con?"

"Tôi đã ăn ở nhà rồi. Hôm nay khỏi phải đi làm sớm nữa."

Bà Phấn ngừng xe lại, vui vẻ trả lời. Nhưng bà chợt nhận ra chuyện lạ, nên lên tiếng hỏi lại, vẫn ngồi trên yên xe:

"Sao chị biết tên tôi?"

"Cháu mới biết hồi hôm thôi... Anh Tư Đen, hồi còn nhỏ, ở ngay sau nhà bà đấy. Sau này mẹ con anh mới dọn sâu vào trong. Nhưng anh biết bà từ những năm, bà chưa xây bức tường gạch ngăn đôi hai nhà với nhau."

Bà Phấn lặng người đi! Hai mầu đen trắng chợt nhấp nhô trở về. Nhưng nhiều tấm hình mầu mới chụp từ mấy hôm rầy lại được mở ra, thay thế.

... Tư Đen ngồi chờ đứa con gái đang ăn... Ly nước trà trước mặt vẫn còn y nguyên... Đôi mí mắt của Tư Đen cụp xuống. Mong được ngủ, và mong được quên đi... Một nụ cười méo. Một cái miệng muốn nói lời hối hận... Đĩa trứng gà ốp-la với lòng đỏ mầu hưng hửng... Cặp mắt cháu gái học trò chiếu sáng vào quả trứng, cũng tròn vo như đôi mắt của cháu...

Toàn bộ tập hình mầu, không lời, tựa như dáng ngồi lặng câm của Tư Đen. Không gian hoàn toàn tĩnh lặng, vì thời gian đã ngừng trôi. Chợt từ chốn không lời đó, nhè nhẹ lập đi lập lại một câu nói nhỏ, như từ một nơi rất xa vọng về:

... "Con ăn nữa nhé!"... "Con ăn nữa nhé!"... "Con... ăn... nữa... nhé!"

Câu nói rất nhỏ nhưng rối ù trong tai bà Phấn. Âm vang dội vào lòng bà, như cánh cửa bật tung ra, mở đời mới cho con.

Chao ôi! Mong sao các con yêu quí không còn phải lén lút gặp ai nữa!

Trần Trị Chi

SÂN ĐỀN

Kịch

Nam Dao

Kịch bản này thuộc diện hài, vẽ lại một bức tranh gồm nhiều nhân vật sống chung quanh cái sân trước đền bà Chúa, một nơi lên đồng. Sân lúc nào cũng ngổn ngang người. Họ quay cuồng bộn bề trăm mối. Không khí của vở kịch là hài. Và hài vì phi lý. Cho từng cá nhân thì không, nhưng như một xã hội nhỏ, sự phi lý đó chi phối mọi cuộc đời. Cũng chính vì thế mà sau tính hài, chất bi kịch chập chờn. Hài là diện. Chất bi là điểm. Tính bi hài không chỉ giới hạn vào những kẻ đến múa may trong tiếng hát cung văn và tiếng kèn nhịp phách. Nó len qua mức độ cá nhân, vào từng gia đình, rồi tràn ra phường, quận... cho đến cả đất nước. Chúng ta đang thể nghiệm một cuộc lên đồng tập thể nơi ngưỡng cửa thế kỷ 21.

Kịch viết theo thể hiện thực nên chủ yếu chuyên chở mặt nổi. Tác giả biết nó không mang tính thơ và chất lãng mạn thời Tự Lực Văn Đoàn, không biết chừng chẳng hợp khẩu vị với những độc giả đi tìm những giọt lệ chảy ra bên ngoài. Nhưng nước mắt có thể rơi vào bên trong. Nuốt nước mắt là mặt chìm của hiện thực.

MỞ MÀN

Đạo diễn bước ra, tay sửa gọng kính :

Kính thưa khán giả,

Lẽ ra, đạo diễn một vở kịch không lên sân khấu, trừ khi màn đã hạ với một vở kịch thành công. Lúc đó, quí khán giả gọi, và đạo diễn chạy ra nắm tay diễn viên, rồi cúi rạp xuống để cám ơn, dĩ nhiên là trong tiếng vỗ tay, tiếng trầm trồ. Nhưng lần này, khác. Bởi thưa quí khán giả, quí vị cũng sẽ là nhân vật của vở kịch này. Diễn xuất, hay hoặc dở, là tùy quí vị. Phải nói, *chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*. Đó là cách một

thiên tài thốt ra nhằm an ủi thế gian: vậy ta cứ cho rằng hay dở là ở tâm, không tùy tài.

Thưa quí khán giả, các vị là những khán giả đóng góp vào vở kịch như diễn viên. Xin đừng đợi đến khi màn hạ mới bắt đầu diễn xuất vỗ tay. Về phần thoại, quí vị chỉ cần lập lại lời một diễn viên trên sân khấu khi anh (hay chị) ta quay về phía quí vị, giơ hai tay lên trời, miệng hò, mắt nhìn thúc giục. Ví dụ như thế này tôi giơ tay, hò «thế có được không?». Quí vị đợi tôi vẫy, đồng thanh trả lời, hoặc là được, hoặc là không, tùy quí vị. Ở đây, xin nhắc là tất nhiên đa số thắng thiểu số. Quí vị cứ lớn giọng, và át tiếng là thắng, nên ta chẳng cần đến cơ chế bầu bán dân chủ gì cả.

Vở kịch quí vị đang xem gồm ba màn, mỗi màn lại có một số cảnh. Kịch xảy ra trong một ngôi nhà hình chữ chi, bốn đời trước thuộc một ông Tuần Phủ. Đến đời chắt gọi quan Tuần bằng cụ thì chỉ còn hai người, một người gọi là Họa sĩ, và người kia là Đồng cô. Họa sĩ chạc bốn mươi, tóc bù xù, giảng viên tại trường Mỹ Thuật Hà Nội. Họa sĩ sống trên một căn gác lửng xây thêm, phía dưới là gian thờ Tổ ngày xưa. Vì nghiệp vụ, Đồng cô đã biến gian thờ thành một cái đền mang cái tên tuyệt vời : Đền bà Chúa. Đồng cô cũng là một thanh niên, kém Họa sĩ bốn tuổi, con út trong một gia đình có ba anh em. Ông anh cả có học, sang Đông Đức theo diện lao động quốc tế, cưới vợ đẩm rồi xin ở lại, hiện làm chuyên viên điện toán cho chi nhánh hãng Microsoft. Phần còn lại của căn nhà được nhà nước xã hội chủ nghĩa phân cho bốn hộ.

Hộ 1, có **Bà góa** và đứa con gái được mười hai tuổi, ai cũng gọi là **Ngu-Ngơ** vì nó không nhanh trí. Bố nó là Đại tá, đã hy sinh trên chiến trường Campuchia vào đầu năm 80.

Hộ 2, có **Cụ** và **Cô gái**. Cô năm nay học xong cấp ba và sắp phải chọn lựa cho mình một con đường cho tương lai.

Hộ 3, là cặp vợ chồng trẻ. **Chị vợ** chạy chợ, **Anh chồng** là công nhân viên, nhưng không ai biết rõ họ làm gì.

Hộ 4, có ông Tổ trưởng Tổ dân phố, vợ, và hai đứa con trai tuổi choai choai. Hàng xóm gọi họ là **Ông (Bà) dân phố**. Còn về phần hai công tử, anh là **Thằng Đê** và thằng em là **Thằng Tháu**. Đê là chữ chửi đầu miệng của thằng anh. Còn Tháu, bởi thằng em có cái tật ăn cắp vặt.

Ngoài những nhân vật nói trên, vở kịch còn có **Ông Nhà Nước**, một

Bà Việt kiều và một **Ông già**, đeo kính đen, lẩn quẩn xin nước trong khu phố. Ông Nhà Nước không cần nhân vật diễn xuất. Ông ta được biểu hiện bằng những tiếng tra vấn phát ra từ micro, ở trong bóng tối, nhưng lúc nào cũng đâu đấy, chập chờn chi phối mọi nhân vật qua cái chúng ta gọi là *sự sợ*. Bà Việt kiều về Hà Nội, đi Vân Anh, Phủ Giầy, rồi đến hầu đồng ở Đền bà Chúa. Ông già đeo kính đen, ngày nào cũng đi vòng bờ Hồ, được dân gian gọi là các nhà Cách Mạng lão thành. Sau cùng, còn **Tiếng đồng thanh**. Đây là tiếng nói tập thể, thường nói những điều ai cũng nghĩ trong bụng nhưng chẳng người nào nói ra mồm. Chắc cũng lại vì sợ. Và, lạc quan mà nói, có thể vì khôn, thứ khôn lỏi, nghĩa là ai nấy mong mọi người khác mình đều ngu, để ăn riêng thủ lợi. Vì thế, khi có Tiếng đồng thanh, tất cả nhân vật phải ngậm miệng, mặt mũi trơ ra, vô hồn. Tiếng nói sẽ được phát từ một cái loa rè, như tiếng tụng kinh, ề à, máy móc, luôn luôn kết bằng thanh ạ, như về hùa reo lên, hoặc ngạc nhiên tra hỏi, và bình thường thì chỉ như phát xuất từ một quán tính tự động.

MÀN I

NGƯỠNG CỬA

Cảnh 1 : Đón Xuân

Trong sân, trên tam cấp, Ông dân phố đứng nói, ở dưới là tất cả mọi nhân vật (trừ Họa sĩ, Anh chồng) đứng ngồi lũ lượt. Lúc đó khoảng sáu giờ chiều, trời chạng vạng, gió hiu hắt.

Ông dân phố (chậm rãi, ề à) : ...Đấy bà con biết, cứ như mọi năm, Tết nhất là nhà nào cũng tự nguyện đóng góp. Tôi nhớ năm ngoái, khâu lớn nhất là đóng góp xây dựng vườn cây xanh làm đẹp khu phố... (tay giở xấp giấy loạt xoạt, mắt nhướng lên đọc) ...À...ư... năm nay thì tự nguyện đóng góp vào giữ phúc lợi tuổi vàng... nghĩa là tuổi đã cao, trên sáu mươi thì gọi là tuổi vàng...

Tiếng đồng thanh (mọi nhân vật, đều bất động, cùng cất tiếng lên nói một lượt, tiếng phát âm như khi người ta tụng kinh, đều đặn, máy móc)

- Lại tự nguyện
- Lại đóng góp
- Tự nguyện đóng góp ? (giọng cao lên như hỏi)

Ông dân phố (chép miệng) : ...Ấy, như lệ thường, đất nước ta còn

nghèo, cho nên...

Tiếng đồng thanh : Biết rồi, khổ lắm, nói mãi. Lúc nào cũng có một bài nhai đi nhai lại (lập lại 2 lần).

Ông dân phố : ..khi nào cần, nhân dân có... khi nào khó, có nhân dân. Mỗi hộ tự nguyện đóng một trăm nghìn tối thiểu, nhà nào đóng hơn thì tập thể hoan nghênh...

Tiếng đồng thanh : Có mà điên à ! Động viên nhau đóng tiền cho các ông ấy ăn Tết !

Ông dân phố (gãi đầu): ...Tổ ta như vậy, có năm hộ, chỉ tiêu là nửa triệu...

Bà góa (giơ tay) : Cả tổ, có cụ đây (tay chỉ bà cụ ngồi cạnh cháu gái, đang tóp tép nhai trầu) là tuổi vàng. Đếm ra, cả khu phố có chừng một chục tổ, tức là thu vào năm triệu. Số các cụ thì chỉ bốn năm cụ, thế là mỗi cụ được một triệu. (giọng châm biếm, nhìn cụ) Đấy, thế là cụ giàu rồi, một ngày mà bỗng dưng thành triệu phú...

Cụ (lắc lắc) : Ấy chết, tôi chẳng dám. Tuổi vàng mới chẳng tuổi bạc ! Thu thì cứ thu, còn có bao giờ chia đâu mà có...

Chị vợ (giọng chua lét) : Năm ngoái bảo đóng góp để trồng cây, cả năm rồi có thấy cây cỏ gì đâu...

Bà dân phố : Nhà tôi làm việc công, trên bảo nói thế nào thì nói thế vậy, còn cái khoản sau đây, mới là gay go.

Tiếng đồng thanh : Gay go. Khoản gì ?

Ông dân phố (xoa tay, ngập ngừng) Vâng, báo cáo lại cho bà con biết, trên không cho phép sinh hoạt tín ngưỡng tuần lễ sau...

Đồng cô (đứng lên, tay chống nạnh, chua ngoa) : ...không sinh hoạt có nghĩa là không cho phép hầu mẫu phải không ông dân phố ?

Ông dân phố (lúng túng) : Đúng, đúng thế...

Đồng cô (chu mỏ) : Thế lý do gì ? Ở đây, hầu mẫu đã ba năm, tháng nào cũng một hai lượt, ít là hai, ba vấn đồng, lại đóng thuế, thuế trắng đóng mà thuế đen thuế đỏ cũng đóng...

Ông dân phố : ...Trên bảo lên đồng là sinh hoạt mê tín dị đoan...

Đồng cô : Trên, trên gì ? Chẳng có ai trên được tam tòa thánh mẫu...

Bà góa (ề à) : Trên là thần là thánh, nhất là khi hết bao cấp, tem phiếu...

Đồng cô (quắc mắt) : Chứ còn gì nữa ! Cứ xem từ ngày có Đền bà Chúa, chẳng nói gì đến tổ dân phố mình mà cả phường, cả quận được hưởng (xách mé nhìn ông dân phố). Đây, tôi kể cho mà nghe. Mỗi lần

hầu mẫu, thằng Đê với thằng Tháu thu vé vào cửa, được khoảng chục nghìn. Rồi cái sân gạch này (tay chỉ), ai bỏ tiền ra xây? Tiền ở đâu ra? Không phải là lộc của chư vị Thượng Tiên Thượng Thánh thì có mà khối ra...

Bà dân phố (ỏn ẻn) : Thì cũng biết vậy. Nhưng nhà tôi được lệnh phổ biến cái gì thì phải phổ biến cái ấy, nói lại để bà con ta nắm.

Ông dân phố (ngập ngừng) : ...nói để bà con ta nắm, còn nước còn tát...

Bà góa (ề à) : Đúng thế ! Tổ dân phố ta đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết...

Chị vợ (véo von mỉa mai) : Vâng, thế là thành công, thành công, đại thành công...

Đồng cô (ưỡn ẹo) : ...Hừ, này tôi nói cho mà biết. Tôi hiểu tại sao thình lình lại cấm cản rồi...

Tiếng đồng thanh : Nói đi, nói đi...Lạy Mẫu Thượng Ngàn, linh hiển cõi Tiên, xin cho lũ con, đui điếc

dưới trần, biết chuyện dưới thế

Đồng cô : Chả là có Bà Việt kiều đến xin hầu. Chắc là (kéo dài miệng) tr.. ê.. n muốn biết giá cả ra sao chứ gì ?

Tiếng đồng thanh : À ra thế ! (lập lại ba lần). Khách sộp đô la, thuế đánh gấp ba, ạ.

Đồng cô : Muốn gì cứ nói! Đường ngay không đi, cứ quanh co thế thì có ngày trời đánh thánh vật...

Thằng Đê : Địt mẹ nó, thánh vật cho mà chết !

Bà góa (ề à) : Có chết đâu mà chết...

Ngu-Ngơ (thét) : Bỏ tay ra, thằng khốn nạn.

Tiếng đồng thanh : Gì vậy ?

Ngu-Ngơ : Lại cái thằng Tháu, nó kéo quần cháu xuống...

Bà góa (nhìn Bà dân phố) : Hai bác không bảo cháu, tôi phải dạy nó vậy.

Bà đứng lên, lấy chổi quật thằng Tháu. Nó rú lên cười rồi bỏ chạy. Đúng lúc ấy, Họa sĩ đi vào.

Đồng cô (chua ngoa) Tôi bảo cho mà biết, tôi giao kèo với Bà Việt kiều rồi Ông dân phố ạ ! Lần này khấm khá gấp năm gấp mười so với giá nội địa đấy !

Tiếng đồng thanh : Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Chị vợ : Để em bảo nhà em xem sao ! Nhất là đã giao kèo rồi. Chữ Tín là trọng !

Tiếng đồng thanh : Đô la cũng vậy. Món này bở, món này bở. Cả

khu xóm trông vào tiền nước ngoài để ăn Tết. Chữ Tín, các cụ dậy, chữ tín là trọng (lập lại).

Đồng cô (nguýt, ơm ờ) : Ông anh nhà nhiều quan hệ, em lạy chị, chị nhờ anh ấy kêu giùm cửa phủ xem sao. (đổi giọng) Mà nhân dân phải hậu thuẫn nhé...

Tiếng đồng thanh : Nhất định...(tiếng lớn lên, hùng dũng như khi hô khẩu hiệu) Nhất định nhất định

Thằng Đê : Địt mẹ nó, hậu thuẫn quá đi chứ lị.

Cảnh 2 : Cái Đẹp

Đêm về. Đèn điện tù mù. Cô gái rón rén, gõ cửa căn gác lửng nơi Họa sĩ ở.

Họa sĩ : Chờ một tí (tiếng dép kéo lê loẹt xoẹt). À ! Cô bé... có chuyện gì vậy ?

Cô gái (ngập ngừng) : Anh có hỏi cho em chưa ?

Họa sĩ (đăng hắng) : Chưa ! (cười nhỏ) Tôi không có hứa hẹn gì đâu nhé...

Cô gái : Em biết, nhưng ý em đã quyết. Chỉ cần ban giám hiệu cho em gặp.

Họa sĩ : Vào đây! (Họa sĩ lách người. Cô gái đi vào. Theo tay Họa sĩ chỉ, cô gái ngồi xuống, tay để lên bàn. Họa sĩ ngồi trước mặt, tay với cái phích rót nước trà)

Cô gái : Anh biết, thì vào mà không có của lót tay thì hỏng... Em làm gì có tiền ! Anh có đưa croquis em vẽ cho họ xem chưa ?

Họa sĩ lắc đầu .

Cô gái (chép miệng) : Chắc anh thấy không được ?

Họa sĩ (lại lắc đầu) : Không phải thế. Cũng tàm tạm...

Cô gái (vội vã) : So với người khác thì thế nào ?

Họa sĩ : Thì khá. Khá đấy...

Cô gái : Thế tại sao anh không giúp em ?

Họa sĩ (ngần ngừ) : Không phải vì chuyện vẽ vời. Vì chuyện khác!

Cô gái (gặng) : Chuyện gì ?

Họa sĩ (trầm ngâm một lát, rồi thốt) : Chuyện đời ! Em là con gái. Lao vào cái nghiệp này, nó gớm lắm. Như tôi, lúc nào cũng bấp bênh...

Cô gái (cương quyết) : Em không sợ bấp bênh...

Họa sĩ (nhìn thẳng) : Bấp bênh ở cái chỗ sống - chết. Bấp bênh như vậy, chỉ một thân một mình, không dám liên hệ đến ai...

Cô gái : Sống - chết ? Sao vậy anh, em không hiểu ?

Họa sĩ (cười khan) : Hừ, khó nói lắm ! Đi tìm cái đẹp, khốn khổ vô cùng. Thấy nó trong đầu, mà cả mắt lẫn tay bất cập cứ như phản lại mình... thì lúc đó chân men bờ vực chết. Đấy là chưa kể bọn vây quanh, nó chờ mình mất thăng bằng là đạp xuống, miệng kêu vẽ cái quái gì, người chẳng ra người, ngợm không thành ngợm... Không vẽ cái thực được, bôi màu gọi là trừu tượng, thì cũng trừu tượng giả ! (cười gằn) Nó giống thằng em nó, đồng bóng không kém. Nhưng nó không được lương thiện như thằng em nó. Nó núp bóng Nghệ Thuật, giả hình lẩn sau một sự lập dị tính toán...

Cô gái (ngắt) : Thế còn sống ?

Họa sĩ (cười, mơ màng) : Còn sống thì ngược lại !

Cô gái : Nghĩa là thế nào, anh ?

Họa sĩ : Nghĩa là trên từng phân vuông khung vải, mỗi một nét cọ, mỗi một khối màu đều nói lên được điều mình muốn nói. Chúng chuyển đi sự rung động nội tâm, tái tạo con người từ những chất liệu tưởng là vô tri, bỗng chốc biến thành phép lạ... (Im lặng một lát, rồi chép miệng, tay đưa lên vò tóc).

Cô gái : Nếu thế, em không sợ. Em sẵn sàng... Anh không biết bố em, chứ khi bố em còn sống, bố em cũng sinh hoạt trong ngành Nghệ Thuật. Biết đâu em chẳng cũng là có nòi...

Họa sĩ (cười nhạt) : Có nòi... Cái giống nòi tình ! Đàn bà mà nòi này thì nhục lắm, cô bé ạ...

Cô gái : Sao lại nhục ?

Họa sĩ (cao giọng) : Cô bé có biết cái sáng tạo gì huyền diệu nhất không ?

Cô gái (e dè) : Dạ, không !

Họa sĩ : Đẻ! Cứ đẻ, con người là sự sáng tạo huyền diệu nhất. Bất cứ tác phẩm nào đặt bên cũng chẳng bì được. Đẻ được, thì cứ gì lại phải đi tìm sáng tạo vẽ vời. (cười) Mà này, cô bé đã yêu ai chưa ?

Cô gái (ngập ngừng) : ...chắc chưa ! Có một hai thằng theo đuổi em. Nhưng con trai bây giờ mất dậy lắm. Lúc anh chưa về, cái thằng Tháu mới tí tuổi ranh mà đã tụt quần con Ngu-Ngơ đấy, anh ạ !

Họa sĩ (phá lên cười sằng sặc) : Sự sống đấy ! Từ đó nó đẩy loài người về phía trước...(Lại cười) Chỉ có cái là đẩy sớm quá thì khó mà tránh được cái nạn nhân mãn trên trái đất nhỏ hẹp này !

Cảnh 3 : Quan nha

Trong hộ Ông dân phố. Bàn ghế sơ sài. Có Đồng cô, Ông dân phố và Anh chồng ngồi xếp bằng tròn trên chiếc chiếu trải giữa nhà.

Ông dân phố : Tình thế thì tôi đã trình bày hết cho hai chú nghe rồi...

Đồng cô (ngọc nguẩy) : Sao lại hai chú. (nhìn Anh chồng, che miệng cười ỏn ẻn) Một chú thôi nhé... Nói mãi rồi...

Anh chồng : Kể cũng khó. Ngoài phường, còn trên quận. Càng lên cao, đối trọng càng gian nan (nhìn Đồng cô) Mà giá cả thế nào ? Với Việt kiều, ở trên quận họ lại sẽ bảo là họ có nhiệm vụ lo an ninh, kêu tốn kém và sẽ đòi thêm...

Ông dân phố : An ninh thì tổ mình lo cũng được ! Cùng lắm là thuê bọn gác chợ Hàng Da, cũng súng ống như ai, sợ gì !

Anh chồng : Ấy chết, không được đâu ! Thế là trái nguyên tắc. Xin đừng quên, có trên có dưới nhé. Trên có thuận, dưới mới hòa... Bác cứ để em (nhìn Đồng cô) Cô cho biết giá, mới tính toán được !

Đồng cô (nguýt) : Bí mật ! Bí mật quốc gia... Này, bảo cho đằng ấy biết, cung văn nó biết khách là Việt kiều nên cũng tính giá gấp đôi đấy ! (đưa tay lên miệng cắn) Em chưa nói với phường ngũ âm, bọn đàn nguyệt đàn kìm, nhưng chắc chúng nó chẳng chịu giá nội địa đâu...

Anh chồng (mất kiên nhẫn) : ...thì cứ nói cho biết qua qua. Nếu phường đòi năm triệu, liệu có được không ?

Ông dân phố (trợn mắt) : Năm mấy ? Năm triệu ?

Đồng cô (quay mặt như dỗi) : Năm triệu thì còn cứt mà ăn ấy !

Anh chồng : Thì tôi cứ nói bừa, chứ có ai đòi đến thế đâu !

Đồng cô (nguýt) : Em thì em đề nghị với hai bác là cái phần chính quyền là 10%. Chi phí cho cung văn với lại đàn đàn trống trống là 20%. Tổ dân phố ta 5%...

Anh chồng : Vậy là thủ đến lấy đến 65% ?

Đồng cô : Thế còn phát lộc. Lộc mẫu, em tính cũng mất 10%...

Ông dân phố : Để trong phong bì là Bác nhìn nghiêng hay ngó thẳng *... Tính ra cũng đến cả trăm người vào nhận lộc đấy...

Đồng cô : Hai loại. Bác nhìn nghiêng, cho vòng ngoài, hai tờ. Còn Bác nhìn thẳng, là cho bà con tổ dân phố ta. Thằng Đê, thằng Tháu bán vé vào cửa, một trăm một cái. Thế là (nhìn Ông dân phố) nhà bác ẵm ngay mười nghìn...

Anh chồng : Khoan ! Nhưng 10%, 20% của cái gì ? Ở trên phường họ cần chính xác... Cứ nói phần trăm thì hệt như Viện Thống kê Trung Ương, ai mà mò ra được !

Đồng cô (tinh quái) : Lại thóc mách... Thế ông anh giai vô tư kia ơi, ông định lấy bao nhiêu phần trăm nào ?

Anh chồng (ngắt) : Tùy, tùy thôi ! Muốn được việc thì phải rõ ràng minh bạch...

Ông dân phố (ề à) : Ấy, tôi cũng nghĩ thế ! Cuộc điều đình nào cũng cần thiện chí của đôi bên, và giải quyết hợp đồng trên nguyên tắc cả...

Đồng cô (cười khanh khách, ngắt) : đôi bên, ba bên đều có lợi. Chính sách đa phương là thế... Cái bên thứ ba là Bà Việt kiều, đắt quá thì bà về bên Washington bà ấy hầu mẫu. Không có cung văn thì dùng cát-sét, cũng đủ mười giá, từ đức Thánh Quan, bà Chúa Thượng Ngàn cho đến thập vị Tiên Cô... Anh giai ơi (nhìn Anh chồng), anh có biết thế không ?

Nói xong, Đồng cô ngoe nguẩy đi ra.

Anh chồng (nhìn theo, lẩm bẩm) : Đúng là hơi bị « chập dây », đồng bóng đến thế thì cực kỳ! Chỉ từ nay đến tuần sau thôi mà cứ ỉ eo thì làm sao hợp đồng với trên được...

Ông dân phố (thở dài, ề à) : Trăm sự nhờ chú. Chú cứ để tôi hỏi thêm. Thời này, có gì thì hay nấy, chứ chẳng như hồi chiến tranh ta cứ được ăn cả ngã về không ! Theo như nhà tôi đi hỏi dò, thì Việt kiều trả có ít cũng bốn mươi, năm mươi triệu...

Anh chồng (thì thào) : Giá nó lên xuống, lại tùy bụng người, chẳng biết được ! Thôi, già néo mà kéo thì buông ! Coi như là mọi cấp chính quyền, ít là họ cũng chém 20%...

Ông dân phố (thở dài) : Eo ôi ! Thế thì còn gì ?

Anh chồng (trầm ngâm) : Liệu cơm mà gắp mắm. Bác cứ để em lo cái phần đối trọng quan nha này. Mình linh động uyển chuyển, tất khó khăn nào cũng vượt qua...

Lúc đó có tiếng léo nhéo bên ngoài. Bà dân phố, Thằng Tháu, Thằng Đê kéo vào.

Thằng Tháu : Đứng ngoài lạnh quá...

Bà dân phố (tươi cười) : Ông với chú nó nói xong đại sự chưa ?

Thằng Đê : Địt mẹ nó, lạnh thật !

Cảnh 4 : Quạ về

Buổi sáng, tiếng sáo kêu thảm thiết. Một con quạ ở đâu bay lại đậu trên cây nhãn mé phải sân đền. Tiếng cánh đập. Ngu-Ngơ chạy ra.

Ngu-Ngơ (nắm hòn đất, ném) : Bay đi, để con sáo tao yên...

Con sáo vẫn kêu. Tổ sáo rơi bộp xuống đất. Ngu-Ngơ chạy lại, tay lại cầm hòn đất, ném.

Ngu-Ngơ (chửi) : Đồ khốn nạn !

Con sáo bay đi, tiếng chiêm chiếp. Con quạ đuổi theo, lượn một vòng rồi đậu lên đỉnh cây. Dưới nắng, cánh nó đen xỉn, mỏ nhọn dài cong như một cái móc câu khổng lồ mạ đồng. Ngu-Ngơ chạy lại nhặt tổ sáo. Nó móc ra một quả trứng to bằng cái kẹo, nhìn con quạ. Cô gái chạy ra.

Ngu-Ngơ : Quạ nó đuổi con sáo của cháu rồi. (tay chỉ) Cháu nhặt được trứng sáo...

Thằng Dê từ nhà bước ra sân nhìn.

Thằng Dê : Địt mẹ nó, trứng bé thế thì chẳng đáng một cái nhai...

Ngước mặt, Thằng Dê tay cầm hòn đá ném lên. Con quạ kêu quang quác bay lên cao. Nó lượn một vòng rồi lại đậu xuống một cành cây cao hơn...

Cô gái : Thôi, Dê ơi ! Ném nó làm gì. (quay sang Ngu-Ngơ, dịu dàng) Sáo nó bay rồi nó lại về, cứ để trứng trong tổ... Biết đâu...

Ngu-Ngơ : Con quạ ở đấy, sáo về thế nào được... Cô giáo em bảo, đất lành chim đậu. Quạ đến, lành làm sao được (nâng niu quả trứng). Em có ấp trứng được không hả chị ?

Cô gái (cười) : Cứ thử ! Em ủ như ủ trứng gà xem sao...

Con quạ thình lình lại kêu lên quang quác. Họa sĩ trên gác xép bước ra. Thằng Dê, tay nắm cục đá, ngước lên.

Thằng Dê : Chú cho cháu lên gác, cháu ném con quạ nhé ! Tiên sư cha nó cứ quang quác mãi, lộn ruột...

Họa sĩ : (cười) Mày lên mày ném, nhỡ nó chết thì tao là tòng phạm. Thôi cháu ơi, tha cho nó... Nó cũng theo qui luật, nó mạnh nó đuổi con sáo yếu, để kiếm chỗ nương nhờ dăm hột cơm vãi. Mày đuổi nó, rồi sẽ có người đuổi mày, thì sao...

Thằng Dê (vênh mặt) : Đuổi cháu ấy à, địt mẹ chúng nó, cháu chạy là cùng...

Họa sĩ (lại cười) : Mày chạy đi đâu ?

Thằng Dê : ...thì cháu ra bờ Hồ ! Cứ vòng vòng mà chạy thì đứa nào bắt được !

Họa sĩ (gục gặc) Mày giỏi ! Đúng... đường vòng là đường dài nhất !

Ngu-Ngơ : ...vì thế các cụ Cách Mạng lão thành ngày nào cũng đi, phải không chú ?

Con quạ lại kêu quang quác như phụ họa. Ngu-Ngơ nắm trứng sáo trong tay, nhìn lên cây nhãn. Cô gái đi đến cầu thang, ngước nhìn Họa sĩ.

Cô gái : ...Thế cái chuyện em hỏi anh hôm nọ...

Họa sĩ : ...thì khoan đã... Việc gì phải vội thế, cô bé ! Người yêu cái đẹp, có rất nhiều thì giờ. Chỉ kẻ yêu giàu sang, mới ít nó đi... Bù trừ đấy !

Thằng Đê (chen vào) : Hâm bỏ mẹ đi ! Không giàu sang, rách rưới thì lấy gì để đẹp. Đã xấu, lại nhiều thì giờ thì khổ lắm. Địt mẹ nó, giàu tất đẹp, ít thì giờ cũng chẳng sao !

Họa sĩ (ngẫm nghĩ) : Ờ, mày nói cũng không sai lắm. Nhưng giàu mà hết thời giờ thì giàu để làm gì, hả cháu...

Ngu-Ngơ (cười ré lên) ...thì để ấp trứng sáo !

Cô gái (giọng dỗi) : ...hay để làm đơn xin vào trường Mỹ Thuật Hà Nội, vinh dự lớn nhất là khi xưa mang tên trường Mỹ Thuật Đông Dương!

Cảnh 5 : Thời vô tư

Nhân vật Ông Nhà Nước cấp Phường và Đồng cô. Đặc biệt Ông Nhà Nước vô hình vô tướng. Cảnh là một cái bàn thẩm vấn, đèn rọi vào, Đồng cô ngồi một mình, chung quanh tối đen. Ông Nhà Nước chỉ hiển hiện bằng âm thanh rất máy móc

.**Ông Nhà Nước** : Anh tên gì ?

Đồng cô : Đỗ Tuyết Dung.

Ông Nhà Nước : Hừ, hộ khẩu là Đỗ Tất Dũng ! Thế là thế nào ?

Đồng cô (cắn tay) : Báo cáo đồng chí, em đã làm đơn xin đổi tên từ mươi năm nay. Từ Dũng đến Dung, chỉ cần Hành Chính trên Quận cho một cái dấu ngã... Còn Tất, cùng na ná như Tuyết, Nhà Nước có mất mát gì đâu...

Ông Nhà Nước : Anh Đỗ Tất Dũng, biên bản làm theo tên nhân sự có trong hộ khẩu tại số 6, Tô Hiến Thành, quận Hoàn Kiếm...

Đồng cô (cắn tay, cười tình) : Dạ...

Ông Nhà Nước : Gia đình anh, nay có Đỗ Tất Thắng, giáo viên trường Mỹ Thuật Hà Nội... Còn Đỗ Quyết Chiến, thì đi theo diện lao động quốc tế sang Cộng hòa Dân chủ Đức cách đây sáu năm...

Đồng cô : Dạ.

Ông Nhà Nước : Ông cụ thân sinh, là diện thành phần tiểu tư sản. Có tham gia... xem nào... phong trào Bình dân học vụ (tiếng giấy loạt

xoạt)... được đánh giá là thành phần có cảm tình với Cách mạng !

Đồng cô (chu mỏ, giọng eo éo): ...cảm tình quá đi chứ lị. Bố em kể, trong tuần lễ vàng ông bà cụ biếu là ba mươi lạng tất cả. Mẹ em cho cả nhẫn cưới... Rồi khi hòa bình lập lại thì tự nguyện chia nhà cho đồng bào ta theo lời Đảng. Sau này, cứ nhắc đến vàng với hòa bình là bà cụ ngất đi, tỉnh dậy lại rên hừ hừ, đến lúc chết mà còn kêu là dại. Xưa ấy mà, chỗ 6 Tô Hiến Thành chỉ có gia đình em. Anh Chiến em lên năm tuổi thì nhà lúc đó đã thêm hai hộ. Anh Thắng em lên bảy, lại thêm hai hộ nữa... Từ ấy, tổng cộng là năm, đông vui theo đúng như chính sách làm chủ tập thể bây giờ...

Ông Nhà Nước : Chúng tôi biết ! Phần anh, anh là phục viên... Tham gia Chiến trường Campuchia, bị thương năm tám mốt... Nằm viện bốn tháng, rồi xuất ngũ...

Đồng cô (ỏn ẻn) : Dạ... Em bị xây xát xoàng thôi, đồng chí ! Nhưng không may lại ... vào ... (cười, tay để lên ngực). Thế là...

Ông Nhà Nước : Chúng tôi biết. Hồ sơ bệnh lý thì không có, nhưng Phường cũng ghi nhận tình trạng đó... Mấy năm sau này, thì anh hành nghề « tín ngưỡng », có phải không ?

Đồng cô (ngạc nhiên) : Nghề « tín ngưỡng » ? Thưa đồng chí, em hầu Mẫu thôi...

Ông Nhà Nước : Anh cứ trình bày cho rõ ràng.

Đồng cô (chép miệng) : Em xin thưa thật. Các đồng chí biết, xuất ngũ xong, phải làm gì để sống chứ. Ban đầu, em vô tư hạ quyết tâm làm theo khẩu hiệu « lao động là vinh quang ». Nhưng nói thật, công ăn việc làm đã khó, cái giấy chứng nhận em là thương phế binh lại làm ai cũng ngại, đâm hơi bị rách việc. (Đưa tay chấm nước mắt) Em buồn lắm. Hy sinh cho đất nước cái... (ngập ngừng cắn môi), cái... đồng chí cũng biết, mà bây giờ lại bị hất hủi thế này ! Anh Chiến lúc ấy mới đi xuất khẩu lao động, hẹn sẽ gửi tiền về, nhưng rồi mãi cứ bặt tăm. Anh Thắng em lương giáo viên, ăn một mình cũng chẳng no... Thế là... (gục đầu xuống bàn, khóc ấm ức).

Ông Nhà Nước : Bình tĩnh, cứ thong thả mà kể...

Đồng cô : Dạ (nấc lên), báo cáo đồng chí ! Thế là một hôm, ma lôi quỉ kéo thế nào mà em... Em muốn chết đi cho rảnh. Em định treo cổ lên cây nhãn cạnh nhà, nhưng lại tiếc cái áo sơ mi, không nỡ cắt nó ra tết thành dây... Tội cho anh Thắng nhà em, có độc một cái áo. Mùa đông lạnh thế mà khi áo bẩn, giặt là phải cởi trần, vừa hong áo vừa run cầm cập... Em biết, trong đám chai lọ màu mè của anh Thắng, có một chai nửa lít ngoài dán giấy để chữ Độc. Em mừng quá...

Ông Nhà Nước : Xin anh đừng bỏ một chi tiết nào. Rồi sao ?

Đồng cô : Em mở ra ngửi. Nó hăng hăng, mùi nửa rượu, nửa như thuốc. Em biết ngày anh Thắng phải đi giảng. Thế là, đầu tiên em viết di chúc... Ngắn thôi, chỉ có cái áo, em dặn em đã giặt sạch rồi ! Rồi em uống. Gớm, nhớ lại sao mà nó khó nuốt đến thế... Rồi em cứ mơ mơ màng màng, ruột cháy như lửa đốt... Một lúc sau, em thấy bố, thấy mẹ... rồi đồng đội chiến đấu bên Campuchia, đứa què, đứa cụt. Em sợ, em gào lên. Đúng lúc ấy, một người đàn bà áo xanh ở đâu kéo em dậy, tay lạnh ngắt như đồng vuốt lên má, miệng bảo, theo ta. Bà kéo bốc người em lên mây, bay vù vù... cứ thế cho đến lúc em tỉnh lại.

Ông Nhà Nước : Tỉnh lại ? Sao không thấy ghi trong biên bản tổ dân phố ?

Đồng cô : Ấy, em tỉnh lại trong cấp cứu. Cái nhà ông bác sĩ, ông ấy chửi « thiếu rượu nên uống bậy phải không ? ». Ông anh em gật gật, kêu « nó uống nửa lít têrêbăngtin tôi dùng để rửa cọ và làm mỏng màu ! » Hứ ! Làm mỏng ruột thì có ! Về, anh ấy bảo với Ông dân phố là em ngộ độc vì uống nhầm rượu. Chắc biên bản ghi như thế...

Ông Nhà Nước : Đúng.

Đồng cô : Nhưng (giọng vui hẳn lên) cái hình ảnh người đàn bà áo xanh kéo em lên mây cứ ám ảnh. Em đi vào đền Đức Thánh, hỏi đi hỏi lại. Một bà vãi mách em, áo xanh là bà chúa Thượng Ngàn. Cái số cậu phải đội bát hương hầu Mẫu rồi ! Dạ, báo cáo đồng chí, nghiệp vụ « tín ngưỡng » của em bắt đầu từ đấy. Được cái là vừa vào vụ Đổi Mới, Đảng và Nhà Nước châm chước... Với lại, thế cũng đúng với Hiến Pháp...

Ông Nhà Nước (gằn gọng) : Láo, Hiến Pháp nào ?

Đồng cô (lấy giọng, kể lể) : ...đây nhé, điều số 69, bảo cho tự do tín ngưỡng nhưng đồng thời cũng bảo đảm quyền tự do không tín ngưỡng.

Ông Nhà Nước : Tín ngưỡng khác mới mê tín, dị đoan !

Đồng cô : Báo cáo đồng chí, đạo Mẫu với em là tín ngưỡng.

Ông Nhà Nước : Không, là dị đoan mê tín. Treo ảnh, đắp tượng rồi xì xụp khấn vái là mê tín dị đoan.

Đồng cô : Thế nhà nào cũng có ảnh Bác là làm sao ?

Ông Nhà Nước : Bác là anh hùng dân tộc, khác !

Đồng cô : Báo cáo đồng chí, đạo Mẫu có đức thánh Trần. Ngài đuổi quân Mông ở Bạch Đằng giang thì không phải là anh hùng dân tộc à ? Còn ảnh, cái Ông dân phố chỗ em treo ảnh đồng chí Lê Đức Thọ trên tường thì có mê tín không ? Khi đó đồng chí Thọ còn sống, lúc chết Ông dân phố lại hạ ảnh xuống. Hỏi, ông ấy bảo sợ cái xấu nó vận vào nhà, thế có là dị đoan không ? Báo cáo đồng chí, thế mà Ông dân phố

năm nào cũng được biểu dương...

Ông Nhà Nước : A, giỏi nhỉ ! Bây giờ dám vặn lãnh đạo à !

Đồng cô (bỗng đùng một cái, giở giọng tru tréo, tay vỗ đùi bành bạch) : Chẳng dám... Cái món an ninh, cứ nói thẳng, bao nhiêu ? Đây nói cho mà biết, có thì chia ăn, mà không thì đói cả ! Mẽ làm gì, thời mới rồi... (giọng kéo dài, ỡm ờ) vô tư đi thôi, bao nhiêu nào ? Đúng giá thì Thánh cho ăn lộc. Tham thì thôi, cô dặn trước cho mà biết đấy !

Cảnh 6 : Diễn biến Hòa Bình

Trong Đền, trên bàn thờ Tam Tòa, có tượng đức thánh Trần, dưới là nhị vị Vương Cô. Xung quanh, vô số tượng, từ ngũ vị tôn quan đến thập nhị vị quan hoàng. Trong cảnh nhang khói tù mù, Đồng cô tiếp một bà Việt kiều, môi son đỏ chót, tay xách bóp, lừng lững bước vào.

Bà Việt kiều : Đền nhà hôm nay tôi mới được thấy, khang trang ra phết ! Tôi lên Phủ Giày thì truyền thống hơn, chưa hiện đại thế này (tay chỉ đèn nhấp nháy và nến điện lập lòe).

Đồng cô (ỏn ẻn) : Thưa bà chị, đấy cũng là nhờ lộc của tam vị thánh mẫu. Cái chuyện lập đền bà Chúa này, để có dịp em kể bà chị nghe, cũng là Thiên Duyên cả đấy...

Bà Việt kiều (cười, vỗ vỗ lưng Đồng cô) : Cô năm nay bao nhiêu tuổi rồi ? Trông còn rắn rỏi thế này thì chắc trẻ lắm nhỉ...

Đồng cô (bẽn lẽn) : Em sắp được bốn mươi rồi... Trẻ là nhờ... chẳng bận bịu gì, chỉ một việc là thờ phụng Mẫu nên lúc nào cũng thanh thản.

Bà Việt kiều : Tên cô là...

Đồng cô : Dung, chị cứ gọi em là Dung !

Bà Việt kiều : Cô Dung ạ, hôm trước đã tính cả rồi. Tôi chỉ hầu ba vấn, mất có già là quá nửa ngày. Bây giờ cô đổi ý là tại sao ?

Đồng cô (ỏn ẻn) : Chỗ bà chị, lạy Mẫu, em xin thật thà. Hôm ấy, em có ước sơ như vậy thật nhưng... (ghé tai bà Việt kiều thì thào)

Bà Việt kiều (gật gù, giọng lạc đi) : ...Em ơi, chị sợ chỗ cửa quyền, người ta làm lôi thôi phiền lắm !

Đồng cô (lại ghé vào tai thì thào)

Bà Việt kiều (lắc) : Thôi, thôi... Em cho chị xin lại tiền đặt cọc !

Đồng cô (nghiêm mặt, lắc đầu) : Chị đặt cọc, em cũng phải đặt cọc. Ba ông cung văn, với giàn kèn, trống, đàn nguyệt, nhị, đàn bầu cộng tất cả lại là mười một người. Chị đưa bao nhiêu, em đưa lại họ hết

rồi. Lúc này năm hết Tết đến, ai cũng cần tiền. Đình đám cũng lắm, thiếu gì người chèo kéo nên không đặt cọc thì lúc cần lại không có...

Bà Việt kiều (lại lắc đầu, thở dài)

Đồng cô (hắng giọng) : Em thật tình với chị, trước em nói giá nào thì em giữ giá ấy, không hơn không kém. Nhưng bây giờ họ cấm mà mình muốn làm có nghĩa là có một khoản chi đột xuất...

Bà Việt kiều (lo lắng) : Độ bao nhiêu ? Liệu có chắc không ?

Đồng cô (nắm tay bà Việt kiều) : Em môi giới cho chị. Chị đích thân hợp đồng với họ nhé !

Bà Việt kiều (giẫy lên) : Thôi, thôi... Họ lại bảo mình đi hủ hóa tham nhũng, thu hộ chiếu, kết tội diễn biến hòa bình thì... chết ! Chẳng dại...

Đồng cô (lắc tay bà Việt kiều) : Phần em, em hết sức em. Nhưng đụng đến cửa quyền, rách việc lúc nào không biết... Với em, em muốn giữ quan hệ trong sáng với chị, để không có gì chị có thể nghi ngại em... Vả lại, em cũng có tí việc nhờ chị. Nhưng thôi, để xong việc hầu Mẫu đã... Bây giờ, em nghĩ cái khoản chi đột xuất này nếu vừa vừa phai phải thì chắc là phải chi thôi. Nếu không thì mất luôn tiền đặt cọc cho cung văn với phường đàn...

Bà Việt kiều (thở dài) : Thế nào là vừa vừa phai phải...

Đồng cô (lẩm nhẩm) : Chắc độ năm bảy trăm...

Bà Việt kiều (giẫy lên) : Năm bảy trăm đô...

Đồng cô : Khoảng năm bảy trăm ngàn đồng Việt Nam thôi !

Bà Việt kiều kéo máy tính từ ví ra bấm, lẩm nhẩm, rồi nhìn Đồng cô gục gặc .

Bà Việt kiều : Tính ra trên dưới năm chục đô... Thế là bằng một lần đi cắt tóc ở quận Cam... Tưởng gì !

Đồng cô (cười) : Đấy là giá quen biết. Chẳng là trong tổ dân phố đây, có một ông quen biết mấy ông trên... Nể nang nhau thì gì cũng xong, chị ạ... Chị để em mời ông ấy sang đây, chị cứ hỏi thẳng...

Bà Việt kiều (nghĩ ngợi) : Thôi cô Dung ạ ! Cứ giá ấy thì tôi OK, khỏi gặp ai nữa...

Đồng cô (lắc) : Không ! Em không muốn mang tiếng với chị. Chị để em gọi con cháu... (réo lên) Ngu-Ngơ ơi !

Con bé Ngu-Ngơ chạy vào, ngơ ngác.

Đồng cô (vẫy) : Cháu sang bên chú Hoành xem chú ấy có nhà không, có thì mời sang bên này...

Bà Việt kiều (nắm lấy Ngu-Ngơ) : Thôi, khỏi đi. (Nhìn Đồng cô) Bây giờ, thế này... Em tính chắc cho chị là năm mươi đô ! Thiếu thì

em bù, thừa thì em lấy, OK ?

Đồng cô lắc đầu quầy quậy. Con bé Ngu-Ngơ giằng tay ra rồi chạy biến đi.

MÀN 2

SÂN ĐỀN

Cảnh 1 : Ba Đảm Đang

Nhân vật nữ đứng ngồi lổn nhổn trong sân đền bà Chúa.

Chị vợ (nhìn Bà dân phố): Chị khai hội đi !

Bà dân phố (đằng hắng) : Vâng, xin phép cụ, các bà... cho tôi được khai mạc buổi họp khẩn của hội Phụ Nữ chúng ta... Khẩn là vì (nhìn Chị vợ) có những thông tin cực kỳ quan trọng, phải đối phó cho kịp thời... (đưa tay về phía Chị vợ) Mời đồng chí phát biểu...

Chị vợ (lấy giọng) : Thưa đồng bào, năm hết Tết đến mà phải triệu tập họp, thường thì là chung nhau nấu nồi bánh chưng tối hai mươi chín... (thấy mọi người uể oải, Chị vợ cụt hứng, im rồi thốt) Đồng bào có nghe thấy tôi nói không ?

Tiếng đồng thanh : Nghe ! Biết rồi, khổ lắm...Cứ như là sắp tuyên ngôn Độc Lập không bằng.

Chị vợ (tiếp, khẩn trương) : Chuyện nấu bánh chưng tập thể, tiết kiện củi lửa là lẽ tất nhiên, phụ nữ chúng ta vốn người tốt, việc tốt...

Tiếng đồng thanh : Nhất định thế...Chúng ta người tốt việc tốt, đứa ăn không làm đứa làm không ăn, quá độ đi lên đi xuống tìm việc kiếm cơm. Nhất định thế !

Chị vợ : Nhưng năm nay, tìnhhình có khác... Vâng, khác ở hai mặt...

Tiếng đồng thanh: Giá cả lại leo thang ! Giá cả lại leo thang ! (lập lại, tiếng nhỏ dần)

Chị vợ : Thứ nhất, giá cả leo thang như thường lệ và ta không có cách nào đối phó.

Tiếng đồng thanh : Biết, biết mà...Đến Trung Ương cũng chịu, lạm phát là Đế quốc nó phá, nó in tiền giả nó rải như rải truyền đơn, công an ta phải đi nhặt bằng hết (cười ồ lên).

Chị vợ : Chuyện thứ nhì, nguồn thu nhập của tổ dân phố chúng ta có cơ bị... lũng đoạn !

Tiếng đồng thanh : (lao nhao, người nọ nói, người kia tiếp) Chết,

chết mất...Đụng vào nguồn thu nhập thì không được. Ai có dao cầm dao, ai có súng cầm súng. Còn nếu không có gì thì xin với chính quyền

Bà góa : Lũng đoạn thế nào ?

Bà dân phố : Phải điều đình !

Cụ : Nhưng với ai hả bà ?

Bà dân phố : Nhà cháu bảo, điều đình ba bên.

Cụ : Ba bên là thế nào ?

Chị vợ : Thì như khi hiệp định Paris đó !

Cụ : Chị nói thế thì tôi mù tịt.

Cô gái : Bà yên, cứ nghe rồi cháu sẽ giải thích sau !

Cụ : Ờ, mày có ăn có học, chứ bà thì chỉ độc học có chính sách với nghị quyết...

Ngu-Ngơ : Cháu cũng thế, bà ạ ! Thế mà xuýt được quàng khăn đỏ đấy !

Bà góa : Im, con ranh ! (nhìn về phía Chị vợ) Thế lũng đoạn, rồi điều đình thế nào ?

Chị vợ (giơ tay, giọng rất nghiêm) ...chả là có Bà Việt kiều muốn đến Đền ta hầu Mẫu. Các ông ấy theo, biết được. Nhà tôi được nhấn là cơ quan có chức trách phải lo an ninh, bảo vệ Việt kiều, và làm trung gian để ... để Thủ Đền và ... Thủ Trưởng gặp nhau. Nhưng cuộc gặp gỡ dẫn đến một tình huống...

Tiếng đồng thanh : Xấu ? Biết ngay mà. Cái thằng Đồng cô ươn à ươn ẹo, chắc tham không chịu chi chứ gì !

Chị vợ (tiếp) : một tình huống không thể đánh giá là khả quan. Ai đời, cô Thủ Đền cô ấy... hỏi thẳng bao nhiêu. Người ta làm việc quan, có hỏi thì cũng phải ý tứ !

Tiếng đồng thanh : Dạ phải ! Phải ý tứ, có chia thì lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Chị vợ (chép miệng) ...hỏi thế, người ta kiếm chuyện, báo cáo lên trên nữa thì trăm miệng xía vào, chẳng phải trả một mà trả mười. Nhất là cái món diễn biến hòa bình, chẳng biết mùi vị thế nào nhưng muốn nuốt thì chẳng rẻ đâu !

Bà góa : Bây giờ thế nào ? Tôi tính, cứ mỗi lần hầu đồng, chỉ tính lộc thì con Ngu-Ngơ cũng có được cả nghìn. Rồi Mẫu chia theo chỉ tiêu bồi dưỡng, thêm vào lắm khi có cả chục nghìn... Cái Tết nhà tôi trông vào đấy !

Ngu-Ngơ : Bu bảo kỳ này con cũng phải đòi chia tiền bán vé với thằng Tháu, thằng Đê... Con nói, thằng Tháu lại dọa tụt quần con trước mặt mọi người...

Bà góa : Im, con ranh !

Chị vợ : Tôi xin báo cáo ngắn gọn. Nhà tôi được trên động viên tìm cơ sở ý thức dân làm chủ. Nếu chúng ta có nguyện vọng đóng góp vào chi phí an ninh, thì cứ để phần lãnh đạo và quản lý cho người khác lo...

Tiếng đồng thanh : Dĩ nhiên, có nguyện vọng chứ. Mỗi người dân là một người công an nhé(lập lại hai lần, tiếng mỗi lúc một nhỏ đi)

Bà dân phố : Yêu cầu đồng chí cụ thể cho.

Chị vợ (cười) : Cứ coi như công tác an ninh tốn 20% thu nhập trong kỳ hầu đồng chuyến này. Bốn hộ độc lập, vị chi sấp xỉ một trăm nghìn, gọi là quĩ Phòng gian, bồi dưỡng cho chiến sĩ an ninh phường...

Tiếng đồng thanh (lao xao một lúc) Bình quân còn lại cho chúng ta là bao nhiêu, hở(lập lại ba lần).

Chị vợ : Thế nào, tính toán xong chưa ? Bình bầu mỗi hộ một phiếu, hay là hạ quyết tâm nhất trí cho nó gọn nhẹ nào ?

Đúng lúc đó, một ông lão lưng còng, đeo kính đen, tay chống gậy quờ quạng đi vào...

Ông già (khua gậy lộc cộc, miệng kêu) : Bà con cho xin miếng nước. Khát quá...(Ngâm nga) *Lý lý ơi khát khô cả giọng. Tình tình ơi khéo động màn thưa. Chìa vôi quệt gió hững hờ. Bờ ao sáo tắm bao giờ hở em*

Bà dân phố (chép miệng) : Lại ông cụ !

Cô gái (chép miệng) : Các cụ Cách mạng lão thành chăng biểu ngữ *« Đảng ơi cứu lấy dân »* cứ đi vòng được hai vòng bờ hồ là kiệt sức. (Nhìn đồng hồ) Mà cũng sắp trưa rồi, sáng nay cháu thấy cụ đây đi đầu...

Ông già (quơ gậy) : Khát nước đói lòng, bà con ơi !

Bà góa : Cụ ơi, chúng cháu đang họp phụ nữ.

Ngu-Ngơ : Cụ ơi, nhà còn miếng cháy sáng nay cháu gậm mất rồi...

Đúng lúc đó, Đồng cô ở ngách nhà đi vào, nhìn quanh.

Đồng cô : Đấy, họp phụ nữ mà không có con này... (uốn éo hát giọng chèo)

«Đầu voi cô đứng múa quyền,

Tay cầm gươm trở, miệng truyền ba quân »

Cả làng hạ quyết tâm mà không có cô đây thì cũng như là không, cô bảo cho mà biết đấy !

Ông già (nghếch tai nghe) : Nước không, rồi không cơm không cháy, lấy gì mà sống hả...

Chị vợ : Cháu đã bảo, đang họp...

Đồng cô (xen vào, uốn éo hát tiếp):

Giang san, mây nổi, gió vần

Một mai sán lạn muôn dân một lòng

Từ trên gác xép, chợt có tiếng gọi giật giọng.

Họa sĩ : Dũng, Dũng ơi... Lên đây !

Đồng cô làm động tác chào, biến vào Đền, để lại đàng sau một chuỗi cười giòn .

Cảnh 2 : Quà Tết

Phòng gác lửng. Dũng vào. Họa sĩ lúi húi với thùng quà, đang mở ra và xếp lên bàn...

Họa sĩ (không nhìn lại) : Quà Tết của anh Chiến gửi về... Màu, trời ơi màu của Tây Đức. Cái này mà vẽ thì tuyệt... Chẳng như màu Trung quốc, cứ vón lại. Mà có cả acrylic nữa (tay giơ lên, đọc). Tiếng Đức mình chả hiểu gì cả... Ối giời ơi, lại có cả cọ (cầm lên, tay vuốt). Thế thì ông nhất ông rồi ! (cười ha hả).

Đồng cô (xô lại, tay bới) ...nào xem nào. Đây, đây ! Có cả đây...

Họa sĩ (quay lại) : Gì đấy !

Đồng cô (bẽn lẽn) : Thì mấy cái đồ phụ tùng cho phụ nữ...

Họa sĩ (giơ tay lên trời) : Bố khỉ ! (tay chỉ) Cái quái gì mà lại phồng lên thế này ?

Đồng cô : Cái lót mông... Ấy, đầm nó thế cả !

Họa sĩ (lắc đầu) : Còn những cái này...

Đồng cô (bẽn lẽn) : thì xú chiêng wonderbra, nịt bụng, son, phấn, thuốc sơn móng tay... (miệng xuýt xoa) ...Thế này thì cô nhất Bắc hà rồi !

Họa sĩ (chép miệng) : Chú xin thế nào mà anh ấy gửi cho chứ rặt những cái của này...

Đồng cô (lại cười) : ...em cơ biến thôi !

Họa sĩ (xì một tiếng) : ...mang cái đống này ra chợ Đồng Xuân mà bán !

Đồng cô (hứ một tiếng) : ...hàng này có bán thì bán cho vua cho quan. Đồng Xuân là chợ nhân dân anh hùng, tiền đâu mà mua hàng xịn! Mà bán thế nào được... Anh có bán mầu với cọ được không ?

Họa sĩ (lắc) : Màu, cọ... là diện nghiệp vụ...

Đồng cô (cong cớn) : Thế son, phấn không phải là thuộc phần đóng góp vào nghiệp vụ « tín ngưỡng » à ?

Họa sĩ lắc đầu, lại lúi cúi tìm .

Đồng cô : Anh tìm gì nữa? Anh nghĩ có giấu đô à ?

Họa sĩ : Không, thư. Chắc anh ấy viết vài chữ cho chúng mình... Cả nửa năm nay có tin tức gì đâu !

Đồng cô nhìn chằm chằm .

Họa sĩ (reo) : Đây, đây rồi...

Đồng cô (giật thư) : Để em đọc cho mà nghe. (giơ ngang mắt ề à) « *Chú Thắng, chú Dũng thân yêu, Hai chú nhận thư, chắc sắp Tết, vậy anh, chị Li và cháu chúc gia đình ta bên ấy mọi sự bình an... Anh vẫn công ăn việc làm cũ, quả đánh ngày một khó, hết chiến tranh lạnh nên hàng đen không còn được giá... Chị Li đi mua đồ đàn bà cho chú Dũng, gửi lời mừng chú đã quyết định lấy vợ, một quyết định liên hệ đến cả đời người.* »...

Họa sĩ (nhảy nhổm lên): Hả...Chú bảo với anh ấy là chú lấy vợ à?

Đồng cô (giọng chua ngoa) ...thì cơ biến mà lị ! Chẳng nhẽ em nói với anh ấy đây là dụng cụ để hầu Mẫu, để lên đồng à !

Họa sĩ (bất ngờ giật phắt bức thư, tiếp tục đọc)

« *...anh là anh cả, nhưng khó về làm chủ hôn cho chú Dũng thì anh xin chú Thắng thay mặt anh, để ông cụ bà cụ mát lòng nơi suối vàng...* » (nhìn Đồng cô) ...Láo thật, anh ấy mà biết thì lần sau có mà khối ! Tao lại thành đồng lõa của chú ! (đọc tiếp) « *...chuyện chú Dũng hỏi cho người bạn thương binh, anh cũng đi dò giá. Phẫu thuật đổi nam thành nữ làm được hay không cũng tùy trường hợp, không nói trước được. Chị Li đến hai ba chỗ, cứ bình quân mà nói, là sấp xỉ năm mươi nghìn đô Mỹ* »...

Đồng cô (mím môi) : Năm vạn đô Mỹ... Tiên sư bố Đế Quốc, đắt thế à...

Họa sĩ tần ngần, không đọc tiếp.

Đồng cô (lẩm bẩm): Giá Việt kiều, cắt cổ cũng chỉ bỏ túi được trăm đô một vấn hầu. Cần năm vạn đô, vị chi là năm trăm vấn hầu. Thời Đổi Mới, Việt kiều về đông, cứ cho mỗi năm có mười người đến cửa Mẫu. Mất cha nó thế là năm mươi năm. Ối giời đất ơi, lúc đó cô đây đã chín mươi cái xuân lẻ rồi (nức lên khóc). Thế thì còn đổi sếch làm cái gì nữa, hả Trời ?

Đồng cô phục xuống đất, khóc ấm a ấm ức. Họa sĩ thả người lên ghế, nhìn em, không nói năng gì.

Đồng cô (lảm nhảm) : Khi chưa học hết cấp hai, tôi yêu thằng Cương, rồi thằng Giang. Cứ đến hè, xa chúng nó là tôi ngồi một mình khóc dưới cây nhãn. Khổ cho tôi, thằng Giang bảo, giá mày là con gái thì tao cũng yêu mày. Tôi sụt sùi, thì tao yêu mày như con gái cơ mà !

Nó giằng tay ra, quát « nhưng mày là con trai. Cứ nắm tay, có ngày ông đánh vỡ mặt... » Lên học cấp ba, tôi tập yêu con gái, vì tôi là con trai. Cứ con trai là phải yêu con gái, như chân lý kiểu sông có thể cạn, núi có thể mòn... Tôi tỏ tình với cái Xuân, cùng tuổi, vú đã bằng quả na. Tôi bảo, Xuân này, làm vợ chồng nhé. Nó ré lên cười, đáp, tớ thấy cậu cứ như thế nào ấy... Giời ơi, như thế nào ấy là như thế nào ? Rồi đi nghĩa vụ. Gớm, thế là yêu cả tiểu đội, nằm rừng nằm rú, ôm nhau vì lạnh vì đói... Mình hỏi, thằng nào cũng kêu xuất ngũ là đi kiếm con vợ cho yên thân.

Họa sĩ hắng giọng, nhưng Đồng cô tiếp tục nói như mê sảng.

Đồng cô (tức tưởi) : Thế còn mình ? Chẳng biết may hay là không may, đùng một cái bị thương. A, cái vết thương đó... Phế tật vì nhiệm vụ Quốc Tế, đứa nào nói gì cô xẻo lưỡi ! (Đồng cô xoay người một vòng, giọng cao lên) Từ ngày đội bát hương hầu Mẫu, đúng là đổi đời (chợt cười khanh khách). Cô đây là nô tỳ đi hầu thánh mẫu Thượng Ngàn, chẳng phải đàn bà thì là gị a ? (với tay lấy cái nịt vú đeo vào, ưỡn ẹo, hát nhưng nước mắt ứa ra)

Cô mặc quần lụa, yếm đào
Chỉ trăng trăng mọc, chỉ sao sao mờ
Chỉ cho con nhện giăng tơ
Tơ vương một mối, chín chờ, mười trông
Mai này cô sẽ lấy chồng...

Cảnh 3 : Kinh tế định hướng

Nhân vật đứng, ngồi lổn nhổn trên thềm điện. Trời chạng vạng, ai cũng có vẻ chờ đợi.

Chị vợ (nóng ruột) : Nhà em bảo chỉ trưa là xong, chẳng hiểu thế nào ?

Cô gái : Chú Thắng được mời làm việc hôm qua !

Cụ : Thế ông ấy nói gì ?

Cô gái : Chú ấy im như thóc. Hỏi, chú ấy bảo, lãnh đạo, nhà nước với nhân dân là ba cái nhiễu sự tất yếu!

Bà góa : Nói thế cũng như chẳng nói gì ! Ở trên, họ hỏi gì hở cháu?

Cô gái : Chắc lại kiểu lý lịch ! Trước khai thế nào, nhớ mà khai lại thế ấy, là xong.

Ngu-Ngơ : Chị ơi, trong lớp cô giáo bảo chúng em khai. Đến cái khoản thành phần, em chẳng hiểu là gì, em để trống...

Thằng Đê : Địt mẹ, đúng là con đần ! Lần sau thì để công nhân nhé. Công là chung lại, nhân là người. Công nhân là người chung chung... Ngu đến thế thì thôi !

Bà dân phố : Nói bậy nào ! Công nhân là giai cấp tiên tiến. Mày sau này khổ vì cái lỗ mồm, con ạ ! (quay sang Chị vợ) Cô này, hôm ấy chú kể thế nào ?

Chị vợ : Nhà em với chú Dũng...

Cụ : Không, cô Dung chứ !

Chị vợ : Vâng, với cô Dung lên phường. Trên ấy, họ bảo họ là cấp cơ sở, có thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề an ninh. Cô Dung khai, Bà Việt kiều sẵn sàng trả ba trăm nghìn cho dịch vụ an ninh và thủ tục phường. Nhà em nói thêm một trăm do tổ dân phố tự nguyện bồi dưỡng chiến sĩ... Trên phường họ bảo, về rồi sẽ cứu xét. Nhưng cận ngày lắm rồi. Tiền mua lễ mà chưa có phép thì ai dám đưa để mua bán gì ! Em nghe nhà em nói họ đòi thêm ba trăm. Và phải nộp ngay một nửa. Cô Dung bảo, Bà Việt kiều đã chi đâu, có cái mốc gì mà đưa. Bà ấy nói, không có giấy phép, thì thôi ! Bà ấy về Phủ Giầy, tốn kém không đến nỗi cao như vậy...

Tiếng đồng thanh : ...thế thì chết. Năm hết Tết đến, tiền đâu mà ăn Tết đây ?

Ngu-Ngơ : Hay là để cháu, thằng Tháu với thằng Đê đi rủ trẻ con cả phường, lập kiến nghị rồi viết biểu ngữ đi biểu tình như các cụ Cách mạng lão thành...

Bà góa : Im, con ranh !

Thằng Đê : Địt mẹ mày, nó bắt cho bỏ mẹ...

Bà góa (đứng lên, tay chỉ) : Đây mẹ nó đây ! Mày làm gì thì làm đi ! Đồ mất dạy !

Thằng Đê đứng dậy chạy. Bà dân phố xuýt xoa.

Bà dân phố : Bác bỏ lỗi cho nó. Con dại cái mang ! Khổ lắm... Nó bé, nó có biết nó nói cái gì đâu !

Chị vợ (*đứng dậy, cao giọng*): Nào, trước khi lạc đề, mất phương hướng... Xin mọi người lắng nghe. Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?

Tiếng đồng thanh : Rõ !

Chị vợ : ...vâng, nhà tôi bảo, giấy phép có hai loại. Loại viết, chỉ có thể viết cho phép sinh hoạt xã hội tổ dân phố. Ông tổ dân phố nắm giấy phép. Còn loại kia, loại nháy nháy, ghi sinh hoạt xã hội, nghĩa là muốn làm gì thì làm. Nhưng muốn nháy, phải có ba bên. Bà Việt kiều, Cô Dung và trên Phường. Bà Việt kiều bây giờ sợ, không dám tin ai, đòi phải nắm giấy phép mới chìa tiền ra. Dĩ nhiên, ai dám để bà ấy nắm cái

giấy, địch nó lợi dụng bôi nhọ mình thì sao ?

Tiếng đồng thanh : Địch nó lợi dụng. Phải rồi...Không giấy tờ là chiến thuật, triệt tiêu Pháp Lý là chiến lược, ta nhất định thắng, địch nhất định thua.

Ngu-Ngơ : Cháu thấy chả sao cả ! Nhọ thì rửa, rửa thì sạch. Cô giáo bảo nghèo cho sạch, rách cho thơm mà !

Bà góa : Im ! Con ranh, nói leo.

Đúng lúc đó, có tiếng chân từ ngách sân. Mọi người trố mắt nhìn.Ông dân phố và Anh chồng dắt xe đi vào.

Ông dân phố (hớn hở) : Chào, chào mọi người...

Anh chồng (vui vẻ) : Xong... Được việc rồi !

Tiếng đồng thanh (thở ra) : Đúng là giời có mắt !

Bà dân phố (ngập ngừng) : Xin ông nhà phổ biến cho...

Ông dân phố (nhìn Đồng cô) : Tôi nói nhé !

Đồng cô khinh khỉnh, không đáp.

Anh chồng (cười cười) : Vâng, nói để cho bà con yên tâm. Trên đã cho phép tổ dân phố sinh hoạt văn nghệ.

Tiếng đồng thanh : Sinh hoạt văn nghệ ?

Anh chồng : ...và định giá vé là năm trăm một vé cho một người. Làm ba buổi trình diễn, mỗi lần không hơn tám chục người, thì tiền vé là cỡ một trăm hai mươi nghìn đồng. Các đồng chí quản lý phường sẽ trực tiếp bán vé, soát vé...

Thằng Đê : Địt mẹ chúng nó, thế là ông « vỡ mánh » à ?

Thằng Tháu : Địt mẹ chúng nó ! Kgông thu được tiền thì ông phá cho mà xem!

Ông dân phố (trừng mắt) : Trẻ con, yên ! Để người lớn nói chuyện!

Chị vợ (Chen vào) : Thế còn vấn đề giấy phép ?

Anh chồng (hân hoan) : Trên giải quyết vừa gọn vừa đẹp. Bà Việt kiều, tên là Mộng Lan, được giấy mời trình diễn vũ điệu balê hiện đại... Giấy mời tổ chức của Ủy ban phường, mục đích là xiết chặt quan hệ văn hóa của người Việt ở nước ngoài và người Việt trong nước. Bà ấy hỉ hả, hãnh lên, cho thêm hai trăm nghìn...

Tiếng đồng thanh : Hoan hô. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ! Vũ điệu Ba Lê muôn năm !

Đồng cô (vẫn khinh khỉnh, giơ tay lên) ...chuyện tập thể thì cho con này một tiếng nhé !

Tiếng đồng thanh : Nhất định rồi ! Cô có tiếng nói chứ, không có cô làm gì có sinh hoạt văn hóa cơ chứ !

Đồng cô : Đây nói cho mà biết, vé bán năm trăm thì lộc phát ra phải một nghìn bình quân, nghĩa là tiền lộc của Mẫu phải ba trăm nghìn. Mà đây thì không có đủ thế đâu ! Muốn thế, phải cất phường đàn bát âm, hay loại một ông cung văn... Và rồi cũng phải giảm phần bồi dưỡng cho tổ dân phố mình...

Tiếng đồng thanh : Ối cô ơi, thế được bao nhiêu ? Năm hết Tết đến cô thương cho(lập lại, giọng van vỉ)

Đồng cô : Giảm đến đâu, chưa tính, chưa biết. Phải thắt lưng buộc bụng, đất nước ta còn nghèo, đồng bào nghe chưa !

Cảnh 4: Phần hồn

Phòng gác lửng. Buổi tối. Đèn rọi vào giá vẽ. Họa sĩ chăm chú, mắt kính trễ xuống. Tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Họa sĩ ngưng tay, rồi tiếp tục. Tiếng gõ cửa lại lập lại, gấp gáp hơn. Họa sĩ lấy khăn lau tay, bước ra mở cửa.

Cô gái : Em đây, xin lỗi anh... (nhìn vào) Em làm phiền anh, anh đang làm việc...

Họa sĩ (gật, lẳng lặng đi vào, cô gái vào theo) : Cô bé này, cả tuần vừa rồi chỉ vì cái chuyện lên đồng mà chẳng làm gì được ! (lầu bầu) Thật bực ! Lên đồng thì cả nước cùng lên từ bao nhiêu năm nay rồi... Lúc nào mà chẳng lắc đầu qua lắc đầu lại, chẳng hò chẳng hét, chẳng quay chẳng quật với tiếng chiêng tiếng trống... Hừ, cái việc cô bé nhờ, tôi vẫn chưa gặp ai đâu...

Cô gái : Dạ, em biết. Trên quận chắc họ làm rắc rối lắm hở anh ?

Họa sĩ (tay chỉ) : Họ hỏi nhận được thùng quà trong có gì ? Hỏi thế, nhưng họ thừa biết. Tôi đưa cọ, màu cho họ xem ! Đấy quà ông anh tôi gửi về, chỉ có thế... Họ cười nhạt, vặn thế quà của ông em Đỗ Tất Dũng thì có cái gì ? Tôi bảo tôi không biết, chả lẽ lại nói xú chiêng, nịt mông, nịt bụng... Họ lại bắt kê khai, rồi ước lượng giá để đánh thuế... (thở dài) Cô bé có biết thuế bao nhiêu không ? Tôi bảo, thôi các ông cứ đến lấy sơn, lấy màu, lấy cọ... về. Có đi ra chợ bán tất cả chỗ ấy cũng chẳng lấy được bằng ấy tiền thuế !

Cô gái (kêu hoảng) : Ấy chết ! Họ lấy thì anh lấy gì mà vẽ...

Họa sĩ (cười khẩy) : Cứ để xem ! Nhưng màu tôi mở hết ra, bắt đầu vẽ rồi... Hà hà, đã mở nút, bán chẳng được bao nhiêu. Rồi bên ngoài mấy cái tuýp màu, để bẩn lam nham. Vỏ quít dày có móng tay nhọn !

Cô gái (thở phào) : Thảo nào anh bắt tay vào vẽ ngay ! (đứng lên, đi về phía giá vẽ) Cho em xem, được không anh ?

Họa sĩ vẫy tay mời. Cô gái đến nhìn bức tranh, rồi lùi ra xa ngắm nghía.

Cô gái : Nền màu nóng thế, chắc là anh sẽ...

Họa sĩ : Cái gì đến, sẽ đến. Chẳng tính trước được. Cứ để vô thức cộng vào với tình cờ. Chỗ giao thoa của nghệ thuật, ở đấy, chẳng cần đến họa đồ với phương án sáng tạo. Hà hà, (lắc đầu) thế mà có cả một lớp về cái gọi là phương án sáng tạo, thế mới nỡm...

Cô gái : Em không hiểu anh nói gì...

Họa sĩ : Bất tất. Cứ vẽ, rồi một lúc nào, tự nhiên sẽ hiểu. Và mỗi người một cách, mỗi người hiểu lấy cho mình... Thôi, cô bé để tôi tiếp tục, về nhé...

Cô gái : Em xin anh mấy tờ croquis. Anh cứ làm việc như không có em. Em muốn chụp bắt lúc này... (mơ màng) Em hình như... Em mơ hồ thấy những điều phải chụp bắt, ngay bây giờ.

Họa sĩ lục lọi đưa cho Cô gái giấy, rồi lẳng lặng quay lại trước giá vẽ. Cô gái loay hoay phác bằng than, thỉnh thoảng lại cong người, mím môi, vẻ xuất thần. Cứ thế... Một lát sau, Họa sĩ ngước lên, lấy khăn lau tay, nhìn về phía Cô gái. Họa sĩ bước lại.

Họa sĩ (nhìn những phác họa của Cô gái, lẩm bẩm) : Cái này được đấy. Khuôn mặt có những nét tối, rồi bỗng mờ đi... như không có thực... Được lắm. Chỗ này, phóng cho to lên

Cô gái (lúng túng) : Em cho cái croquis này cái tên « vực thẳm bên bờ ». Anh là người mẫu nhé ! Khuôn mặt anh đấy !

Họa sĩ (bật cười) : Cô bé có biết giữa họa sĩ và người mẫu là quan hệ gì không?

Cô gái lắc đầu.

Họa sĩ : Nếu không là loại người mẫu thuê theo giờ để sinh viên Mỹ Thuật vẽ, thì quan hệ đó là một quan hệ nguy hiểm.

Cô gái : Nguy hiểm ? Nguy hiểm thế nào ?

Họa sĩ (ngần ngừ) : Đam mê. Nhưng bất cập... Ở Âu châu, họ tạc tượng Chúa Kitô, Đức Mẹ Đồng Trinh. Ở Á châu, tượng Quan Âm... Tình yêu đó đầy đam mê nên thành tín ngưỡng.

Cô gái : Đam mê. Đúng. Nhưng bất cập, tại sao ?

Họa sĩ : Bởi nếu không bất cập, không giữ được đam mê. Đam mê nào cũng thật gần gũi sự tuyệt vọng... Yên, cô bé ! (vội vơ một tờ croquis, vẽ rất nhanh)

Họa sĩ vẽ xong, bất động. Cô gái bước lại nhìn bức phác thảo.

Cô gái : Ơ, tôi đây. Không cần mặt mũi mà vẫn nhận ra !

Họa sĩ : Vẽ một người, phải biết vẽ cái bóng người đó. Đó là dáng dấp, là phong cách. Là phần hồn. Nhìn ra được thì vẽ được, không cần cái hiện thực lồi lõm của thể chất... Cô bé thấy tranh kiểu Hiện Thực Xã Hội đều gần như vô hồn cả, chính vì mất chiếm toàn bộ thức giác và loại trừ mọi cái còn lại...

Cô gái : Em hiểu ! Em muốn là người mẫu của anh.

Họa sĩ : Trò này, đã bảo nguy hiểm lắm...

Cô gái : Em không sợ.

Họa sĩ : Cô bé còn quá trẻ. Thời gian sẽ dạy cô...

Cô gái : Thời gian dạy bài học duy nhất là hủy diệt. Vâng, hằng cửu là điều bất cập. Nhưng chính vì thế, nó có khả năng một đam mê. Thắng được thời gian, như trong vở kịch Romêo Juliiét em học ở trường, kiểu *not life but love in death.* (Cười, nhìn chằm chằm, hạ giọng) Em đang muốn chết, ngay bây giờ

Họa sĩ : Đó là kịch. Chúng ta sống là sống trong đời thường.

Cô gái : Không hẳn...(tay bưng mặt) Nhiều khi, sống được chỉ vì sống thật trong một vở kịch tự mình soạn ra !

Họa sĩ (nheo mắt) : Cô bé nói như một người đàn bà giảng bài phiêu lưu (cười). Tôi nhắc, tôi làm người mẫu cho cô, thật là nguy hiểm cho tôi đã. Có lẽ tôi già rồi chăng ?

Cô gái (giọng khiêu khích) : Cái em có thể làm cho tóc anh đen trở lại là tuổi trẻ của em...

Họa sĩ : Đó là cái cô bé cho. Phần tôi, tôi không cho được. Vì thế, tôi không dám nhận...

Cô gái (thở dài) : Anh để phí những tuýp màu này à ? (tay chỉ).

Tiếng mèo hoang vang lên trong đêm, nghe như tiếng trẻ sơ sinh kêu khóc. Họa sĩ ngồi im. Đêm vẫn xuống, từng mảng, chập chùng. Cô gái cầm croquis do Họa sĩ vẽ lên ngắm, rồi lẩm bẩm nhưng cốt để Họa sĩ nghe.

Cô gái : Cái phần hồn này, vẫn còn thiếu. Thiếu một chút gì tựa sự đam mê. Còn bất cập hay không, chỉ có trời biết...

Cô gái đứng lên đi ra. Họa sĩ thình lình níu lấy tay cô, đèn mờ dần trong khi hai người ôm lấy nhau, trong khi tiếng nhạc trỗi lên mơ hồ.

Cảnh 5: Giặc Ta

Thềm điện Bà Chúa. Nhân vật nam nữ đứng, ngồi...Giờ tan sở. Mặt trời ngả bóng, tiếng chuông xe, tiếng xe gắn máy chạy ngoài lộ vọng lại.

Đồng cô (ỏn ẻn) : Mẫu cho ăn lộc, mọi chuyện đâu vào đó rồi. Ba ngày nữa thì hầu Mẫu, bây giờ tôi phân công nhé...

Tiếng đồng thanh : Mẫu cho ăn lộc. Cúi đầu lạy tam tòa Thánh Mẫu a.

Bà góa (vui vẻ): Thì cứ như trước mà làm. Tôi phụ trách luộc trứng một trăm quả, nặn oản một trăm cái, năm mâm sôi séo, rồi năm mâm quả bốn mùa...

Cụ (vui vẻ) : Tôi thì lo đèn, nhang, hương hoa. Trước Tết, hoa ở Nghi Tàm còn rẻ, tôi xuống tận nơi sáng sớm hôm hầu Mẫu, lấy về cho tươi...

Đồng cô (hứ) : Cụ đừng tính cái món xích lô như lần trước nhé. Đắt cắt họng...

Cụ : Ối giời ơi, cứ so giá với hoa chợ Đồng Xuân thì vẫn còn hời khối ra, cô ạ...

Chị vợ : Còn em, lại xin lo cái phần hiện đại. Tô điểm son phấn, sắp xếp áo quần theo đúng lớp lang các giá...

Ngu-Ngơ (nhìn Đồng cô, lanh chanh) : Còn cháu, cháu rót nước cho các cụ, các bà nhá, cô nhá...

Đồng cô (nguýt) : Mày đoảng bỏ cha đi ! Lần trước, mày dội nước sôi vào người ta, người ta lại bắt đền tao...

Bà góa : Lần trước, cái ấm nó đứt quai. Lần này khác, tôi sẽ kiểm tra cẩn thận. Cô cứ để nó.

Bà dân phố (giọng nghiêm nghị) : Vâng, cứ thế. Nhưng lần này thì phải thằng Đê và thằng Tháu giúp tôi khâu tổ chức. Chúng nó không phải bán vé, thì lo an ninh vòng trong, xếp chỗ ngồi, và...

Đồng cô (xách mé) : và gì... Bà bảo cái thằng Tháu đừng móc túi người ta. Còn thằng Đê, hôm đó cấm địt mẹ, địt cha... cứ địt vung tí mẹt lên như kỳ trước, nghe nó chẳng trang nghiêm tí nào. Cái phần phát lộc là tôi lo. Con cháu nhà, lộc khác con cháu người ta. Nhưng tôi dặn trước, không chấp hành nghiêm chỉnh là... Mẫu sẽ phạt bằng cách giảm phần trăm đồng bộ khâu dịch vụ, tiếp viên... Nghe rõ chưa ?

Tiếng đồng thanh : Rõ ! Trăm lậy ngìn lậy Mẫu, thương lấy đám dân đen ạ..

Chị vợ : Việc tiếp tân và giao dịch với công quyền thì Ông dân phố và nhà em đảm đương như mọi lần.

Đồng cô : Thôi được, cứ thế (ngẫm nghĩ...) Còn cái việc dâng sớ. Dĩ nhiên là ngoài bà Việt kiều, ai cần xin gì cũng cho, nhưng có lấy chi

phí dịch vụ không ? (lẩm nhẩm) Mỗi giá, cho hai người dâng sớ... Cứ khoảng mười nghìn một sớ, tổng cộng mười tám giá thì cũng được ba trăm ba mươi nghìn...

Bà góa (chần chờ) : Tôi sợ mười nghìn thì nhiều quá. Tám, chắc cũng được. Giá lần trước chỉ có hai nghìn...

Đồng cô : Lần ấy là giá Nội địa. Lần này, các Ngài về tiếp Việt kiều, giá phải hơn chứ... Tiền ngoại nó khác !

Bà dân phố : Già néo đứt giây, sắp Tết nhất... Tôi thì tôi bảo năm nghìn cũng được !

Có tiếng chuông xe đạp. Ông dân phố dắt xe vào.

Ông dân phố : Xin phổ biến cho cơ sở nắm một số điểm ngày sinh hoạt văn nghệ. Về mặt văn hóa, phải tránh dùng một số từ ngữ khích động và trái chính sách...

Tiếng đồng thanh : Khích động và trái chính sách ? Không, không bao giờ nói ra đâu.

Ngu-Ngơ : Cháu hiểu, khích động nhất là từ đô la Mỹ...

Bà góa : Im miệng, con ranh lắm mồm...

Ông dân phố : Những từ của những thế lực thù địch như Dân chủ, Đa nguyên và Nhân quyền phải triệt để cảnh giác, tuyệt đối không dùng trong diễn từ, ca từ. Về phần thông báo, bìa trắng, chữ đen hoặc nâu, to nhất là mười tám phân, chỉ được ghi Sinh hoạt Văn Nghệ Nội bộ Tổ dân phố 8, phường..., quận... Bìa thông báo chỉ treo ở đầu ngõ, bốn giờ trước khi sinh hoạt, và sau đó thì phải cất giữ...

Đồng cô : Đồng ý tất ! Cái này Ông dân phố lo hết...

Đột nhiên, có tiếng gậy lộc cộc. Ông già đeo kính đen quờ quạng từ ngách vào sân.

Ông già (ê a) : Khát nước, bà con cho xin miếng nước ... *Lý lý ơi khát khô cả giọng. Tình tình ơi khéo động màn thưa. Chìa vôi quệt gió lừng hờ. Bờ ao sáo tắm bao giờ hở em*

(nhìn mọi người) Lại họp tổ nữa à ? Sao mà khỏe họp thế ? Tính tập thể cao nhỉ !

Ngu-Ngơ : Cụ ơi, tổ dân phố cháu lên kế hoạch rồi ! Ba ngày nữa là lên đồng, cụ đến mà lấy lộc Mẫu nhé...

Ông già (phá lên cười) : Cho tôi một vai nhé ! Cả nước lên đồng mà tôi đứng ngoài thì tủi lắm. Đã 40 tuổi Đảng, tham gia từ hồi Kháng Chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ mà bây giờ chầu rìa thì chịu thế nào được cơ !

Đồng cô (hóm hỉnh) : Thôi cụ ơi, cho chúng cháu nhờ. Việc của cụ là đảo một vòng bờ hồ, xin Đảng cứu lấy dân. Việc của cháu là đảo một

vòng bến Giác, xin tam vị thánh Mẫu cứu lấy đám con lạc lõng cõi trần ai này. Phân công công tác rõ ràng, xin cụ chớ chồng chéo mà hỏng cả...

Bà dân phố : Hôm ấy, cụ cứ đi bờ hồ. Còn lộc của cụ, nhà cháu xin giữ hộ. Chẳng phải cơm, cháy mà là phở, chẳng phải nước mà là bia hơi Trung Quốc, cụ tha hồ...

Ông già (lập lại) : Cho tôi một vai ! Tôi làm quân Đức Thánh Trần đuổi giặc thôi mà...

Chị vợ : Còn giặc đâu mà đuổi, cụ ơi !

Đồng cô (phì cười) : Giặc, còn chứ... Lúc nào mà chẳng có giặc. Khi thì giặc Tầu, giặc Pháp, giặc Mỹ. Khi thì giặc ngu, giặc dốt, cái thứ giặc Ta đó. Giặc Ta mới khó trị. Nó lại là bệnh hay lây. Thánh thần cũng lây bệnh giặc mất rồi...

Ngu-Ngơ : Đúng, cô nói cứ như cô giáo chúng cháu chửi chúng cháu là bọn giặc con đấy !

MÀN 3

LÊN ĐỒNG

Cảnh 1: Đồi trụy

Thềm điện. Trời chạng vạng. Có tiếng khóc rưng rức.

Bà góa (ái ngại) : Thôi bà ạ ! Lo cũng chẳng được. Đợi tí nữa chú Hoành về, khắc biết cơ sự !

Cụ (quệt nước mắt) : Các bà, các cô biết cháu đấy, nó có làm gì đâu mà bắt với bớ. Khi tôi nắm lại, họ đẩy tôi ngã chúi xuống, trẹo cả chân... Khổ, nó côi cút, bố liệt sĩ mẹ liệt sĩ mà bây giờ thì thế. (lại khóc)

Bà dân phố (khe khẽ ho) : Tôi hỏi. Họ bảo điều tra đã...

Chị vợ (chép miệng) : Anh Thắng họa sĩ bị còng số 8, nhưng cô Mơ thì không... Cả hai lếch thếch, thấy mà thương ! Rồi họ khuân đi cả chục bức tranh, chẳng hiểu để làm gì...

Cụ (hổn hển) : Cháu nó lên học vẽ mấy buổi sáng, bảo nhân dịp ông họa sĩ mới nhận được sơn màu từ ngoài gửi về làm quà Tết... Chẳng nhẽ dùng màu ngoại vẽ tranh quốc nội là có tội ! Tôi chẳng hiểu thế nào sất, các bà ơi !

Bà góa (lắc) : Chắc không phải thế đâu cụ ạ ! Cụ cứ nhìn quanh mà xem, cái gì chẳng phải là hàng ngoại. Đến bia uống để rồi đi đái mà cũng là bia Trung Quốc cơ mà !

Bà dân phố (gật) : ...đoàn kết quốc tế mà lị !

Đồng cô (ở điện đi ra, nhìn) : Này các bà. Mai hầu Mẫu rồi ! Cụ ơi, sáng mai cụ có vào Nghi Tàm lấy hoa được không. Chân trẹo liệu đi được thì đi, không thì còn tìm phương án hai...

Cụ (vội vàng) : Đi được chứ ! Với lại hôm trước tôi đã vào đặt hàng, đi xích lô thì chẳng sao cả ! Nhưng tôi nói, cô hiểu cho, bụng tôi cứ nóng như có kiến đốt...

Đồng cô (nhìn Chị vợ) : Chị này, em bảo ta cứ bắt đầu lúc trưa trưa, hầu có tám giá thì đến xẩm tối chắc là xong. Em ngắm cốt, cái bà Việt kiều này là cốt ông Hoàng Mười, hỏi ra thì đúng thế ! Bà ấy đòi phải có kiếm, có ngựa...

Chị vợ : Kiếm thì có rồi, còn ngựa... Ta ra chợ mua cái lục lặc. Nhưng lần này quan Hoàng Mười đánh quân Minh, quân Thanh, hay quân Thát Đát ?

Bà góa : Đánh quân nào mà chẳng chỉ có một bài...

Chị vợ : Ấy chết, phải dặn cung văn đổi chữ cho hợp tình thế chống ngoại xâm chứ !

Đồng cô (tần ngần) : Em chưa hỏi ! Nhưng không phải quân Thát đâu ! Đánh Thát trên sông Bạch Đằng là đánh thủy, cưỡi ngựa thế nào được ! Bà Việt kiều này cho bà lên ải Chi Lăng chém Liễu Thăng là hợp...

Bà dân phố (lắc đầu, sợ sệt) : Cứ để hỏi nhà tôi xem chính sách ra sao đã ! Dạo này có vấn đề thỏa hiệp biên giới với Trung Quốc, đang bàn ở cấp Bộ. Chuyện ải Chi Lăng xưa thì nay gọi là Hữu Nghị quan, sợ có đụng chạm gì chăng ! Chắc ăn, ta để bà Việt kiều đánh quân Thanh, chém Sầm Nghi Đống ở gò Đống Đa kia thì không có vấn đề biên giới...

Đồng cô (ngắt) : Nhiễu sự. Em thì em thích lên đèo xuống ải, sướng hơn. (cong mỏ) Với lại, ngựa thì là cô đây chứ còn ai nữa. (cười the thé) Cái giá này mà cô làm ngựa, múa đôi đẹp lắm đấy nhé...

Đúng lúc đó Ông dân phố từ ngách dắt xe đạp vào. Mọi người khựng lại, đợi. Ông dựng xe, cởi cái mũ cối bộ đội, mặt nghiêm trọng.

Ông dân phố : Báo cáo với các bà, các cô. Tôi lên Phường với chú Hoành, hỏi đã thỏa thuận hợp đồng rồi mà sao lại bắt người của tổ dân phố ta. Họ bảo, không phải họ bắt, và họ cùng lên trên Quận với chú Hoành. Tôi ngồi đợi suốt, mãi chẳng thấy động tịnh gì, sốt ruột quá... (nhìn Đồng cô) Họ bảo đảm là vụ bắt bớ không dính gì đến sinh hoạt Văn nghệ của tổ mình !

Đồng cô (chua ngoa) : Đấy là Phường ! Quận khác, Phường khác...

Ông dân phố : Họ phải phối hợp chứ ! Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược thì loạn à...

Cụ (lại khóc rưng rức) : Ngày xưa Tây càn, thì chạy loạn. Khi Mỹ bom, gọi là sơ tán. Bây giờ mà loạn thì đi đâu... Con ơi là con, cháu ơi là cháu !

Bà góa (ngắt) : Cụ ơi ! Cứ bình tĩnh. Cái loạn bây giờ nó khác, chẳng trốn đi đâu được...

Chị vợ (phụ họa) : Chạy trời không khỏi nắng ! Mà nghe có tiếng Honda... Chắc nhà em về đấy.

Anh chồng (xuất hiện, mặt cố lấy vẻ điềm tĩnh, nhìn quanh) : Không, hai việc không dính nhau. Tôi hỏi kỹ, ta cứ sinh hoạt Văn nghệ như đã dự tính. Các ông trên Quận còn khích lệ, bảo thế là đóng góp vào văn hóa dân gian !

Cụ (chen vào) : Thế ông có hỏi vì sao công an Quận lại bắt con bé cháu không ?

Anh chồng nhăn mặt, không đáp.

Đồng cô (giọng bực bội) : Thế còn ông anh tôi ! Ai cũng biết ông ấy gàn gàn dở dở, nhưng một con ruồi ông ấy cũng chẳng nỡ đập ! Sao lại bắt ông ấy ?

Mọi người im lặng.

Tiếng đồng thanh : Nói đi, vì sao lại bắt ? Tội gì ?

Anh chồng (rành rọt) : Họ bảo vì đồi trụy !

Tiếng đồng thanh : Đồi trụy ! Đồi trụy ! (cười ồ thích thú)

Cụ (nhìn Chị vợ) : ...đồi trụy là thế nào ? Chữ Hán tôi không được học !

Chị vợ ghé vào tai bà cụ nói thầm.

Cụ (ré lên khóc) ...là thế à ? Cháu tôi mất trinh rồi à, giời ơi ! Cháu ơi, khôn ba năm dại một giờ...

Bà góa (chép miệng) : ...chẳng phải một giờ, chỉ dăm phút cũng đủ dại. Mà không lẽ họ rình được đúng lúc ấy ! Với lại, ban ngày ban mặt. (quát) Con ranh, mày có thấy gì bất thường không ?

Ngu-Ngơ (sợ hãi) : Dạ...

Bà góa (gắt) : Cái gì bất thường ? Hả !

Cảnh 2 : Quan Hoàng Mười

Trong Đền bà Chúa. Điện thờ. Tượng Thần, Thánh. Khói nhang bay tù mù. Tiếng trống chầu, tiếng phách, tom chát nhịp cho phường hát

âm. Mọi nhân vật đều có mặt, vây quanh một chiếc chiếu cạp điều. Ở giữa chiếu, bà Việt kiều quần nhiễu, áo tơ, đầu phủ khăn đỏ, lắc lư, quay vòng vòng.

Đồng cô (giọng uốn éo) : Lạy xong tam tòa thánh Mẫu. Bây giờ, chủ đồng xin dâng đệ tứ lạy, lạy cho quốc thái dân an.

Tiếng đồng thanh : Lạy cho quốc thái dân an...a

Tiếng chiêng. Nhạc bát âm cứ thế cử lên như giục giã. Mọi người đều lắc lư đầu.

Đồng cô : Lạy chư vị thánh quan, hoàng quan. Lạy chư vị quần tiên thượng cảnh...

Lúc đó Đồng cô nhìn lên, cả điện thờ bỗng dưng óng ánh những cánh bướm vàng. Đầu Đồng cô lắc lư, bướm bay lên phất phơ lượn từng đàn.

Tiếng đồng thanh : Cô nhìn thấy gì ? Chúng tôi người trần mắt thịt... Lạy chư vị thánh quan, hoàng quan. Lạy chư vị quần tiên thượng cảnh...ạ

Đồng cô đứng lên, xoay vòng vòng, vạt áo xanh cuốn thành một giải lượn lờ. Mắt Đồng cô long lanh, liếc trái, liếc phải, tay giơ lên uốn lượn như hai con rắn lục, năm ngón tay chĩa nhọn trông tựa đầu rắn... Cung văn hát, tiếng ê a nhừa nhựa như ru trong tiếng nhạc...

Đồng cô : Cô nhìn thấy bướm ! Bướm vàng từ cõi Thiên Tiên về chầu bướm Chúa ! (quay xuống, nhìn bà Việt kiều đầu đang đảo) Xin ngài đón lũ con ngài từ Thượng ngàn về hầu ngài đây...

Tiếng đồng thanh : Xin ngài... a... ngài đón con ngài !

Bà Việt kiều đứng bật dậy, tay gỡ chiếc khăn điều chùm đầu, vung lên rồi xoay một vòng. Bà cứ xoay như thế đến đâu độ mười lần thì đảo người, đúng lúc Đồng cô đưa hai tay ra đỡ lấy...

Đồng cô : Ngài đã giáng...

Cung văn hát, giọng cao lên, như thúc giục. Cứ thế. Tiếng đàn tiếng hát, tiếng chiêng, tiếng trống dồn dã đập vào tai. Thình lình, Đồng cô ngưng xoay tròn, đứng sững nhìn mọi người...

Đồng cô (hát) :

Chị ta vừa vượt non tiên
Đến đền Kiếp Bạc đoàn viên với ngài... a.

Tiếng đồng thanh : Nhị vị vương cô... a... Cô về cô về đoàn viên với ngài ạ...

Đồng cô (cúi lạy bà Việt kiều, hát) :

Em xin chị nhận lạy này...
Năm chờ chín đợi một ngày gặp nhau

Cung văn hát theo, lập đi lập lại cứ một câu.

Bà Việt kiều (xoay xoay, miệng ré lên kêu) : Em ! Em...

Tiếng đồng thanh : Một ngày gặp nhau... a !

Đồng cô xoay theo bà Việt kiều, lượn quanh như bướm như ong (màn múa hát này kéo dài baphút). Tiếng cung văn hát ngày một nhanh. Mọi người chung quanh chiếu lắc lư đầu, miệng thỉnh thoảng kêu a, a !

Đồng cô (cúi xuống nhắc một chiếc mâm gỗ sơn son, miệng kêu): Nào, lộc của nhị vị Vương cô... (quì đưa cho bà Việt kiều)

Bà Việt kiều : Lại đây, ta phát lộc cho nào !

Tiếng đồng thanh : Lạy tạ Vương cô ! Lạy tạ Vương cô...(lập đi lập lại)

Bà Việt kiều tay bốc những đồng bạc xếp thành hình con bướm, hình dẻ quạt... vừa quay vòng, tay chìa ra phát lộc. Người xung quanh với lấy, mồm kêu « lạy tạ Vương cô ».Bất chợt, bà Việt kiều ngưng lại.

Bà Việt kiều (quát) : Kiếm ta đâu ? Ngựa ta đâu ? Ơ hay, cô Huệ, cô Lan, ta đã dặn rồi...

Tiếng đồng thanh: Quan Hoàng Mười, quan Hoàng Mười giáng thế ! Quan về ạ.

Cung văn (hát) :

Bốn phương mưa móc ư ư mượng mầu
Bồ đào mỹ tửu thanh tâm đủ mùi... ư... ư
Câu thơ bách lý
Thế sự vô thường
Có quan Hoàng Mười (a à) như có cả mùa xuân
Nhớ người vì nước vì dân vì đời....

Tiếng đồng thanh: A, Quan về... có cả mùa xuân. Quan về đây a...

Cung văn (hát) :

Nhớ miệng quan Hoàng cười
Nhớ lời quan truyền (ơ hơ) nhân gian
Khi về núi
Lúc lại xuống ngàn

Tiếng đồng thanh : Lúc lại xuống ngàn... a.

Tiếng trống tiếng chiêng cất lên ráo riết.

Cung văn (hát) :

Ơ hò...
Rằng cỏ cây đang hớn hở đón (mà) chào
Rằng cỏ cây đang hớn hở đón (mà) chào
Nhớ xưa Lưu Nguyễn (ấy a) lạc vào Thiên Thai
Ơ hò...

Trong Nghệ An chỉ có đức Hoàng Mười
Kinh văn thao lược tuyệt vời không ai đang.

Bà Việt kiều chìa tay nắm lấy thanh gươm gỗ, múa lên, miệng cười khành khạch .

Tiếng đồng thanh: Không ai đang, a...Kinh văn tuyệt vờia.

Đồng cô (ỏn ẻn) :

Trăm lạy quan Hoàng, vạn lạy quan Hoàng.
Bấy lâu vắng mặt khát khao
Bây giờ quan giáng làm sao (ơ, ơ) cho em gần.

(Đồng cô cười, mắt đưa tình, hát)

Từ biển đào, đến chốn rừng xanh
Quan trên thượng giới (mà vẫn) nặng tình thế gian.

Tiếng đồng thanh : Nặng tình thế gian... a ! Quan oai thế ! Quan đẹp thế a...

Tiếng tôm chát. Tiếng chiêng. Bà Việt kiều đảo một vòng.

Đồng cô (liếc, miệng chúm chím, hát) :

Chiều chiều (em) đổi ơ.. ơ mơ màng
Đỏ đôi khóe hạnh đợi chàng đến chơi

Cung văn (đồng ca) :

Ơ hò...
Biển đào nước chảy xa trông
Giang sơn một gánh, non sông một chèo
Giơ tay quan mở khóa động đào
Dắt muôn đệ tử đi vào Nghệ An
Ví rằng cánh trở sông Lam
Có cầu Bến Thủy bắc ngang đôi bờ...

Bà Việt kiều (hét) : Ngựa đâu ? (tay vung kiếm, bà cười sằng sặc) Ngựa đâu để ta cưỡi...

Đồng cô (cúi xuống, mông chổng lên, hai tay giơ, ỏn ẻn) : Ngựa đây ! Ngựa em đây cho quan cưỡi ! Thế quan định lên gò Đống Đa chém thằng Sầm Nghi Đống, thì em đưa quan đi ngay...

Tiếng đồng thanh : Chém thằng Sầm Nghi Đống, nhất định chém nó lấy đầu ạ...

Bà Việt kiều (ngơ ngác) : Nó là thằng nào ? Thôi, thôi, ta chẳng chém ai đâu... (quăng kiếm xuống đất) Ta muốn đi tham quan du lịch... Ta lên chùa Yên Tử !

Đồng cô (chưng hửng) : A... (ngập ngừng) Quan Hoàng muốn lên ngàn (xoay một vòng tròn, lại cúi xuống, mông chổng lên)

Lên ngàn, ứ ư...
Các cô trên ngàn... các cô hái lá đề thơ
Mượn con chim nhạn đưa thư đến người...

Cung văn (hò lên) :

Xem thơ ta vỗ tay cười
Các cô có nhớ Hoàng Mười (này) hay không ?

Bà Việt kiều (ôm lấy eo Đồng cô, đằng sau thúc vào mông, hét) : Ngựa ơi, chạy đi... Ta đi du lịch đây !

Hai người xoắn vào nhau, cứ thế vừa đi vừa thúc, hết một vòng thì quay ngược lại.

Tiếng đồng thanh : A, a... cưỡi ngựa mà chơi ! (lập lại)

Cung văn (hát, véo von) :

Khi Bích Động, lúc lại Bồng Lai
Khi Bích Động, lúc lại Bồng Lai
Khi xem hoa nở, lúc ai chờ trăng lên, í i í i
Non xanh, nước biếc, suối vàng
Ai ơi nhớ khúc Nghê thường hay không ?

Tiếng đồng thanh : Nhớ chứ, a... Cưỡi ngựa lên ngàn a...

Bà Việt kiều mệt, thở phì phò.

Đồng cô(lại hát) :

Ngựa quan, quan cưỡi, quan trèo
Năm non cũng vượt, mười đèo (quan) cũng qua...

Bà Việt kiều ngồi xệp xuống. Đồng cô dâng chiếc mâm. Bà Việt kiều đứng dậy, cầm tập tiền, đưa ra phát lộc. Người ta lại ào vào với lấy, miệng nhao nhao kêu « Tạ ơn quan Hoàng Mười... »

Cung văn (cùng nhau cất tiếng) :

Tiệc còn đang vui
Tiệc còn đang vui (mà) ông trở ra về
(lập lại)

Đồng cô(giọng nước mắt, hát tiếp) :

Đứng bên yên ngựa, em xin quan đề bài thơ.

Tiếng đồng thanh : Đề bài thơ... a. Quan ơi, đừng vội... . Quan ở lại đừng đi ạ.

Đồng cô :

Ngựa hồng (em) còn buộc hiên mai
Ông về ông để lại cho ai bây giờ...

Tiếng đồng thanh : Ông để lại cho ai... a

Thình lình, tiếng còi huýt lên tứ phía.

Tiếng quát : Ai ở đâu thì ở yên chỗ đó. Không được làm mất trật tự. Để cho nhân viên công quyền thi hành phận sự...

Đèn tắt ngấm. Có tiếng chân. Tiếng chạy. Tiếng chửi.

Tiếng quát (lại vang lên) : Ai ở đâu thì ở yên chỗ đó ! Cấm chạy !

Súng lên cò nghe lách cách, rồi một phát chỉ thiên xé toang không khí hệt như tiếng pháo đùng. Lại tiếng huýt còi, tiếng xe hụ, tiếng chân chạy huỳnh huỵch, tiếng quát, tiếng chí chóe, tiếng van lậy, rồi tiếng đồng thanh.

Tiếng đồng thanh: Giả lại tiền tao... Quân ăn cướp. Giời ơi là giời (lập đi lập lại nhiều lần, tiếng nhỏ dần)!

Cảnh 3 : Phép nước

Thềm Đền bà Chúa. Nhân vật đứng, ngồi, mặt mũi lo âu. Trời chiều.

Ông dân phố (trầm trọng) : Tôi báo cáo, trên quận mời tất cả bà con tổ dân phố lên làm việc sáng mai...

Ngu-Ngơ (nhảy cẫng lên) : Cho cháu đi với. Cháu muốn làm việc lắm. Hôm nọ các ông ấy tịch thu hết tiền lộc của cháu để làm biên bản đấy... Biên bản xong, phải trả tiền lại cho cháu chứ !

Bà góa : Im miệng ! Con ranh. Ông dân phố ơi ! Làm việc gì hở ông ? Tổ ta có phép sinh hoạt Văn nghệ, thế là chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật lắm rồi cơ mà...

Ông dân phố : Tôi cũng nói thế, nhưng họ bảo còn vế thứ hai, tức là sống nếp sống văn minh. Mà văn minh thì không được đổi trụy...

Chị vợ : Úi giời ơi, văn minh như Tây như Mỹ còn đổi trụy gấp mười lần ta. Báo Play-boy công an tịch thu xong ra bán chui ở chợ, các bà đầm trông cứ ngồn ngộn lên...

Cụ (giọng có nước mắt) : Tôi thì xin lên làm việc. Con cháu Mơ họ vẫn giữ, hôm qua tôi có ghé trụ sở công an, họ đuổi tôi về... Một bà, một cháu ! Đúng là giời hành !

Đồng cô (ngồi, vắt chân) : Họ thu hết lộc của Mẫu phát cho mọi người, rồi lại lục lọi thu luôn cả phần tiền chưa trả cho cung văn và phường bát âm. Họ bảo đấy là tiền thế chân cho bà Việt kiều để bà ấy tại ngoại ! (giọng buồn bã) Thế là con này lấy gì mà « bù lỗ » đây ! Con này có phải là ông Nhà Nước đâu ! (thở dài) Lại còn cái ông Họa sĩ gàn nữa, giữ thế là ba hôm rồi... Chắc lại tiền, tiền, tiền...

Cụ (kêu lên) : Cô thì còn có, chứ tôi lấy đâu ra hở cô !

Ông dân phố : Xin bà con cứ bình tĩnh. Ta lên làm việc xem sao, rồi linh động thôi...

Bà dân phố (trề môi) : Linh động... Dạ, không linh động cũng chẳng được. Tết nhất đến nơi rồi. (nhìn Ông dân phố) Chú Hoành với ông lo cái việc giao tế, tiếp tân, liên lạc công quyền mà để thế à ! Người ta mua vé thì phường thu tiền vé. Vé mua để hy vọng lấy lại tiền lộc Mẫu. Rồi nay lại thu hết lộc, thì kinh doanh của nhân dân thế là mất toi tiền vé, người ta chửi bố mình lên khắp Phường cho mà xem ...

Ông dân phố (trừng mắt) : Thôi đi, đàn bà lắm lời... Chú Hoành đâu ?

Chị vợ : Nhà em à ? Mới đâu đây mà lại biến rồi...

Bà góa (chép miệng) : Chắc chú Hoành cũng chẳng ngờ được cơ sự như vậy đâu ! Tôi cho là mình phải có kế hoạch để đối phó...

Ngu-Ngơ (giơ tay) : Cháu nhất trí ! Tối nay cứ để cháu, thằng Đê, thằng Tháu đi đến mọi nhà trong phường, rủ mọi người lên trụ sở quận. Cô giáo cháu bảo, rời sông, lấp biển, có sức dân cũng xong...

Thằng Đê : Ông đéo vào ! Đi rầm rập là nó quây nó bắt cho mà bỏ mẹ à !

Ông dân phố (quát) : Im, trẻ con im cho người lớn nói chuyện !

Bà góa (giơ tay dọa đánh Ngu-Ngơ) : Im ! (đằng hắng) Tôi cho là phải duyệt xem ta có làm gì vi phạm chính sách không ?

Đồng cô (rít lên) : Không ! Tôi kiểm soát hết. Không hề có từ dân chủ, đa nguyên hay nhân quyền gì cả ! Chỉ có cái giá quan Hoàng Mười là ra ngoài kế hoạch...

Chị vợ : Ừ, nhưng chỗ nào nhỉ ?

Đồng cô : Cái lúc cô nói với quan Hoàng Mười, ngựa em đây cho quan cưỡi ! Thế quan định lên gò Đống Đa chém thằng Sầm Nghi Đống, thì em đưa quan đi ngay...

Bà dân phố : Có lẽ thế là phá cái tình hữu nghị « núi liền núi, sông liền sông, như môi với răng... »

Đồng cô (tru mỏ) : Xin lỗi bà đi ! Lên Hữu Nghị quan chém thằng Liễu Thăng mới có vấn đề biên giới. Đằng này khác ! Thằng Sầm Nghi Đống nó vào tận Thăng Long thì rõ là quân xâm lăng, hữu nghị gì nó !

Chị vợ (à một tiếng) : ...nhưng bà Việt kiều đâu có đi chém Sầm Nghi Đống đâu. Bà ấy ôm lấy mông ngựa, miệng bảo quan chỉ đi du lịch lên chùa Yên Tử thôi ! ... Các bà các chị nhớ chứ ! Đi du lịch chứ có chém ai đâu...

Cụ (à một tiếng) : Vâng, tôi nhớ ! Đi du lịch thì đúng chính sách quá đi chứ. Năm nay không phải Năm mở cửa cho du lịch à ! Khách

sạn mọc như nấm, nhà nào cũng lắp máy lạnh, kẻ bảng Phòng cho thuê!

Bà góa (trầm giọng) : Tôi cũng nhớ vậy. Như thế, không phải là vấn đề ngoại giao hay quân sự. Sinh hoạt Văn nghệ thì đã có khích lệ là văn hóa dân gian, thế cũng không phải vấn đề văn hóa. Hay... hay là cái khúc mắc « thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa » ? Nhất là với người nước ngoài như bà Việt kiều ?

Đồng cô (tru tréo) : Thì đúng là tôi lần đầu giao dịch ngoại thương thật ! Nhưng thị trường là thuận mua, vừa bán, giá cả hợp đồng. Còn như cái định hướng xã hội chủ nghĩa thì giá vé do các vị ở phường quyết định cả...

Bà góa : Nhưng còn tiền lộc. Giá đó là giá tự do mà !

Chị vợ (xen vào) : Giá tự do thì làm sao, cứ ra chợ, giá nào mà chẳng là giá tự do chứ. Ngoài dịch vụ hành chính ra làm gì có giá qui định hở bà !

Bà góa (ờ ờ, cắn môi) : Thế thì ở chỗ khác !

Ông dân phố (chặc lưỡi) : Hay là vi phạm ở cái chỗ lúc quan Hoàng Mười ôm mông ngựa thúc vào...

Đồng cô (cười, uốn éo) : Mông con này chứ mông con ngựa nào...

Ông dân phố (nghiêm trang) : Ấy chính vì thế mới gây ra hiểu lầm là khiêu dâm...

Bà dân phố (ngắt) : Ai nghĩ bậy thì mặc họ, chứ tôi thì tôi thấy quan Hoàng cưỡi ngựa lên chùa Yên Tử lễ Phật...

Cụ (hùa vào) : Tôi cũng thấy vậy, hiểu lầm thế nào được !

Ngu-Ngơ (lanh chanh) : Cháu cũng thấy vậy !

Chị vợ (giơ tay) : Thế thì ta nhất trí với nhau nhá...

Ngu-Ngơ (ré lên) : Ối giời ơi, nó lại tụt quần cháu !

Bà góa vùng dậy. Thằng Tháu thoắt một cái chạy ra ngõ. Bà góa đuổi theo, chửi « Thằng mất dậy ! ».

Cảnh 4 : Cướp Ngày

Người trong tổ ngồi lổn nhổn trong một căn phòng, im lặng, nhìn nhau bứt rứt.

Bà góa : Bắt đợi thế là cả buổi rồi ! Làm ăn hôm nay coi như toi hết !

Chị vợ (thì thào) : Kỹ thuật điều tra đấy. Càng đợi, càng nóng lòng. Càng nóng lòng, càng bất lợi...

Bà dân phố : Phải bình tĩnh ! (nhìn Đồng cô) Và càng nói ít càng

tốt.

Đồng cô (chua ngoa) : Không nói không hỏi thì làm sao lấy lại tiền hả bà !

Ngu-Ngơ : Cháu thì cháu đòi cho bằng được ! Tiền ăn Tết của cháu.

Bà góa : Con ranh, im miệng !

Lúc đó, có tiếng chân người. Ông dân phố đi ra, ngồi xuống cạnh bà dân phố.

Ông Nhà Nước : Chúng tôi có lời xin lỗi đồng bào phải chờ lâu. Đó là vì dạo này công vụ ở cấp Quận dồn dập. Nào, để nhanh chóng, làm việc cả tập thể... Xin mang tang vật vào...

Tiếng đồng thanh : Tang vật ? Giời đất ôi, chắc có đứa nhét súng nhét đạn hay cần sa ma túy vào Đền à ?

Mười bức tranh của Họa sĩ được khênh ra để cạnh tường, trước mặt mọi người. Lúc đó, Họa sĩ và Cô gái bị dẫn vào, bắt ngồi đối diện.

Ông Nhà Nước : Đây là Đỗ Tất Thắng, giáo viên trường Mỹ Thuật, đồng bào có nhận ra không ?

Tiếng đồng thanh : Có !

Ông Nhà Nước : Còn đây, Nguyễn Thị Mơ, học sinh tốt nghiệp cấp ba, ngụ tại tổ dân phố, đồng bào có nhận ra không ?

Tiếng đồng thanh : Có !

Cụ (ngập ngừng) : Nó là cháu tôi, con liệt sĩ. Nó bị bắt vì tội gì, đồng chí !

Ông Nhà Nước (ngắt, ỡm ờ) : Sau sẽ rõ... Những bức tranh này do Họa sĩ Thắng vẽ, đã có ai thấy nó chưa ?

Mọi người lặng im. Ông Nhà Nước nhắc lại câu hỏi.

Ngu-Ngơ (giơ tay) : Cháu trả lời, ông có trả lại tiền cháu không ?

Ông Nhà Nước (a, a) : Cháu cứ nói...

Ngu-Ngơ : Đây, có cái bức tranh này thì cháu chắc là chú Họa sĩ vẽ (tay chỉ). Còn vẽ cái gì thì cháu không biết rõ. Trông như cái giỏ bắt cua, mà lại không có cua, loằng ngoà loằng ngoằng...

Họa sĩ (bật cười) : ...tên nó là hư không đấy !

Ông Nhà Nước (nạt) : Im nào ! Giữ trật tự, nghiêm chỉnh làm việc. Thôi được. Bây giờ, ta cứ suy luận biện chứng như thế này. Họa sĩ thì có vẽ mới là họa sĩ. Vẽ thì phải có tranh. Vậy có tranh, lại có họa sĩ đây, tức là họa sĩ đã vẽ... Đồng bào có nhất trí không ?

Mọi người vẫn im lặng. Ông Nhà Nước nhắc lại, giọng bực bội, rồi gằn.

Ông dân phố : Nhất trí ! Nhất định rồi.

Ông Nhà Nước : ...đồng bào như thế là nhất trí rồi !

Tiếng đồng thanh (yếu ớt) : Ai không nhất trí thì ngậm miệng lại nhé.

Ông Nhà Nước : Xin đồng bào nhìn bức tranh bên cạnh đây. Bức tranh này là vẽ một người đàn bà chỉ còn một mảnh vải che phần dưới. Như vậy, tranh là tranh lõa thể, tranh « nuy ». Đồng bào có nhất trí không ?

Tiếng đồng thanh : Nhất trí ! Nhất trí !

Đồng cô (chen vào) : Chúng tôi nhất trí cả rồi ! Thế cái việc tịch thu lộc Mẫu, lại lấy đồ thờ và vét tiền mặt của đền là triệu mốt để lập biên bản thì nay xin lập ngay đi rồi trả tiền lại cho chúng tôi !

Ngu-Ngơ (đứng dậy) : Tiền lộc của cháu, được tất cả một trăm lẻ tám nghìn, cháu có đếm rồi...

Ông Nhà Nước (hắng giọng) : Hãy khoan ! Đâu còn đó...

Bà góa kéo tay cho Ngu-Ngơ ngồi xuống, miệng xuýt xuýt.

Ông Nhà Nước : Vẽ lõa thể, tức có một đối tượng lõa thể làm mẫu. Tôi hỏi, đồng bào cứ thành thật trả lời, lõa thể có là nếp sống văn minh không ?

Tiếng đồng thanh : Không !

Ông Nhà Nước : Rất tốt ! Không văn minh thì là sao ? Là nếp sống đồi trụy, đúng hay sai...

Bà góa (lẩm bẩm) : Thì lõa thể tùy lúc, có lúc không văn minh, có lúc văn minh ! Cứ đóng áo đóng quần thì làm sao..đẻ đái nối giòng

Ngu-Ngơ (cướp lời) : Vâng, bu cháu nói đúng. Cứ mỗi lần mưa to, thằng Đê thằng Tháu và cả chục đứa cởi phăng quần áo tồng ngồng tắm mưa ! Thế mà chẳng ai nói gì cả !

Bà góa lại kéo tay Ngu-Ngơ, miệng xuýt xuýt.

Ông Nhà Nước (lập lại) : Không theo nếp sống văn minh, tất đồi trụy, không tôn trọng thuần phong mỹ tục. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý đó không bao giờ thay đổi được ! Đúng hay sai...

Tiếng đồng thanh : Đúng !

Ông Nhà Nước : Tốt, tốt lắm ! Tôi xin tiếp rồi sẽ tổng hợp lý luận. Vẽ lõa thể, tức là có một đối tượng lõa thể làm mẫu. Mời đồng bào đến gần xem đối tượng đó là ai ?

Từng người đứng lên đến nhìn chăm chăm vào bức tranh. Đến lượt thằng Đê, nó đến, trề môi gãi đầu.

Thằng Đê : Địt mẹ nó ! Vẽ lõa thể mà chỉ cho nhìn có cái lưng, chẳng đến nơi đến chốn gì cả !

Bà dân phố xuýt xuýt.

Ông Nhà Nước : Đồng bào đã xem cả rồi. Bây giờ, đồng bào có nhất trí người mẫu lõa thể đúng Nguyễn Thị Mơ hay không ?

Mọi người lặng im.

Thằng Đê (làu bàu) : Mặt thì một nửa mặt, lại cúi xuống. Còn ngoài ra chỉ thấy cái lưng, làm sao mà nhận ra là ai ? Đồi trụy thế thì ăn thua gì !

Ông Nhà Nước : Đúng hay không ?

Ngu-Ngơ (giơ tay) : Nói thế nào thì ông trả tiền cho cháu ăn Tết ?

Bà góa lại nắm tay nó kéo xuống, miệng xuýt xuýt.

Cụ (ôm mặt khóc) : Cháu ơi là cháu, nhục ơi là nhục !

Ông Nhà Nước : Bây giờ, đúng hay không cũng thế. Tôi xin tổng hợp lại mọi dữ kiện để đến kết luận sau. Đó là trong tổ dân phố, có sản xuất văn hóa phẩm đồi trụy...

Cụ (đứng dậy, kêu to) : Văn hóa phẩm đồi trụy là thế nào ?

Chị vợ kéo tay cụ xuống, nói thì thào vào tai.

Cụ (reo) : Ối giời ơi ! Tức là chỉ vẽ có bức tranh ấy thôi à ! Lạy Phật, thế thì cháu tôi còn trinh. Cháu ơi, chữ trinh đáng giá ngàn vàng, bà cháu ta giàu to rồi ! (xăm xăm đi lại phía Họa sĩ) Tôi cứ tưởng ông là người đứng đắn, ai ngờ ông sản xuất văn hóa phẩm đồi trụy.

Đồng cô (ngất) : Giá mà ông ấy đồi trụy thật cho thì còn gỡ tí vốn. Đằng này, gàn gàn dở dở, phần lờ... không vẽ mà lại vẽ phần hồn, đến là hâm...

Ông Nhà Nước : Đồng bào chấp hành nghiêm chỉnh, tôi xin tiếp. Bây giờ, cái biên bản về những sự kiện đã sẵn, bà con trong tổ dân phố chỉ vì mất cảnh giác mà vi phạm hiến pháp và pháp luật. Nhưng năm hết Tết đến, theo chủ trương khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, trong biên bản chúng tôi chỉ ghi là bà con phạm vi cảnh mà thôi. Xin bà con đến ký...

Họa sĩ (đứng dậy) : Bức tranh ấy có đồi trụy hay không, các đồng chí không có thẩm quyền đánh giá. Vẽ « nuy » có trong học trình của trường Mỹ Thuật.

Ông Nhà Nước (cười nhạt) : Tôi đã đến hỏi ông hiệu trưởng. Ông ấy bảo, các đồng chí lo an ninh của quận cứ chiếu theo nhiệm vụ, « làm theo khả năng và hưởng theo nhu cầu », đúng châm ngôn của Mác, chẳng có gì phải sợ cả !

Cảnh 5 : Xin chờ màn hạ

Tối hai hôm sau, ngày 29 Tết. Trong sân đền có đủ mọi người, trừ Họa sĩ và Cô gái còn bị giam.Họ đang canh nồi bánh chưng tập thể, củi cháy nổ tí tách, lửa hồng một góc sân. Ông già đeo kính bất chợt đi vào, miệng vẫn ngâm nga : Lý lý ơi khát khô cả giọng. Tình tình ơi khéo động màn thưa. Chìa vôi quệt gió hững hờ. Bờ ao sáo tắm bao giờ hở em

Đồng cô (cười ré lên, mỉa mai) :

Dân ơi nhớ lấy câu này

Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan...

Đấy, phạm vi cảnh thì phải phạt tiền. Ký vào biên bản là bị nó lừa rồi. Tiền thì nó đã thu, nào là lộc Mẫu ban, nào là cái triệu mốt tiền mặt chưa kịp « thanh toán ». (thở dài) Bây giờ, lấy đâu tiền trả nốt cho bọn cung văn đây... Đến là phải đóng cửa Đền trốn nợ thôi... Cái số tôi sao mà nó khổ thế này !

Ông già (ho húng hắng) : Tôi thì tôi cho là phải kiện. Tôi quen thủ tục, làm đơn hộ bà con. Gửi lên Ủy ban nhân dân Thành phố, Viện Kiểm Sát nhân dân, Ban Chấp Hành Trung ương Đảng, Hội Đồng Bộ Trưởng. Rồi không được thì lên Ban Bí thư, Quốc hội, Thủ Tướng, Chủ tịch nước, Tổng Thư Ký Đảng...

Bà góa : Cụ làm thế xưa nay có thành công lần nào chưa ? Có ai trả lời cụ chưa ?

Ông dân phố : Có đơn khiếu nại, người ta phải xét... Bảo bà con dân phố ta cưu mang đồng lõa với sản xuất văn hóa đồi trụy thì quá lắm!

Bà dân phố : Ai mà chẳng thấy họ tìm cớ để giật tiền...

Cụ (lại khóc) : Lập biên bản, ký rồi mà họ có thả con cháu tôi đâu!

Ngu-Ngơ : Họ cũng có trả cháu đồng nào đâu. Lúc cháu đến ký, các chú cán bộ đuổi, bảo là trẻ con không ký kết gì cả...

Chị vợ : Đâm đơn kiện, là con kiến mà kiện củ khoai. Thấp cổ bé miệng, kêu Trời, Trời cũng chẳng nghe nữa là kêu lên các ông trên...

Ông già (húng hắng ho) : Không kêu, không ai biết ! Đồng thời, ta báo cho tờ Hà Nội Mới, biết đâu họ đăng tin...

Anh chồng (gạt) : Thôi cụ ơi ! Báo bổ vô ích, toàn là báo đi báo lại, báo hại nhân dân. Hồi mới Đổi Mới thì còn dám ngo ngoe, bây giờ bị bịt họng rồi... Tôi quan hệ nhiều, tôi biết chứ ! Bây giờ, cái hay nhất là xin họ cái biên lai thu triệu mốt, còn tiền lộc lẻ tẻ thì quả là chịu...

Ông già : Cứ như Ông dân phố nói, đã có giấy cho phép của Phường. Rồi Quận đến gây khó khăn. Cái trò Phường, Quận chồng chéo bắt bí nhau thế chỉ làm khổ dân, chẳng còn kỷ cương gì nữa. Tôi là tôi kêu, tôi chống...

Ngu-Ngơ (giơ tay) : Cháu chả làm đơn được như cụ, nhưng cháu cũng chống...

Bà góa : Con ranh, im !

Ông dân phố : Cụ nghĩ kết quả thế nào ?

Ông già : Tất nhiên, không chóng được. Nhưng rồi thì sẽ phải thay đổi mà thôi ! Đến lúc bọn chưa nghỉ hưu (cười chua chát) mà kêu thì lúc đó phải đổi... (chỉ Ngu-Ngơ) Như con cháu đây...

Bà góa : Ối giào, cụ đợi đến nó thì xanh cỏ, cụ ơi ! Mà cụ này, sao khi các cụ tại chức thì chẳng thấy các cụ làm gì, cứ nghỉ hưu rồi các cụ mới có lập trường nhỉ ?

Ông già (thở ra) : Ấy bởi cái cơ chế...

Anh chồng (cười nhạt, bâng quơ) : Hưu thì hết, kiện cáo cho vui, lại giữ tiếng là mình trong mình sạch, bảo vệ lũ con cháu thay mình trị vì. Thôi đi, đơn từ chỉ thêm rách việc...

Đồng cô : Cháu thiệt hại kinh tế quá lớn, cháu đồng ý kêu... Cụ làm đơn khiếu nại là có cháu ký tên...

Cụ (khóc rấm rứt): Tôi cũng ký, đồng thời xin thả con cháu, bố mẹ cả hai là liệt sĩ...

Đúng lúc đó, có tiếng guốc trong ngách dẫn vào sân.

Chuyển cảnh : *Ngách vào sân tối đen, sâu hun hút. Ánh lửa nồi bánh chưng đang nấu chập chờn hắt vào. Đầu ngách, chỉ có Họa sĩ và Cô gái.*

Họa sĩ (ngần ngừ) : Bây giờ chẳng biết về đây làm gì, cô bé ơi ! Mình là cái cớ để bọn cướp ngày nó giật tiền của mọi người. Cô bé thấy đấy, họ ký vào biên bản cả...

Cô gái (chép miệng) : Em thấy. Nhưng họ làm sao khác được. Ai cũng sợ không về nhà mà ăn Tết...

Họa sĩ (cười gằn) : Cô bé biết không ? Cái anh thẩm vấn bảo tha cho về ăn Tết nhưng phải ký vào đây. Đọc, thấy đó là biên bản nhận tội hủ hóa, đồi trụy, nhân danh nghệ thuật (phá lên cười) để dụ dỗ gái tơ...

Cô gái (bật cười) : Họ cũng bắt em ký. Em đọc, họ viết là em bán thân, làm phương tiện cho văn hóa tư bản đồi trụy phát triển... Em không ký, bảo không thả thì thôi, chẳng Tết nhất gì cả... Còn anh ?

Họa sĩ (giọng buồn buồn) : Ký chứ ! (im lặng) Nhưng anh thêm mấy chữ thôi. Tội là tội định hủ hóa, định đồi trụy và có ý đồ nhân danh nghệ thuật dụ dỗ gái tơ... Rồi chèn vào đoạn cuối, may nhờ Cách mạng can thiệp kịp thời...

Cô gái (bật cười) : Thế mà họ cũng chịu à !

Họa sĩ không đáp, nhìn đăm đăm vào đám người trong sân.

Cô gái (nhìn Họa sĩ) : Em vào đây ! Dù sao, em cũng đã là người mẫu. Và bức tranh kia, mang phần hồn của em. Có gán ghép từ gì đi chăng nữa, em cũng chẳng sợ... Anh vào với em !

Họa sĩ lắc đầu.

Cô gái (dịu giọng) : Tại sao ?

Họa sĩ : Nếu anh thành công, nghĩa là bức tranh chuyển đi được cái phần hồn trong trắng của cô bé, thì chẳng ai trong đám người ngồi trong sân này buộc tội bức tranh là đồi trụy...

Cô gái (ngắt) : Người ta có ai buộc tội bức tranh đâu ! Bà con trong tổ dân phố có ký hay không ký vào biên bản thì cũng vậy... Vào với em ! Chúng ta công khai, thanh thiên bạch nhật, chẳng sợ gì

Họa sĩ lại lắc đầu.

Cô gái (nắm lấy tay Họa sĩ) : Anh không vào, ai cũng sẽ ngờ rằng anh chắc phải có tội nên mới trốn tránh. Lúc ấy, chẳng những anh chối bỏ chính anh mà lại còn phủ định ngay cái phần hồn của em... (run giọng) Anh nỡ xử như thế ư ?

Họa sĩ bất động. Cô gái rời tay Họa sĩ, từng bước đi vào. Mọi người trong sân đứng dậy, chăm chăm nhìn Cô gái. Cô gái quay lại nhìn vào ngách nhà, nước mắt ràn rụa, tay giơ lên trời.

Đèn tắt.

Khi đèn được bật lên, mọi nhân vật đều bất động. Đạo diễn thình lình ra trước sân khấu.

Đạo diễn :

Thưa quí vị, nhân vật Họa sĩ, như quí vị thấy, là kẻ đang ở trong một tâm trạng khó tả. Hắn có cảm tưởng bị mọi người hắt hủi. Nhưng đồng thời, hình như hắn cũng mang cái mặc cảm phạm tội vì hắn chọn lựa sống khác với mọi người. Vì cứ như mọi người, hắn sẽ không truy tìm cái đẹp. Hắn sẽ không vẽ. Và thế, không có bức tranh một người đàn bà lõa thể. Không có người mẫu. Không có văn hóa phẩm đồi trụy. Không có cái cớ để những người trong sân kia ký biên bản để rồi bị cướp trắng giữa ban ngày. Giờ đây, hắn không vào là trốn tránh. Và người mẫu, cái nỗi đam mê nhưng bất cập của hắn, có thể sẽ khinh miệt sự hèn nhát không chối cãi được này.

Cô gái (tay đưa lên trời, nghẹn ngào): Anh nỡ đối xử với em như thế ư ?

Đạo diễn (quay về phía Họa sĩ, giọng khẩn khoản): Này anh họa sĩ, vào hay không vào ?

Họa sĩ vẫn bất động.

Đạo diễn (thở dài, quay về phía khán giả) : Thưa quí vị, lúc này quí vị phải can thiệp. Quí vị muốn thế nào, nhân vật Họa sĩ sẽ làm vậy. Tôi xin hỏi (tay giơ về phía khán giả, hét) :

- Vào hay không vào ?

Tiếng đáp của khán giả vang lên.

Màn hạ

Trong tiếng vỗ tay, Đạo diễn vạch màn bước ra sân khấu, tiếp tục nói :

Chắc hẳn quí vị khán giả thừa biết, theo lời quí vị, Họa sĩ đã đi vào. Ai nấy trong sân Đền đều tránh không nhìn chàng ta, hẳn chỉ vì chẳng một ai muốn trực diện xét xử chính mình. Nhưng câu chuyện chưa chấm dứt được ở chỗ ấy, thế mới lạ !

Thưa quí vị, sau khi đọc một bài phóng sự trên báo Hà Nội Mới kể lại câu chuyện lên đồng quí vị vừa xem, tôi trở lại thăm Đền bà Chúa. Theo bài báo, đơn khiếu nại của tổ dân phố lên đến Ban Bí thư Trung ương Đảng thì được giải quyết dứt điểm, minh bạch, khoa học, đúng Hiến Pháp khiến người dân không có cách gì khác hơn là tin tưởng vào công lý. Thứ nhất, mọi cấp thừa hành quyền lực phải bồi hoàn nạn nhân. Thứ nhì, cấm tất cả những kinh doanh mang tính buôn thần bán thánh, và khẳng định điều này không dính líu đến quyền tự do tín ngưỡng (và tự do không tín ngưỡng).

Chốn xưa, vẫn thế. Tôi men cái ngách lần vào sân và tôi thấy một thiếu phụ ẵm con.

Màn lại kéo lên

Đạo diễn : Trông ai cứ như là Ngu-Ngơ ?

Ngu-Ngơ : Dạ, chính là cháu...

Đạo diễn : Bây giờ đi bế em à ?

Ngu-Ngơ : Con trai đầu lòng cháu đấy. Nó được sáu tháng rồi...

Đạo diễn : Ờ... cháu lấy chồng cũng phải ! Từ ngày ấy đến nay

cũng sắp bảy năm rồi. Cháu lấy ai đấy ?

Ngu-Ngơ : Nhà cháu là thằng Tháu ngày xưa... Cái thằng cứ nhè cháu mà tụt quần đấy. Cũng là duyên nợ chú ạ. Năm cháu mười tám, nó tụt quần cháu cho đến lúc lòi thằng cu này ra... Nhà cháu thấy cháu ngu ngơ nên mới tin. Còn cháu, cũng ngu ngơ thật, có anh chồng láu lỉnh, thành đời đỡ gian nan !

Đạo diễn : Ông bà dân phố còn đây không ?

Ngu-Ngơ : Dạ không, bố mẹ chồng cháu nghỉ hưu, về quê. Cái hộ để lại cho anh Đê, chú còn nhớ không ?

Đạo diễn : Nhớ, nhớ chứ ! Cái cậu hay văng tục ấy mà... Thế còn cụ và cô Mơ ?

Ngu-Ngơ : Cụ mất cách đây năm, sáu năm chú ạ ! Cụ đi êm ả lắm. Gọi chị Mơ vào, cụ trối trăn, làm gì thì làm nhưng phải tránh cho xa cái văn hóa đồi trụy...

Đạo diễn : Thế còn « cô » Dung ?

Ngu-Ngơ : Giào ơi, dạo này cô khá lắm. Cô đóng cửa Đền bà Chúa, chạy nợ trốn xuống Phủ Giầy, ăn nên làm ra... Tháng trước cô về, cho thằng cu này (nâng thằng bé lên) hai trăm nghìn để ăn quà đấy. Cháu nghe cô nói cái dịch vụ « tín ngưỡng » ngày một thịnh, lại phát huy đồng bộ cùng ngành du lịch nên có triển vọng lắm...

Đạo diễn : Thế Đền bây giờ thành cái gì rồi ?

Ngu-Ngơ : Thì kia kìa, thành Hotel Princess. Anh Tháu nhà cháu lo hết, từ việc mua lại Đền cho đến sửa sang và xin giấy phép. Kể cũng dễ, vì anh ấy làm ủy viên lo Kinh Tế trên Thành ủy... (cười) Chú biết, anh Tháu nhà cháu linh động lắm. Ai cũng khen cháu tốt số, chú ạ !

Đạo diễn : Mẹ cháu, chắc vẫn khỏe ?

Ngu-Ngơ : Cám ơn chú, bu cháu vẫn thế. Bu cháu đi chợ giúp cháu, chắc sắp về... Anh Đê thì sắp lấy vợ. Anh ấy bây giờ chăm chỉ làm ăn, chuyên tuyển dụng lao động quốc tế để xuất khẩu... Anh ấy chuyên môn xuất sang khu dầu lửa Iran, Irak, mỗi chuyến là khối tiền.

Đạo diễn : Thế cô Mơ và chú Họa sĩ, họ vẫn còn sống ở đây chứ ?

Ngu-Ngơ (cười): Không chú ạ ! Nhà cháu mua lại cái Đền bà Chúa và căn hộ chị Mơ. Chị ấy và chú Họa sĩ sau đó lại nhờ nhà cháu móc nối qua anh Đê, xin được hai xuất sang lao động bên Đông Đức. Chớp mắt, thế mà sắp hai năm rồi ! Trước khi đi , chị Mơ khóc bảo cháu, chắc chị ấy không về nữa đâu... Cháu hỏi tại sao thì chị ấy không nói !

Đạo diễn : ...Không nói ? Phải có lý do chứ...

Ngu-Ngơ (thở dài) : Thì cháu cũng đoán, nhưng không chắc là thế ! Ra giêng, sau buổi trình đồng của bà Việt kiều khi xưa, chú Họa sĩ phải lên Quận làm việc mấy lần. Rồi trường Mỹ Thuật cho chú về hưu non vì cái tội đồi trụy... Chú ấy suốt ngày ở trên gác, không giao thiệp với một ai. Chú ấy chỉ trò chuyện với con quạ sống trên cây nhãn. Cho nó những hạt cơm thừa, con quạ sau này vào ra căn gác xép của chú Họa sĩ, đậu trên bàn, trên ghế... Chị Mơ rồi cũng chẳng được trường Mỹ Thuật nhận cho vào. Chị ấy chỉ học vẽ với chú Họa sĩ... Một hôm, anh Đê rình thế nào chộp được con quạ ở cầu thang. Nghe quạ kêu, chú Họa sĩ ra cứu. Anh Đê bổ cho chú ấy một nhát gậy vào đầu, đầu vỡ, máu tung tóe. Tổ dân phố chở chú Họa sĩ vào nhà thương cấp cứu. Thế là chú Họa sĩ mất con quạ, đứa bạn duy nhất của chú ấy. Khi chú hôn mê, chỉ có chị Mơ săn sóc. Lúc tỉnh, anh Đê vào xin lỗi. Chú bảo, tao tha nếu mày thôi chửi bậy. Anh Đê gật. Từ đó anh ấy thay đổi hẳn. Bấy giờ chú Họa sĩ chỉ có chị Mơ. Rồi khi Cụ mất, chị Mơ cũng chỉ có chú Họa sĩ. Cả hai vẽ, nhưng sống khổ lắm, lắm bữa không có cái mà ăn. Về sau, chị Mơ ra bờ Hồ mỗi tuần ba buổi, vẽ chân dung cho du khách nước ngoài...

Đứa bé trong tay Ngu-Ngơ thức dậy, khóc oe oe. Ngu-Ngơ ru, à ơi, cái ngủ mày ngủ cho ngoan... rồi vạch vú cho nó bú.

Ngu-Ngơ (tiếp) : ...Đến khi cô Dung trên Phủ Giầy ăn nên làm ra với dịch vụ tín ngưỡng, cô ấy bảo chú Họa sĩ là cô cho chú ấy phần cái nhà đã làm thành Đền, khóa trái cửa từ mấy năm nay. Rồi anh Tháu nhà cháu gạ mua. Chú Họa sĩ bảo bán. Chị Mơ hỏi, bán rồi làm gì với tiền. Chú ấy nói, đi... đi cho xa. Chị ấy hỏi, đi thì sống với ai, ngôn ngữ lại chẳng biết. Chú ấy đáp, không biết thì học. Ở đây, sống mãi thế này thành thú vật cả. Chú ấy bảo, có đi thì chỉ còn nhớ được mỗi con quạ.

Đạo diễn : Nhớ con quạ ?

Ngu-Ngơ : Khi ấy, anh Đê chưa đập chết con quạ, nó ngày ngày bay về căn gác chú Họa sĩ. Ai cũng kêu là quạ ác, nhưng chú họa sĩ thấy con quạ còn tử tế hơn đám người nhiều.Từ ngày chú ấy cho quạ ủ ăn với chút cơm thừa, chú ấy không thấy nó đánh đuổi bọn sáo sậu, chào mào, se sẻ. Nhưng còn con người, chú ấy bảo, thì khác. Ăn có, nhưngbụng dạ tham lam chẳng biết thế nào ăn cho đủ cả... Chú ấy kêu ai cũng ác, trừ con bé Ngu-Ngơ này, (Ngu-Ngơ cười buồn) nó không ác được vì nó chậm hiểu. Rồi chú ấy nói với cháu, có những điều hiểu nhanh chẳng để làm gì, chỉ tổ sớm dìm mình ngụp xuống đám bùn nhơ để mà chết ngộp ...

HẠ TUYỀN

Nghiêm . đi qua đó . mặt buồn
mà trăng sáng rỡ đêm . khuôn hạ vàng
óng mềm hệ lụy đa đoan
thương vương mấy cõi xanh . toàn vẹn . im
thơ khúc mắc . dấu chấm . ghìm
cơn rung hối hả nghe lìm lịm . trôi
đừng nói . đừng . thêm nặng lời
mặt nghiêm qua đó
buồn khơi lạc dòng
cứ yên sắc trời mênh mông
để hương dìu dịu lên nồng nàn . cay
thôi thì tình như heo may
hồn như cỏ dại như cây
phạc phờ .

HOÀNG XUÂN SƠN
song thất không ba

Đạo diễn (chặn) : Thế cái chuyện báo Hà Nội Mới cách đây hai tuần đăng tin kể rằng các cấp chính quyền phải bồi hoàn nạn nhân vụ giật tiền sau kỳ lên đồng ở Đền bà Chúa là thế nào ? Nạn nhân thì hoặc đã chết, hoặc đã tứ tán, hoặc ra nước ngoài rồi còn gì ...

Ngu-Ngơ (cười) : Có thế thì mới tuyên bố bồi hoàn được chứ ! Chú ơi! Chính sách mà...

Thằng bé con Ngu-Ngơ ré lên khóc. Ngu-Ngơ lại ru. Đạo diễn bất động trong khi màn hạ.Tấm màn sân khấu nhỏ thế này thì che làm sao nổi một tấn bi hài kịch khổng lồ. Nhưng dẫu gì, cũng sẽ một lúc, như mọi giai đoạn

Màn thật sự hạ

21-06-2002 -- 10-10-2002

* Giấy bạc có hình ông Hồ Chí Minh vào đầu thập niên 90.

TIN VĂN

Thế Quân

* *Một trăm năm ngày sinh của George Orwell*
* *Amiri Baraka ra đi*
* *Chết*
* *Từ điển Merriam-Webster's Collegiate, ấn bản mới*

Một trăm năm ngày sinh của George Orwell

"Mọi con vật sinh ra đều bình đẳng, nhưng một số con vật được bình đẳng hơn các con khác" (All animals are created equal, but some animals are more equal than others) George Orwell

Ngày 25/6/2003 vừa qua là sinh nhật lần thứ 100 của George Orwell, một nhà văn có quan điểm độc lập mà hai tác phẩm *"Animal Farm"* và *"1984"* đã để lại một dấu ấn khó phai trong thế giới văn chương. Kỷ niệm một trăm năm ngày sinh và 53 năm ngày mất, tác phẩm và cuộc đời của George Orwell đã và đang được nhiều giới khác nhau (sử gia, phê bình văn học, nhà văn, nhà báo) tuyên dương, đánh giá lại và thậm chí tranh cãi tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ và Anh Quốc. Tháng 5/2003, 300 học giả hội họp tại Wellesley 3 ngày liên tiếp trong một cuộc hội thảo có tiêu đề là "An Exploration of His Work and Legacy". Nhân dịp này, người ta phát hành hai cuốn tiểu sử mới viết về Orwell. Đồng thời, để vinh danh, một tổ chức chẳng dính dáng gì đến văn chương, "The Royal Society of Chemistry" (Hiệp Hội Hóa Học Hoàng Gia), đánh dấu lễ kỷ niệm bằng cách công bố kỹ thuật chế biến trà, vốn là một trong những ám ảnh của Orwell và là chủ đề chính trong một bài tiểu luận ông viết vào năm 1946.

"Như là một trong những bậc thầy của nền văn xuôi Anh Quốc, Goerge Orwell là một trường hợp gây bối rối, khó xử. Những người đương thời biết rằng ông có cái gì đặc biệt, nhưng lại khó giải thích tại sao. Việc mang ông ra thảo luận chẳng dễ dàng hơn chút nào theo thời gian. (The Economist, Anh, 12/6/03). "George Orwell là một nhà văn chính trị, một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỷ 20 () Một nhà văn chính trị là một nhà văn hết sức quan tâm đến từ ngữ công chính, khinh bỉ những thành quả lớn và không tự xem mình là anh hùng hay một nhà tiên tri. (Philippe Dagen, "Le monde" 3/7/03, "Orwell, au coeur de l'inhumanite"). Orwell là "một cây bút không hoàn hảo mà lại hấp dẫn" () "Và tên của Orwell đã trở thành tiếng tính từ tiêu chuẩn được sử dụng khi đo lường khoảng cách giữa ngôn ngữ chính trị và thực tế đạo đức" (Glenn Frankel, Washington Post, 25/6/03).

Washington Post, trong một bài viết khác, lại tố cáo là Orwell có tinh thần bài Do Thái và là một kẻ cô đơn không bè bạn thường khoát chiếc áo giai cấp thợ thuyền nhưng lại ăn nói theo kiểu giai cấp lớp trên – là người bị xâu xé giữa một bên là xã hội chủ nghĩa và bên kia là chống báng Liên Xô của Stalin" (theo Jeremy Lovell). Và mới đây, không lâu trước ngày kỷ niệm, một tài liệu chưa hề công bố cho biết, ít tháng trước khi chết, Orwell đã giao cho Sở Ngoại Vụ Anh một bản danh sách gồm 38 người Cộng Sản và những bạn hoạt động bí mật của ông. Danh sách sau đó đã được sử gia Timothy Garton Ash tiết lộ đầy đủ. Sự kiện đó đã khiến người ta nghi ngờ xu hướng xã hội chủ nghĩa và tinh thần chống độc tài của ông, đồng thời làm hoen ố danh tiếng mà ông có được từ cả hơn nửa thế kỷ nay. Tuy nhiên, trong một cuộc trò chuyện với tờ Guardian (Anh), sử gia Norman Mackenzie – một trong số 38 người có tên trên bản danh sách, hiện còn sống – cho rằng khi bị bệnh lao, ông không còn kiểm soát được mình nữa. "Đó là một danh sách không đáng tin cậy. Những bệnh nhân bị bệnh lao thường rất kỳ quặc vào giai đoạn cuối. Tôi là một người ngưỡng mộ Orwell, tôi đồng ý với ông về Liên Xô, nhưng tôi cho rằng ông đã phần nào trở nên lẩm cẩm rồi".

Về phương diện văn chương, một số nhà phê bình, như D. S. Salvage chẳng hạn, cho rằng Orwell không bao giờ có thể được sắp xếp vào hàng ngũ những nhà văn hàng đầu trên thế giới vì quan điểm chính trị của ông đã tước mất đi "tính chính trực của người nghệ sĩ thuần túy". Một số người khác không đồng ý như vậy. Theo họ, chẳng có tác phẩm nào là hoàn toàn không có thiên kiến chính trị và xem Orwell như là một trong những nhà văn quan trọng hàng đầu của văn chương thế kỷ thứ 20. Có lẽ Bernard Crick - giáo sư chính trị học tại đại học Birkbeck

(Anh), tác giả của cuốn tiểu sử "George Orwell: A Life" – là người hết lòng bênh vực cho một Orwell/nhà văn. Crick đọc khá kỹ tiểu luận "Why I Write" của Orwell, qua đó, quan điểm viết lách của ông hiện ra rất rõ ràng. "Trong thời kỳ hòa bình, lẽ ra tôi phải viết những tác phẩm hoa mỹ hoặc những tác phẩm có tính cách gợi tả (descriptive) và dừng quan tâm gì đến những cam kết chính trị của mình. Ấy thế mà, trong tình thế này, tôi bị buộc phải trở thành một tay viết sách chuyên đề (pamphleteer)". Theo Crick, những lời lẽ này dường như thay thế cho một lời xin lỗi. Trong bài viết, Orwell không úp mở thú nhận rằng nếu không có một quan điểm chính trị mạnh mẽ, ông sẽ không bao giờ viết lách được gì. "Nhìn lại những gì tôi đã viết ra, tôi thấy rằng lúc nào cũng vậy, hễ thiếu đi một mục tiêu chính trị là tôi viết ra những tác phẩm vô hồn và trở thành dài dòng, rườm rà, câu kéo vô nghĩa, những tính từ hoa hòe và nói chung là xảo trá, bịp bợm (humbug)". Crick quả quyết Orwell là nhà văn đã biết sử dụng tài năng của mình để biến "những bài viết về chính trị thành nghệ thuật" (turned political writing into an art).

Thì thế, khen và chê. Cũng là chuyện thường tình. Nhưng dẫu khen hay chê, không ai có thể phủ nhận vị trí quan trọng hàng đầu của Orwell trong lịch sử văn chương thế kỷ 20.

George Orwell là bút hiệu của Eric Arthur Blair, sinh ngày 25 tháng 6/1903 tại Bengal (Ấn Độ), con thứ hai của một viên chức Anh làm việc tại sở buôn thuốc phiện, Ấn Độ. Ít tháng sau khi sinh, ông theo mẹ về lại Anh quốc và sống ở đó cho đến khi trưởng thành. Ông học hành không lấy gì xuất sắc, do đó, không được học bổng để vào đại học. Chán nản, năm 1922, ông đăng ký làm cảnh sát thuộc địa tại Burma (Miến Điện). Công việc này chẳng làm ông thú vị gì, nhưng giúp ông nhìn thấy rõ bản chất của chủ nghĩa thuộc địa và hình thành xu hướng xã hội chủ nghĩa của ông sau này. Trong thời gian phục vụ, ông bắt đầu viết lách lăng nhăng, nhưng không mấy thành công. Nhiều bài sau này in trong tuyển tập *"Shooting an Elephant"* (1950) đề cập đến cung cách làm việc của các viên chức thuộc địa. Một trong những bài viết nổi tiếng nhất là "A Hanging" kể chuyện một người Ấn bị treo cổ chết.

Sau năm năm làm việc, ông từ chức và trở về lại Âu Châu. Ông sống như một kẻ vô gia cư, làm những việc vặt vãnh ở cả Anh và Pháp, có lúc phải đi ăn xin. Để biết qua về kiếp tù đày, một lần, ông giả vờ say sưa để bị bắt nhốt. Kinh nghiệm sống đó cung cấp cho ông chất liệu độc đáo, dồi dào giúp ông hoàn tất truyện dài *"Down and Out in Paris and London"* (1933), diễn tả cuộc sống bi đát của những kẻ sống bên lề xã

hội ở. Một vài nhân vật trong đó chẳng khác gì những nhân vật trong truyện của Charles Dickens. Sợ không thành công, ông không dám dùng tên thật mà lấy một tên khác làm bút hiệu: George Orwell. Trái với sự lo ngại của tác giả, tác phẩm được sự ca ngợi của giới phê bình, mặc dầu không tránh khỏi những nhược điểm tất nhiên của một tác phẩm đầu tay. Tên George Orwell, từ đó, được dùng làm tên chính thức cho tất cả các tác phẩm cũng như tiểu luận về sau của ông.

Bốn năm sau, một tác phẩm khác ra đời: *"The Road to Wigan's Pier"* (1937). Đó là một ký sự (non-fiction), kết quả của hai tháng đi lang thang trong các hầm mỏ, bến tàu, những khu láng giềng tồi tàn, bẩn thỉu vùng Lancashire và Yorshire (Anh). Tác phẩm chấm dứt với lời thú nhận rằng ông tin ở chủ nghĩa xã hội và rằng các phong trào cánh tả là lực lượng duy nhất đủ sức chống lại cơn triều dâng của chủ nghĩa Phát-Xít đang hoành hành ở Châu Âu. Nhưng đồng thời tác giả không quên cảnh báo về nguy cơ của một xã hội theo chủ nghĩa toàn trị kiểu Stalin ở Liên Xô. "Chúng ta cần có chính sách tuyên truyền thông minh. Bớt đi những là "ý thức giai cấp", "trưng thu tài sản của những kẻ bóc lột", "ý thức hệ trưởng giả", "tình liên đới vô sản",và thêm vào đó công lý, tự do và thực cảnh của những người thất nghiệp", Orwell viết.

Năm 1937, Orwell sang Tây Ban Nha, gia nhập tổ chức "Workers' Party of Marxist Unification" (POUM = Đảng Công Nhân Mác-Xít), chiến đấu chống quân đội phát-xít. Sau một thời gian ông bỏ đảng, dù vẫn đứng trong hàng ngũ công nhân. Về Anh, ông lại gia nhập một đảng khác, "Independent Labour Party" (Lao Động Độc Lập). Và rồi lại bỏ đảng vài tháng sau đó. Con người Orwell là như thế. Cam kết theo đuổi lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhưng lại không muốn lệ thuộc vào bất cứ một đảng phái chính trị nào. "Một nhà văn chỉ có thể giữ gìn sự ngay thẳng của mình nếu anh ta không chịu ảnh hưởng của bất cứ đảng phái nào", ông phát biểu. Những ngày tháng ở Tây Ban Nha, ông chứng kiến mật vụ Sô Viết đàn áp tàn bạo phong trào vô chính phủ, đồng thời dưới áp lực của Liên Xô, chính phủ Tây Ban Nha đàn áp phong trào của ông. Kết quả là sự ra đời của *"Homage to Calalonia"* (1938), phản ảnh bộ mặt của cuộc nội chiến Tây Ban Nha với tất cả những bi thương khủng khiếp của nó và là một bản tố cáo chính sách khao khát quyền thống trị của Stalin đối với các phong trào cánh tả trên toàn thế giới. Khác với hai tác phẩm trước đó, "Homage to Catalonia" không gây mấy tiếng vang, vì lúc đó, dư luận chung cho rằng tố cáo Stalin sẽ làm yếu đi phong trào chống Phát-Xít ở Châu Âu.

Thời đệ Nhị Thế Chiến, do yếu phổi và bị thương trong cuộc chiến

Tây Ban Nha, ông được miễn nhập ngũ. Ông làm việc cho đài BBC, rồi sau làm chủ bút cho tờ báo cánh tả "Tribune" cho đến cuối chiến tranh. Lúc này, tài năng viết lách của ông đã đến độ chín toàn diện và tên tuổi của ông cũng đã nổi tiếng khắp châu Âu. Năm 1943, ông bắt đầu viết "Animal Farm", một tác phẩm mà nội dung đã được thai nghén từ năm 1937 theo như ông cho biết. Tác phẩm gặp trắc trở lúc đầu. Có đến 4 nhà xuất bản từ chối in với một trong những lý do khá thuyết phục: tác phẩm có nội dung chống Stalin trong lúc Stalin đang là đồng minh của Anh Quốc và Hoa Kỳ chống Hitler. Mãi cho đến tháng 8/1945, vài ngày sau khi Hoa Kỳ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, tác phẩm mới lặng lẽ xuất hiện trên những kệ sách của các tiệm sách Luân Đôn. Lúc này, Đức và Nhật đã hoàn toàn bại trận. Một liên minh với Stalin không còn cần thiết nữa. Đúng thời điểm, cuốn sách mỏng có tựa đề *"Animal Farm"* , chỉ trong một thời gian ngắn, đã có tiếng vang lớn trong giới chính trị và văn chương Anh thời hậu chiến, trở thành *bestseller* và được giới phê bình xem là một kiệt tác. Nhờ thế, Orwell có tiền và tậu được một trang trại tại Hebrides, nơi ông hoàn thành tác phẩm kế tiếp, *"Nineteen Eighty-Four"* (sau này đổi cho gọn thành *"1984"*), xuất bản năm 1949. Khác với "Animal Farm", "1984" là một cái nhìn về tương lai. Theo các nhà phê bình, "1984" chứa đựng dấu vết của nhà viết truyện châm biếm Anh gốc Irish thế kỷ thứ 18 là Jonathan Swift và hai nhà văn đương thời: Aldous Huxley (Anh) và Yevgeni Zamyatin (Nga). Cần ghi nhận: tựa đề "1984" không chứa đựng bất cứ một tiên tri nào, mà đơn giản chỉ là cách nói ngược của năm 1948. Cùng với "Animal Farm", "1984" là một kiệt tác của Orwell. Nhưng ông không sống lâu để hưởng thụ thành quả của mình. Cố gắng để hoàn tất "1984" trong ngôi nhà lộng gió và thiếu sưởi ấm đã khiến bệnh lao phổi của ông nặng thêm. Một hôm, kiệt sức, ông được đưa gấp đến viện điều dưỡng Gloucestershire. Bệnh mỗi ngày mỗi nặng. Tám tháng sau, người ta chuyển ông qua bệnh viện Luân Đôn và ông chết tại đó vào tháng 1/1950 sau một cơn xuất huyết.

Orwell là một người khá bất thường. Giọng nói thì the thé, khó nghe, ăn mặc lúc nào cũng xoàng xĩnh, y như một tay nghèo túng kinh niên, nghiện thuốc nhưng chuyên môn hút thuốc tự mình vấn lấy. Người đầy cá tính, không mấy tin cậy người lạ mặt, và do đó, ít bạn bè. Có lẽ vì thế mà các nhân vật hư cấu của ông thường khô khan, cứng nhắc, thiếu tính thuyết phục. Các nhân vật nữ được phác họa sơ sài, thiếu nét hấp dẫn và thiện cảm khiến người ta ngờ rằng ông có tâm lý ghét phụ nữ (misogyny). Phải chăng vì ông là người ưa săn đuổi phụ nữ, nhưng

không mấy thành công? Một đặc điểm khác: không thích ai đọc trước bài viết của mình và góp ý. "Tôi không cần ai (góp ý) cả. Bài viết luôn luôn toàn hảo. Kể cả những dấu chấm phết", ông khẳng định (Glenn Frankel, Washingtonpost 25/6/03). Lại mặc cảm tự ti. "Ngay từ lúc mới đầu, tham vọng văn chương của tôi thường lẫn lộn với cảm giác bị cô lập và bị coi thường", ông thú nhận về sau này. Ông xem cuộc đời riêng của ông là một phấn đấu không nghừng nghỉ để thoát ra khỏi cảm giác bị coi thường đó và nhiệt tình với chuyện viết lách. Trong một bài viết năm 1947, ông nhận xét: "Tất cả mọi nhà văn đều hão huyền, ích kỷ và lười biếng và ngay trong tận cùng động cơ viết lách của họ, vẫn tồn tại một điều bí ẩn. Viết một tác phẩm là một cuộc tranh đấu khủng khiếp, kiệt sức giống như trải qua một cơn bệnh đau đớn kéo dài. Người ta sẽ không bao giờ làm được một công việc như thế nếu không bị lôi kéo bởi loại quỷ quái nào đó mà người ta không cưỡng chống được mà cũng chẳng hiểu rõ" (All writers are vain, selfish, lazy, and at the very bottom of their motives there lies a mystery. Writing a book is a horrible, exhausting struggle, like a long bout of some painful illness. One would never undertake such a thing if one were not driven on by some demon whom one can neither resist nor understand). Một nhận xét độc đáo và khá chính xác!

Như đã nói ở trên, *"Animal Farm"* và *"1984"* là hai kiệt tác của Orwell.

"Animal Farm" là một câu chuyện hài hước cay đắng mô tả cuộc nổi loạn của một nhóm súc vật chống lại ông chủ người của chúng. Trước hết, đám súc vật đói khổ trong nông trại của ông Jones được con heo "lý thuyết gia" Old Major truyền bá tư tưởng: tất cả mọi đau khổ của kiếp súc vật là do sự thống trị của Con Người, một tạo vật lười biếng và độc đoán, bắt súc vật làm việc tối đa để phục vụ cho quyền lợi của họ. Để chấm dứt đau khổ, loài vật phải lật đổ ách thống trị của con người và xây dựng một xã hội, trong đó mọi con vật đều được bình đẳng. Sau khi Old Major chết, hai con heo Snowball và Napoleon, đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng với sự phụ tá của Squealer, một con heo khác có tài về tuyên truyền thuyết phục quần chúng. Lợi dụng lúc ông chủ say sưa, không quan tâm gì đến các con vật đang bị đói, đám súc vật nổi loạn, đuổi ông Jones đi. Cách mạng thành công, ba con heo thiết lập một hệ thống chính quyền mới dựa trên "Animalism" (thú vật chủ nghĩa) với 7 điều cam kết (the seven Commandments), đại loại như: "bất kỳ con vật nào đi bằng hai chân đều là kẻ thù", "không con vật nào giết con vật nào", vân vân. Điều cuối cùng là "Mọi con vật sinh ra đều bình

đẳng" (all animals are created equal). Cuộc cách mạng phát triển nhanh chóng tới các trại súc vật khác. Nông trại được đặt tên mới, mọi con vật hăng hái, phấn khởi làm việc trong niềm hy vọng ở một cuộc sống mới tự do, no ấm và bình đẳng. Nhưng một thời gian ngắn sau, mọi việc dần dà biến đổi. Hai con heo cầm quyền tranh chấp, kết quả là Snowball phải ra đi. Quyền hành thu tóm trong tay Napoleon. Với quyền hành đó, Napoleon bắt đầu dùng chính sách đàn áp và bỏ đói để cai trị. Hắn ta bắt đầu sống trong xa hoa, sa đọa. Bảy điều cam kết từ lúc bắt đầu cách mạng lần lượt được sửa đổi cho phù hợp với ý muốn của Napoleon. Quan trọng nhất là điều cuối cùng: "Mọi con vật sinh ra đều bình đẳng" được đổi thành "Mọi con vật sinh ra đều bình đẳng, nhưng một số con vật được bình đẳng hơn các con khác" (All animals are created equal, but some animals are more equal than others). Hình ảnh cuối cùng thật chua chát: Napoleon và đám đàn em cùng nhậu nhẹt say sưa với con người, kẻ thù cũ của chúng trong lúc tất cả đám súc vật đều đang thiếu đói.

Tác phẩm cho thấy tiến hóa của một cuộc cách mạng, khởi đầu từ một nhóm người ưu tú đi đến chỗ một cá nhân thâu tóm mọi quyền hành, độc quyền lãnh đạo, qua đó, ta có thể tìm thấy đầy đủ các khuôn mặt cũng như những biến cố chính đã xảy ra ở Liên Xô: từ Lenin, Stalin, Trosky đến cuộc nổi loạn Kronstadt, chính sách tuyên truyền chính trị, kiểm duyệt, thiếu đói, kế hoạch ngũ niên, tập thể hóa cưỡng bức, nạn đói năm 1932 ở Ukraina, đồng minh tiền chiến tranh Hitler-Stalin, hiệp định Molotov-Ribbentrop, vân vân. Trong "Why I Write", Orwell cho biết kinh nghiệm trong thời nội chiến Tây Ban Nha đã có ảnh hưởng lớn lên tư tưởng chính trị của ông và tác phẩm. "Mỗi một giòng trong tác phẩm nghiêm túc mà tôi đã viết, dù gián tiếp hay trực tiếp, đều nhằm chống lại chế độ độc tài toàn trị và hỗ trợ cho một chế độ xã hội chủ nghĩa dân chủ. () Trại Súc Vật là tác phẩm đầu tiên trong đó tôi cố gắng với đầy đủ ý thức về những gì tôi đã làm, kết hợp mục đích chính trị và cùng đích nghệ thuật vào trong một toàn thể".

Orwell không giấu giếm tư tưởng chính là nhằm phê phán cuộc cách mạng năm 1917 ở Nga, nhưng trong một lá thư viết cho Dwight MacDonald, chủ bút tạp chí "Politics" (New York), ông cho biết "Animal Farm" còn nhắm lên án "những cuộc cách mạng bạo động có tính cách âm mưu" (violent conspirational revolutions) được lãnh đạo bởi những kẻ khao khát quyền hành một cách vô ý thức". Điều đó, theo Orwell, chỉ "dẫn đến sự thay ngôi đổi chủ" chứ không thay đổi số phận của xã hội. Nhà viết tiểu sử Barnard Crick cho rằng "Animal Farm" là

"lời than khóc cho một cuộc cách mạng bị thất bại, than khóc cho sự phá hủy tự do diễn đạt nghệ thuật và tất cả những hy vọng gắn liền với thời kỳ đầu của cuộc cách mạng. Tóm lại, đó là lời than khóc cay đắng về sự hư hỏng của lý tưởng do quyền lực gây nên".

"1984" mô tả một thế giới bị chi phối bởi ba siêu cường quốc: Eurasia, Eastasia và Oceania. Oceania luôn luôn sống trong tình trạng chiến tranh với hai siêu cường kia, đẩy toàn thế giới ở trong một tình trạng thù hận, cô lập và sợ hãi. Winston Smith, 39 tuổi, là một nhân viên làm việc cho Bộ Sự Thật, trú sở tại London, thuộc siêu cường Oceania. Xứ sở được cai trị bởi Đảng và nhà lãnh tụ nắm giữ quyền hành tuyệt đối có tên là Big Brother, mà khuôn mặt của ông ta hiện diện khắp nơi trên các tấm biển với giòng chữ "Big Brother Is Watching You" (Big Brother đang theo dõi bạn). Nhà độc tài kiểm soát đất nước bằng 4 bộ: Hoà Bình, Tình Yêu, Thịnh Vượng và Sự Thật. Chức năng của 4 bộ này là một nghịch lý: bộ Hoà Bình thì đảm nhiệm chiến tranh, bộ Tình Yêu thì phụ trách chuyện hành hạ, bộ Thịnh Vượng thì chuyên lo về bỏ đói và bộ Sự Thật thì đảm trách chuyện nói láo. Đảng lo tất cả mọi sinh hoạt hàng ngày của cuộc sống cá nhân, từ ăn, mặc cho đến các sinh hoạt khác. Chiến tranh và thù hận bao trùm đất nước. Đảng theo dõi sát từng cử chỉ và tư tưởng của mỗi một cá nhân bằng những màn ảnh viễn vọng, những máy ghi âm dấu kín và gián điệp ở khắp mọi nơi. Cảnh Sát Tư Tưởng, bộ phận bí mật của Big Brother, có nhiệm vụ phát hiện bất kỳ một âm mưu nổi loạn chống nhà nước nào.

Winston không chịu đựng được không khí ngột ngạt đó, nuôi ý đồ chống lại Big Brother. Anh bí mật mua cuốn sổ nhật ký và ghi vào đó câu "Hạ bệ Big Brother". Đồng thời anh âm thầm tìm hiểu các bí mật của xã hội, nhất là thời kỳ trước cách mạng mà nhà nước tìm cách xóa bỏ. Anh cũng tìm cách nhớ lại những biến cố và người vào thời tuổi trẻ của anh. Quan điểm anh được vài người chia xẻ, trong đó có Julia, người yêu vụng trộm của anh, ông Charrington, người bán cho anh cuốn nhật ký và O'Brien, người làm cùng sở với anh. Họ gặp nhau và thảo luận về việc gia nhập tổ chức bí mật "Brotherhood" có mục đích lật đổ nhà độc tài. O'Brien cho Winston biết anh ta là người của nhóm bí mật và tuyển anh và Julia vào nhóm.

Nhưng hóa ra, Charrington là cảnh sát tư tưởng còn O'brien thành viên cao cấp của Đảng. Winston và Julia bị bắt và cả hai trải qua một quá trình tẩy não. Lúc đầu Winston tỏ ra kiên cường, không chịu khuất phục. Nhưng dần dà, do hành hạ, tra tấn, anh đành chịu thua, phản bội cả người tình và tất nhiên cả lý tưởng của anh. Khi được tạm thả sau khi

bị tẩy não, anh chạy đi tìm Julia. Nàng thú nhận rằng nàng cũng đã phản bội anh. Anh cảm thấy không còn ham muốn nàng nữa và thay vì ở với nàng, anh đi kiếm một chỗ trong quán cà phê. Lúc đó, màn ảnh viễn vọng loan báo tin về chiến thắng cuối cùng của Big Brother trong cuộc chiến tranh, anh khóc lên vì sung sướng: Đảng đã hoàn toàn kiểm soát được anh. Cuối cùng "Anh đã yêu Big Brother" (He Loved Big Brother).

Câu chuyện của "1984" tương đối giản dị, ít biến cố và không đầy kịch tính như trong "Animal Farm". Nhưng trong lúc "Animal Farm" chỉ mô tả lại những gì vốn đã diễn ra trong thực tế bằng cách dựng lại một khung cảnh khác, "1984" đẩy cuộc cách mạng và nhà nước độc tài tiến xa hơn, đưa ta đi sâu vào bản chất của sự toàn trị, bản chất con người và đặc biệt ảnh hưởng của ngôn ngữ và ý niệm chính trị lên cuộc sống cá nhân. Orwell đã sáng tạo ra nhiều từ mới, mà một số đã trở thành ngôn ngữ chính thức được ghi vào tự điển Anh như: Big Brother, Hate Week, Thought Police, doublethink...Một trong những phương cách thống trị quần chúng của Đảng là sáng tạo ra một hệ thống ngôn ngữ mới gọi là "Newspeak" và bắt buộc tất cả mọi người đều phải sử dụng. Newspeak được cấu thành bởi các chữ viết tắt (abbreviations) và từ tập hợp các chữ cái đầu tiên của một nhóm chữ (acronyms). Mục đích của việc tạo ra thứ chữ mới là giới hạn "tầm tư tưởng" (range of thought) của con người và đồng thời còn nhằm mục đích xóa bỏ tất cả các ký ức về những gì đã xảy ra trong quá khứ. Nhân vật Syme, một tay ngôn ngữ học, giải thích với Winston "Tôi dám quả quyết rằng anh nghĩ công việc chính của chúng ta là tạo ra chữ mới. Không phải đâu. Chúng ta đang phá hủy chữAnh không hiểu thấu cái đẹp khi ta phá hủy chữ đâu" () "Anh không thấy rằng toàn thể mục đích của Newspeak là thu hẹp tầm tư tưởng đó sao? Cuối cùng, chúng ta sẽ khiến cho người ta không còn có thể phạm tội tư tưởng được nữa, bởi vì người ta chẳng còn chữ để diễn tả chúng".

Quy luật của Đảng là giữ tất cả vào trong một lý tưởng chung. Đảng viên không có quyền phạm một sai lệch nào, dù nhỏ nhặt nhất. Tất cả mọi biến cố, quá khứ, hiện tại và tương lai đều phải diễn ra theo cách mà Đảng muốn. Do đó, phải sắp xếp lại quá khứ, hay nếu cần, xóa sạch quá khứ. Đó là cách mà Đảng khống chế hiện thực (reality control). Trong Newspeak, từ ngữ để chỉ ý niệm này là *doublethink*. *Doublethink* có nghĩa là năng lực giữ hai niềm tin mâu thuẫn nhau trong tinh thần của một ai đó đồng thời và thừa nhận cả hai. Với biện pháp này, Đảng có thể bác bỏ hay chấp nhận bất cứ hiện thực nào hay lối lý luận nào mà Đảng thấy có lợi cho mình. Nói khác đi, nói xuôi cũng

được mà nói ngược cũng xong. Hôm nay Đảng gọi cái này là con bò, nhưng ngày mai Đảng có thể gọi nó là con ngựa hay bất cứ một con gì khác cũng không sao. Tóm lại, Đảng phá vỡ tính nhất quán của ngôn ngữ và tư tưởng, tiến đến phá vỡ luôn sự suy tưởng. Tên của các bộ trong chính phủ là một nghịch lý: bộ Hòa Bình chuyên lo về chiến tranh hay bộ Tình Yêu đảm trách công tác hành hạ. Nghịch lý và phi lý trở thành ý thức hệ của nhà cầm quyền: 2 + 2 = 5/ War = Peace/ Freedom = Slavery, vân vân và vân vân. Đó là phương pháp mà người phụ trách tẩy não của Đảng, O'Brien, thực hiện để thay đổi bản chất con người của Winston. Bằng thuyết phục và bằng hành hạ, Winston đi từ chỗ chỉ chấp nhận khái niệm 2 + 2 = 4 đến chỗ phải chấp nhận 2 + 2 = 5 một cách tự nguyện.

Từ *doublethink* đi đến *doublespeak*. Hãy nghe Winston diễn tả *doublespeak*: "Biết hoặc là không biết, ý thức rõ sự thật một cách hoàn toàn trong lúc vẫn nói những điều bịa đặt một cách cẩn thận, giữ đồng thời hai ý kiến trái ngược hẳn nhau, biết chúng là mâu thuẫn và vẫn tin tưởng ở cả hai, dùng luận lý để chống luận lý" (To know and not to know, to be conscious of complete truthfulness while telling carefully constructed lies, to hold simultaneously two opinions which cancelled out, knowing them to be contradictory and believing in both of them, to use logic against logic)

Từ khái niệm căn bản đó, Newspeak khai sinh ra một số từ mới khác như:

- *unperson*: một người bị xóa hoàn toàn ra khỏi lịch sử, nghĩa là không còn hiện hữu nữa vì tất cả hồ sơ cá nhân bị tiêu hủy

- *duckspeak*: nói mà không suy nghĩ; nói như con vịt kêu quạc quạc; nói như vẹt

- *blackwhite*: khả năng thừa nhận bất cứ những gì mà Đảng nói với anh. Khái niệm này được Orwell diễn tả "tự ý nói đen là trắng khi kỷ luật đảng đòi hỏi như thế. Nó cũng có nghĩa là khả năng *tin* rằng đen là trắng, và hơn thế nữa, *biết* đen là trắng, và quên đi rằng người ta đã từng có lần tin ở cái ngược lại (nghĩa là đen là đen, trắng là trắng) "

vân vân.

Cũng như Animal Farm, "*1984*" là một cuộc tấn công toàn diện vào hệ thống chính quyền kiểu Sô Viết. O'Brien giải thích cho Winston: "Đảng tìm quyền hành hoàn toàn chỉ vì chính mình. Chúng ta không cần phải quan tâm đến phúc lợi của người khác, chúng ta chỉ quan tâm đến chuyện nắm quyền. Nước Đức Quốc Xã và nước Nga Cộng Sản rất gần gũi với chúng ta trong phương pháp, nhưng họ không bao giờ can đảm

thừa nhận những động cơ riêng của họ. Đối tượng của khủng bố là khủng bố. Đối tượng của hành hạ là hành hạ. Đối tượng của quyền hành là quyền hành". Tuy vậy trước sau, Orwell cho rằng "Animal Farm" hay "1984" không là một phủ nhận chủ nghĩa xã hội. Cho đến trước khi chết, ông vẫn khẳng định lòng trung thành của mình đối với chủ nghĩa xã hội. Tác phẩm không chỉ nhằm chống lại chính quyền Cộng Sản mà tấn công vào sự đe dọa của chủ nghĩa toàn trị ở bất cứ nơi đâu trên thế giới. Theo ông, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát-xít là hai hình thức nhà nước đã làm hư hỏng hình ảnh đẹp đẽ của chủ nghĩa xã hội chân chính. Bernard Crick nhận định "Trong "1984", cách mạng xảy ra nhưng trở thành hoàn toàn chua chát. Đảng nắm được chính quyền để rồi hoàn toàn bị hư hỏng vì quyền lực". Cũng theo Crick, "1984" không phải là một tác phẩm tiên tri. Mà là "một pha trộn giữa châm biếm và cảnh báo () Đó là một thành quả nghệ thuật của chủ nghĩa bi quan, và rất giống với "Gulliver's Travels" của Jonathan Swift, là hình ảnh của một nhân loại xuống cấp".

Tuy không cho rằng những gì Orwell nói là tiên tri, nhưng những lời cảnh báo của ông đã hoàn toàn lỗi thời chưa?

"Ngày nay, thông điệp của ông (Orwell) vẫn còn thích hợp cho một quốc gia đang tranh đấu để tìm ra sự cân bằng hợp lý giữa việc bảo vệ công dân Hoa Kỳ chống lại chủ nghĩa khủng bố và bảo đảm quyền tự do cá nhân" ("Big Brother 2003", USA Today, 22/6/03). Theo tờ báo, nhiều nhà hoạt động cho quyền tự do dân sự, những học giả chuyên môn về hiến pháp sợ rằng nhà nước (Mỹ) đang lấy đi những tự do nền tảng của công dân. Sau đây là một vài "lo âu kiểu Orwell" (Orwellian concerns): chương trình "Total Information Awareness Program" của Ngũ Giác Đài cho phép nhà cầm quyền dùng máy vi tính để kiểm tra các hồ sơ tài chánh, điện thoại và các thứ khác để tìm ra âm mưu khủng bố; hệ thống dò xét "Transportation Security Administration" cho phép nhà cầm quyền bí mật kiểm tra hành lý của hành khách; đạo luật "Patriot Act" cho phép FBI bí mật kiểm tra hồ sơ thư viện và tiệm sách để theo dõi người đọa sách và mua sách.

Trong một bài phóng sự nhan đề "Orwell's 1984 stirs debate in 2003" (25/6/2003), thông tín viên hãng CNN cho biết một nhóm hoạt động nhân quyền ở Anh lên tiếng báo động về việc "Quyền riêng tư đang bị tiêu diệt một cách có hệ thống". Ông Simon Davies, giám đốc tổ chức "Privacy International" cho biết "Sự theo dõi đang trở thành một dịch bệnh" (Surveillance has become an epidemic). Được lãnh đạo

bởi Hoa Kỳ và Anh Quốc, các nước vừa được khích lệ vừa bị dọa dẫm để chấp nhận thiết lập một số lớn những biện pháp nghiêm ngặt nhằm tăng cường tối đa tất cả các mức độ theo dõi". Ông cho biết hiện nay ở Anh, hàng năm chính phủ tiêu hơn 450 triệu đô la vào kỹ nghệ theo dõi với việc thiết trí chừng 300 ngàn ống kính thu hình tại các chợ búa, nhà ở, công viên, bãi đậu xe và các tiện nghi công cộng khác. Theo đề nghị mới đây của Sở Nội Chính Anh (UK Home Office), những viên chức nhà nước còn có thể theo dõi khi người ta vào Internet, gửi email hay tìm biết người ta hay vào những "website" nào. Ngoài ra, cơ quan "UK Transport Secretary Alistair Darling" còn đề nghị mỗi một chiếc xe hơi phải được gắn một thiết bị gọi là "Global Positioning System" (GPS = hệ thống định vị toàn cầu) nhằm xác định vị trí của một chiếc xe trong vòng 5 hay 10 mét. Mỗi một chiếc xe sẽ chuyển thông tin vị trí của nó về một máy vi tính trung ương, xuyên qua hệ thống điện thoại di động.

Cornelius Thomas, qua bài viết "How to own people" (The Natal Witness Features, 25/6/03, South Africa) nhận xét rằng khẩu hiệu "Big Brother Is Watching You" trong 1984 vẫn còn đó. Ở Trung Quốc, hình ảnh Mao vẫn còn đe dọa nghiêm trọng khắp nơi. Hình ảnh của Castro ở Cuba, của Kim Jong Il ở Bắc Triều Tiên y chang như "Big Brother Is Watching You" trong "1984". Ở Saudi Arabia, các bức chân dung cao bằng tòa nhà 3 tầng của vua Fahd vẫn chằm chằm giám sát người dân. Cho đến gần đây, hình ảnh của Saddam Hussein soi mói nhìn người Iraq ban ngày và lính của ông ta giết họ vào ban đêm. Rồi còn có một "Big Brother" lớn hơn nữa: George Bush. Chỉ có điều là "Brother" Bush này không cau mày nhìn từ các tấm biển quảng cáo. Thay vào đó, các đài truyền hình truyền đi những lời đe dọa của ông 24 giờ một ngày. Và "Big Brother" lớn nhất chính là các tổ hợp toàn cầu, những tổ hợp đang điều khiển cả thế giới". Theo Thomas, trong 1984, Orwell đã sáng chế ra ý niệm về Newspeak, sử dụng ngôn ngữ và câu kéo để đạt những mục tiêu chính trị. "Ngày nay, một thứ ngôn ngữ mới đã phát triển ở xứ sở này (Nam Phi) trong thập niên vừa qua và ta không biết thứ ngôn ngữ đó nhằm làm cho mọi việc được sáng tỏ thêm hay làm mơ hồ thêm chúng".

Cornelius Thomas kết luận: "Giống như những nhân vật khác, vị lãnh tụ văn chương Orwell chết sớm, lúc mới có 46 tuổi đời. Nhưng những lời tiên báo của ông vẫn còn tác dụng ngày nay. Cái nhìn thấu suốt của ông vào bản chất của quyền hành, do đó, nên được nhắc nhở lại để kích thích chúng ta cạo sạch cái vỏ bên ngoài của ngôn ngữ để tìm ra thực chất và hiệu quả của chúng".

Amiri Baraka ra đi

Rốt cuộc, nhà thơ Amiri Baraka cũng phải ra đi. Các dân biểu New Jersey, hôm 1/7/03, đã bỏ phiếu loại bỏ chức vụ thi sĩ tiểu bang, một nỗ lực nhằm truất chức nhà thơ da đen Amiri Baraka, thi sĩ tiểu bang đương nhiệm, người đã viết bài thơ dài *"Somebody Blew Up America"*, trong đó, ông cho rằng những người Do Thái đã biết trước vụ tấn công khủng bố 11/9. Dự luật này đã được thượng viện tiểu bang thông qua vào tháng giêng năm nay.

Thống đốc tiểu bang, ông James E. McGrevey, sẽ ký dự luật này thành luật trong thời gian sắp tới. Như Tin Văn đã đưa tin trước đây (Tin Văn, Văn Học số tháng 11/2002) Amiri Baraka đã được bầu chọn làm thi sĩ tiểu bang New Jersey với một trợ cấp hàng năm là 10 ngàn đô la. Tháng 9/2002, trong một buổi liên hoan văn nghệ, ông đã đọc một bài thơ dài, gồm có 60 đoạn, đề cập đến vụ tấn công khủng bố ngày 11/9. Thay vì lên án những kẻ khủng bố, bài thơ lập đi lập lại một câu hỏi đầy giận dỗi: ai chịu trách nhiệm cho cả một chuỗi dài những bất công trên khắp hành tinh, từ sự hành hạ những người da đen khốn khổ cho đến lò thiêu xác Holocaust. Câu hỏi không được trả lời nhưng bao hàm một sự kết án tất cả các thế lực đen tối đứng đàng sau các cuộc chiến tranh, các vụ tàn sát, những kẻ làm giàu bất chính trên sự đau khổ của đại đa số quần chúng khắp thế giới. Nhưng đặc biệt, trong một đoạn ngắn, bài thơ cho rằng người Do Thái đã biết trước có vụ khủng bố: *Who know the World Trade Center was gonna get bombed/Who told 4,000 Israeli workers at the Twin Towers to stay home that day?/ Why did Sharon stay away?"*. Trước áp lực của các hội đoàn Do Thái, thống đốc James yêu cầu nhà thơ từ chức, nhưng ông không chịu. Mà cách chức ông cũng không được vì trái với hiến pháp tiểu bang. Thành thử biện pháp duy nhất để truất chức Baraka là quốc hội thông qua một đạo luật bãi bỏ chức vụ nhà thơ tiểu bang.

Sau cuộc bầu phiếu, nhà thơ tuyên bố ông sẽ kiện tiểu bang ra tòa vì tiểu bang đã vi phạm quyền của ông theo Tu Chính Án Thứ Nhất. "Rất ít người đọc được bài thơ này. Tôi không thể có một ý kiến khác về một xứ ngoại quốc hay sao?", ông nói. Nữ dân biểu Dân Chủ Linda Greenstein, người bảo trợ dự luật, cho rằng Baraka đã vượt quá giới hạn của mình. "Baraka chắc chắn là có quyền làm thơ, nhưng Baraka đã sử dụng chức vụ như một điểm tựa cho các động cơ chính trị của ông ấy. Tất cả đều nằm dưới chiếc dù che của chức vụ thi sĩ tiểu bang New Jersey'. Nhưng dân biểu Dân Chủ William Payne không đồng ý, cho

rằng trong khi việc làm của Baraka cần bị lên án, thì chức vụ thi sĩ tiểu bang không nên bị loại bỏ. () Đây là một chức vụ rất, rất có giá trị"

Thế lực của Do Thái thật đáng sợ!

Chết

Trong thời gian hai tháng vừa qua, một số nhà văn nhà thơ nổi tiếng trên thế giới đã từ giã cõi đời.

Leon Uris, tiểu thuyết gia Hoa Kỳ chuyên viết tiểu thuyết lịch sử và phiêu lưu, từ trần hôm 21/6/2003 tại New York, hưởng thọ 78 tuổi. Gốc Do Thái, sinh trưởng tại tiểu bang Baltimore, Uris chịu ảnh hưởng của truyền thống Do Thái và là người nhiệt tình ủng hộ phong trào Do Thái lập quốc. Ông viết về nhiều đề tài khác nhau, nhưng nhiều trong số tác phẩm của ông xuất phát từ truyền thống và cảm hứng Do Thái. Nổi tiếng nhất là hai cuốn *"Exodus"* (1958) và *"Mila 18"* (1961). Đặc biệt, *"Exodus"* - mô tả mối tình giữa một y tá Mỹ và một chiến sĩ Do Thái trong cuộc tranh đấu cho một nước Do Thái độc lập - được dịch ra đến 50 thứ tiếng, kể cả tiếng Việt (bản Việt dịch có tựa đề *"Về miền đất hứa"* do Thế Uyên dịch) và được nhập lậu vào các nước Cộng Sản để kích thích cuộc tranh đấu của những người Do Thái. Các tác phẩm nổi tiếng khác gồm có: *"Trinity"* (1976), *"Armageddon"* (1964), *"Topaz"* (1967), *"The Haj"* (1984). Theo Richard Kallan và Sharon Downey trong "Communications Monographs", thì "Uris vẫn còn là cây bút của một độc giả và là cơn ác mộng của một tay phê bình" (Uris remains a reader's writer and a critic's nightmare). Được biết, các nhà phê bình văn chương thường nhận xét rằng Uris là một nhà văn thiếu phong cách và tư tưởng. Là một tay phóng đãng, dung tục và sẵn sàng đụng độ, Uris đánh trả những kẻ phê bình ông bằng những bài bút chiến vặn vẹo cay độc. "Tôi không phải là Solzhenitsyne. Tôi không cần phải có loại thông điệp kiểu ông ta", ông trả lời tờ Washington Post trong một bài phỏng vấn năm 1978.

Tác phẩm mới nhất của Uris là *"O'Hara's Choice"* dự tính sẽ phát hành năm nay. Được hỏi làm sao mà ông viết được nhiều như thế, ông cho một lời khuyên giản dị "Đặt đít xuống ghế và viết. Không có cách nào khác" (Apply the seat of one's pants to the seat of the chair and write. There is no other way).

Vasil Bykov, nhà văn Belarus, một nước cộng hòa nằm trong Liên Xô trước đây, từ trần hôm 22/6/2003 ở tại Minsk, thủ đô của Belarus, thọ 79 tuổi. Bykov là một trong những nhà văn hàng đầu của Liên Xô, nổi tiếng vì những truyện viết về những người lính Xô Viết thời Đệ Nhị Thế

Chiến. Nhưng sau khi Liên Xô sụp đổ, ông phải sống lưu vong nhiều năm ở Phần Lan, Đức và Cộng Hòa Tiệp vì ông chống đối lại chính sách sáp nhập Belarus vào Nga của tổng thống Belarus, ông Alexander Lukashenko. Những tác phẩm nổi tiếng của ông gồm có: The Third Flare, Alpine Ballad và The Dead Have No Pain. Cả ba đều đã được quay thành phim. Trong thời kỳ còn Liên Xô, một số tác phẩm của ông bị cấm vì mô tả sự khủng khiếp của chiến tranh thay vì chỉ đề cập đến vóc dáng anh hùng của người lính. Sau khi Liên Xô sụp đổ, trong lúc một số tác phẩm của ông được dạy trong trường học Nga, thì lại bị tổng thống Lukashenko cấm ở chính nước của ông. Lý do: ông ủng hộ nền độc lập của Belarus qua tác phẩm "Passionate Struggle". Tuy nhiên, tổng thống Lukashenko vẫn khâm phục nhà văn "Chúng tôi hiểu chủ quyền và nền độc lập một cách khác nhau, nhưng người ta không thể kính trọng cuộc đấu tranh nhiệt tình của nhà văn cho tự do và độc lập của Belarus", ông phát biểu sau khi nghe tin nhà văn từ trần. Tổng thống Nga Putin cũng lên tiếng ca ngợi Bykov.

Tác phẩm mới nhất của nhà văn là một cuốn hồi ký, "The Long Road Home", được phát hành đầu năm nay. Tác giả đã từng được đề cử giải Nobel văn chương vào năm 1998.

Kathleen Raine, nhà thơ và là một học giả Anh Quốc, từ trần vào hôm 6/7/2003 tại Luân Đôn, thọ 95 tuổi. Bà sinh ở Luân Đôn nhưng trưởng thành ở Bavington, một làng quê. Cuộc đời bà vui nhiều mà buồn cũng lắm. Bà rất được gia đình yêu quý, nhưng đầu đời, bà đã gặp trắc trở về tình duyên. "Vết xước đầu đời" khá lớn: hai lần yêu - lần đầu, yêu người học trò của cha và lần sau, yêu bạn của cha - hai lần bị cha ngăn cấm. Điều này để lại một vết xước đeo đẳng suốt đời bà. Hai lần lấy chồng rồi ly dị. Sau này, bà yêu và sống với một người đồng tình luyến ái, nhà văn Gavin Maxwell – mà bà xem là mối tình lớn nhất - nhưng cũng chẳng lâu bền. Thơ của bà chịu ảnh hưởng truyền thống lãng mạn ảo ảnh của Yeats và Blake. Bà chia sẻ quan điểm của Blake "Năng lực duy nhất làm thành một nhà thơ, ấy là trí tưởng tượng, thứ ảo ảnh linh thánh". Năm 1990, bà sáng lập ra trường phái "Telemos", xuất bản một tập san, chủ trương "một sự liên kết chặt chẽ giữa nghệ thuật và cái thiêng liêng" (intimate link between the arts and the sacred). Bà tin ở bản chất huyền bí, thiêng liêng trong tất cả mọi hình thức của đời sống, mọi hình thức nghệ thuật và trong chính bà. Ngay từ nhỏ, bà đã tự xem việc làm thơ của bà là một ơn kêu gọi (vocation). Bà còn đem cả những khái niệm và biểu tượng trong phân tâm học của nhà phân tâm học Karl Gustav Jung vào thơ.

Các tập thơ nổi tiếng của bà có: "Stone and Flower" (1943), "Living in Time" (1946), "The Pythoness" (1949), "The Year One" (1952).. Bà đoạt nhiều giải thưởng thi ca. Năm 1992, bà nhận được "The Queen's Gold Medal for Poetry" (huy chương vàng về Thơ Nữ Hoàng Anh)

Subhas Mukhopadhyay, nhà thơ Ấn Độ làm thơ bằng tiếng Bengali, từ trần tại Calcutta (Ấn) hôm 8/7/2003, hưởng thọ 84 tuổi. Sinh trưởng tại Krishnanagar trong vùng phía đông tiểu bang Tây Bengal, Mukhopadhyay nổi tiếng vì đã tố cáo các tệ nạn xã hội và tham nhũng trong vòng mấy thập niên tiếp theo sau thời kỳ độc lập. Tác phẩm của ông được dịch sang Anh ngữ và Nga ngữ. Ông đoạt hai giải thưởng văn chương quan trọng của Ấn, giải Sahitya Academy(1964) và Gyanpith (1991). Thời tuổi trẻ, ông là một nhà hoạt động tả khuynh, thường làm thơ và viết về đời sống của nông dân và thợ thuyền. Ông là người hoạt động tích cực trong việc bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa của Bengal. Những tuyển tập thơ viết bằng ngôn ngữ Bengali như *Padatik* (Foot Soldier), *E Bhai* (Oh Brother), *Kal Madhumash* (Tomorrow Month of Honey) and *Chole Geche Bone* (Gone to Woods) khiến ông nổi tiếng trong thế giới của những người nói tiếng Bengali. Ông là một nhà thơ lạc quan, thể hiện qua một trong những câu thơ "để đời":

Spring would always come, without the flowers if need be
(Mùa xuân luôn luôn đến cho dù chẳng có hoa)

Josephine Jacobsen, nhà thơ và nhà văn viết truyện ngắn Hoa Kỳ, từ trần vào hôm 9/7/2003 tại Cockeysville, bang Mariland, hưởng thọ 94 tuổi. Bắt đầu làm thơ từ năm lên 10, bà dính líu vào sinh hoạt văn học nghệ thuật khá dài, đến cả 8 thập niên (80 năm). Nhưng sự nghiệp bà được thừa nhận tương đối muộn màng. Năm 1971, 63 tuổi, bà được cử làm cố vấn về thơ cho Quốc Hội Hoa Kỳ, một chức vụ chính thức sau này được đổi tên thành Thi Sĩ Công Huân Quốc Gia (U.S poet laureat). Năm 88 tuổi, bà mới lần đầu tiên được lọt vào chung kết giải National Book Award với tuyển tập thơ "In the Crevice of Time". Thơ của bà thường xuất hiện trên tạp chí The New Yorker và các tạp chí khác, chủ đề chính xoay quanh nỗi bất an, sự cô đơn, sự thông cảm, quan hệ giữa cái hữu hình và vô hình. Các nhà phê bình cho thơ bà tuy thường đề cập đến những nan đề và nỗi bất an của nhân loại, nhưng bên dưới đó chứa đựng một cảm giác lạc quan. Bà tự diễn tả chính mình như là một "người bi quan ngắn hạn, nhưng là người lạc quan dài hạn". Trong một bài xã luận viết vào năm 1990 trên tờ "The Sun" (Baltimore), bà cho rằng "Làm thơ giống như bước men theo một mép vực thẳm nhỏ, hẹp. Ta không bao giờ biết bước kế tiếp là như thế nào, có bị rơi tõm xuống dưới

hay không. Tôi cho rằng thơ là nguy hiểm. Không có gì dễ chịu và tiên đoán được về thơ".

Ngoài làm thơ, bà còn viết truyện ngắn, tiểu luận, điểm sách, vân vân. Các tác phẩm của bà gồm có: *"The Chinese Insomniacs: New Poems"* (1981), *"The Shade-Seller: New and Selected Poems"* (1974), *"The Animal Inside"* (1966), *"The Human Climate: New Poems"* (1953), and *"Let Each Man Remember"* (1940), *"In the Crevice of Time"*.

Từ điển Merriam-Webster's Collegiate, ấn bản mới

Đầu tháng 7/2003, từ điển nổi tiếng và lâu đời nhất nước Mỹ Merriam-Webster cho phát hành ấn bản mới, ấn bản lần thứ 11 (11th edition). Ấn bản này gồm có đến 225 ngàn định nghĩa, trong đó có thêm 10 ngàn từ mới và hơn 100 ngàn nghĩa và những hiệu đính khác. Nền văn hóa đại chúng (pop culture) và các sinh hoạt liên quan vẫn là nguồn suối dồi dào cung cấp những từ mới. Internet và sự phát triển nhanh chóng của nó cũng là nguồn cung cấp nhiều từ mới trong thập niên qua. Kế đó là những từ liên quan đến bệnh tật các cách chữa trị.

Hãy thử đọc đoạn thông tin sau đây: *"A former dot-comer working a McJob was listening to some headbangers while laying out the last of his dead presidents for longnecks and some less than heart-healthy Frankenfood"*. Nhất định là sẽ có rất nhiều người bối rối, kể cả những người tự hào là rành Anh Văn. Vì nhiều từ bạn không thể tìm thấy trong bất kỳ cuốn tự điển nào. Đừng lo. Ấn bản mới của Merriam-Webster sẽ giúp bạn. Này nhé:

- dot-comer: nhân viên làm việc tại hãng phụ trách về mạng lưới
- headbangers: chỉ chung nhạc sĩ nhạc rock và đám khán giả hâm mộ
- dead presidents: tiền giấy
- McJob: công việc lương thấp và không chắc chắn.
- Frankenfood: loại đồ ăn được chế biến bằng phương pháp sinh học di truyền
- longneck: loại bia đựng trong chai có cổ dài
- heart-healthy: bổ phổi

Theo Joh Morse, giám đốc nhà xuất bản, thì nói chung, phải mất từ 10 đến 20 năm, một từ ngữ mới mới thoát ra khỏi một nhóm nhỏ nào đó để đi vào quần chúng sử dụng. Nhưng một số từ ngữ từ Internet thì được phổ thông hóa một cách nhanh chóng. Chẳng hạn như từ "dot-comer" chỉ có 5 năm. Một số từ về bệnh tật và chữa trị cũng vậy, phổ biến khá nhanh, dưới 10 năm, chẳng hạn như "comb-over" (che phần đầu bị sói),

"macular degeneration" (một bệnh đau mắt thường xuất hiện ở người già), "heart-healthy (bổ tim), "primary care" (săn sóc ưu tiên) "Tất cả những từ ngữ mới và cách dùng của chúng phản ảnh những thay đổi trong xã hội", ông cho biết. Ngoài ra, trong thập niên qua, người Mỹ cũng đã dần dần thừa nhận những từ ngữ tiếng Anh "nhập cảng" từ các nước nói tiếng Anh khác, như Úc hay Tân Tây Lan, chẳng hạn như từ "bludge" = goof off = làm hư việc, rách việc. Điều đó đi ngược lại chủ trương trước đây của người sáng lập là Noah Webster. Ông chỉ muốn xây dựng một thứ tiếng Hoa Kỳ riêng biệt, độc nhất, không chịu ảnh hưởng của cách dùng Anh quốc hay của bất kỳ ai.

Merriam-Webster's Collegiate là từ điển bìa cứng bán chạy nhất, với hơn 55 triệu ấn bản kể từ năm 1898. Theo kế hoạch thì cứ 10 năm, nhà xuất bản lại cho ra một ấn bản mới. Tuy thế, hàng năm, nhà vẫn bản vẫn cho cập nhật hóa để cho công chúng tiện dụng. Để thu thập những từ và cách dùng mới, khoảng 30 nhân viên của công ty Merriam-Webster, trú sở hiện đặt tại thành phố Springfield, bang Massachusetts, phải làm việc liên tục hàng ngày. Công việc của họ là: đọc báo, tạp chí, sách, xem truyền hình, nghe radio, lên lưới điện toán. Đơn giản thật nhưng thực ra rất phức tạp, đòi hỏi nhiều công sức, sự tận tâm và cố gắng liên tục. Những nhân viên đó được gọi là "definers". Công việc của họ là "reading" và "marking". Mỗi một từ mới đều được đưa vào một kho chứa dữ liệu điện tử cũng như những hồ sơ gồm những tấm thẻ. Tuy nhiên, theo Tom Pitoniak, nhân viên làm việc tại đó, thì một từ mới chỉ được đưa vào chỉ nếu có dấu hiệu cho thấy từ đó đã được sử dụng rộng rãi. Kho chứa hồ sơ chữ đó, bắt đầu từ thời Noah Webster đến nay, chứa đựng khoảng chừng 75 triệu từ.

Noah Webster, người sáng lập ra tự điển tiếng Anh đầu tiên của nước Hoa Kỳ, sinh tại West Hartfort, bang Connecticut vào năm 1758. Khi đến tuổi trưởng thành thì cũng là lúc có cuộc cách mạng giành độc lập cho nước Mỹ. Ông học luật và có lúc là một nhà giáo. Là một trong những người hỗ trợ mạnh mẽ cho Hiến Pháp Hoa Kỳ, ông đồng thời nhiệt thành tin tưởng ở sự độc lập về văn hóa của đất nước vừa mới thành lập này mà một trong những biểu hiện của nó nằm ở lãnh vực ngôn ngữ. Chính vì thế, tham vọng của ông là làm sao hình thành một thứ tiếng Mỹ (American English) với quán ngữ, cách phát âm cũng như phong cách riêng của nó, tách hẳn khỏi Anh Ngữ của nước Anh (British English). Năm 1806, ông xuất bản cuốn "*A Compendious Dictionary of the English Language*". Đây là cuốn từ điển tiếng Mỹ đầu tiên. Sau đó, ông bắt đầu giành hết thì giờ để hoàn tất tham vọng của ông. Sau 27

năm cật lực làm việc - qua đó, ông tìm học 26 thứ ngôn ngữ khác nhau từ Anglo-Saxon cho đến Phạn ngữ, nhằm nghiên cứu nguồn gốc của cách phát âm ngôn ngữ của nước ông - năm 1828, cuốn từ điển tiêu chuẩn đầu tiên ra đời: "*An American Dictionary of the English Language*", chứa đựng 70 ngàn mục từ (entries). Theo đánh giá của nhiều người, tác phẩm vượt quá kiệt tác từ điển tiếng Anh của Samuel Johnson năm 1755 về cả phạm vi lẫn độ tin cậy.

Một trong những động lực thúc đẩy Webster là ý tưởng cho rằng đổi mới có nghĩa là cải tiến. Ông là người đầu tiên đưa vào những từ đặc biệt Mỹ như *skunk, hickory, chowder*. Lý luận rằng nhiều quy ước về đánh vần có tính giả tạo và đưa đến những rối rắm không cần thiết, ông thay đổi cách đánh vần của nhiều từ tiếng Anh, chẳng hạn như *musick* thành *music*, *centre* thành *center*, *plough* thành *plow*, *colour* thành *color*Trong lúc Webster làm việc cho cuốn từ điển thì tại thành phố Springfield, hai anh em Merriam mở một nhà in và bán sách. Sau khi Webster mất (năm 1843), hai anh em mua bản quyền những ấn bản 1841 chưa bán "*An American Dictionary of the English Language, Corrected ang Enlarged*" của Webster từ người thừa kế, đồng thời ông cũng giành quyền cải biên nó cho những lần tái bản về sau. Từ đó, cuốn từ điển được đổi tên thành Merriam-Webster, bắt đầu một truyền thống xuất bản kéo dài liên tục từ thời gian đó đến bây giờ.

Biết bao giờ nước ta mới có được một người như Noah Webster? Một việc cần thiết và căn bản như thế mà chưa thực hiện được thì nói gì đến các việc to lớn khác! Ngậm ngùi thay cho một đất nước có đến 4000 năm văn hiến!

hộp thư

Độc giả mới, gia hạn hay thay đổi địa chỉ:

James Meyers (Florissant MO), Nguyễn thị Ngọc Chi (Tustin CA), Võ Hồng San (Campsie NSW Australia), Thêm Hồng (Corona CA), Dr. Đỗ Việt Hương (San Francisco CA), Diệp Mỹ Linh (Alief TX) , Lê Thanh Hà (Richmond Canada), Dr. Trần thị Nhung (Dorchester MA), Vũ văn Bắc (Anaheim CA), Nguyễn văn Trung (Kitchenet Ont. Canada), Lê Cần Sơn (Annadale VA), Dr. Hà Xuân Du (San Jose CA), Lê Đình Kỳ (Anaheim CA) Nguyễn văn Vinh (Rockland MA), Hà thị Hồng Mai (Phoenix AZ), Dao Huynh (Jonesboro GA), Hoàng Trọng Lan (Calgary Canada), Nguyễn Thiệp (Okaland CA), UCLA Library (Los Angleles CA), Đặng Thơ Thơ (Westmonster CA), Nguyễn Minh Thu (Hawaii, USA), Nguyễn văn Dũng (Alberta Canada), Thái Bích Lan (Germany), Võ Trọng H.H.K. (Dorchester MA), Justine T. Vo (McKinney TX), Nguyễn Thanh Châu (Phoenix AZ)

Du khách nào mới tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave, Ste. # 123, Westminster CA 92683
(trong khu thương xá Phúc Lộc Thọ)
TEL: (714) 892 - 0801
Số điện thoại miễn phí: 866 - 869 - 6384

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD, DVD, Tự điển,
Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách mới về mùa Hè năm 2003:

Những trận đánh không tên trong quân sử
(422 p., 2003) Nhóm nhà văn quân đội, 25 MK
Xóm đạo,(640 p.) truyện dài
ưng ý nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn, 25 MK
Những sự thật chiến tranh Việt Nam (1954-1975) ,
Trung tướng Nguyễn văn Toàn et al, (567 p.), 20 MK
Chân ướt chân ráo (390 p.)
về quá trình hội nhập, của Lê Thiệp, 18 MK
Viết về nước Mỹ 2002, cuốn III (640 p.)
Kinh nghiệm sống của 72 tác giả, Việt báo xuất bản, 20 MK
Những anh hùng vị quốc vong thân (430 p.)
của Dương Viết Điền, 18 MK
Trả ta sông núi, cuốn II (554p., 2003) của Đại tá
Phạm văn Liễu một thời ngang dọc, 25 MK
Keyboard One Man Band (140 p. 81/2 x 11)
Nhạc sĩ Minh Tân 18 MK. Tự học keyboard phổ thông.
Cổ phiếu và thị trường (386 p., 2003)
Hà Hưng Quốc Ph. D., 20 MK, tự học đầu tư chứng khoán
Nắng hồng phương nam (1050 p.)
truyện dài mới nhất của Nguyễn Chí Kham, 28 MK
Trở về xứ tuyết (303 p.) sáng tác
mới nhất của Nguyên Phong, 15 MK
Cao Tiêu thi tuyển (446 p.) Tập thơ độc đáo
chữ Hán có diễn Nôm của Cao Tiêu, 20 MK

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho **Văn Khoa**,
giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

Đã phát hành khắp nơi

TUYỂN TẬP KIỆT TẤN

Tranh bìa Thái Tuấn - Trình bày bìa Thuỵ Vũ
BÌNH: Nguyễn Hưng Quốc
THƯƠNG: Thuỵ Khuê
NGHĨ: Nguyễn Mộng Giác
Có thêm những phụ bản màu đặc biệt.

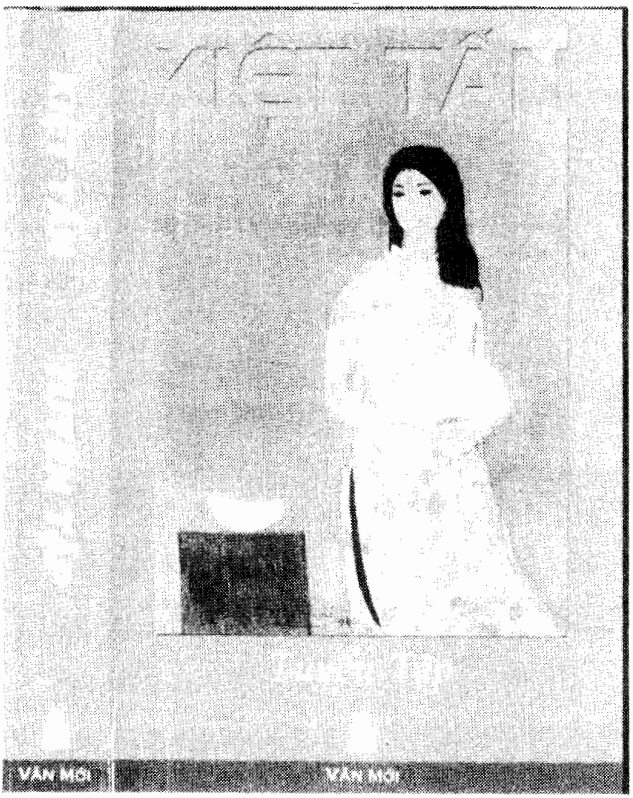

Quý vị muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, giá $25 tính luôn cước phí trong nước Mỹ và gửi về địa chỉ của Nhà Xuất Bản.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG NGƯỜI ĐÃ QUA II
Của Nhà văn Thế Uyên

Viết về Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Đức Quỳnh
Mai Thảo, Nguyên Sa, Nguyễn Tường Bách, Khoa Hữu
Phan Lạc Giang Đông, Lê Uyên Phương

Muốn mua , chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, và gửi về địa chỉ trên. Gía $10.00, không tính cước phí trong nước Mỹ.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967

***

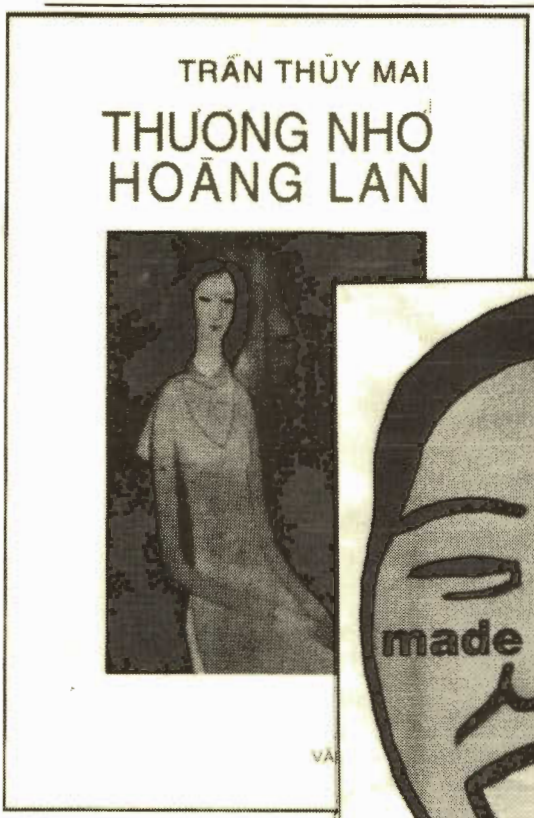

THƯƠNG NHỚ
HOÀNG LAN
240 trang
giá$12.00US

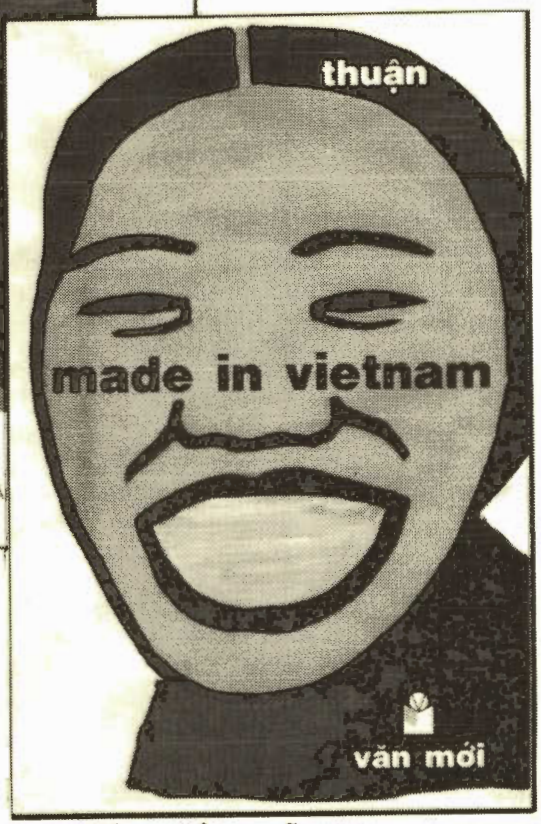

MADE IN
VIETNAM
192 trang
giá $12.00US

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Nghệ Thuật Hạnh Phúc
Đức Đạt Lai Lạt Ma, giá $12
Văn Hóa Văn Chương Việt Nam
Nguyễn Hưng Quốc, giá $12
Hòn Còng Lửa
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng, giá $12
Tìm Vết Chân Xưa
Tập truyện Điệp Mỹ Linh, giá $10.00
Gỗ và Đá
Tuỳ bút Trúc Chi, giá $15.00
Lưu Đày và Quê Nhà
Truyện dài của Ngự Thuyết, giá $15.00
Tuyển Tập Kiệt Tấn
500 trang, giá $25.00
Tân Hình Thức
Tiểu luận Khế Iêm, giá $12.00
Ở Một Nơi Khác
Tập truyện Hàn Song Tường, giá $10.00
Made In Vietnam
Truyện của Thuận, giá $12.00
Tìm Trăng Đáy Nước
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12.00
Thương Nhớ Hoàng Lan
Tập truyện Trần Thuỵ Mai, giá $12.00
***

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

Giá 10 Mỹ kim